ÔN NHƯ NGUYỄN VĂN NGỌC

TỬ AN TRẦN LÊ NHÂN

CỔ HỌC TINH HOA



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG



Mục lục

TIỂU TỰ
1. KHÔNG QUÊN ĐƯỢC CÁI CŨ
2. LÚC ĐI TRẮNG, LÚC VỀ ĐEN
3. LỢI MÊ LÒNG NGƯỜI
4. LẤY CỦA BAN NGÀY
5. KHỔ THÂN LÀM VIỆC NGHĨA
6. CÁCH CƯ XỬ Ở ĐỜI
7. TU THÂN
8. ÔM CÂY ĐỢI THỎ
9. ĐÁNH DẤU THUYỀN TÌM GƯƠM
10. BA CON RẬN KIỆN NHAU
11. HAI PHẢI
12. TĂNG SÂM GIẾT NGƯỜI
13. BÁN MỘC BÁN GIAO
14. NGỌC TRONG ĐÁ
15. BẮT CHƯỚC NHĂN MẶT
16. CÁI ĐƯỢC CÁI MẤT CỦA NGƯỜI LÀM QUAN
17. CAN VUA BỎ RƯỢU
18. KHÉO CAN ĐƯỢC VUA
19. CHẾT MÀ CÒN RĂN ĐƯỢC VUA
20. YÊU NÊN TỐT GHÉT NÊN XẤU
21. HÀ BÁ LẤY VỢ
22. GHÉT CON KHÔNG GIỐNG MÌNH
23. LỢN MẸ GIẾT CON
24. GIÁP ẤT TRANH LUẬN
25. MẶT TRỜI XA, GẦN
26. CÁCH PHỤC LÒNG NGƯỜI
27. LÒNG CƯƠNG TRỰC
28. TRÍ, TRUNG, DŨNG.
29. BIẾT LẼ NGƯỢC, XUÔI
30. TÀI NGHỆ CON LỪA
31. ĐÁNH ĐÀN

32. THỔI SÁO
33. NGƯỜI NƯỚC LỖ SANG NƯỚC VIỆT
34. GIỮ LẤY NGHỀ MÌNH
35. CHUYỆN A LƯU
36. MẤT BÚA
37. TƯỜNG ĐỔ
38. NGƯỜI CON CÓ HIẾU
39. THẦY TĂNG SÂM
40. ÔNG QUAN THANH BẠCH
41. KHÔNG NHẬN CÁ
42. CỦA BÁU
43. BIẾT RÕ CHỮ "NGHĨA"
44. TRI KỶ
45. CẢM TÌNH
46. VÌ NGHĨA CÔNG, QUÊN THÙ RIÊNG
47. DUNG NGƯỜI ĐƯỢC BÁO
48. NÓI THÍ DỤ
49. CON CÚ MÈO VÀ CON CHIM GÁY
50. CON CÒ VÀ CON TRAI
51. HỒ MƯỢN OAI HỔ
52. MẠNH THƯỜNG QUÂN VÀO NƯỚC TẦN
53. THẬP BÌ NÓI CHUYỆN VỚI HUỆ VƯƠNG
54. THAM LỢI TRƯỚC MẮT, QUÊN HẠI SAU LƯNG
55. TRƯỚC KHI ĐÁNH NGƯỜI PHẢI BIẾT GIỮ MÌNH
56. KHÔNG NÊN SÁT PHẠT LẪN NHAU
57.DIỀU GỖ
58. LÁ DÓ
59.CHỮ TÍN
60. TỰ LÀM KHOAN KHOÁI
61. NGƯỜI KHÔN SỐNG LÂU
62. VỢ RĂN CHỒNG
63. BÀ HUYỆN CAN ĐẢM
64. THẾ NÀO LÀ TRUNG THẦN
65. BÁO THÙ
66. CÁCH DÙNG PHÁP LUẬT
67. THẬT GIẢ KHÓ PHÂN

68. TRUYỆN ĐƯỜI ƯƠI
69.THUẬT XEM TƯỚNG
70. THEO AI PHẢI CẨN THẬN
71.SAY, TỈNH, ĐỤC, TRONG
72. NHAN SÚC NÓI TRUYỆN VỚI TỀ VƯƠNG
73.KHẤU CHUẨN THƯƠNG NHỚ MẸ
74. TÌNH MẸ CON CON VƯỢN
75. HỌC TRÒ BIẾT HỌC
76.PHÚC ĐẤY HỌA ĐẤY
77. HỌA PHÚC KHÔN LƯỜNG
78.VẼ GÌ KHÓ
79. CÁCH ĐÂM HỔ
80. ÂM NHẠC
81. TRÍ VÀ NHÂN
82. HẾT LÒNG VÌ NƯỚC
83. BỌ NGỰA CHỐNG XE
84. ỨNG ĐỐI LINH LỢI
85. THỬA GIÀY
86. CỨU NGƯỜI LÚC NGUY CẤP
87. NGHÈO MÀ KHÔNG OÁN
88. THÂN TRỌNG HƠN LÀM VUA
89. THÂN TRỌNG HƠN THIÊN HẠ
90. CHÚC MỪNG
91. NGƯỜI BÁN THỊT DÊ
92. THÀNH THỰC
93.MẸ HIỀN DẠY CON
94. NGỌC BÍCH HỌ HÒA
95. NUÔI GÀ CHỌI
96. DÙNG CHÓ BẮT CHUỘT
97. LỜI NGƯỜI BÁN CAM
98. VỢ CHỒNG NGƯỜI NƯỚC TỀ
99. ĐẦY THÌ ĐỔ
100. ÔNG LÃO BÁN DẦU
101. GẶP QUỈ
102. MUA NGHĨA
103. ỨNG ĐỐI GIỎI

104. HÀ CHÍNH MÃNH Ư HỔ
105. HANG NGU CÔNG
106.TRUNG HIẾU LƯỠNG TOÀN
107. MONG LÀM ĐIỀU PHẢI
108. KẺ BẤT CHÍNH
109. NHÂN TRUNG DÀI THÌ SỐNG LÂU
110. THUỐC BẤT TỬ
111. CÁI LẼ SỐNG CHẾT
112. NÓI VỀ SỐNG CHẾT
113. BIẾT DỞ SỬA NGAY
114. TÀI BẤT TÀI
115. QUÊN CẢ CÁI THÂN
116. ĐẠI ĐỒNG
117.CẦU Ở MÌNH HƠN CẦU Ở NGƯỜI
118. HÒA THUẬN VỚI MỌI NGƯỜI
119. MẤT CUNG
120. MUÔN VẬT MỘT LOÀI
121.LÚC NÀO ĐƯỢC NGHỈ
122. CÓ CHỊU LO, CHỊU LÀM MỚI SỐNG ĐƯỢC
123. CHÍNH DANH
124. NÊN XỬ THẾ NÀO
125. CHIẾC THUYỀN ĐỤNG CHIẾC ĐÒ
126. RẮN RỜI CHỖ Ở
127. NHƯỜNG THIÊN HẠ
128. RỬA TAI
129. CHẾT ĐÓI ĐẦU NÚI
130. ĐỜI NGƯỜI
131. BA ĐIỀU KHÓ HỌC
132. BA ĐIỀU VUI
133. THƯƠNG MẸ GIÀ YẾU
134. ÁO ĐƠN MÙA RÉT
135. DÂNG THƯ CỨU CHA
136. NUÔI MẸ BẰNG ĐIỀU PHẢI
137. SAY BẮN CHẾT TRÂU
138. TÊN TÙ NƯỚC SỞ
139. BỆNH QUÊN

140. BỆNH MÊ
141. VỢ LẼ PHẢI ĐÒN
142. KHOÉT MẮT
143. VỢ XẤU
144. GHEN CŨNG PHẢI YÊU
145. LỜI CON CAN CHA
146. MỘT CÁCH ĐỂ LẠI CHO CON CHÁU
147. MỘT CÁCH LO XA CHO CON CHÁU
148. HAI THẦY TRÒ DẠY NHAU
149. LƯỠI VẪN CÒN
150. KHÔNG CHỊU NHỤC
151. CÂU NÓI CỦA NGƯỜI ĐÁNH CÁ
152. VUA TÔI BÀN VIỆC
153. KHÓ ĐƯỢC YẾT KIẾN
154. KHÔNG PHỤC NƯỚC TẦN
155. CẬY NGƯỜI KHÔNG BẰNG CHẮC Ở MÌNH
156. PHẨM TRẬT ÔNG QUAN, PHẨM GIÁ CON NGƯỜI
157.BÀI TRÂM CỦA NGƯỜI LÀM QUAN
158. CƯỜI NGƯỜI TA KHÓC
159. HIẾU TỬ, TRUNG THẦN
160. ĐỌC SÁCH CỔ
161. MẤT DÊ
162. THỰC HỌC
163. ĐÂY MỚI THẬT LÀ THẦY
164. BỎ QUÊN CON SINH
165. CHỌN NGƯỜI RỒI SAU HÃY GÂY DỰNG
166. CƠ TÂM
167. KHÔNG ĐỢI TRÔNG CŨNG BIẾT
168. KHINH NGƯỜI
169. HAI CÔ VỢ LẼ NGƯỜI NHÀ TRỌ
170. BA ĐIỀU PHẢI NGHĨ
171. LO, VUI
172. THẤY LỢI NGHĨ ĐẾN HẠI
173. THỦY CHUNG VỚI VỢ
174. ĐÁNG SỢ GÌ HƠN CẢ
175. CHỈ BIẾT CÓ MÌNH

176. THỞ DÀI
177. THẰNG ĐIÊN
178. NGƯỜI XUẤT TỤC
179. VỢ THẦY KIÊN
180. ÁC NGẦM
181. BẢY CÔ VỢ LÊ
182. GÕ NHỊP MÀ HÁT
183. LIÊM, SỈ
184. TIỄN NGƯỜI ĐI LÀM QUAN
185. VIẾNG NGƯỜI ĐI LÀM QUAN
186. ĐỨC UỐNG RƯỢU
187. LÀNG SAY
188. TREO KIẾM BÊN MỘ
189. CHẾT VÌ LỄ NGHĨA HAY VÌ TÌNH
190. VÌ NGHĨA NÊN TÌNH
191. NGHĨA CÔNG NẶNG HƠN TÌNH RIÊNG
192. MẸ KHÔN CON GIỎI
193. TU TẠI GIA
194. NGƯỜI VỢ HIỀN MINH
195. TRỌNG NGHĨA KHINH TÀI
196. MUA XƯƠNG NGỰA
197. LỜI NÓI KẺ BẮT RẮN
198. HÒA VI QUÝ
199. CÁCH TRỊ DÂN
200. CAN GÌ MÀ PHÁ ĐI
201. HAY DỞ ĐỀU DO MÌNH CẢ
202. NGỤY BIỆN
203. KHÔNG CHỊU THEO KẺ PHẢN NGHỊCH
204. CÁCH CƯ XỬ Ở ĐỜI
205. TỰ XÉT LẠI MÌNH
206. KHÔNG NÊN CÂU NỆ
207. TRI KỶ
208. TRỒNG KHÓ, NHỔ DỄ
209. NGƯỜI KIẾM CỦI ĐƯỢC CON HƯƠU
210. HỎI THĂM DÂN
211. DÂN QUÍ NHẤT

212. NHUỘM TƠ
213. KÉO LÊ ĐUÔI MÀ ĐI
214. PHẢI BIẾT PHÒNG XA
215. MỘT CÂU ĐOÁN ĐÚNG
216. CÙNG, ĐẠT BỞI SỐ
217. THƯ VIẾT RĂN CON
218. VIẾT THƯ KHUYÊN BẠN
219. THƯ VIẾT CHO BẠN
220. THAM THÌ CHẾT
221. THAM VÌ BỊ HẠI
222. PHÂN TÍCH KHÔNG RÕ
223. KHÔNG YÊU NHAU MỚI LOẠN
224.CŨNG LÀ ĂN TRỘM
225. LƠ TRỜI ĐỔ
226. DÙNG RƯỢU SAY ĐỂ KHIẾN CHỒNG
227. TƯỚI DƯA CHO NGƯỜI
228. CÁCH BIẾT LÒNG NGƯỜI
229. CÁCH LÀM CHO KHỎI TỨC GIẬN
230. TIẾN MỘT LỜI NÓI
231. QUÝ LỜI NÓI PHẢI
232. TƯ TƯỞNG LÃO TỬ
233. LÀM NHÀ CỎ CŨNG ĐỦ
234. THẾ NÀO LÀ ĐẠI TRƯỢNG PHU
235. THIÊN HẠ SĨ
236. DỰ NHƯỢNG BÁO THÙ
237. QUAN TÀI CON
238. LỆCH THỪA KHÔNG BẰNG NGAY THIẾU
239. BẮT THAY CHIẾU
240. ĐÁM MA TO
241. MUÔN VẬT MỘT THỂ
242. TỰ TỈNH
243. NGU CÔNG DỌN NÚI
DANH NGÔN DANH LÝ
LỜI BẠT

TIỂU TỰ

“Có mới, nới cũ” thường tình vẫn thế. Tân học mỗi ngày một tiến, tất Cựu học phải lùi và có khi sợ rồi mai một đi mất. Nhưng, Tân học mà hay, tất là Tân học có một nền tảng vững chắc. Nền tảng ấy tức là tinh hoa của Cựu học. Cựu học nước nhà là một thứ học trải qua bao nhiêu đời, đã làm cho ông cha ta phù thực được cương thường, chấn chỉnh được phong hóa, bảo tồn được quốc thể, duy trì được thế đạo nhân tâm, thật không phải là một cái Học không có giá trị đáng khinh rẻ hay quên bỏ được. Vả chăng: "Tri kim, nhi bất tri cổ, vị chi manh cổ; tri cổ, nhi bất tri kim, vị tri lục trầm" ta đã biết truyện đời nay, ta lại cần phải học truyện đời xưa, ta ôn lại việc đời xưa mà ta rõ được việc đời nay, có như thế, thì cái Học của ta mới không đến nỗi khiếm khuyết. Vì, tuy chia làm cổ, kim, nhưng chẳng qua cũng chỉ là buổi sớm, buổi chiều trong một ngày của trời đất, kẻ học giả mà câu nệ chấp nhất, chỉ biết cổ không muốn biết kim, hay chỉ biết kim không muốn biết cổ, thì sao gọi là "bác cổ thông kim" được!

Cựu học của ta là gì? Cựu học của ta tức là Hán học nghĩa là một cái Học chung cho cả mấy dân tộc ở Á Đông đã chịu cái văn hóa của giống người Hán, tức là người Trung Hoa. Cựu học không phải là chỉ có Tứ Thư, Ngũ Kinh, xưa kia đa số quen dùng làm cái học cử nghiệp mà thôi. Ngoại giả, còn Bác gia chư tử thật là man mác rộng như bể, học thuyết đủ mọi mặt, lý tưởng rất sâu xa, muốn học cho tới nơi, phải mất bao nhiêu công phu, thời giờ mới được. Nay, chúng tôi biên tập quyển sách nầy, không phải là muốn chuyên tâm nghiên cứu riêng một phái nào hay một nhà nào. Chúng tôi chỉ góp nhặt một đôi chút lý tưởng trong Cổ học gọi là để cho người đọc thiệp liệp qua được một ít tinh hoa của lối học cũ mà thôi. Nên chúng tôi mới lạm dụng bốn chữ "Cổ Học Tinh Hoa" làm nhan sách.

Chúng tôi có ý chọn những bài ngắn mà nghĩa lý hàm súc dồi dào. Những bài ấy tuy là truyện từ đời xưa bên Tàu, nhưng ứng dụng vào đời nào và ở đâu cũng được. Vì truyện tuy cổ, nhưng cái chân lý thì bao giờ cũng là một, mà bao giờ cũng như mới. Nào hiếu đệ, nào trung tín, nào lễ nghĩa, nào liêm sĩ, đến cả những việc kỳ quái, sinh tử; bài nầy chính giọng huấn giáo, bài kia rõ thể ngụ ngôn, truyện nầy nghiêm trang khắc khổ, truyện kia khôi hài lý thú; đức Khổng nói "Nhân" hồn

nhiên như hóa công; ông Mạnh bàn "Nghĩa" chơm chởm như núi đá, Tuân Tử nói "Lễ" thật là đường bệ, Mặc Tử nói "Ái" thật là rộng rãi, hình danh như Hàn phi tử thật là nghiêm nghị khiến người mất bụng làm xằng, ngôn luận như Án Tử thật là thâm thiết khiến người dễ đường tỉnh ngộ, đến nói đạo đức như Lão Tử, bàn khoáng đạt như Trang Tử thật lại biến hóa như rồng, phấp phới như mây... các lý thuyết mỗi nhà một khác, có khi phản đối hẳn nhau, nhưng thực khiến cho người đọc vừa được vui, vừa phải đem tâm suy nghĩ.

Dịch những bài văn như thế, chúng tôi lấy làm rất khó. Chẳng những chữ Hán dịch ra chữ Nam, lắm câu không hết được nghĩa, nhiều bài, chính nguyên văn cũng mỗi nơi chép một khác không lấy gì làm xác định. Nên khi dịch, chúng tôi phải châm chước cân nhắc từng bài, bài thì địch thẳng nguyên văn, bài thì chỉ dịch lấy đại ý, hoặc có bài phải rút bớt, hay thêm ra, hay đúc lại, cốt cho nó xuông tiếng Nam mà không hại đến nghĩa bài thì thôi. Dịch Hán văn ra quốc văn, tất phải dùng nhiều chữ Hán. Song chữ nào bất đắc dĩ phải dùng, thì ở dưới chúng tôi đã có "giải nghĩa" rõ ràng. Nghĩa ấy thường chỉ là nghĩa riêng trong bài, chớ không phải hết mọi nghĩa của từng chữ.

Những tên người, tên đất, muốn cho tinh tường, đáng lẽ phải có một cái biểu liệt đủ tên những tác giả cùng những người nói trong chuyện và một bức địa đồ Trung Hoa trải qua các thời đại. Nhưng việc ấy xin để nhường những nhà chuyên về Bắc sử sau nầy, đây chúng tôi chỉ chua qua để cho độc giả đủ biết cái đại cương mà thôi. Đọc một bài văn hay, mà tư tưởng đã thấm thía vào tâm não, thì tất không sao để yên ngòi bút mà không phê bình được. Đó cũng là một cái thông bệnh của những người hâm mộ văn chương hay có cái thú ngâm nga và đưa ngòi bút khuyên liền, khuyên kín vậy. Chúng tôi cũng không tránh khỏi cái bệnh ấy. Nên dưới mỗi bài chúng tôi cũng góp "Lời Bàn", cốt là để giải rõ các đại ý trong bài hoặc lạm bình một, đôi câu ứng với cái thời buổi bây giờ.

Chúng tôi mạo muội biên dịch quyển sách nầy là quyển đầu, có ý bảo tồn tinh hoa của cổ học và mong các bạn thiếu niên ta nhớ đến nguồn gốc từ bao nghiêu nghìn năm về trước, rõ các điển tích thường dẫn trong văn chương nước nhà, thêm trước được ít tài liệu có khi làm văn phải dùng đến, rộng được ít tri thức tuy thuộc về Cổ học mà thật

khác nào "như thóc gạo, như vải lụa", thường cần đến hàng ngày. Nếu quyển sách này, giúp được một phần trong muôn phần ấy, thì chúng tôi lấy làm hoan hỷ lắm vậy.

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm Ất Sửu (1925)

Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc

Từ An Trần Lê Nhân

1. KHÔNG QUÊN ĐƯỢC CÁI CŨ

Đức Khổng tử ra chơi ngoài đồng, thấy một người đàn bà đứng khóc nỉ non ở chỗ bờ đầm. Đức Khổng tử lấy làm lạ, bảo học trò hỏi vì cớ gì mà khóc. Người đàn bà nói: "Độ trước tôi cắt cỏ thi, tôi đánh mất cái trâm cài đầu bằng cỏ thi, cho nên tôi khóc." Đức Khổng tử hỏi: Đi cắt cỏ thi, mà mất cái trâm bằng cỏ, thì việc gì mà phải khóc? Người đàn bà nói: Không phải vì tôi đánh mất cái trâm cỏ thi mà tôi khóc; tôi sở dĩ khóc, là tôi thương tiếc một vật cũ, dùng đã lâu, mà ngày nay không sao thấy được nữa.

GIẢI NGHĨA

Khổng Tử Tập Ngữ: sách chép những lời nói, những truyện về đức Khổng Tử.

Khổng Tử tên là Khưa, tên tự là Trọng Ni, người nước Lỗ, thời Xuân Thu nhà Chu, học về Lễ, Nhạc, Văn chương đời cỗ, đi nhiều nước chư hầu không được dụng bỏ về làm kinh Xuân Thu, san định các kinh Thi, Thư, Dịch, Lễ, Nhạc và dạy học trò được ba nghìn người, có bảy mươi hai người giỏi. Nước Tàu xưng làm Tổ đạo Nho.

LỜI BÀN

Cái gì đã là của mình, mình có bụng yêu, mà lỡ khi mất, thì về sau dù có được cái khác giống như thế, hay hơn thế, mình cũng không thể sao yêu cho bằng. Thường, lại chỉ vì thấy cái mới mà hồi nhớ đến cái cũ, sinh ra chạnh lòng, nên câu ta thán, có khi ngậm ngùi thương khóc nỉ non. Tại sao vậy? Tại đối với mình, cái của mất không chỉ có giá của mà thôi, lại hình như còn có một phần tâm hồn mình hay tâm hồn người để lại cho mình ngụ ở trong nữa. Sự cảm động đầu tiên bao giờ cũng là sự cảm động hay nhất, bền nhất. Ôi! Cáo chết ba năm quay đầu về núi, con người ta, dù cho lông bông xiêu bạt đến thế nào, còn có chút tâm tình cũng không sao quên được gốc tích xứ sở mình. "Hồ mã tê bắc phong, Việt điểu sào nam chi". Con ngựa rợ Hồ (phía bắc nước Tàu) thấy gió bắc còn cất tiếng kêu, con chim đất Việt (phía nam nước Tàu) chọn cành nam mới chịu làm tổ, huống chi là người mà lại quên được nguồn gốc ư.

2. LÚC ĐI TRẮNG, LÚC VỀ ĐEN

Một hôm trời nắng Dương Bố đi chơi. Khi ở nhà ra, thì mặc áo trắng, đi được nửa đường, gặp trời mưa, quần áo ướt hết, mới vào ẩn mưa ở nhà bà con. Người ấy thấy Dương Bố ướt cả cho mượn cái áo thâm.

Một lúc trời tạnh, Dương Bố mặc áo thâm về nhà. Con chó trông thấy, vừa cắn vừa xua đuổi. Dương Bố giận toan cầm gậy đánh.

Anh là Dương Chu chạy ra bảo:

"Đừng đánh nó làm gì! Nó đuổi như thế cũng phải. Giả sử con chó trắng nhà ta, lúc đi, thì trắng, lúc về thì đen, phỏng em có không lấy làm lạ mà không ngờ được không?"

GIẢI NGHĨA

Liệt Tử: sách của Liệt Ngữ Khấu hay người truyền học thuyết của Liệt Ngữ Khấu soạn ra, có tám quyển, sau nhà Đường, nhà Tống đặt tên là Sung Hư Chân Kinh, hay Sung Hu chí đức chân kinh.

LỜI BÀN

Lúc đi mặc áo trắng, lúc về mặc áo thâm, chính mình không biết mình thay đổi, con chó thấy khác thì xua đuổi. Mình đánh nó chẳng hóa ra lầm lắm ru! Lỗi tại mình thay đổi không tại con chó cắn xằng. Vậy nên ở đời khi mình làm điều gì khác thường, mà người ta không rõ, thì tất nhiên người ta bàn trái bàn phải. Nếu mình không tự xét mình thay đổi hay dở, chỉ biết trách người nghị luận nọ kia, thì chẳng khác nào như Dương Bố đánh chó trong truyện này.

3. LỢI MÊ LÒNG NGƯỜI

Nước Tống có kẻ mất cái áo thâm. Anh ta ra đường tìm. Thấy người đàn bà mặc áo thâm, níu lại đòi rằng: “Tôi vừa mất cái áo thâm, chị phải đền trả tôi cái này”. Rồi cứ giữ chặt cái áo không buông ra nữa.

Người đàn bà cãi: “Ông mất cái áo thâm, tôi biết đấy là đâu. Áo tôi mặc đây là áo của tôi, chính tay tôi may ra”.

Anh kia nói: “Chị cứ phải đền trả áo cho tôi. Cái áo thâm tôi mất dày, cái áo thâm chị mặc mỏng. Lấy áo thâm mỏng của chị đền cái áo thâm dày cho tôi, còn phải nói lôi thôi gì nữa!”

(Tử Hoa Tử)

GIẢI NGHĨA

Nước Tống: Một nước chư hầu thời Xuân Thu, sau bị nước Tề lấy mất, ở vào huyện Thượng Khưu tỉnh Hà Nam bây giờ.

Thâm: Sắc đen.

Níu: Giằng dai giữ lại không cho đi.

LỜI BÀN

Mất áo trong nhà mà ra đường tìm, đã là chuyện bật cười. Mất áo đàn ông mà đòi áo đàn bà lại là chuyện bật cười. Mất áo thâm dày bắt đền áo thâm mỏng mà cho là phải, lại là chuyện bật cười nữa. Ôi cái lợi nó làm cho lòng người mê muội, chỉ biết có mình không biết có ai, chỉ vụ lợi cho mình mà quên cả phải trái Kẻ nào đã vụ lợi như thế, thì cái gì mà chẳng dám làm, cái gì mà chả dám nói! Than ôi! Cái đời kim tiền bây giờ biết bao nhiêu phường đòi áo như người nói trong truyện này.

4. LẤY CỦA BAN NGÀY

Nước Tấn có kẻ hiếu lợi một hôm ra chợ gặp cái gì cũng lấy. Anh ta nói rằng: "Cái này tôi ăn được, cái này tôi mặc được, cái này tôi tiêu được, cái này tôi dùng được." Lấy rồi đem đi. Người ta theo đòi tiền. Anh ta nói: "Lửa tham nó bốc lên mờ cả hai con mắt. Bao nhiêu hàng hóa trong chợ tôi cứ tưởng của tôi cả, không còn trông thấy ai nữa. Thôi, các người cứ cho tôi, sau nầy tôi giàu có, tôi sẽ đem tiền trả lại". Người coi chợ thấy càn dỡ, đánh cho mấy roi, bắt của ai phải trả lại cho người ấy. Cả chợ cười ồ. Anh ta mắng:

"Thế gian còn nhiều kẻ hiếu lợi hơn ta, thường dụng thiên phương, bách kế ngấm ngầm lấy của của người. Ta đây tuy thế, song lấy giữa ban ngày so với những kẻ ấy thì lại chẳng hơn ư? Các ngươi cười ta là các người chưa nghĩ kỹ!"

GIẢI NGHĨA

Long Môn Tử: tức là Tư Mã Thiên làm quan Thái Sư nhà Hán là một nhà sử ký có danh.

Hiếu lợi: ham tiền của quên cả phải trái.

Lửa tham: lòng tham muốn bốc lên làm ngốt người.

Mờ cả hai con mắt: chỉ để cả vào của muốn lấy, ngoài ra không trông thấy gì nữa.

Thế gian: cõi đời người ta ở.

Thiên phương bách kế: mưu này, chước khác xoay đủ trăm nghìn cấp.

Ban ngày: lúc sáng sủa dễ trông thấy.

LỜI BÀN

Đã là kẻ thấy của tối mắt, tham vàng bỏ nghĩa, thì dù ít, dù nhiều cũng là đáng khinh cả, song đem những kẻ mặt to, tai lớn, vì ham mê phú quý mà lường thầy, phản bạn, hại ngầm đồng bào so với những quân cắp đường, cắp chợ giữa ban ngày để nuôi miệng thì tội đến nặng hơn biết bao nhiêu. Thế mà trách đời chỉ biết chê cười những quân trộm cướp vặt chớ không biết trừng trị những kẻ đại gian đại ác.

5. KHỔ THÂN LÀM VIỆC NGHĨA

Mặc Tử ở nước Lỗ sang nước Tề, qua nhà người bạn cũ, vào chơi. Người bạn nói chuyện với Mặc Tử rằng: "Bây giờ thiên hạ ai còn thiết đến việc "nghĩa", một mình ông tự khổ thân để làm việc nghĩa, thì có thấm vào đâu! Chẳng thà thôi đi có hơn không? - Mặc Tử nói: "Bây giờ có người ở đây, nhà mười đứa con, một đứa cày, chín đứa ngồi ăn không, thì đứa cày chẳng nên càng chăm cày hơn lên ư? Tại sao thế? Tại đứa ăn không nhiều, đứa đi cày ít. Bây giờ thiên hạ chẳng ai chịu làm việc nghĩa, thì ông phải biết khuyên tôi càng làm lắm mới phải, có đâu lại ngăn tôi như thế!"

GIẢI NGHĨA

Mặc Tử: tên sách của Mặc Địch soạn, chủ nghĩa là kiêm ái yêu người như yêu mình cũng gần giống chủ nghĩa của đạo Cơ Đốc và đạo Thích Ca.

Tề: một nước chư hầu lớn, thời Xuân Thu Chiến Quốc, cũng ở vào địa phận tỉnh Sơn Đông bây giờ.

Nghĩa: việc phải, việc hay mà người ta nên làm.

Tự khổ thân: tự mình làm cho mình khóc nhọc vất vả.

LỜI BÀN

Trong khi nhân tâm thế đạo suy đồi, mình là người còn đứng vững được, thì sao lại chịu suy đồi với thiên hạ cho cùng trôi một loạt. Vì nếu ai cũng như thế cả, thì còn đâu là người cảnh tỉnh được kẻ u mê để duy trì lấy nhân tâm thế đạo nữa? Cho nên những người thức thời, có chí, dù ở vào cái đời biến loạn đến đâu, cũng không chịu đắm đuối vào cái bất nghĩa, khác nào như: cây tòng, cây bách, mùa đông sương tuyết, mà vẫn xanh, như con gà trống, mưa gió tối tăm mà vẫn gáy. Những bậc ấy chẳng những thế mà thôi, lại còn đem bao nhiêu tinh lực tâm trí ra, cố gắng giữ lấy phong hóa mà dìu dắt, mà đưa đường cho những kẻ u mê đắm đuối. Như Mặc Tử đây, cho là đời là suy biến, coi sự làm việc "Nghĩa", sự cổ động việc nghĩa như cái chức vụ của mình phải làm, thực là người có công với loài người vậy.

6. CÁCH CƯ XỬ Ở ĐỜI

Thầy Nhan Uyên, hỏi Đức Khổng Tử: "Hồi này muốn nghèo mà cũng được như giàu, hèn mà cũng được như sang, không phải khỏe mà có oai, chơi bời với người ta suốt đời không lo sợ gì, muốn như vậy, có nên không?"

Đức Khổng Tử nói: "Người hỏi thể phải lắm. Nghèo, mà muốn cũng như giàu, thế là biết bằng lòng số phận không ham mê gì. Hèn, mà cũng muốn như sang, thế là biết nhún nhường và có lễ độ. Không khỏe, mà muốn có oai, thế là biết thận trọng, cung kính không lầm lỗi gì. Chơi bời với mọi người mà muốn suốt đời không lo sợ, thế là biết chọn lời rồi mới nói.

Khổng Tử Tập Ngữ

GIẢI NGHĨA

Khổng Tử Tập Ngữ: sách chép những lời nói, những truyện về đức Khổng Tử. - Khổng Tử tên là Khưa, tên tự là Trọng Ni, người nước Lỗ, thời Xuân Thu nhà Chu, học về Lễ, Nhạc, Văn chương đời cổ, đi nhiều nước chư hầu không được dụng bỏ về làm kinh Xuân Thu, san định các kinh Thi, Thư, Dịch, Lễ, Nhạc và dạy học trò được ba nghìn người, có bảy mươi hai người giỏi. Nước Tàu xưng làm Tổ đạo Nho.

Nhan Uyên: tên là Hồi, người nước Lỗ, thời Xuân Thu, học trò giỏi nhất của Đức Khổng Tử.

Hồi: theo lễ xưa, hầu chuyện những bậc trên, như vua, cha, thầy học, thường hay xưng tên.

Lễ độ: phép tắc mực thước.

Thận trọng: cẩn thận, trọng hậu.

LỜI BÀN

Không cần công danh phú quí thế là biết giữ thiên tước hơn là nhân tước, không để ai khinh lờn được, thế là biết trọng phẩm giá mình, không muốn đeo cái lo vào mình, thế là biết giữ thân không phiền lụy đến ai. Ở đời mà giữ trọn vẹn được mấy điều như thế, tưởng thật là một cách vui thú rất cao thượng vậy.

7. TU THÂN

Thấy người hay, thì phải cố mà bắt chước; thấy người dở thì phải tự xét xem có dở như thế không để mà sửa đổi. Chính mình có điều hay, thì phải cố mà giữ lấy; chính mình có điều dở, thì phải cố mà trừ đi.

Người chê ta, mà chê phải, tức là thầy ta; người khen ta, mà khen phải, tức là bạn ta; còn người nịnh hót ta lại là người cừu địch hại ta vậy. Cho nên người quân tử trọng thầy, quí bạn và rất ghét cừu địch, thích điều phải mà không chán, nghe lời can mà biết răn... như thế dù muốn không hay cũng không được.

Kẻ tiểu nhân thì không thế. Cực bậy, mà lại ghét người chê mình; rất dở, mà lại thích người khen mình; bụng dạ như hổ lang, ăn ở như cầm thú, mà thấy người ta không phục, lại không bằng lòng; thân với kẻ siểm nịnh, xa cách kẻ can ngăn, thấy người chính trực thì cười, thấy người trung tín thì chê... Như thế thì dù muốn không dở cũng không được.

Tuân Tử

GIẢI NGHĨA

Tuân Tử: tên thật là Huống, tên tự là Khanh, người nước Triệu, sinh ra sau Mạnh Tử độ 50 năm, thấy đời bấy giờ cứ loạn luôn mãi và phong hóa suy đồi, làm sách nói về lễ nghĩa, lễ nhạc, cốt ý để chỉnh đức và hành đạo.

Quân tử: Người có tài đức hơn người.

Tiểu nhân: Kẻ bất chính, gian ác, tự tư, tự lợi.

Cầm thú: cầm: giống có hai chân và hai cánh; thú: giống có bốn chân, hai chữ chỉ loài chim và loài muông.

Chính trực: ngay thẳng.

Trung tín: hết lòng, thật bụng.

LỜI BÀN

Cái đạo tu thân rút lại chỉ có biết theo điều hay, biết tránh điều dở. Mà muốn tới cái mục đích ấy, thì không những là tự mình phải xét mình lại còn phải xét cái cách người ở với mình nữa. Đối với người, cần phải biết hai điều: Ai khen chê phải, khuyên răn hay, thì phục, thì

bắt chước; ai chiều lòng nịnh hót, thì tránh cho xa, coi như quân cừu địch. "Nên ưa người ta khuyên mình hơn người ta khen mình" có như thế, thì mới tu thân được.

8. ÔM CÂY ĐỢI THỎ

Một người nước Tống đang cày ruộng. Giữa ruộng có một cây to. Có con thỏ đồng ở đâu chạy lại, đâm vào gốc cây, đập đầu chết. Người cày ruộng thấy thế, bỏ cày, vội chạy đi bắt thỏ. Đoạn, cứ ngồi khư khư ôm gốc cây, mong lại được thỏ nữa. Nhưng đợi mãi chẳng thấy thỏ đâu, lại mất một buổi cày. Thiên hạ thấy vậy, ai cũng chê cười.

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA

Hàn Phi Tử: Công tử nước Hàn, học trò Tuân Tử chuyên về bình danh pháp luật, nước Hàn không dùng, sang ở nước Tần, được đại dụng, nhưng sau bị kẻ gièm pha, rồi tự tử. Sách của Hàn Phi Tử có 50 thiên, đặt tên Hàn Tử. Nhà Tống sau thêm chữ Phi để khỏi lầm lẫn với Hàn Dũ.

Đoạn: nghĩa đen là đứt, việc nầy đứt đến việc khác.

LỜI BÀN

Thấy mùi, quen mui làm mãi. Ở đời những kẻ ngẫu nhiên gặp may, mà ước ao được gặp may luôn như thế nữa, không biết sự may là tình cờ mới có, thì có khác gì người nước Tống ôm cây đợi thỏ nầy. Anh ôm cây đợi thỏ này lại còn là người cố chấp bất thông, không hiểu thời thế, không thấu tình cảnh, khư khư đười ươi giữ ống, cũng một phường với những hạng chơi đàn gắn chặt phím, khắc mạn thuyền để nhớ chỗ gươm rơi.

9. ĐÁNH DẤU THUYỀN TÌM GƯƠM

Có người nước Sở đi đò qua sông. Khi ngồi đò, vô ý đánh rơi thanh gươm xuống sông. Anh ta vội vàng đánh dấu vào mạn thuyền, nói rằng: "Gươm ta rơi ở chỗ nầy đây".

Lúc thuyền đỗ vào bến, anh ta cứ theo chỗ đánh dấu, lặn xuống nước tìm gươm. Thuyền đã đi đến bến, chớ gươm rơi đâu thì vẫn ở đấy, có theo thuyền mà đi đâu? Tìm gươm như thế, chẳng khờ dại lắm ư!

Lã Thị Xuân Thu

GIẢI NGHĨA

Lã Thị Xuân Thu: Sách của Lã Bất Vi làm. Lã Bất Vi người đời nhà Tần thời Chiến quốc, trước là lái buôn to, sau làm tướng, chính là cha đẻ của Tần Thủy Hoàng. Khi làm quyển Lã Thị Xuân Thu xong, Bất Vi đem treo ở cửa Hàm Dương, nói rằng "Ai bớt được, hay thêm được một chữ, thì thưởng cho ngàn vàng".

Sở: một nước lớn thời Xuân Thu ở vào vùng Hồ Bắc, Hồ Nam bây giờ.

Thanh gươm: tục xưa người ta đi đâu cũng hay đeo gươm để thủ thân mà lại giữ lễ nữa.

LỜI BÀN

Thanh gươm rơi xuống sông, thì ở ngay chỗ rơi. Nếu muốn tìm thấy gươm, tất phải lặn ngay xuống chỗ rơi mà tìm. Chớ sao lại đánh dấu vào thuyền, đợi đến lúc thuyền đỗ vào bến, mới lặn xuống bến tìm? Người tìm gươm nầy có khác nào như người đánh đàn sắt đem gắn cả ngựa lại, tưởng ngựa không di dịch được là các âm vận tự nhiên điều hòa được đúng! Than ôi! người cố chấp bất thông, chỉ câu nệ biết giữ chặt một cái đã nắm chặt trong tay, chớ không hiểu nghĩa chờ "thời" là gì?

10. BA CON RẬN KIỆN NHAU

Ba con rận hút máu một con lợn, tranh nhau ăn, đem nhau đi kiện. Một con rận khác gặp, hỏi:

- Ba anh kiện nhau về việc gì thế?

Ba con rận đáp:

- Chúng tôi kiện nhau, vì tranh nhau một chỗ đất màu mỡ.

Con rận kia nói:

- Tôi tưởng các anh chẳng nên tranh lẫn nhau thế làm gì. Các anh chỉ nên lo đến con dao của người đồ tể giết lợn, ngọn lửa của bó rơm thui lợn mà thôi.

Ba con rận nghe ra, biết là dại, thôi không đi kiện nữa, cùng nhau quần tụ, làm ăn với nhau, dù no, dù đói, cũng không bỏ nhau. Con lợn thành mỗi ngày một gầy, người ta không làm thịt cứ để nuôi, ba con rận nhờ thế mà no đủ mãi.

GIẢI NGHĨA

Quần tụ: quây quần ăn ở bao bọc lấy nhau.

Đồ tể: người làm thịt các giống vật để bán.

LỜI BÀN

Nhân dân một xứ mà cứ tranh giành lẫn nhau cái lợi trước mắt, không nghĩ gì đến cái việc lâu dài cho cả toàn thể, thì trí khôn thật không bằng mấy con rận nói trong truyện này.

Tranh nhau, cãi nhau, đánh nhau, kiện nhau, thì oan oan tương kết, lợi chẳng thấy đâu, chỉ thấy hại, hại cho một mình lại hại cho cả đàn, cả lũ nữa. Sao không biết: Sâu đục cây, cây đổ thì sâu cũng chẳng còn: trùng hại vật, vật chết thì trùng cũng hết kiếp.

11. HAI PHẢI

Sông Vĩ nước lên to. Một nhà giàu không may có người chết đuối. Có kẻ vớt được xác.

Người nhà giàu xin chuộc, kẻ ấy đòi nhiều tiền. Người nhà giàu đem câu chuyện thưa với Đặng Tích.

Đặng Tích bảo: "Cứ để yên. Nó còn bán cái xác cho ai được mà sợ?"

Kẻ vớt được xác, thấy nhà kia không hỏi nữa, lấy làm lo, cũng đem câu chuyện thưa với Đặng Tích. Đặng Tích bảo: "Cứ để yên. Nó còn mua cái xác ấy của ai được mà sợ?"

Lã Thị Xuân Thu

GIẢI NGHĨA

Vĩ là tên sông, chảy ở địa phận Hà Nam, Trung Quốc.

Đặng Tích: quan đại phu nước Trịnh thời Xuân Thu, là một nhà luật pháp giỏi.

LỜI BÀN

Cứ như người giảng giải việc nói trong bài này cho phải đạo lý, thì một bên, nên khuyên người nhà giàu liệu trả kẻ vớt được xác thêm ít nhiều tiền, mà lấy ngay xác về; còn một bên, nên dụ kẻ vớt được xác chớ có coi sự chẳng may của người ta làm một món bổng, mà bắt bí người ta. Giữ cái xác, không cho chuộc, chẳng những không được tiền, mà lại còn mang tội nữa. Nhưng khốn thay! Lý sự là cái nguồn bắt phải, bắt trái đều được cả. Cho nên Đặng Tích mới có chốn xúi bẩy được cả đôi bên kiện tụng lẫn nhau mà ngấm ngầm lấy lợi cho mình. Thế tức là cái chủ nghĩa "Hai phải" ngụy biện, rất hại cho dân gian ngu dại mà lại hay kiện tụng. Biện bác mà không đáng lý tức là giả dối, khôn ngoan mà không đáng lý tức là gian trá, những kẻ ấy phải trừng phạt thì mới yên dân, lợi nước được. Người trị dân tưởng phải thấu cái tình, để xét cái lý, mới là người trị dân sáng suốt vậy.

12. TĂNG SÂM GIẾT NGƯỜI

Ông Tăng Sâm ở đất Phị ở đấy có kẻ trùng danh với ông giết chết người.

Một người hớt hãi chạy đến báo mẹ ông Tăng Sâm rằng: "Tăng Sâm giết người." Bà mẹ nói: "Chẳng khi nào con ta lại giết người." Rồi bà điềm nhiên ngồi dệt cửi.

Một lúc lại có người đến bảo: "Tăng Sâm giết người." Bà mẹ không nói gì, cứ điềm nhiên dệt cửi.

Một lúc lại có người đến bảo: "Tăng Sâm giết người." Bà mẹ sợ cuống, quăng thoi, trèo qua tường chạy trốn.

GIẢI NGHĨA

Tăng Sâm: Người thời Xuân Thu, tính chất chân thật và có hiếu, học trò đức Khổng Tử và mau truyền được đạo của ngài.

Trùng danh: Cùng giống tên nhau

Điềm nhiên: Biết mà cứ im lặng như không.

LỜI BÀN

Tăng Sâm vốn là người hiền hậu, hiếu thảo, bà mẹ vốn là người trung tín, một bụng tin con. Thốt nhiên có kẻ bảo: "Tăng Sâm giết người". Bà mẹ không tin, và người thứ hai bảo, còn chưa tin; đến người thứ ba bảo, thì cuống cuồng chạy trốn. Như thế mới hay cái dư luận của thiên hạ rất là mạnh. Một việc, dù cho sai lầm đến mười mươi, nhiều người đã có cùng một nghị luận đều như thế cả, thì cũng dễ khiến người ta nghi nghi hoặc hoặc rồi đem bụng tin mà cho là phải, nom đỉa hóa ra con rươi, trông con chó thành con cừu. Đến như giữa chợ, làm gì có cọp! Thế mà một người, hai người, đến ba người nói có cọp, thiên hạ cũng tin có cọp thật nữa là! Những bậc ra được ngoài vòng dư luận, giữ vững được bụng như cây giữa rừng, như kiềng ba chân rất là hiếm, nhưng có thế được mới cao. Một chân lý có chứng minh rõ ràng, mười phần chắc chắn, thì mới nên công nhận.

13. BÁN MỘC BÁN GIAO

Có người nước Sở làm nghề bán mộc, vừa bán giáo.

Ai hỏi mua mộc, thì anh ta khoe rằng: "Mộc này thật chắc, không gì đâm thủng."

Ai hỏi mua giáo, thì anh ta khoe rằng: "Giáo này thật sắc, gì đâm cũng thủng."

Có người nghe nói, hỏi rằng: "Thế bây giờ lấy giáo của bác đâm vào mộc của bác, thì thế nào?"

Anh ta không đáp ra làm sao được.

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA

Sở: Một nước lớn thời Xuân Thu ở vào vùng Hồ Bắc, Hồ Nam bây giờ.

Mộc: Đồ binh khí bằng gỗ, hình bầu dục để đỡ khi mũi nhọn đâm xỉa. Cái khiên thì đan bằng mây và hình tròn.

Giáo: Đồ binh khí, đầu nhọn, cán dài, dùng để đâm.

LỜI BÀN

Ôi! một cái chắc, đâm không thủng, với một cái sắc, đâm gì cũng thủng, hai cái phản đối hẳn nhau thì cùng đi với nhau sao được! Thế mà người nước Sở dám khoe mộc, lại khoe giáo luôn ngay một lúc. Chẳng qua là chỉ vì mối lợi mà thành ra nói dối. Nhưng cái trò nói dối hay cùng, khi người ta hỏi đến lẽ, là không đối đáp làm sao được nữa. Có khác gì kẻ đem tượng gỗ ra chợ bán, khoe rằng: "Ai mua tượng về nhà, thì được giàu sang." Đến lúc có người bẻ: "Thế sao bác không để ở nhà cho được giàu sang, lại mang ra chợ bán làm gì?" thì tắc khẩu mà đành vác tượng về.

14. NGỌC TRONG ĐÁ

Một người thợ ngọc qua hàng thợ đá, vào xem các thứ đá, thấy một tảng trong có ngọc, mua về, đẽo ra quả nhiên được ngọc. Ngọc ấy trắng muốt và có gân đỏ, quý giá vô cùng. Người thợ ngọc nhờ đó mà giàu có.

Thợ đá thấy thế, lấy làm thích lắm, cũng muốn bắt chước. Anh ta nghĩ bụng: "Đá nào trong cũng có ngọc." Rồi ở nhà có bao nhiêu thứ đá, đem cả ra đập để tìm ngọc. Không những không thấy ngọc, mà các đá vỡ tan chẳng dùng được việc gì nữa.

Anh ta vừa mất của, vừa lỗ vốn, cùng quẫn khổ sở, chẳng bao lâu rồi chết.

GIẢI NGHĨA

Cùng quẫn: Túng bẩn quá không đủ ăn tiêu.

LỜI BÀN

Ngọc chẳng qua là một thứ đá đẹp, đá quý lẫn với đá thường mà thôi. Nhưng phải có con mắt tinh xem ngọc mới nhận ra và tìm được ngọc ở trong đá. Người thợ ngọc biết ngọc nên trông qua đủ biết đá nào có ngọc, chớ người thợ đá chỉ biết đá, lại muốn tìm ngọc, chẳng những không tìm thấy ngọc mà lại còn hại cả bao nhiêu đá của mình nữa! Ôi! thực là xôi hỏng bỏng không! Tham thì thâm! Cái thói tham không phải đường nó vẫn hại con người như thế! Cho nên người trí giả phải có kiến thức rõ đích xác rồi mới chịu làm.

---

15. BẮT CHƯỚC NHĂN MẶT

Nước Việt có nàng Tây Thi nổi tiếng đẹp một thời. Nàng có chứng đau bụng, mà khi nào đau ôm bụng nhăn mặt, thì lại càng đẹp lắm. Có người đàn bà ở cùng làng thấy mặt nhăn mà đẹp, muốn bắt chước, về nhà cũng ôm bụng mà nhăn mặt. Người làng trông thấy, tưởng là ma quỷ; nhà giàu thì đóng cửa chặt không dám ra, nhà nghèo thì bồng bế vợ con mà chạy trốn.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA

Tây Thi hoặc còn gọi là Tây Tử:

Người con gái nước Việt ở thôn Trữ La, làm nghề dệt vải, cha thì bán củi. Nàng nổi tiếng đẹp, sau vua nước Việt là Câu Tiễn vì thua nước Ngô đem nàng hiến cho vua Ngô là Phù Sai.

Trang Tử: Sách của Trang Chu soạn đến đời Đường gọi là Nam Hoa Chân kinh. Trang Tử, học đạo Lão tử, sau người ta vẫn xưng Lão tử với Trang tử là tổ của Đạo gia.

LỜI BÀN

Chỉ biết nhăn mặt là đẹp. Không biết nét mặt phải thế nào thì nhăn mới đẹp. Thực là đáng tiếc! Kẻ quên phận mình, chỉ muốn bắt chước người thì có khác gì người xấu muốn bắt chước nàng Tây Thi nói trong truyện này không? Ôi! bắt chước là một cái hay, nhưng nếu không chịu suy nghĩ cứ nhắm mắt bắt chước liều như con lừa thổi sáo, con nhái muốn to bằng con bò, thì chỉ làm trò cười cho thiên hạ, chẳng những không được lợi gì mà lại thiệt đến bản thân.

16. CÁI ĐƯỢC CÁI MẤT CỦA NGƯỜI LÀM QUAN

Khổng Miệt là cháu đức Khổng Tử. Bật Tử Tiện là học trò đức Khổng Tử, hai người cùng làm quan một thời.

Đức Khổng Tử qua chơi Khổng Miệt, hỏi rằng: "Từ khi ngươi ra làm quan được những điều gì, mất những điều gì?"

Khổng Miệt thưa:

"Từ khi tôi ra làm quan chưa được điều gì, mà đã mất ba điều: việc quan bận, không còn thời giờ học tập, vì thế mà học vấn không tấn tới; bổng lộc ít, không đủ chu cấp cho họ hàng, vì thế mà họ hàng không thân thiết; công việc nhiều không thể đi thăm người đau, viếng người chết, vì thế mà ăn ở với bầu bạn không được trọn vẹn".

Đức Khổng Tử nghe nói không bằng lòng.

Sau ngài đến chơi Bật Tử Tiện, lại hỏi như hỏi Khổng Miệt.

Bật Tử Tiện thưa: "Từ khi tôi ra làm quan, chưa mất điều gì, mà đã được ba điều: Những điều trước học nay đem ra thực hành vì thế mà học càng rõ; bổng lộc dù bạc, cũng có thể chu cấp ít nhiều cho họ hàng, vì thế mà họ hàng càng gần; việc quan tuy bận, song cũng bớt được ít thời giờ đi thăm người đau, viếng người chết, vì thế mà bầu bạn càng thân".

Đức Khổng Tử nghe nói khen rằng: "Tử Tiện thực là người quân tử".

Gia Ngữ

GIẢI NGHĨA

Chu cấp: Chu - giúp, cấp - cho, giúp đỡ cho người ta những cái mà người cần đến.

Thân thiết: Gần gũi năng đi lại.

Thực hành: Đem ra làm thật sự.

Bạc: Mỏng, đối lại với hậu, đây là ít ỏi.

LỜI BÀN

Hai đoạn này bày ra hai cái cảnh phản đối lại hẳn với nhau. Cũng là

làm quan, mà một đàng "mất" một đàng "được" khác nhau chẳng qua là chỉ do tự mình cả, chớ không phải nghề làm quan bó buộc mình phải như thế. Đức Khổng Tử khen người "được" là quân tử, thì tất bỉ người "mất" là tiểu nhân. Ôi! làm quan tuy là bận việc, tuy là ít lương, tuy là hẹp thời giờ, mà vẫn học hành cho rộng thêm trí thức mà vẫn chu cấp được cả cho bà con, mà vẫn ân cần cả với chúng bạn, thì cũng đáng phục là ông quan quân tử thật.

---

17. CAN VUA BỎ RƯỢU

Vua Cảnh Công nước Tề hay uống rượu, có bận say luôn mấy đêm ngày, xao lãng cả việc nước. Huyền Chương can, nói: "Nhà vua uống rượu say sưa như thế, hạ thần xin can, nhà vua không nghe, hạ thần xin tự tận."

Ngay lúc ấy án Tử vào yết kiến vua. Vua bảo: "Huyền Chương can ta bỏ rượu, không thì y tự tận. Nếu ta mà nghe, thì ta hóa ra non, nếu ta không nghe, lỡ Huyền Chương chết thì cũng đáng tiếc."

Án Tử nói: "May lắm! May mà Huyền Chương gặp được nhà vua, chớ như vua Kiệt, vua Trụ, thì chết mất rồi, còn đâu sống được đến bây giờ nữa!"

Cảnh Công nghe nói, tỉnh ngộ, tự hôm đó chừa rượu.

Án Tử Xuân Thu

GIẢI NGHĨA

Tề: Một nước chư hầu lớn, thời Xuân thu Chiến quốc ở vào địa phận tỉnh Sơn Đông bây giờ.

Hạ thần: Hạ: dưới, thần: bầy tôi. Tiếng bầy tôi xưng với vua.

Tự tận: Tự mình làm cho mình chết.

Yết kiến: Vào hầu.

Kiệt, Trụ: Hai vua tàn bạo, độc ác say mê tửu sắc, bỏ cả chính sự đến nỗi mất nước.

Tỉnh ngộ: Đang say mê việc gì mà biết hối lại.

Án Tử Xuân Thu: Bộ sách ghi chép những công việc cùng lời nói của Án Tử. Án Tử tức Án Anh, tên tự là Bình Trọng, người nước Tề thời Xuân Thu, làm tướng ba đời vua Linh Công, Trang Công, Cảnh Công, có tính cần kiệm, một bụng trung thành nổi tiếng thời bấy giờ.

18. KHÉO CAN ĐƯỢC VUA

Vua Cảnh Công nước Tề có con ngựa quý, giao cho một người chăn nuôi. Con ngựa tự nhiên một hôm lăn ra chết. Vua giận lắm, cho là giết ngựa, sai ngay quân cầm dao để phanh thây người nuôi ngựa. Án Tử đang ngồi chầu, thấy thế, ngăn lại, hỏi vua rằng: "Vua Nghiêu vua Thuấn xưa phanh người thì bắt đầu từ đâu trước?"

Cảnh Công ngơ ngác nhìn rồi nói: "Thôi hãy buông ra, đem giam xuống ngục để rồi trị tội."

Án Tử nói: "Tên phạm này chưa biết rõ tội gì mà phải chịu chết, thì vẫn tưởng là oan. Tôi xin vì vua kể rõ tội nó, rồi hãy hạ ngục."

Vua nói: "Phải."

Án Tử bèn kể tội rằng: "Nhà ngươi có ba tội đáng chết. Vua sai nuôi ngựa mà để ngựa chết, là một tội đáng chết. Lại để chết con ngựa rất quý của vua, là hai tội đáng chết. Để vua mang tiếng, vì một con ngựa mà giết một mạng người, làm cho trăm họ nghe thấy ai cũng oán vua, các nước nghe thấy ai cũng khinh vua, ngươi làm chết một con ngựa mà để đến nỗi dân gian đem lòng oán giận, nước ngoài có bụng dòm dỏ, là ba tội đáng chết. Ngươi đã biết chưa? Bây giờ hãy tạm giam ngươi vào ngục..."

Cảnh Công nghe nói ngậm ngùi than rằng: "Thôi, tha cho nó! Thôi, tha cho nó! Kẻo để ta mang tiếng bất nhân."

Án Tử Xuân Thu

GIẢI NGHĨA

Tề: Một nước chư hầu lớn, thời Xuân thu Chiến quốc ở vào địa phận tỉnh Sơn Đông bây giờ.

Phanh thây: Mổ người, róc xương, lấy thịt.

Vua Nghiêu vua Thuấn xưa ...: Câu nầy hỏi thế là có ý làm cho Cảnh Công không có lối mà trả lời. Đời Nghiêu, Thuấn chưa có tội phanh thây.

Thôi hãy buông ra: Cứ theo như sách án Tử Xuân thu thì là "Tòng quả nhân thủy" (khởi tự ta ra) theo Hàn Thi Ngoại truyện thì lại là Túng chi (buông ra). Đây dịch là buông ra để ăn nghĩa với câu trên.

Trăm họ: Chỉ nhân dân trong nước.

Dòm dỏ: Ngấp nghé xem người ta hở cơ thì làm hại.

LỜI BÀN

Vua Cảnh Công thấy con ngựa yêu của mình chết, mà bắt phanh thây kẻ nuôi ngựa là đang cơn tức giận, không còn biết nghĩa lý, pháp luật là gì nữa. Thế mà Án Tử can ngăn được là vì tuy gọi chiều lòng, kể tội người nuôi ngựa, mà kỳ thực lại gợi đến cái lòng nhân ái của Cảnh Công làm cho Cảnh Công phải tỉnh ngộ và biết hối. Giỏi thay! Mấy lời nói dịu dàng, thảnh thơi mà cảm hóa được quân vương.

19. CHẾT MÀ CÒN RĂN ĐƯỢC VUA

Cừ Bá Ngọc là người hiền mà vua Linh Công nước Vệ không dùng. Di Tử Hà là người dở mà vua lại dùng.

Sử Ngư thấy thế, đã răn nhiều lần, mà vua không nghe. Lúc ông có bệnh, sắp mất, dặn con rằng: "Ta làm quan tại triều nước Vệ, không hay tiến được Cừ Bá Ngọc, thoái được Di Tử Hà thế là bầy tôi không khuyên răn nổi vua, thì khi ta nhắm mắt, không được làm đủ lễ. Cứ để thây ta dưới cửa sổ, thế là xong việc cho ta"

Lúc ông mất, người con cứ làm theo lời dặn. Vua Linh Công đến viếng thấy vậy, lấy làm ngạc nhiên.

Người con đem lời di chúc của cha tâu lại. Vua thất sắc nói rằng: "Ấy là cái tội của quả nhân!"

Rồi sai người đem xác ông Sử Ngư vào nhà, bắt khâm liệm và mai táng cho đủ lễ.

Sau quả nhiên vua Linh Công dùng Cừ Bá Ngọc mà bãi Di Tử Hà.

Đức Khổng Tử nghe truyện ấy, nói: "Đời cổ những gián quan đến lúc chết là hết cả mọi việc, chưa có ai được như Sử Ngư chết rồi mà còn dùng xác để can vua làm cho vua phải cảm động mà nghe mình. Thế chẳng là trung trực lắm ư!"

Gia ngữ

GIẢI NGHĨA

Tiến: Cử lên làm một chức gì.

Thoái: Trừ bỏ đi.

Thất sắc: Mặt tự dưng tái đi.

Khâm liệm: Khâm: đồ bổ khuyết xếp trên, dưới bốn bên thây người trong áo quần cho chặt; liệm: vải hay lụa để bó thây người chết.

Gián quan: Chức quan chủ việc cản ngăn vua mà đàn hặc các quan khi có lầm lỗi.

Trung trực: Trung: hết lòng; trực: ngay thẳng.

LỜI BÀN

Đời quân chủ chuyên chế, phải có những chức gián quan thì mới có

người chế hạn được quyền vua, can vua bỏ điều xằng, khuyên vua làm điều hay. Nếu can khuyên vua không được thì chẳng là không làm hết cái chức trách rất trọng của gián quan ư? Nhưng một đàng vua cứ nhất định không nghe, một đàng mình cố sức can mãi đến lúc chết chưa thôi, còn lấy xác can nữa, thì thực là đáng khen cái tâm chí sâu xa bền chặt ấy! Xem chuyện Sử Ngư lại nhớ đến chuyện bác sĩ Bergonie suốt đời hết lòng với khoa học, lúc chết, cũng hiến xác cho người ta mổ xẻ để nghiên cứu về y học. Như thế mới thực là những gương sáng tận tâm với chức vụ để cho thiên hạ soi chung.

20. YÊU NÊN TỐT GHÉT NÊN XẤU

Trước, vua nước Vệ rất yêu Di Tử Hà. Cái phép nước Vệ, ai đi trộm xe của vua, thì phải tội chặt chân. Mẹ Di Tử Hà đau nặng. Đêm khuya có người đến gọi, Di Tử Hà vội vàng lấy xe vua ra đi. Vua nghe thấy, khen rằng: "Có hiếu thật! Vì hết lòng với mẹ, mà quên cả tội chặt chân."

Lại một hôm, Di Tử Hà, theo vua đi chơi ở ngoài vườn, đang ăn quả đào thấy ngọt còn một nửa, đưa cho Vua ăn. Vua nói: "Yêu ta thật! Của đang ngon miệng mà biết để nhường ta."

Về sau, vua không có lòng yêu Di Tử Hà như trước nữa. Một hôm phạm lỗi, vua giận nói rằng: "Di Tử Hà trước dám thiện tiện lấy xe của ta đi. Lại một bận dám cho ta ăn quả đào thừa. Thực mang tội với ta đã lâu ngày."

Nói xong bắt đem trị tội.

Ôi! Di Tử Hà ăn ở với vua trước sau cũng như vậy, thế mà trước vua khen, sau vua bắt tội, là chỗ tại khi yêu khi ghét khác nhau mà thôi. Lúc được vua yêu, chính đáng tội thì lại hóa công thần; lúc phải vua ghét, chính không đáng tội thì lại hóa ra sơ cho nên người muốn can ngăn, đàm luận với vua điều gì, thì trước phải xem xét cái lòng vua yêu hay vua ghét tính thế nào rồi hãy nói.

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA

Di Tử Hà: Người thời Xuân Thu, làm quan đại phu nước Vệ.

Chặt chân: Một thứ hình trong năm hạng trọng hình đời cổ.

Thiện tiện: Chính mình không được làm như vậy mà cứ làm liều.

Trị tội: Đem luật hình ra mà trừng trị kẻ phạm phép.

Thân: Gần, đằm thắm, quý hóa.

Sơ: Xa, hững hờ, ghét bỏ.

Đàm luận: Nói năng, bàn bạc

LỜI BÀN

Sự yêu, ghét thường làm cho người ta mờ đi không rõ hẳn được cái

giá trị của người được yêu hay bị ghét ra thế nào. Không nói gì yêu người này, ghét người nọ, cũng chỉ là một người ấy, lúc yêu cho ra thế này, lúc ghét cho ra thế kia. Cái thói thường: yêu thì nên tốt, ghét thì nên xấu, khen chanh thì chanh ngọt, chê hồng thì hồng chua. Trong bụng đã thế, thì cư xử chắc cũng theo như thế, lúc yêu hậu bao nhiêu, thì đến lúc ghét lại bạc bấy nhiêu, yêu nhau cau sáu bổ ba, ghét nhau cau sáu bổ ra làm mười. Lại chẳng những yêu ghét riêng một người ấy, thường yêu ghét đến cả những sự hay những người có can thiệp đến người ấy, yêu nhau yêu cả tông chi, ghét nhau ghét cả đường đi lối về. Sự yêu, ghét làm cho ta thiên và nhẩm như thế, cho nên ta muốn cho công bình, khi yêu khi ghét phải nên rõ cái giá trị của người được yêu hay bị ghét, biết chỗ phải cũng phải biết chỗ trái, biết chỗ trái cũng phải biết chỗ phải cho người ta mới được.

21. HÀ BÁ LẤY VỢ

Dân đất Nghiệp có tục cứ mỗi năm góp tiền mua một người con gái ném xuống sông để làm vợ cho Hà Bá. Sự mê tín ấy có đã lâu ngày, không ai phá nổi. Lúc ông Tây Môn Báo, đến làm quan ở đấy, ông thân hành ra đứng làm chủ lễ cưới cho Hà Bá. Trước mặt đông đủ cả bô lão, hào trưởng, ông đồng bà cốt, ông cho gọi người con gái đến. Ông xem mặt xong, chê rằng: "Người con gái này không được đẹp! Ta nhờ bọn ông đồng xuống nói với Hà bá xin hoãn lại hôm khác, để tìm người đẹp hơn". Ông lập tức sai lính khiêng một ông đồng quăng xuống sông.

Một lúc, ông nói: "Sao lâu thế này!" Rồi ông bảo đám bà cốt xuống nói hộ. Lập tức sai lính bắt một bà cốt ném xuống sông.

Một lúc, ông nói: "Sao không thấy tin tức gì cả! Chừng lũ đồng cốt xuống nói không nên lời. Dám phiền các cụ bô lão đi giúp cho. Lại lập tức sai lính lôi một cụ vứt xuống sông.

Một lúc, ông nói: "Sao mãi không thấy về thế này! Bọn đồng cốt, bô lão dễ đi cũng không được việc, phải nhờ đến bậc hào trưởng mới xong."

Lúc bấy giờ bao nhiêu người đều xám xanh mặt lại van lạy xin thôi. Tây Môn Báo nói: "Để thong thả ta xem đã..." Mọi người run như cầy sấy. Một chốc ông mới bảo: "Thôi tha cho họ Thế là Hà bá không lấy vợ nữa rồi".

Thành thử từ đây dân đất Nghiệp không ai dám nhắc đến truyện Hà bá lấy vợ nữa.

Sử Ký

GIẢI NGHĨA

Nghiệp: Tên một huyện đời nhà Hán tức là huyện Lâm Chương tỉnh Hà Nam bây giờ.

Tục: Thói quen lưu truyền lâu ngày đã thành nếp. Hà bá: Thần ở dưới nước.

Mê tín: Tin một cách mê muội không biết lẽ phải là thế nào nữa.

Tây Môn Báo: Người nước Ngụy thời Chiến Quốc làm quan rất

giỏi, trừ được hại, hưng được lợi cho dân.

Thân hành: Chính mình đi làm lấy một việc gì.

Bô lão: Các cụ già.

Hào trưởng: Kẻ có quyền thế, làm bực trên trong dân làng.

LỜI BÀN

Sự mê tín thường làm hư người, tốn của, nát nhà, có khi mất cả mạng, thật là tai hại. Khi mê tín đã thành tục, thì khó lòng mà phá nổi. Muốn phá, tất phải dụng tâm khéo làm sao mới được. Ông Tây Môn Báo sở dĩ mà phá nổi cái tục cưới vợ cho Hà bá là vì ông biết trừ tự cái gốc rễ; tức là đám đồng cốt quàng xiên, bọn cường hào ngoan cố, xưa nay quen thói cổ hoặc những nhiễu người ta để kiếm ăn, để cầu lợi. Trừ hai hạng ấy để cứu vớt lương dân, chỉnh đốn phong tục thật là công minh và cương quyết vậy.

22. GHÉT CON KHÔNG GIỐNG MÌNH

Doãn Văn Tử sinh được một đứa con, không thấy giống mình, lấy làm giận lắm, thường đánh đập luôn. Một hôm đang cầm gậy đánh, thấy Tử Tư đến chơi bèn nói rằng: "Nó không giống tôi, không phải là con tôi. Tôi lại ngờ mẹ nó có ngoại tình mà đẻ ra nó, nên tôi muốn bỏ ..."

Tử Tư hỏi: "Cứ như ông nói thì vợ vua Nghiêu vua Thuấn cũng chẳng đáng ngờ ư? Hai ông là bậc thánh đế mà đẻ ra Đan Chu và Thương Quân thực không bằng kẻ thất phu. Như thế thì còn cái gì mà giống cha? Cái đạo thường, thì phần nhiều cha mẹ làm sao đẻ ra con được như vậy. Nhưng cha hiền mà đẻ con ngu thì cũng là cái thế thường tự nhiên như thế, chớ nào có phải tội tự người vợ đâu?"

Doãn Văn Tử nghe hiểu, nói rằng: "Thôi, xin ông đừng nói nữa."

Rồi về sau Văn Tử không bỏ vợ.

Khổng Tùng Tử

GIẢI NGHĨA

Khổng Tùng Tử: tên bộ sách, ba quyển, 21 thiên của Khổng Phụ làm ra.

Khổng Phụ, tên Tử Ngư hay Tử Giáp, cháu đời thứ tám của Khổng Tử.

LỜI BÀN

Có cha ấy tất phải có con ấy, thường thì vẫn thế. Nhưng không phải cái lý nhất định bao giờ cũng như thế. Có khi cha mẹ rất hay mà đẻ con ra rất dở. Hổ phụ khuyển tử cũng nhiều, chớ ghét đứa con vì nó không giống mình, cầm gậy đánh nó, rồi lại rắp tâm đuổi mẹ nó đi, thì cũng chẳng là tự ái quá mà hóa ra si ư? Cha mẹ sinh con, trời sinh tính, cố nhiên là thế. Nhưng đẻ con phải dạy, dạy con là việc rất cần. Nếu đẻ con chẳng dạy, để vậy mà nuôi rồi cứ trách con dở, giận con hư, đó là lỗi nặng của người làm cha mẹ vậy.

23. LỢN MẸ GIẾT CON

Họ Tử Xa có con lợn nái sắc đen tuyền đẻ một lứa ba con, hai con đen tuyền, một con loang lổ. Lợn nái nuôi hai con lợn con giống mình rất chăm chỉ cẩn thận, hơi một tí cũng lo sợ. Còn con lợn loang lổ khác mình thì ghét bỏ, sau cắn chết xé cả gan ruột nát nhừ mới thôi.

Tử Hoa Tử nói: "Gớm thay tâm thuật hay chuyển di. Mắt đã mờ về kẻ giống mình hay khác mình, thì bụng sanh ngay ra có kẻ yêu, kẻ ghét. Đã ghét, đến con ruột đẻ ra mà cũng hại cả con mà không hối huống chi người khác máu với mình. Người đời lúc bình cư, thì âu yếm thân thiết, thề ước cùng nhau tưởng keo sơn cũng không bằng. Khi lâm đến thế lợi, chỉ chênh nhau bằng sợi tơ sợi tóc, thì mặt đã đổi sắc, cơn giận nổi lên và tìm cách tàn hại nhau ngay lập tức. Gớm thay! Tâm thuật chuyển di, tưởng chẳng khác gì con lợn nái.

Tử Hoa Tử

GIẢI NGHĨA

Tử Xa: quan Đại phu nước Tần.

Tâm thuật: cách nghĩ trong tâm não làm thế này thế kia.

Chuyển di: Thay đổi.

Thế lợi: quyền thế, tài lợi.

LỜI BÀN

Thói thường, đồng chủng đồng tông, hay đồng tình, đồng chí thì ưa nhau, mến nhau, còn ngoại giả, thì đem bụng ngờ vực, ghen ghét, coi người ta như cừu địch cả, thực là hẹp hòi đáng tiếc. Người quân tử không bao giờ lấy cái hình sắc khác nhau mà thành bụng yêu hay sinh bụng ghét, lại nhất là, không lấy cái tư tưởng thế lợi trái nhau là lúc hợp, lúc ly, lúc thân, lúc sơ, lúc thề ước, lúc tàn hại nhau bao giờ. Người ta tuy không cùng nòi giống, cùng tư tưởng, cùng chí hướng với mình, nhưng người ta là hạng quang minh chính đại, mình cũng nên có lòng thân yêu, có lượng cao cả để đối với người ta thì mới đáng gọi là yêu đồng bào và trọng nhơn đạo. Nếu không thì tâm thuật lợn nái mất rồi!

24. GIÁP ẤT TRANH LUẬN

Giáp hỏi Ất: "Đúc đồng làm chuông, đẽo gỗ làm dùi, lấy dùi đánh chuông tiếng kêu boong - boong thì tiếng kêu ấy là gỗ kêu hay đồng kêu?"

Ất đáp: "Lấy dùi gõ vào tường vách không kêu, gõ vào chuông kêu, thế thì tiếng kêu ở như đồng."

Giáp hỏi: "Lấy dùi gõ vào đồng tiền trinh không kêu, thế thì có chắc tiếng kêu ở như đồng mà ra không?"

Ất nói: "Đồng tiền đặc, cái chuông rỗng, vậy tiếng kêu ở như các đồ vật rỗng mà ra."

Giáp hỏi: "Lấy gỗ, lấy bùn làm chuông đánh không ra tiếng, thế thì có chắc tiếng kêu là ở đồ vật rỗng mà ra không?"

Âu Dương Tu

GIẢI NGHĨA

Tiền trinh: tiền đồng, có người cho tiền đồng bên Trung Quốc đem sang ta đầu tiên là tiền đồng niên hiệu Càn Trinh nên gọi là tiền trinh.

Âu Dương Tu: Người đời nhà Tống thi đỗ tiến sĩ làm quan Hiếu sư, là một nhà văn chương có tiếng.

LỜI BÀN

Cứ xem Giáp, Ất tranh luận, thì cũng phân vân, không rõ tiếng kêu là tự chuông hay tự dùi ra. Chuông là đồng vốn kêu, nhưng không có dùi đánh vào, không kêu. Vậy có muốn tiếng kêu, tất phải có cả chuông cả dùi mới được. Tiếng kêu là gì? Chẳng qua là cái âm thanh từ hai vật chọi nhau, chạm vào nhau mà sinh ra. Tuy vậy, nếu nói tiếng kêu là tự cả chuông, cả dùi mà ra, thì hình như giữ cái chủ nghĩa "hai phải" trắng, đen là một. Thế mới hay, lẽ phải không cùng, càng nghị luận lắm, có khi lại càng như bối rối thêm ra, không tài nào gỡ rối. Nên biết được thế nào, thì hay thế, chớ cứ cố chấp nhất câu nệ cho mình là phải, không bết cái phần phải của người, thì là có tính nhân thiên và lượng hẹp. Nói cho đúng: muốn rõ vật lý, cần phải có khoa học. Không biết khoa học mà bàn luận vật lý thì không tài nào xác thực được.

25. MẶT TRỜI XA, GẦN

Khổng Tử đi chơi ra phía đông, thấy hai đứa bé cãi nhau,hỏi tại làm sao, thì một đứa nói rằng: "Tôi thì tôi cho mặt trời, lúc mới mọc, ở gần ta hơn, về buổi trưa, ở xa ta hơn."

Còn một đứa nói: "Tôi thì tôi cho mặt trời lúc mới mọc ở xa ta hơn, về buổi trưa, ở gần ta hơn,"

Đứa trước cãi: "Mặt trời lúc mới mọc to nhứ cái bánh xe, đến giữa trưa, nhỏ như cái bát ăn, thế chẳng phải tại xa ta mới nhỏ, gần ta mới to là gì?"

Đứa sau cãi: "Lúc mặt trời mới mọc, thì mát mẻ, đến giữa trưa thì nóng nực, thế chẳng phải tại gần ta mới nóng, xa ta mới mát là gì?"

Khổng Tử nghe nói, không giải quyết được ra làm sao.

Hai đứa bé cười bảo: " Thế thì cho ông là người học rộng hiểu nhiều thế nào được "

Liệt Tử

LỜI BÀN

Buổi sáng, buổi trưa, mặt trời ở cách trái đất cũng không phải lúc gần, lúc xa gì cả. Nếu buổi sáng, thấy mát, buổi trưa thấy nóng hơn, chẳng qua là tại tia nóng mặt trời chiếu vào chỗ ta ở trên mặt đất, buổi sáng còn chếch, buổi trưa mới thẳng. Vả chăng buổi sáng, còn những sương móc ban đêm chưa tan hết cho nên mát hơn buổi trưa là lúc khí nóng tụ tích mãi vào, cho nên nhiệt độ càng cao. Còn nếu buổi sáng, trông mặt trời to, buổi trưa trông mặt trời nhỏ, chẳng qua là một cõi hoãn hình của con mắt trông như thế mà thôi. Mặt trời đâu vẫn ở đó. Trái đất xoay chung quanh mặt trời. Lúc mặt trời mọc, con mắt trông chếch, đến buổi trưa, con mắt trông thẳng mà lại trông qua từng không khí, cho nên thấy to nhỏ khác nhau. Vậy chỉ tại người trông hóa to, nhỏ, chớ không phải chính mặt trời xa, gần gì cả. Ấy đại để bây giờ thì ta giải nghĩa như thế. Nhưng ở vào cái đời ông Khổng, khoa học chưa có mấy, thì xem hai đứa bé suy lý với nhau, đứa nào cũng phải, khó lòng mà quyết định được thật. Vả lại ngừơi ta thông minh, thánh trí đến đâu cũng không sao biết cho hết mọi sự vật được. Vì rằng đời người sống có hạn, mà sự trí thức thì mông mênh, không bờ bến nào!



26. CÁCH PHỤC LÒNG NGƯỜI

Mình làm người sang trọng giàu có, thì chớ nên kiêu sa.

Mình là bậc trông minh tài trí, thì chớ nên khinh ngạo.

Mình có sức lực khỏe mạnh, thì chớ nên đè nén người.

Mình ăn nói linh lợi, thì chớ nên dối trá người.

Mình còn kém thì phải học, chưa biết thì phải hỏi.

Đối với làng nước, thì phải giữ cái trật tự trên dưới.

Đối với người nhiều tuổi, thì phải giữ cái nghĩa con em.

Đối với người bằng vai, thì phải giữ cái nghĩa bầu bạn.

Đối với lũ trẻ thơ, thì phải dạy bảo khoan dung.

Như vậy thì ai cũng yêu, ai cũng kính, không ai tranh giành với mình. Tâm địa rộng rãi thênh thang như trời đất, thì bao bọc được cả muôn loài.

Hàn Thi Ngoại Truyện

GIẢI NGHĨA

Hàn Thi Ngoại Truyện: là bộ sách chép những câu nói đời xưa, dưới mỗi bài có những chứng dẫn mấy câu thơ của Hàn Anh làm.

Hàn Anh là người đời nhà Hán làm bác sĩ đời vua Văn Đế lấy những ý trong thơ của người ta mà làm Nội, Ngoại truyện gọi là Hàn Thi, bây giờ chỉ còn ngoại truyện mà thôi.

LỜI BÀN

Muốn cho người tâm phục, không phải lấy tiền tài hay quyền thế mà khiến được, tất phải biết cách cư xử với người cho phải đạo thì mới được. Bài này chính tóm tắt mấy câu về cái đạo ấy. Đoạn trên cốt ngăn ngừa mấy câu, cái ác tính thường kẻ hơn người hay mắc phải. Đoạn dưới nói cách ăn ở với mọi bậc người trong xã hội. Nói tóm lại khiêm nhã kính ái là một phương pháp rất hay để ở đời.

27. LÒNG CƯƠNG TRỰC

Thôi Trữ là quyền thần nước Tề, định giết vua Trang Công, bèn hội họp sĩ phu lại ăn thề. Ai nấy đều sợ hãi, răm rắp vâng lời. Duy có Án Tử nghiễm nhiên như không nhất quyết không chịu thề.

Thôi Trữ bảo Án Tử: "Ngươi nghe ta. Ta lấy được nước thì ta cho một nửa. Nhược bằng không nghe, ta giết ngay lập tức."

Lúc ấy, bốn mặt quân lính hầm hầm những muốn đưa gươm giáo ra đâm chém Án Tử. Chết đến nơi, mà Án Tử vẫn không biến sắc mặt, ung dung nói rằng: "Lấy lợi nhử người ta, mà bảo người ta phản bội quân thượng là bất nhân, lấy binh khí hiếp người ta mà làm người ta mất chí khí là bất dũng. Giết thì giết, ta đây không theo việc nhà ngươi làm."

Thôi Trữ nghe nói, không dám làm gì Án Tử. Án Tử đứng dậy ung dung bước ra.

Tả Truyện

GIẢI NGHĨA

Cương trực: cứng rắn, ngay thẳng.

Quyền thần: người bầy tôi chiếm hết cả quyền của vua chúa.

Sĩ: quan nhỏ.

Phu: quan to.

Ăn thề: giết một con vật lấy máu cùng uống mà thề ước với nhau làm một việc gì.

Tả Truyện: Sách của Tả Khưu Minh nhà Chu làm, kể những sự về lịch sử thời Xuân Thu.

LỜI BÀN

Cường quyền thường muốn át công lý, tuy vậy công lý vẫn hay uốn được cường quyền. Thôi Trữ mạnh biết bao nhiêu, mà chỉ một câu nói của Án Tử cũng đủ làm cho phải lùi. Thế mới hay cái lòng người, cái lẽ phải có sức hơn là mũi gươm, ngọn giáo. Những người có lòng trung nghĩa, có tính cương quyết như Án Tử, cứng như sắt, đỏ tựa son, dù nguy cấp thế nào cũng không đổi đại tiết chính là những người giữ được công lý để đối phó với cường quyền.



28. TRÍ, TRUNG, DŨNG.

Nước Trần bị nước Sở đánh, phá tan mất cửa thành bên Tây. Sau người Sở bắt dân nước Trần ra tu bổ lại cửa thành ấy.

Một hôm đức Khổng Tử đi xe qua đấy, không cúi đầu vào miếng gỗ trước xe. Thầy Tử Cống dừng cương lại, hỏi: "Cứ theo lễ, đi xe qua chỗ ba người thì phải xuống, qua chỗ hai người thì phải cúi đầu vào miếng gỗ trước xe để tỏ lòng kính trọng. Nay quan, dân nước Trần sửa sang cửa thành biết bao nhiêu là người, thế mà thầy đi qua, không có lòng kính trọng, là cớ làm sao?

Đức Khổng Tử nói: "Nước mất, mà không biết, là bất trí ; biết, mà không lo liệu, là bất trung ; lo liệu, mà không liều chết là bất dũng. Số người nước Trần tuy đông, mà ba điều ấy không biết được một, thì bảo ta kính làm sao được!

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA

Tu bổ: sữa sang chữa lại.

Bất trí: ngu dại không biết phải trái.

Bất trung: chểnh mảng không hết lòng với vua, với nước.

LỜI BÀN

Cứ theo cổ lễ rất phiền (ba người xuống xe) nhưng đức Khổng tử vốn là người hay giữ lễ nên thầy Tử Cống mới hỏi. Đức Khổng Tử đáp thế, ý hẳn quan dân nước Trần bấy giờ ai nấy đều ra dáng vui vẻ, hình như không còn ai biết đến nước là gì. Nếu quả vậy thì có người cũng như không, ngài không kính rất là phải, ví rằng: "Ngu dân bách vạn vị chi vô dân", nghĩa là nhân dân ngu dại thì tuy dân số nhiều đến trăm vạn, cũng đáng bảo là không có người dân nào.

29. BIẾT LẼ NGƯỢC, XUÔI

Việc đời có lắm cái hình như ngược, mà thật thì xuôi, có lắm cái hình như xuôi, mà thật ra lại ngược. Ai biết rõ việc thật ngược, xuôi thế nào, người ấy mới là người tinh đời. Phàm cái gì đã đến cùng cực thì tất nhiên phải quay trở lại; dài quá thì tất phải ngắn dần đi; ngắn quá thì tất lại dài dần ra. Đó là cái lẽ tự nhiên như thế.

Vua Trang Vương nước Kinh muốn đánh nước Trần, sai người sang dò. Người ấy về nói: “Nước Trần không nên đánh."

Trang vương hỏi: “Tại làm sao?

Người ấy thưa rằng: "Nước Trần thành cao, hào sâu, kho tàng súc tích nhiều."

Triều thần có người Ninh Quốc nói: “Như thế thì nước Trần nên đánh lắm. Nước Trần vốn là nước nhỏ, mà kho tàng súc tích nhiều thì chắc là thuế má nặng. Thuế má nặng thì tất dân oán vua. Thành cao, hào sâu thì phục dịch nhiều. Phục dịch nhiều, thì tất dân kiệt sức. Nếu ta đem quân sang đánh, tất lấy được Trần.”

Vua Trang Vương nghe lời, cất quân đánh, quả lấy được nước Trần.

Lã Thị Xuân Thu

GIẢI NGHĨA

Dài quá thì ...: câu này ý nói đầy, vơi, tròn, khuyết, dài, ngắn, thường hay đắp đổi cho nhau. Thí dụ như ngày hạ chí là ngày dài nhất trong một năm, thì những ngày sau ngày hạ chí tất cứ mỗi ngày mỗi ngắn dần, lại ngày đông chí là ngày ngắn nhất thì những ngày sau ngày đông chí lại dài dần mãi ra.

Kinh: cũng là tên nước Sở.

Súc tích: chứa chất để dành.

LỜI BÀN

Bài này có hai đoạn: Đoạn trên nói cái lẽ ngược, xuôi, đoạn dưới dẫn một câu thí dụ. Ở đời có lắm cái tưởng là xuôi, mà thực là ngược, có lắm cái cho là ngược, mà thực là xuôi. Ngược, xuôi điên đảo rất là khó phân. Chỉ có người nào không chịu xét bề ngoài, biết cái đầy, vơi, tròn, khuyết, dài, ngắn, đắp đổi cho nhau là mới đóan trúng được. Như

người sứ đây, đến tận nơi, mắt trông thấy thế nào chỉ biết có thế thôi, chớ Ninh Quốc vẫn ở nhà, lấy cái lý mà biết rõ được, cái tình hình ở bên trong thực là người cao đoán vậy.

30. TÀI NGHỆ CON LỪA

Đất Kiểm xưa nay vốn không có lừa. Có người hiếu sự, tải một ít lừa đến đấy nuôi. Lừa thả ở dưới chân núi. Buổi đầu, hổ trong núi ra, trông thấy lừa, cao lớn, lực lưỡng tưởng là loài thần vật mới giáng sinh. Lại thấy lừa kêu to, hổ sợ quá, cong đuôi chạy. Dần dần về sau hổ nghe quen tiếng, thấy lúc nào lừa kêu cũng thế lấy làm khinh thường. Một hôm, hổ thử vờn, nhảy xông vào đầu lừa. Lừa giận quá, giơ chân đá, đá đi đá lại quanh quẩn chỉ có một ngón đá mà thôi. Hổ thấy vậy, mừng bụng bảo dạ rằng: “Tài nghệ con lừa ra chỉ có thế mà thôi!” Rồi hổ gầm thét chồm lên, vồ lừa, cấu lừa, cắn lừa, ăn thịt lừa đoạn rồi đi.

Liễu Tôn Nguyên

GIẢI NGHĨA

Kiểm: nước Sở thời Chiến Quốc, tức là huyện Nguyên Lăng, tỉnh Hồ Nam ngày nay.

Hiếu sự: hay bày việc, sinh việc.

Liễu Tôn Nguyên: tên tự là Tử Hậu, tinh anh tuyệt vời, văn chương nổi tiếng, đỗ Tiến sĩ làm quan Thứ Sử, là một bậc danh nhân đời nhà Đường.

LỜI BÀN

Bài này có ý nói: Ở đời có lắm người, lắm sự, lúc mới biết cho là lạ, thì còn ưa, còn sợ, đến lúc đã biết rõ rồi thì lại khinh thường, chẳng coi vào đâu nữa. Nhác trông ngỡ tượng tô vàng, nhìn ra mới biết là chẫu chàng ngày mưa. Nhưng bài này lại có ý chê người khờ dại không biết giữ thân cho kín đáo, để đến nỗi người ta dòm được tâm thuật của mình mà làm hại mình, như con lừa bị con hổ hại vậy. Những nhà làm văn bây giờ vẫn thường hay dùng hai chữ “kiềm lô” (lừa đất Kiểm) để chỉ những người tài nghề kém cỏi, không có gì lạ.

31. ĐÁNH ĐÀN

Vua nước Tề thích nghe sáo. Có kẻ muốn cầu chút công danh, đem đàn đến đứng trước cửa Nhà vua mà đánh. Đánh luôn ba năm, mà vua không hỏi tới. Anh ta giận lắm, gắt mà nói rằng: “Ta đánh đàn đến cả quỷ thần cũng phải say mê, thế mà vua không biết cho ta!”

Có người nghe nói, cười mỉa, bảo rằng: "Vua thích nghe tiếng sáo, mà bác đánh đàn, cho đàn bác hay đến đâu, nhưng vua không thích thì làm thế nào được? Thế là bác chỉ giỏi ngón đàn, chớ không khéo cầu danh ở nước Tề này vậy!”

GIẢI NGHĨA

Công danh: công là khó nhọc mà được việc, danh là tiếng tăm; công danh là đem sự khó nhọc ra để được danh giá.

LỜI BÀN

Đem đàn ra đánh cho người thích nghe sáo, mà cầu cho người ta ưa mình, thì chẳng là khờ vụng lắm ư! Cho nên mình tuy có tài, muốn thi thố cái tài, thì phải dò trước xem người dùng mình có ưa cái tài ấy không. Bằng không, mà mình cũng cứ phô tài, thì chẳng những việc muốn cầu không được, mà lại để thiên hạ người ta chê cười cho nữa.

32. THỔI SÁO

Vua Tuyên Vương nước Tề thích nghe sáo, và lúc nào muốn nghe, bắt ba trăm người cùng thổi một loạt. Trong ba trăm người ấy, có Đông Quách tiên sinh không biết thổi sáo, nhưng cũng lạm dự vào đây để kiếm lương ăn.

Đến khi vua Tuyên Vương mất, vua Mẫn Vương nối ngôi, cũng thích nghe sáo. Nhưng chỉ muốn nghe riêng từng người một mà thôi. Đông Quách tiên sinh thấy thế, tìm đường trốn trước.

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA

Đông Quách tiên sinh: bấy giờ các nhà làm văn thường dùng bốn chữ này để chế nhạo những người vô tài mà lạm dự vào một địa vị nào. Chính nghĩa bốn chữ ấy là nhà thầy (tiên sinh) họ Đông Quách hay ở ngoài thành bên phía đông (Đông Quách)

Lạm dự: ăn may mà được hưởng một phần quyền lợi quá tài đức mình.

LỜI BÀN

Những kẻ vô tài, gặp may nhờ dịp, mà được làm quan, có khác gì Đông quách tiên sinh nói trong chuyện này? Những khi ồ ạt, gọi là có mặt cho đủ số, thì còn giữ được địa vị, chứ đến khi khảo sát từng người một thì tài nào mà không bị thải.

33. NGƯỜI NƯỚC LỖ SANG NƯỚC VIỆT

Hai vợ chồng người nước Lỗ, chồng khéo đóng giày, vợ khéo đan mũ, muốn đem nhau sang kiếm ăn ở nước Việt.

Có người đến bảo rằng: "Vợ chồng nhà bác đi chuyến này thế nào cũng cùng khổ.

Người nước Lỗ hỏi: Sao bác lại nói thế?

Người kia bảo: Giày dùng để đi, mà người Việt đi chân không, không thích đi giày; mũ dùng để đội, mà người Việt để đầu không, không cần đội mũ. Vợ chồng nhà bác làm giày, đan mũ giỏi thật, song đến ở nước người ta, người ta không dùng đến tài nghề của mình, thì làm thế naò mà không khốn cùng?"

Hai vợ chồng người nước Lỗ nghe nói, không sang nước Việt nữa.

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA

Việt: tên nước thời Xuân Thu ở vào tỉnh Chiết Giang, Giang Tô và một phần Sơn Đông bây giờ.

LỜI BÀN

Đến chỗ đi đầu không, mà bán mũ, đến chỗ đi chân không mà bán giày thì cũng giống như mùa rét mà bán quạt, mùa nực mà bán chăn bông, tuy trái nơi và trái thời khác nhau, nhưng cũng là trái, không được việc cho mình mà lại còn để tiếng cười cho thiên hạ nữa. Cho nên người có tài phải tìm nơi đáng ở mà ở chớ đem đàn mà gảy ta trâu thì có ích chi.

34. GIỮ LẤY NGHỀ MÌNH

Nước Trịnh có người học nghề làm dù che mưa ba năm mới thành nghề. Trời đại hạn, không ai dùng đến dù, anh ta bèn bỏ nghề làm dù, đi học nghề làm gầu tát nước. Lại học ba năm mới thành nghề làm gầu, thì trời mưa luôn mãi không ai dùng đến gầu. Bây giờ anh ta lại quay về nghề làm dù như trước. Không bao lâu, trong nước có giặc, dân gian nhiều người phải đi lính, mặc đồ nhung phục, không ai cần đến dù, anh ta xoay ra nghề đúc binh khí thì đã già quách rồi.

Úc Ly Tử thấy anh ta, thương tình, nói rằng:

- Than ôi, ngươi chẳng đã già đời mất rồi ư! Già hay trẻ không phải là tự người, là tự trời, điều ấy đã cố nhiên. Nhưng nghề nghiệp thành hay bại dù lỡ thời không gặp dịp, cũng không nên đổ cả cho trời, tất có mình ở trong. Ngày xưa nước Việt có một người làm ruộng, cấy lúa chiêm ba năm đều hại vì lụt cả . Có người bảo anh ta nên tháo nước mà cấy mùa, anh ta không nghe, cứ cấy chiêm như trước. Năm ấy nắng to, mà nắng luôn ba năm, vụ chiêm nào cũng được, thành ra anh ta kéo lại hoà cả mấy năm mất mùa trước. Cho nên có câu rằng: "Trời đại hạn nghĩ đến sắm thuyền, trời nóng nực nghĩ đến sắm áo bông", đó là một câu thiên hạ nói rất phải.

Lưu Cơ

GIẢI NGHĨA

Trịnh: Tên nước chư hầu thời Xuân Thu tức huyện Tân Trịnh, tỉnh Hà Nam bây giờ.

Đại hạn: Nắng to và nắng lâu ngày.

Nhung phục: Y phục nhà binh.

Úc Ly Tử: Tên một bộ sách của Lưu cơ thác danh làm Úc Ly Tử mà nói trong bài này.

Đại nạn sắm thuyền...: Ý nói người ta cứ phòng xa là hơn, ở đời thường có cái sức đang đi thế này, tất có lúc đi ngược hẳn lại, như nắng lâu quá tất có lúc mưa lụt, nóng nực quá tất có lúc giá rét, nên người khôn lúc nắng lâu nghĩ sắm thuyền trước để phòng khi ngập lụt, lúc nóng nực nghĩ sắm áo bông trước để phòng khi giá rét.

Lưu Cơ: Người đời Minh tên tự là Bá Ôn có công giúp vua Thái Tổ gây dựng lên nhà Minh, giỏi văn chương lại kiêm cả thiên văn binh pháp.

LỜI BÀN

Người ta làm nghề gì, ai chẳng muốn cho nghề ấy được phát đạt, thịnh vượng. Song gặp thời, thì hay, lỡ thời, hoá dở. Như thế thì cái thời cũng là quan hệ với nghề của mình lắm. Khốn cái thời là tự ở đâu đâu chớ không tự mình gây lấy được, cho nên có lắm người làm nghề, không thành nghề, thường nói rằng: "Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên" nghĩa là người chỉ mưu tính công việc, còn công việc nên, hay không nên, là do tại trời. Song người có gan, dù cho lỡ thời cũng cứ vững dạ mà giữ lấy nghề, vì nghề chắc đã thành, thì tất cũng có chốn dụng, chẳng chóng thì chầy, chẳng nhiều thì ít, chớ cứ nay làm nghề này, mai xoay nghề khác, như hòn đá lăn mài không bao giờ mọc rêu, thì chỉ nhọc xác, già người mà vẫn không ăn thua gì cả.

35. CHUYỆN A LƯU

A Lưu là một tên tiểu đồng nhà ông Chu Nguyên Tố. Nó thực là ngây ngô, không được việc gì cả, mà ông Nguyên Tố vẫn nuôi nó suốt đời.

Lúc ông bảo nó quét nhà, nó cầm chổi quanh quẩn suốt buổi mà không sạch được một cái buồng con. Ông giận mắng, thì nó quăng chổi xuống đất, lẩm bẩm nói: "Ông quét giỏi, thì ông phiền tôi làm gì!"

Khi ông đi đâu vắng, sai nó chực ngoài cửa, dù khách quen đến, nó cũng không nhớ được tên ai. Có hỏi, thì nó nói: "Người ấy lùn mà béo. Người ấy gầy mà lắm râu. Người ấy xinh đẹp. Người ấy tuổi tác và chống gậy..." Đến lúc nó liệu chừng không nhớ xuể, thì nó đóng cửa lại, không cho ai vào nữa.

Trong nhà có chứa một ít đồ cổ như chén, lọ, đỉnh, đôn. Khách đến chơi, nó đem bầy ra cho xem. Lúc khách về, nó lén đến gõ các thứ ấy, mà nói: "Những cái này có khi bằng đồng mà sao nó đen xì lại như thế này!" Rồi nó chạy đi lấy cát, lấy đá, lấy nước để đánh.

Nhà có cái ghế gãy chân, ông sai đi chặt cành cây có chạc, để chữa lại thì nó cầm búa, cầm cưa đi khắp vườn. Hết ngày, về, nó chìa hai ngón tay làm hiệu mà nói: "Cành cây có chạc đều chỉa trở lên cả, không có cành nào mọc chúc xuống đất." Cả nhà ai cũng phải phì cười.

Trước sân có vài cây liễu mới trồng. Ông sợ trẻ láng giềng đến nghịch hỏng, sai nó trông nom giữ gìn, đến lúc nó vào ăn cơm, thì nó nhổ cả cây lên mà cất đi một chỗ.

Công việc nó làm, nhiều chuyện đáng bật cười như thế cả.

Ông Nguyên Tố là một người viết chữ chân tốt mà vẽ lại giỏi lắm. Một hôm, ông hòa phấn với mực để vẽ, thấy A Lưu đấy, nói đùa với nó rằng: "Mày có vẽ được không?"

A Lưu đáp: "Khó gì mà không vẽ đươc." Ông bảo vẽ thì A Lư vẽ nét đậm, nét nhạt, nét xa, nét gần, như người xưa nay vốn đã biết vẽ. Ông thấy vậy thử luôn mấy lần, lần nào A Lưu vẽ cũng được như ý cả.

Tự bấy giờ, ông dùng dến A Lưu luôn không lúc nào là rời ra nữa.

Sau A Lưu nổi tiếng là một nhà danh họa.

GIẢI NGHĨA

Tiểu đồng: thằng nhỏ giúp việc.

Chữ châu: lối chữ nho viết phân minh từng nét.

LỜI BÀN

Quét nhà suốt buổi không sạch được cái buồng con, trồng cây lúc ăn cơm nhổ cả cây đem vào, người mà ngốc như thế, thì bảo còn dụng làm được gì nữa! Tuy vậy không nhớ tên người, chỉ nhớ hình người, thấy cành mọc lên, không thấy cành chúc xuống, xem đồ vật biết phân biệt đồng hay đất, thế đủ hay A Lưu có cái trí khuynh hướng về nghề vẽ vậy. Ôi! gỗ mục vứt đi người kiếm củi vẫn nhặt, đá cuội là xấu, thợ ngọc vẫn dùng, trong trời đất thì không có vật gì là vật bỏ đi, huống chi là người ta tinh khôn hơn vạn vật, lại không được một điều gì khả thủ ư? A Lưu ngây dại, tưởng là người bỏ đi, thế mà được nổi tiếng về nghề họa, cũng nhờ ông Nguyên Tố có lượng bao dung, biết dụng nhân như dụng mộc. Xem bài này thì cha mẹ dạy con, thầy dạy học trò chẳng nên tìm rõ cái sở trường của mỗi đứa mà dẫn dụ, mà luyện tập nó mặt ấy, ngay tự lúc còn trẻ tuổi, để cho nó may có cơ thành tài được ru! Đã đành: Thiên địa vô khí vật, thánh nhân vô khí nhân, nhưng cốt phải biết: nhân tài nhi đốc, (tùy theo cái tài mà bồi bổ khải phát cho nẩy nở ra) thì tài mới thành được.

36. MẤT BÚA

Có người đánh mất cái búa, ngờ cho đứa con nhà láng giềng lấy trộm. Anh ta trông dáng nó đi, rõ ra đứa ăn trộm búa, nhìn vẻ mặt nó, rõ ra đứa ăn trộm búa, thấy nó cất nhắc, hành động không một tí gì là không rõ ra một đứa ăn trộm búa cả.

Được một lúc, người ấy bới trong hố, lại thấy cái búa. Thì hôm sau, trông đứa con nhà láng giềng ngôn ngữ cử chỉ không một tí gì giống đứa ăn trộm búa nữa.

LỜI BÀN

Người ta khi mất một cái gì, thì một mất mười ngờ. Mà khi trong bụng đã ngờ vực thì các ngoại vật cũng theo đấy mà biến đổi đi cả. Phàm tâm trí mình đã cảm giác làm sao, thì tự mình lại tưởng tượng một cái cảnh sắc hợp như thế. Người mình vui, thì mình thấy sự vật ngoài hình như cũng vui, người mình buồn thì mình thấy sự vật ngoài cũng buồn. Chẳng qua là tại tự mình in trí như vậy, chớ ngoại vật hồ dễ đã có mối liên lạc mật thiết với mình mà thật thay đổi như thế đâu! Cái tâm chuyển thời hết thảy muôn pháp đều chuyển theo. Cho nên tâm cần phải chính. Tâm có chính thì tư tưởng hành vi mới thoát khỏi tà khúc được.

37. TƯỜNG ĐỔ

Nước Tống có người nhà giàu. Một hôm trời mưa, tường nhà anh ta đổ.

Đứa con nói: "Thưa cha, không đắp ngay tường lại, e có trộm vào."

Người láng giềng thấy tường đổ, cũng nói: "Này bác, không đắp ngay tường lại, e có trộm vào."

Tường chưa kịp đắp, tối hôm ấy, nhà anh ta quả nhiên mất trộm thật.

Anh ta khen đứa con là khôn ngoan biết trước, mà người láng giềng là gian giảo làm xằng.

Cùng một câu nói: con nói thì khen là tinh khôn, láng giềng nói thì ngờ là trộm cắp, bởi tại cớ làm sao? Tại con thì tình thân, cho nên không có bụng ngờ, láng giềng là tình sơ, cho nên sinh ra ngờ vực. Thế cho nên phận sơ mà câu nói thân, thì thế nào cũng làm cho người nghe mình đem lòng nghi ngờ.

Hàn Phi Tử

LỜI BÀN

Bài này cốt dạy ta phải thận trọng câu nói. Người láng giềng đây sở dĩ mà để người nhà giàu ngờ vực, là vì không được thân với người ta, mà nói một câu ra chừng thân lắm, muốn lo việc của người như việc của mình, coi việc thiết đến người cũng như thiết đến mình vậy. Cho nên gặp người đáng nói mà không nói là bỏ hoài mất một người, thì gặp người không đáng nói mà lại nói, chẳng những làm phí mất lời nói, mà lại để cho người ta sinh nghi tình ra nữa!

38. NGƯỜI CON CÓ HIẾU

Thầy Tử Lộ vào hầu đức Khổng Tử, nói rằng: - "Đội nặng đi đường xa thì tiện đâu nghỉ đấy, không đợi chọn chỗ, rồi mới nghỉ. Nhà nghèo, cha mẹ già, thì con làm nên thế nào, hay thế ấy, không đợi có quyền cao, chức trọng, mới chịu làm. Ngày trước Do này, lúc song thân còn, cơm thường đưa dưa muối, dường xa trăm dặm, phải đội gạo về nuôi song thân. Lúc song thân mất, làm quan ở nước Sở, xe ngựa hàng trăm, lương bổng hàng vạn, ăn những miếng ngon, mặc những của tốt, mỗi khi nhớ đến song thân, lại muốn dưa muối, đội gạo để nuôi người như trước thì không sao được nữa! Cha mẹ già như bóng qua cửa sổ. Cây muốn lặng mà gió chẳng đừng, con muốn nuôi, mà cha mẹ không còn sống.

Đức Khổng Tử nói: "Do, nhà ngươi phụng sự song thân rất là phải. Lúc người còn thì hết lòng phụng dưỡng, lúc người mất, thì hết lòng thương tiếc."

Gia Ngữ

GIẢI NGHĨA

Tử Lộ: Người thời Xuân Thu, học trò đức Khổng Tử, tính hiếu thảo, hùng dũng có tài chính sự.

Bóng qua cửa sổ: Bóng đây là bóng mặt trời, ý nói thời giờ chóng qua cũng như câu ngựa phi qua khe cửa.

LỜI BÀN

Khi cha mẹ còn, hết lòng nuôi nấng, khi cha mẹ mất, hết lòng thương nhớ, đó thực là cái đạo hiếu của con đối với cha mẹ. Làm trái lại hẳn như thế là bất hiếu, mang một cái tội rất to! Làm trái lại một nửa như thế, "nghĩa là lúc cha mẹ còn, thì thờ ơ chểnh mảng, lúc cha mẹ mất thì nấu một mâm cao cỗ đầy, làm văn tế ruồi", như thế cũng là bất hiếu, cho nên người con có hiếu, còn cha mẹ ngày nào, nên mừng ngày ấy, kíp ăn ở cho trọn đạo, chớ để đến lúc cha mẹ mất rồi, có hối lại cũng không sao được. Vì rằng làm con mà được còn có cha mẹ để báo đáp là một việc sung sướng ở đời, mà cũng là có duyên có phúc nữa.

39. THẦY TĂNG SÂM

Thầy Tâng Sâm bừa cỏ ruộng dưa, lỡ tay làm đứt mất ít rễ. Cha là Tăng Tích giận, cầm gậy đánh vào lưng. Tâng Sâm đau quá, ngã gục xuống điếng đi một lúc mới hồi lại.

Khi về nhà, liền đến thưa với cha rằng: “Lúc nãy con có tội, để đến nỗi cha phải đánh, làm đau tay cha, thực là con lỗi đạo”.

Nói xong, lùi xuống vừa gẩy đàn vừa hát, có ý để cha nghe tiếng, biết cho rằng mình không còn đau đớn gì nữa.

Đức Khổng Tử nghe thấy chuyện, bảo học trò cấm cửa không cho Tăng Sâm vào.

Tăng Sâm tự nghĩ mình vô tội, mượn bạn lại hỏi vì cớ gì mà Ngài giận.

Đức Khổng Tử nói: “Ngày trước ông Thuấn phụng sự cha là Cổ Tẩu, lúc cha sai khiến gì, thì ở luôn bên cạnh; lúc cha giận dữ muốn giết thì lánh xa; cha đánh bằng roi vọt thì cam chịu; đánh bằng gậy gộc thì chạy trốn. Thế cho nên ông Cổ Tẩu không mang tiếng là bất từ. Nay Sâm thờ cha liều mình để chiều cơn giận đến nỗi ngất đi. Giá như cha đánh quá tay mà chết mất, thì có phải là làm cho cha mắc tội không, tội bất hiếu còn gì to hơn nữa.”

Tăng Sâm nghe lại chuyện, biết là lầm lỗi, đến tạ tội đức Khổng Tử.

Thuyết Uyển

GIẢI NGHĨA

Bất từ: Không có lòng thương yêu con.

Thuyết Uyển: Bộ sách 21 quyển của Lưu Hướng đời Hán soạn, ghi chép những việc đạo đức đáng dạy người ta.

LỜI BÀN

Người làm con có hiếu thì dẫu vì cha mà phải hy sinh tính mạng cũng không có gì là quá tạm. Song, liều mình mà cứu cha mẹ trong khi nguy cấp là chí hiếu, thì để cha mẹ nhân cơn giận dữ đánh đập, lỡ hại đến tính mạng, thì chẳng những là bất hiếu mà còn mang tiếng là hãm cha mẹ vào tiếng bất từ nữa. Ông Sâm rất hiếu nhưng chưa phải cách, Ông Thuấn cũng hiếu nhưng biết phải trái. Kẻ làm con, khi thấy cha

mẹ làm trái còn có chức trách phải liệu đường trốn tránh hay ủy khúc can ngăn mà vẫn không mắc tiếng bất hiếu.

---

40. ÔNG QUAN THANH BẠCH

Dương Chấn được bổ đi làm thái thú quận Đông Lai. Lúc đi phó nhậm qua đất Xương Ấp, quan huyện ở đấy là Vương Mật, trước được nhờ ông đề bạt cho, vào yến kiến. Rồi đợi đêm khuya, đem vàng đến lễ.

Dương Chấn bảo: "Trước tôi biết ông là người khá, mới cử ông lên, thế mà ông vẫn chưa biết bụng tôi, còn đem vàng tới cho tôi ư."

Vương Mật cố nài, thưa rằng: "Xin ngài cứ nhận cho, bây giờ đêm khuya không ai biết."

Dương Chấn nói: "Trời biết, đất biết, ông biết, tôi biết, sao lại bảo là không ai biết."

Vương Mật nghe nói, xấu hổ, lùi ra. Dương Chấn thật là một ông quan thanh liêm, chỉ chăm việc dân, việc nước không tham nhũng, không làm giàu cho mình, ông thường nói: "Làm quan mà để được cái tiếng thanh bạch cho con cháu, chẳng quý hơn tiền của ruộng nương lại cho chúng ư?"

Hậu Hán Thư

LỜI BÀN

Làm quan như ông Dương Chấn, đối với người mình đã đề bạt, không cần ơn, đối với người dân, mình cai trị không ăn lễ, lúc đêm khuya, tấm lòng cũng rõ rệt như lúc thanh thiên bạch nhật, cũng là một ông quan thanh liêm, làm gương cho bọn quan gian tham, lại những muôn đời ư!

Làm quan mà vơ vét cho nhiều, chính mình có chắc đâu sẽ giữ được, huống chi còn mong để lại cho con cháu. Như thì để lại cho chúng cái tiếng thanh bạch, thơm tho muôn thuở, chả hơn là cái của phi nghĩa, chỉ tổ làm cho chúng kiêu sa, dâm dật, rồi đi đến bại vong ư!

41. KHÔNG NHẬN CÁ

Công Nghi Hưu làm tướng nước Lỗ, tính hay thích ăn cá. Một hôm có người đem cá biếu, ông lại không nhận. Em ông lấy làm lạ hỏi: "Anh sở thích ăn cá, người ta đem cá cho, sao anh lại không nhận?"

Công Nghi Hưu nói: Người ta đem cá cho chắc có ý cầu ta việc gì. Nếu ta nhận, tất ta phải giúp việc người. Giúp việc người, lỡ làm trái phép thì đến mất quan. Mà mất quan, thì chẳng nhưng không có cá biếu, mà đến cá mua lấy cúng không có nữa. Cho nên ta không nhận cá, chính là ta muốn được có cá ăn lâu dài mãi mãi đó.

Ông Lão Tử xưa có câu rằng: Để thân mình lại sau, thế mà thân mình đứng trước; gác thân mình ra ngoài, thế mà thân mình vẫn còn". Thế chẳng phải là bởi mình không có lòng riêng mà được thoả lòng riêng của mình ư?

(Hàn Thi Ngoại Truyện)

GIẢI NGHĨA

Công Nghi Hưu làm tướng cho Mục Công nước Lỗ đời Chiến Quốc. Ông là người tính khí điềm đạm, công minh giữ phép, không cùng dân tranh lợi.

LỜI BÀN

Làm quan như Công Nghi Hưu thật là thanh liêm. Dù đến con cá (trong sách không nói rõ cá gì), là vật nhỏ mọn mà ông cũng còn cân nhắc không chịu nhận. Ông hiểu cái lẽ rằng: Người ta vị mình mà chiều mình, chỉ được có 1 thời, sao cho bằng chính mình trọng lấy mình, mới là kế lâu dài mãi mãi. Thiên hạ chưa lo đến mà mình đã lo trước cho thiên hạ; thiên hạ đã vui rồi, mà mình mới vui sau thiên hạ, thế là mình gác thân mình ra ngoài để thân mình lại sau, mà không có điều gì riêng tư vậy. Khi thân mình lại được trước, lại vẫn còn, thì lòng riêng gì của mình mà không thoả. Nếu làm quan mà chỉ chăm chăm hại người để cầu lợi riêng cho mình, thì người còn, bụng chết tự cho là sướng, mà kỳ thật có gì sung sướng đâu?

42. CỦA BÁU

Nước Tống có người được hòn ngọc, đem biếu quan Tư thành là Tử Hãn. Tử Hãn không nhận. Người biếu ngọc thưa rằng: "Ngọc này tôi đã đem cho thợ ngọc xem, quả là một thứ ngọc rất báu, mới dám đem dâng quan lớn, xin quan lớn nhận cho tôi được vui lòng."

Tử Hãn nói: "Người cho ngọc là của báu, ta cho tính không tham là của báu. Ngươi đem ngọc cho ta, nếu ta nhận, thì hai bên cùng mất cả của báu. Âu là ngươi cứ đem về. Ai giữ lấy của báu của người ấy, như thế của báu của hai người đều còn cả, thì những là hơn ư!"

Người biếu ngọc, cúi đầu thưa: "Chúng tôi là thường dân mà lại có ngọc này, chỉ sợ bị trộm cướp mà có khi hại đến thân."

Tử Hãn thấy thế, lưu người ấy lại, gọi thợ ngọc đến giũa ngọc, bán được tiền rồi, bèn đưa cho người ấy để làm giàu.

Tả Truyện

GIẢI NGHĨA

Tư thành: quan coi thành.

LỜI BÀN

Đã là người, ai cũng có hiếu thượng, cái hiếu thượng ấy tức là của báu của mình. Nhưng hiếu thượng không ai giống ai. Người kiến thức thô bỉ, thì hiếu thượng thô bỉ, người kiến thức cao minh, thì hiếu thượng cao minh. Kẻ dâng ngọc, chỉ biết ngọc là báu, nhưng người không nhận ngọc, lại cho thanh liêm mới là báu. Làm quan mà ai cũng có tính nhất quyết không nhận lễ vật của dân như Tử Hãn, lại có trí hiểu rõ được nguyện vọng của dân như Tử Hãn, có bụng che chở gây dựng cho dân như Tử Hãn nói trong truyện này, thì dân nào chẳng kính, chẳng trọng, chẳng yêu quan như cha mẹ, sợ quan như thần minh!

43. BIẾT RÕ CHỮ "NGHĨA"

Hoa Hâm chạy loạn, cùng đi với một bọn sáu bảy người. Giữa đường gặp một người lại cũng chạy loạn, đến kêu nài, xin nhập bọn. Chúng lấy làm ái ngại, thuận cho. Một mình Hoa Hâm nói: "Không nên. Đang bước nguy hiểm; sinh, tử, họa, phúc có nhau, ta đi bấy nhiêu người cũng như một người vậy. Bây giờ, vô cớ nhận một người lạ, lỡ khi xảy ra việc gì, thì có bỏ được người ta không?"

Chúng bất nhẫn, cố nói với Hoa Hâm cho người kia cùng đi. Hoa Hâm bằng lòng.

Người kia đi được một quãng đường, chẳng may sa chân ngã xuống giếng. Cả bọn muốn bỏ mặc, để đi cho rảnh thân. Một mình Hoa Hâm nói: "Không nên. Người ta cùng đi với mình là người bọn mình. Người ta gặp sự chẳng may như vậy, mà mình bỏ người ta sao cho đành."

Nói rồi, bảo bấy nhiêu người cùng ở lại vớt người kia lên. Sau cứu mãi không được, Hoa Hâm lại bảo phải ở lại mai táng chu tất rồi mới đi.

GIẢI NGHĨA

Hoa Hâm: Người cuối đời nhà Đông Hán, học giỏi, làm quan đến chức Thượng thư lệnh.

Chúng: Nhiều, đây chỉ bọn người cùng đi với Hoa Hâm.

Bất nhẫn: Không nỡ, không đành để như thế.

LỜI BÀN

Vô cớ cho một người lạ nhập bọn, nghĩa cũng không nên, một là e xẩy ra sự gì thì hại đến thân mình, hai là sợ không được thủy chung với người ta - Đã nhận người ta đi với mình một bọn, giữa đường người ta gặp sự chẳng may mà bỏ mặc người ta, nghĩa lại càng không nên lắm, vì như thế là bạc ác bất nhân, chỉ biết nhau trong lúc vô sự, đến khi nguy hiểm rồi lại bỏ nhau. Biết được cái đạo không nên nhận và cái đạo đã nhận như Hoa Hâm đây mới thực là người hiểu rõ chữ "Nghĩa" tức là hiểu việc nên làm thế nào mới là phải vậy.

44. TRI KỶ

Bảo Thúc chết, Quản Trọng thương tiếc, khóc như mưa, ướt đầm cả vạt áo. Có người hỏi: "Ông với Bảo Thúc không phải là họ hàng thân thích gì, mà sao ông thương khóc quá như vậy?"

Quản Trọng nói: "Ngươi không rõ, để ta nói cho mà nghe. Ta lúc nhỏ khốn khổ, thường buôn chung với Bảo Thúc, lúc chia lãi, bao giờ ta cũng lấy phần hơn, mà Bảo Thúc không cho ta là tham, biết ta gặp cảnh quẫn bách bất đắc dĩ phải lấy thế. Ta ở chỗ chợ búa thường bị lắm kẻ nạt dọa, Bảo Thúc không cho ta là hèn nhát, biết ta có lượng bao dung. Ta bàn việc với Bảo Thúc, nhiều khi việc hỏng, Bảo Thúc không cho ta là ngu, biết có lúc may, lúc không may, cho nên công việc thành hay bại. Ta ba lần ra làm quan, bao lần bị bãi, Bảo Thúc không cho ta là bất tiếu biết ta chưa gặp thời, chưa tìm được vua giỏi. Ta ra trận ba lần, đánh thua cả ba, Bảo Thúc không cho ta là bất tài, biết ta còn có mẹ già phải phụng dưỡng. Ta nhẫn nhục thờ vua Hoàn Công, Bảo Thúc không cho ta là vô sỉ, biết ta không giữ tiểu tiết, có chí làm ích lợi cho cả thiên hạ... Sinh ra ta là cha mẹ, biết ta là Bảo Thúc. Mà đối với người biết mình, mình đem cả tính mệnh ra hiến còn chưa cho là quá, huống chi thương khóc thế này đã thấm vào đâu!"

Thuyết Uyển

GIẢI NGHĨA

Bảo Thúc: Tức Bảo Thúc Nha thường còn gọi là Bảo Tứ, người giỏi nước Tề, tiến Quản Trọng cho Hoàn Công dùng.

Quản Trọng: Tên là Di Ngô, người nước Tề, làm tướng giúp Hoàn Công giỏi có tiếng.

Bất tiếu: Người không ra gì.

LỜI BÀN

Khó thật! Ở đời mình giao thiệp với nhiều người, bè bạn tưởng vô số, nhưng hồ dễ đã được mấy người thực gọi là tri kỷ. Thế nào là tri kỷ? Tri kỷ là người biết mình, nghĩa là đồng thanh, đồng khí, đồng chí, đồng tâm với mình, chơi với mình rất thân thiết, bao bọc che chở cho mình, lúc sống cùng hưởng, họa cùng đau, lúc chết, tưởng cho chết với nhau cũng không hối. Quí thật! Người tri kỷ! cho nên cổ nhân

có câu nói: "Đắc nhất tri kỷ, khả dĩ bất hận" nghĩa là ở đời có được một người tri kỷ cùng không còn ân hận gì nữa; lúc sống, có được một người biết mình, thì mình chết cũng không lấy làm uổng đời.

45. CẢM TÌNH

Có một người nước Yên lúc sinh, thì sinh ở nước Yên; lúc lớn lên, thì sang ở nước Sở; lúc già lại trở về cố quốc. Khi đi ngang qua nước Tấn (gần nước Yên), bạn cùng đi đường, chỉ vào cái thành mà nói dối anh ta: "Đây là thành nước Yên". Anh ta buồn rầu, khác hẳn sắc mặt. Chỉ vào nền xã, nói: "Đây là nền xã làng anh". Anh ta ngậm ngùi than thở. Chỉ vào cái nhà, nói: "Đâu là nhà của ông cha anh". Anh ta rũ rượi rơm rớm nước mắt. Chỉ vào cái gò, nói: "Đây là mồ mả ông cha anh". Anh ta òa lên khóc. Bọn cùng đi, ai nấy phì cười, nói: "Chúng tôi nói đùa đấy. Đây mới là nước Tấn, chưa phải là nước Yên". Anh ta nghe nói lấy làm bẽn lẽn. Kịp khi về đến nước Yên, anh ta trông thấy thật là thành, là xã nước Yên, thật là nhà cử mồ mả của ông cha, thì lòng cảm thương lại hờ hững không còn được như trước nữa.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA

Yên: Một nước mạnh trong bảy nước thời Chiến Quốc, tức là Phụng Thiên, Trực Lệ và một phần phía bắc nước Triều Tiên (Cao Ly bây giờ).

Sở: Một nước lớn thời Xuân Thu ở vào vùng Hồ Bắc, Hồ Nam bây giờ.

Tấn: Một nước đời Xuân Thu, đến đời Chiến Quốc bị họ Hàn, họ Triệu, họ Ngụy lấy mất và chia làm ba nước, ở vào tỉnh Sơn Tây và một phần Trực Lệ bây giờ.

LỜI BÀN

Thường khi người ta, ai cũng sẵn mối cảm tình, khi gặp thời cảnh xúc động đến thì mối cảm tình ấy tất chứa chan, đầy dẫy hiện ra ngoài. Tuy vậy, mối cảm tình đã dùng lầm, thì sau nầy không còn được như trước. Một người đã đem bụng trung thành thờ kẻ vô đạo, một người đã để lòng ân ái thương gái bất trinh, dù về sau, gặp được bậc anh quân hay người thục nữ, thì mối cảm tình cũng không còn được đằm thắm như xưa. Chẳng khác nào như người nước Yên nầy, đã đem hết nước mắt khóc chỗ giả dối mà không biết, đến khi gặp sự thực, thì lại hình như cạn hết nước mắt rồi. Cho nên đối với tính tình, người ta có

biết, lấy học thuật mà di dưỡng, lấy lễ nghĩa mà tiết chế, thì tính tình dùng mới chính đáng và thuần túy được. Xưa nay thánh hiền hào kiệt đều là người biết lý hội tính tình cả.

46. VÌ NGHĨA CÔNG, QUÊN THÙ RIÊNG

Đời nhà Đường, Quách Tử Nghi, Lý Quang Bật cùng làm phó tướng của An Tử Thuận. Tính hai người vốn không ưa nhau; nhiều khi, tuy cùng đi với nhau một xe, ngồi với nhau một tiệc, mà vẫn như cừu địch, không ai đàm đạo với ai cả.

Sau Tử Nghi được lên làm tướng thay Tử Thuận, Quang Bật sợ Tử Nghi hại mình, quả cảm đến nói rằng: "Phần tôi chết cũng cam tâm, nhưng xin rộng lượng đừng hại đến vợ con tôi là kẻ vô tội."

Tử Nghi thấy nói chạy ngay lại, cầm tay Quang Bật thưa rằng: "Tôi đâu dám đem lòng oán hận riêng mà nỡ hại ông. Hiện nay trong nước loạn lạc, vua tôi lo và nhục, không ông thì không ai gánh vác nổi việc thiên hạ."

Nói xong nước mắt ràn rụa, rồi lại lấy những điều trung nghĩa khuyên răn, và lập tức cất Quang Bật lên làm chức Tiết độ sứ.

Từ đó hai người tuyệt nhiên không chút nào ghen ghét, ngờ vực nhau, chỉ cùng nhau một lòng đánh giặc, yêu dân, giúp vua trị nước.

GIẢI NGHĨA

Đường: Một nhà thống trị nước Tàu 618- 901 sau CN.

LỜI BÀN

Thù riêng cá nhân là việc nhỏ mọn, nghĩa công đối với cả nước là việc rất trọng. Biết quên thù riêng để làm nghĩa công như Quách Tử Nghi, Lý Quang Bật, thực là đáng khen vậy. Nghĩ đến thân, đến nhà trước, đến quốc gia sau cũng là nghĩa, song nghĩa hẹp mà gọi là tư. Nghĩ đến quốc gia trước, đến thân, đến nhà sau cùng là nghĩa song nghĩa rộng mà gọi là công. Quốc gia hay, hay dở, một kẻ bình dân cũng có trách nhiệm, huống chi là người gánh vác được việc quốc gia như Tử Nghi và Quang Bật. Ôi! nước là cái thành để giữ thân, giữ nhà không biết trọng nước tức là khinh thân, khinh nhà vậy. Tiếc thay cho những kẻ chức trọng, quyền cao, đối với thân, với nhà, thì việc nhỏ mọn cũng lấy làm lo lắng quan tâm, mà đối quốc gia thì việc dù to lớn đến đâu cũng xem thường, xem khinh, chỉ thù hằn nhau, khuynh loát nhau, không biết đồng tâm hiệp lực lo liệu việc dân việc nước, thật là lầm to vậy.



47. DUNG NGƯỜI ĐƯỢC BÁO

Vua Trang Vương nước Sở cho các quan uống rượu. Trời đã tối, đang lúc rượu say, đèn nến bỗng gió tắt cả. Trong lúc ấy, có một viên quan thừa cơ kéo áo cung nữ. Người cung nữ nắm lấy, giật đứt giải mũ, rồi tâu với vua rằng: "Có kẻ kéo áo ghẹo thiếp. Thiếp giật được giải mũ. Xin cho thắp đèn ngay để khám xem ai đứt giải mũ, thì chính là kẻ ghẹo thiếp..." Vua gạt đi nói: "Thôi! không làm gì! cho người ta uống rượu, để người ta say, quên cả lễ phép, lại nỡ nào vì câu chuyện đàn bà mà làm sỉ nhục người ta!"

Rồi lập tức ra lệnh rằng: "Ai uống rượu với quả nhân hôm nay mà không say đến bứt đứt giải mũ là chưa được vui".

Các quan theo lệnh, đều dứt giải mũ cả. Nên suốt tiệc hôm ấy, được vui vầy ổn thỏa.

Hai năm sau nước Sở đánh nhau với nước Tấn. Đánh luôn năm trận, mà trận nào cũng thấy một viên quan võ, liều sống, liều chết xông ra trước và đánh rất hăng, làm cho quân Tấn phải lùi. Vì thế mà quân Sở được. Trang Vương lấy làm lạ cho đòi viên quan ấy lại hỏi: "Quả nhân đãi nhà người cũng như mọi người khác, cớ sao nhà ngươi lại hết lòng giúp quả nhân khác người như vậy?"

Viên quan thưa rằng: "Thần rắp tâm muốn đem tính mệnh để hiến nhà vua đã lâu. Mãi đến bây giờ mới gặp dịp báo đền nghĩa xưa, thực là may cho thần lắm... Thần là Tưởng Hùng, chính là người trước bị đứt giải mũ mà nhà vua không nỡ làm tội đấy".

Đào Ngột (Sở Sử)

GIẢI NGHĨA

Dung người được báo: Rộng lượng tha lỗi cho người, được người tìm cách báo đền.

Quả nhân: Tiếng vua tự xưng với thần hạ và lấy ý khiêm tốn là người ít đức.

Tấn: Một nước đời Xuân Thu, đến đời Chiến Quốc bị họ Hàn, họ Triệu, họ Ngụy lấy mất và chia làm ba nước, ở vào tỉnh Sơn Tây và một phần Trực Lệ bây giờ.

LỜI BÀN

Ông vua không làm tội người công thần ghẹo cung nữ thực là có độ lượng, bao dung được lỗi của người. Người ghẹo cung nữ không quên cái ơn đã chịu, tìm cách để báo đáp, thực là có nghĩa, tỏ được cái bụng trung thành với người gia ơn. Có vua ấy tất có tôi ấy, vua tôi như thế thì nước đời nào mất được.

48. NÓI THÍ DỤ

Có người bảo vua nước Lương rằng: "Huệ Tử nói việc gì cũng hay thí dụ. Nếu nhà vua không cho thí dụ, thì Huệ Tử chắc không nói gì được nữa". Vua bảo: "Ừ, để rồi ta xem".

Hôm sau, vua đến thăm Huệ Tử, bảo rằng: "Xin tiên sinh nói gì cứ nói thẳng đừng thí dụ nữa".

Huệ Tử nói: "Nay có một người ở đây không biết nỏ là cái gì, mới hỏi tình trạng cái nỏ thế nào. Nếu tôi đáp rằng: Hình trạng cái nỏ giống như cái nỏ, thì người ấy có hiểu được không?"

Vua nói: "Hiểu làm gì được".

"Thế nếu tôi bảo người ấy: Hình trạng cái nỏ giống như cái cung có cán, có lẫy, thì người ấy có biết được không?"

Vua nói: "Biết được".

Huệ Tử nói: "Ôi! Khi nói với ai là đem cái người ta đã biết làm thí dụ với cái người ta chưa biết, để khiến người ta biết. Nay nhà vua bảo tôi đừng thí dụ nữa thì tôi không sao nói được."

Huệ Tử

GIẢI NGHĨA

Lương: Một nước chư hầu mạnh đời Chiến Quốc, tức là nước Ngụy ở vào địa phận Hà Nam và Sơn Tây bây giờ.

Tiên sinh: Bực có tuổi, có tài, đạo đức, đáng dạy được mình. Hay dùng chỉ thầy dạy học hay người đáng quý.

Huệ Tử: Tên một thiên sách của Huệ Thi người thời Chiến Quốc, bạn với Trang Tử.

LỜI BÀN

Cái cung, cái nỏ khác nhau nhiều, nhưng lấy cái cung nói với người đã biết cung để khiến cho biết được cái nỏ, thì may người ấy ý hội cũng được ít nhiều. Phàm dạy bảo người ta điều gì, là cốt ý làm cho người ta hiểu được điều ấy, mà muốn cho người ta dễ hiểu, không gì bằng thí dụ, nghĩa là nhân cái người ta đã biết mà đưa dạy vào cái người ta chưa biết. Cái phương pháp giáo dục tối tân bây giờ "qui nạp" hay "phu diễn" cũng lấy thí dụ làm cốt. Người ta đã nói: "Một quyển

sách không có thí dụ chỉ là một bộ xương mà thôi". Câu Huệ Tử nói: "Đem cái người ta đã biết làm thí dụ với cái người ta chưa biết để khiến người ta biết", thực là ám hợp với cái lối học tối tân đời nay.

---

49. CON CÚ MÈO VÀ CON CHIM GÁY

Con cú mèo gặp con chim gáy.

Chim gáy hỏi: “Bác sắp đi đâu đấy?”

Cú mèo nói: “Tôi sắp sang ở bên phương đông”

“Tại làm sao lại đi như thế”

“Ở đây người ta nghe tôi kêu người ta ghét, cho nên tôi phải đi chỗ khác”

Chim gáy nói: “Bác có thế nào đổi tiếng kêu đi mới được. Chứ không đổi tiếng kêu, thì sang phương đông, người ta nghe tiếng, cũng lại ghét bác thôi, vì nhân tình đâu mà chả thế. Cứ như ý tôi, thì không gì bằng bác phải rụt cổ, thu cánh suốt đời không kêu nữa là hơn”.

GIẢI NGHĨA

Cú mèo: loài chim dữ, mắt như mắt mèo đêm đi bắt các chim nhỏ và chuột để ăn.

Chim gáy: chính chữ là cưu, loài chim gáy, đầu nhỏ đuôi ngắn mà cánh dài

50. CON CÒ VÀ CON TRAI

Nước Triệu toan đánh nước Yên, Tô Tần, vì nước Yên, sang nói với vua nước Triệu là Huệ Vương rằng:

"Vừa rồi tôi đi qua bên bờ sông Dịch Thủy, tôi trông thấy con trai đang há miệng phơi mình trên bãi, có con cò đâu đến, mổ ngay vào thịt trai. Trai liền ngậm miệng, cắp chặt lấy mỏ cò. Cò nói: "Hôm nay không mưa, ngày mai không mưa, thế nào trai cũng phải chết". Trai nói: "Hôm nay không rút được mỏ, ngày mai không rút được mỏ, thế nào cò cũng phải chết". Hai bên găng nhau, chẳng ai chịu ai. Bỗng đâu có người đánh cá đi qua, trông thấy thộp được cả trai lẫn cò… Nay mà nước Triệu đem quân sang đánh nước Yên, nước Yên tất phải chống lại. Hai bên đánh nhau lâu, hại người tốn của, chắc là suy yếu cả. Tôi e nước Tần thừa cơ ấy, đem quân chụp cả hai nước như người đánh cá chụp cả trai lẫn cò, thì lúc bấy giờ hối cũng không kịp. Dám xin vua thử nghĩ kỹ lại xem".

Huệ Vương cho là nói phải, bèn đình việc đánh Yên.

Chiến Quốc Sách

GIẢI NGHĨA

Triệu: một nước thời Chiến Quốc ở vào tỉnh Trực Lệ và Sơn Tây bây giờ.

Yên: xem chuyện số 45

Dịch Thủy: tên một con sông qua Trực Lệ.

Tần: nước mạnh thời Chiến Quốc ở vào địa phận Thiểm Tây bây giờ.

Chiến Quốc sách: bộ sách này còn được gọi là Trường Đoản Như của Lưu Hướng đời Hán làm ghi chép những việc về đời Chiến Quốc.

LỜI BÀN

Trai, cò vì găng nhau mà cả hai con cùng bị hại trong tay người đánh cá. Cái bài: "Bạng duật tương trì, ngư ông đắc lợi" này cũng như nhiều bài trong các sách tây: "Con cò và hai người tranh nhau", "Con khỉ chia phó mát cho hai con mèo"…đều có ý khuyên người ta không nên tranh giành chọi lẫn nhau. Hai nước tranh nhau, thì hại người, tốn

của tai hại đã đành. Hai người tranh nhau thì tất sinh kiện cáo. Mà "vô phúc đáo tụng đình", thua được chưa biết thế nào, hãy biết có bao nhiêu thầy kiện, thầy cò, những phường tham nhũng ở giữa thời cơ dòm dỏ để cầu lợi, rất thiệt hại cho cả hai bên. Vậy ta chẳng nên găng nhau, chống nhau làm gì. Nhỏ thì tốn tiền. Lớn thì hại nhà, lớn nữa thì hại nước. Ta phải lấy câu "Dĩ hòa vi quý" mà cư xử nhún nhường nhau là hơn.

51. HỒ MƯỢN OAI HỔ

Vua Tuyên Vương làm vua cả nước Sở, Chiêu Hề Tuất chỉ là một người bầy tôi vua Tuyên Vương. Thế mà người phương Bắc ai nghe thấy nói đến Chiêu Hề Tuất cũng phải kinh sợ. Vua lấy làm lạ, một hôm hỏi quần thần là vì cớ làm sao. Không ai trả lời nổi, chỉ có Giang Nhất thưa được rằng:

"Con hổ hay bắt các giống thú để ăn thịt. Một hôm bắt được con Hồ, Hồ bảo: "Liệu đó! Chớ có động chạm đến ta mà chết ngay bây giờ. Ta là Trời sai xuống, cầm quyền hết cả bách thú. Ngươi mà ăn thịt ta là ngươi trái mệnh Trời, hại đến thân ngay lập tức. Không tin để ta đi trước, ngươi theo hầu sau, xem có con thú nào trông thấy ta mà không sợ hãi, tìm đường bỏ trốn cho mau không!" Hổ cho là Hồ nói thật bèn theo Hồ đi. Quả nhiên bách thú trông thấy đều sợ mà chạy cả. Hổ không biết rằng bách thú đều sợ mình mà chạy, cứ tưởng là sợ Hồ. Nay nhà vua nước mạnh, quân nhiều mà vua giao cả quyền thế cho Chiêu Hề Tuất, người phương bắc sợ Hề Tuất mà kỳ thực là sợ vua như bách thú sợ hổ vậy.

Chiến Quốc Sách

52. MẠNH THƯỜNG QUÂN VÀO NƯỚC TẦN

Mạnh Thường Quân là một nhà nghĩa hiệp nước Tề, muốn sang nước Tần để du thuyết. Có hàng nghìn người can ngăn mà không được. Sau Tô Tần đến can, Mạnh Thường Quân bảo rằng:

"Việc người thì ta đây không còn sót gì nữa, chỉ có việc quỷ thần là ta chưa được rõ mà thôi."

Tô Tần nói: Ấy chính tôi lại đây không phải là để nói việc người, tôi cốt định đem việc quỷ thần nói để ông nghe.

Mạnh Thường Quân nói: Ừ nói để ta nghe.

Tô Tần nói: Vừa rồi tôi lại đây, đi ngang qua con sông, tôi thấy một pho tượng đất nói chuyện với một pho tượng gỗ. Tượng gỗ bảo tượng đất: Ngươi là đất nặn thành hình, đến mùa mưa, nước sông lên ngập lụt thì ngươi bở tan ra mất. Tượng đất nói: Ta có tan ra nữa, ta vốn là đất, thì đất lại hoàn đất mà thôi. Chớ như ngươi là gỗ tạc thành hình, nước tràn lên thì chưa biết ngươi trôi giạt vào đâu mà rồi ra thế nào… Nay nước Tần là nước hiểm trở, vua Tần là vua bạo ngược, nếu ông vào đấy thì chửa biết có ra thoát được không.

Mạnh Thường Quân nghe nói , bèn thôi không sang nước Tần nữa.

GIẢI NGHĨA

Mạnh Thường Quân: con vua nước Tề thời Chiến Quốc, họ Điền tên Văn làm Tướng Quốc nước Tề có tiếng là người hào hiệp, trong nhà lúc nào cũng tiếp đãi đến vài nghìn người khách.

Nghĩa hiệp: người thẳng tính, thích điều phải, hay giúp người hèn yếu, chống lại kẻ cường quyền.

Tần: tên nước thời Xuân Thu (tức là tỉnh Thiểm Tây bây giờ) đến đời Thủy Hoàng, nước Tần chiếm được cả sáu nước mà nhất thống thiên hạ.

Du thuyết: nhà ngôn luận giỏi thời Chiến Quốc thường dùng lời biện bác mà làm cho người ta xiêu lòng phải nghe.

Tô Tần: người thời Chiến Quốc, là một nhà du thuyết giỏi, có công đi liên hợp được sáu nước để chống lại nước Tần. Mạnh Thường Quân thấy Tô Tần đến, đột ngột đem chuyện quỷ thần hỏi, cố ý làm cho khó

khăn Tôn Tần không nói ra làm sao được nữa. Không ngờ Tô Tần ứng biến lanh, lấy ngay chuyện quỷ thần làm thí dụ mà nói đến mình.

---

53. THẬP BÌ NÓI CHUYỆN VỚI HUỆ VƯƠNG

Vua Huệ Vương nước Ngụy hỏi Thập Bì rằng: Ngươi nghe người ta cho quả nhân là người thế nào?

Thập Bì thưa: Thần nghe người ta cho nhà vua là người nhân từ và hay gia ơn lắm.

Vua vui mừng hớn hở nói rằng: Như thế thì cái công đức của quả nhân được đến thế nào?

Thập Bì nói: Cái công đức ấy rồi đến mất nước.

Vua ngạc nhiên hỏi: Nhân từ và hay gia ơn làm việc thiện đến nỗi mất nước là nghĩa thế nào?

Thập Bì thưa: Vua mà nhân từ thì bất nhân trừng phạt, vua hay gia ơn thì chỉ thích ban thưởng. Tính đã bất nhân thì kẻ có tội cũng không trị; tính hay ban ơn thì kẻ vô công cũng được thưởng. Đến kẻ có tội không phải phạt, kẻ vô công cũng được thưởng thì mất nước cũng không có gì là lạ.

Hàn Phi Tử

54. THAM LỢI TRƯỚC MẮT, QUÊN HẠI SAU LƯNG

Vua nước Ngô muốn đem quân đi đánh nước Kinh. Đã nhiều người ngăn cản, vua nhất định không nghe. Sau lại hạ lệnh rằng: “Ai can ta đánh nước Kinh thì phải xử tử.”

Có một viên quan trẻ tuổi muốn can ngăn nhà vua mà không giám nói, luôn ba ngày, cứ sáng sớm cầm cung tên đến đứng vườn sau nhà vua, sương xuống ướt đầm cả áo.

Hôm thứ ba, vua gặp mới hỏi rằng: “Ngươi đến đây làm gì mà để sương xuống ướt đầm cả áo như thế?”

Viên quan thưa rằng: “Trong vườn có một cây cổ thụ. Chót vót trên ngọn cây có con ve sầu hút gió uống sương, rả rích kêu cả ngày, tưởng đã được yên thân lắm. Biết đâu đằng sau có con bọ ngựa, đang giơ hai càng chực bắt. Chính con bọ ngựa muốn bắt con ve sầu lại biết đâu đằng sau có con chim sẻ nghển cổ chực mổ. Chính con chim sẻ muốn bắt con bọ ngựa lại biết đâu dưới gốc cây có tôi cầm cung tên chực bắn. Chính tôi đây muốn bắn con chim sẻ mà không biết sương xuống ướt cả áo…Như thế đều là chỉ vì cái lợi trước mắt mà quên hẳn cái hại ngay say lưng vậy”.

Vua nghe nói tỉnh ngộ bèn thôi không đánh nước Yên nữa.

Thanh Lê Tử

GIẢI NGHĨA

Ngô: Tên nước thời Xuân Thu bây giờ vào địa phận phía Nam sông Hoài, sông Tử cho đến tỉnh Triết Gian bây giờ.

Thanh Lê Tử: tức là Lưu Hướng, người nhà Hán làm quan Gián Nghị đại phu, giỏi về văn chương lại kiêm cả kinh thuật và thiên văn.

55. TRƯỚC KHI ĐÁNH NGƯỜI PHẢI BIẾT GIỮ MÌNH

Vua Công nước Tấn đem quân sang đánh nước Vệ. Giữa đường gặp một ông lão đang bừa ruộng, cứ ngẩng mặt lên trời cười khanh khách mãi. Văn Công cho đòi lại, hỏi: “Ngươi cười gì thế?”

Ông lão trả lời: “Tôi cười người láng giềng nhà tôi. Anh ta đưa vợ đi chơi nhà bà con. Giữa đường gặp người con gái hái dâu, anh ta thích quá lén vợ rẽ xuống ruộng dâu, nói chuyện với người con gái. Một chốc ngoảnh lên xem vợ đi đến đâu, thì thấy một chàng đang vẫy vợ anh ta đi. Ấy câu chuyện chỉ có thế, tôi nghĩ mà không nhịn cười được”.

Văn Công nghe nói tự nhiên tỉnh ngộ, kéo quân về, về chưa đến nơi thì đã thấy báo có giặc ở ngoài vào xâm phạm trên mạn bắc trong nước.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA

Tấn: xem truyện số 15

Văn Công: vua giỏi nước chư hầu thời Xuân Thu, đứng vào bậc ngũ bá.

Vệ: Tên một nước thời Xuân Thu ở vào vùng tỉnh Trực Lệ và Hà Nam bây giờ.

56. KHÔNG NÊN SÁT PHẠT LẪN NHAU

Văn Quân đất Lỗ Dương sắp đem quân sang đánh nước Trịnh. Mặc Tử nghe thấy đến can nói rằng:

Ví như bây giờ trong đất Lỗ Dương này, tỉnh lớn đánh tỉnh nhỏ, nhà lớn đánh nhà nhỏ giết người lấy của lẫn nhau thì nhà vua nghĩ như thế nào?

Văn Quân nói:

Bao nhiêu người ở Lỗ Dương đều là tôi con của ta cả. Vì tỉnh lớn đánh tỉnh nhỏ, nhà lớn đánh nhà nhỏ, để cướp lẫn nhau thì ta tất đem trị tội thật nặng.

Mặc Tử nói:

Bao nhiêu người trong thiên hạ đều là tôi con của trời cũng như bao nhiêu người trong đất Lỗ Dương là tôi con của nhà vua, nay nhà vua đem quân đánh Trịnh thì há tránh khỏi được vạ trời hay sao!

Văn Quân nói:

Sao tiên sinh lại ngăn ta đánh Trịnh. Ta muốn đánh Trịnh là thuận cái chí của trời. Vua nước Trịnh ba đời giết cha, trời đã ra tai, làm mất mùa ba năm. Nay ta phải giúp trời mà giết Trịnh.

Mặc Tử nói:

Vua nước Trịnh ba đời giết cha, trời đã ra tai, làm mất mùa ba năm, trời phạt như thế cũng là đủ. Nay nhà vua lại còn đem quân đánh Trịnh mà nói rằng:"Ta đánh Trịnh là thuận ý trời" thì là nghĩa thế nào ? Vì như ngay đây có một đứa con ngang ngạnh, cha nó đã cầm roi đánh nó, người cha bên láng giềng lại còn vác gậy ra đánh hôi, bảo rằng:"Ta đánh nó là thuận cái chí của cha nó". Nói như thế có nghe được không?

Mặc Tử

GIẢI NGHĨA

Lỗ Dương: tên một ấp lớn của nước Sở về thời Xuân Thu, tức là huyện Lỗ Sơn tỉnh Hà Nam bây giờ.

Can: nói để ngăn ai đừng làm việc gì

LỜI BÀN

Khi mình cậy sức, cậy nhiều, cậy khôn, cậy tài mà hà hiếp kẻ kém mình, thường cứ hay viện lẽ nọ, cớ kia, để như cho mình là phải mà che mắt thế gian, lấp miệng thiên hạ. Nhưng dù viện lẽ gì cớ gì cũng vẫn không được chính đáng. Danh bất chính thì ngôn bất thuận. Mình đã rắp tâm đè nén người ta, tham lấy của người ta, là mình làm điều phi nghĩa rồi, không bao giờ rửa sạch được cái ô danh nữa. Làm việc bậy mà lấy câu nói phải để tế toái đi có khác gì lấy vóc gấm phủ ngoài cành khô hay tượng đất mà bảo người ta là thánh thần đấy.

57.DIỀU GỖ

Mặc Tử làm cái diều gỗ, ba năm mới xong. Lúc thả cho bay, được một hôm thì diều hỏng.

Học trò khen rằng:

Thầy làm diều gỗ mà bay được thật là khéo!

Mặc tử nói:

Ta làm cái diều ba năm mới xong, diều bay mới được một ngày đã hỏng, cho là khéo thế nào được. Sao bằng người làm cái xe gỗ chỉ tốn một ít công không hết một buổi, mà chở được nặng, đi được xa, dùng được lâu năm. Có thế mới gọi là khéo.

Huệ Tử nghe câu chuyện, bảo:

Mặc Tử nói thế thật là người khéo.

Mặc Tử

LỜI BÀN

Diều gỗ mà bay được, ai không chịu là khéo? Nhưng công làm mất ba năm, dụng chỉ được một ngày, thì cái dụng tưởng như không bổ với cái công. Cho nên Mặc Tử, vốn là người tiết kiệm, chỉ vụ sự làm ăn thiết thực, không cần sự văn hoa vô dụng, ý cho một vật gì sở dĩ gọi là khéo, không phải chỉ là việc làm tinh xảo hơn người, nhưng cốt phải lợi dụng được việc cho người trước. Huệ Tử khen Mặc Tử là cũng theo một cái lý thuyết ấy. Tuy vậy, xét ra ở đời cái khéo và cái dùng không cần gì cứ phải đi đôi với nhau. Thường cái khéo, cái đẹp không cần là hữu dụng hay vô dụng: miếng gỗ, chạm cái tranh vẽ, giọng hát bài đàn chỉ có cho khéo, không thiết dụng mà thực là có ích cho người lắm.

58. LÁ DÓ

Nước Tống có người lấy ngọc, tỉa làm một cái lá dó ba năm mới xong. Cái lá làm rất khéo, sống, cuống, cạnh sắc, lông tơ, màu mỡ giống như hệt, đem trộn với lá dó thật, không ai phân biệt được nữa.

Người ấy đem cái lá dâng vua Tống. Vua khen là khéo, cấp lương bổng cho.

Liệt Tử nghe thấy chuyện, nói rằng:

Giá bây giờ những cây cối trong khoảng trời đất ba năm mới mọc được cái lá, thời dễ không có mấy cây có lá nữa.

Liệt Tử

LỜI BÀN

Bài này cũng gần một ý như bài trên, nói sự khéo chỉ làm trò chơi được một lúc, không đáng chuộng bằng sự thực dụng làm lợi cho mọi người được dái lâu. Song tay người làm ra mà giống được như tạo hóa thì thật là khôn khéo. Mỹ thuật xưa này thường lấy sự bắt chước hệt được như hóa công làm mục đích. Liệt Tử vốn là nhà Lão học, thì lại cho cái cảnh đẹp tự nhiên là đẹp hơn cả, chỉ một cái cảnh ấy cũng làm cho con người đủ được hưởng thụ vui sướng.

59.CHỮ TÍN

I.CÁI ĐỈNH

Nước Lỗ có một cái đỉnh rất quý. Nước Tề bắt phải đem dâng. Vua Lỗ tiếc lắm, cho làm một cái đỉnh giả đưa sang.

Vua Tề bảo:

Phải có Nhạc Chính Tử đem đỉnh sang nói, thì ta mới tin.

Vua Lỗ cho gọi Nhạc Chính Tử đến, bảo đi.

Nhạc Tử Chính hỏi:

Sao không đưa đỉnh thật?

Vua Lỗ nói:

Ta quý cái đỉnh ấy lắm.

Nhạc Tử Chính thưa:

Nhà vua quý cái đỉnh ấy thế nào thì tôi quý cái đức “Tín” của tôi như thế.

Sau đó vua Lỗ phải đưa đỉnh thật Nhạc Chính Tử mới chịu đi.

II. THANH GƯƠM

Quý Trát là con vua nước Ngô đi du lịch các nước. Khi qua nước Từ vào thăm vua Từ. Vua Từ thấy Quý Trát có thanh gươm báu, muốn xin mà chưa dám nói, Quý Trát trong bụng cũng định cho mà chưa dâng được, vì cuộc du lịch chưa xong. Khi ở nước Tần về, thì vua Từ đã mất rồi. Quý Trát không biết làm thế nào, đành phải đem gươm đến treo chỗ gốc cây bên mộ vua Từ, rồi trở về.

Giải nghĩa

Nhạc Chính Tử: người nước Lỗ thời Xuân Thu học trò thầy Tăng Tử

Quý Trát: con út vua Ngô, một bậc danh nhân thời Xuân Thu

Lời bàn: Nhạc Chính Tử không chịu đem cái đỉnh giả. Quý Trát không chịu về không cho gươm, đều là những người biết trọng chữ “Tín” cả. Giá không nói là thật đã quý, mới hứa trong bụng mà cố làm cho được lại quý hơn nữa. Ôi! Xưa nay chữ tín có giá biết ngần nào!

Chữ tín liệt rõ trong ngũ thường, người ở đời giao thiệp cốt lấy chữ tín làm chủ. Cho nên cổ nhân có những câu như: “Nhân vô tín bất lập”(Khổng Tử) nghĩa là không có tín thì không đứng được ở đời. “Tín vi quốc chi bảo”(Tấn Văn Công) nghĩa là tín là cái báu của cả nước.

60. TỰ LÀM KHOAN KHOÁI

Đức Khổng Tử đi chơi núi Thái Sơn, gặp ông Vinh Khải Kỳ giao du ở ngoài đồng, mặc áo cừu thắt lưng dây, tay gảy đàn cầm, vừa đi vừa hát.

Đức Khổng Tử hỏi:

"Tiên sinh" làm thế nào mà thường vui vẻ thế?

Ông Vinh Khải Kỳ nói:

Trời sinh muôn vật, loài người quý nhất, mà ta được làm người, đó là một điều đáng vui - Trong loài người, đàn ông quý hơn đàn bà, mà ta được làm đàn ông, đó là hai điều đáng vui - Người ta sinh ra có người đui què, có người non yếu mà ta hoàn toàn khỏe mạnh nay đã chín mươi tuổi thế là ba điều đáng vui...Còn cái nghèo là sự thường của thế gian, cái chết là sự chết của đời người. Ta nay xử cảnh thường, đợi lúc hết, thì có gì là lo buồn?

Đức Khổng Tử nói:

Phải lắm! Tiên sinh thế là biết cách tự làm cho khoan khoái mà hưởng sự vui thú ở đời.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA:

Thái Sơn là tên một dải núi cao ở tỉnh Sơn Đông.

61. NGƯỜI KHÔN SỐNG LÂU

Vua Ai Công nước Lỗ hỏi Đức Khổng Tử:

Người khôn có sống lâu không?

Đức Khổng Tử đáp:

Có. Khôn thì sống lâu, chớ dại thì sống lâu sao được! Người ta có ba thứ chết, tự mình làm cho mình chết, chớ không phải số mệnh đáng chết mà chết.

- Ăn uống không có chừng mực, thức ngủ không có điều độ, làm lụng khó nhọc quá, lưới biếng chơi bời quá, người như thế phải chết về bệnh tật.

- Phận làm người dưới mà can phạm người trên, lòng tham muốn không chứng, tính yêu không chán, người như thế thì chết về hình pháp.

- Mình ngu, mà kình địch khôn, mình yếu, mà khinh bỉ người mạnh, không biết tự lượng sức mình mà cứ giận dữ làm liều, người như thế chêt vì binh đao

Ba thứ chết ấy, thực không phải là số mệnh, chỉ tự mình giết mình mà thôi.

Hàn thi ngoại truyện

Lời bàn: Xưa nay ta vẫn cho khôn ngoan thì chóng già, ngu xuẩn thì sống lâu, là lấy lý rằng, người khôn dùng trí, dùng sức nhiều, thì chóng suy, người ngu chỉ ăn no ngủ kỹ, không lo lắng gì, thì sống lâu. Nhưng xét một mặt khác thì trái hẳn lại. Khôn thì sống, dại thì chết, khôn ăn người, dại người ăn. Như Đức Khổng Tử đáp vua Ai Công đây chính là ngụ cái ý đó. Ôi! Sống chết tùy tại mệnh trời, nhưng thường khi người cũng có phần vào đấy, lắm người chỉ ngu xuẩn, không biết giữ vệ sinh, không hiểu pháp luật, không biết tự lượng mà thành không đáng chết cũng phải chết. Chết như thế là chết uổng nên thương, thương vì ngu dại.

62. VỢ RĂN CHỒNG

Án Tử làm tướng nước Tề, một hôm đi việc quan, có tên đánh xe theo hầu.

Vợ tên đánh xe dòm qua khe cửa, thấy chồng tay cầm cái dù, tay cầm cương, mặt vác lên trời, dương dương tự đắc.

Lúc chồng về nhà, nàng xin bỏ nhà ra đi. Chồng hỏi: Tại làm sao? Nàng nói:

“Án Tử, người thấp bé nhỏ làm đến Tướng nước Tề, danh tiếng lừng lẫy khắp thiên hạ, thế mà thiếp thấy ông ấy vẫn có ý trầm trọng, khiêm nhường, như chửa bằng ai. Chớ như chàng, cao lớn đẫy đà chỉ mới làm được một tên đánh xe tầm thường hèn hạ thế mà thiếp xem chàng đã ra dáng lấy làm vinh hạnh, tưởng không ai bằng nữa, nên thiếp xin bỏ chàng, thiếp đi”.

Từ hôm ấy, tến đánh xe bỏ được cái bộ vênh váo, chữa được cái tính nông nổi. Án Tử thấy thế làm lạ, hỏi. Tên đánh xe đem việc nhà kể lại. Án Tử bèn cất cho làm đại phu.

Án Tử Xuân Thu

LỜI BÀN

Tên đánh xe của Án Tử thực là sang vì vợ, nhờ được người vợ giỏi, biết lấy cái địa vị hèn hạ, cái dáng bộ ngông nghênh của chồng làm xấu hổ, mà sửa được cái tâm tính tâm tính chồng và thành được thân danh cho chồng. Tiếc thay ở đời bây giờ, có biết bao nhiêu kẻ chỉ làm môn hạ người ta, đã bênh váo lên mặt, ngênh ngang tự đắc như tên đánh xe, mà lại không có được những người vợ, như vợ tên đánh xe để khuyên răn lấy chồng, làm cho chồng biết tự sỉ mà phấn chí tu tỉnh cho ra người.

63. BÀ HUYỆN CAN ĐẢM

Đời nhà Đường, giặc Lý Hy Liệt đã đánh được Châu Biện, kéo đến đánh huyện Hạng Thành. Quan huyện Hạng Thành là Lý Khản muốn chạy trốn. Bà Huyện người họ Dương nói:

"Giặc đến cướp thành thì phải hết sức giữ thành, giữ mà không được thì phải liều chết với thành, nay ông lại chực trốn, nghĩa là làm sao? Bây giờ cứ mộ quân cho nhiều, khao thưởng cho to, thiếp tưởng còn giữ được thành."

Nói rồi, chính Bà huyện hội họp cả nha lệ, sĩ dân lại hiểu dụ rằng"

"Quan huyện là chủ các ngươi thật nhưng chẳng qua chỉ ở đây độ năm, ba năm rồi cũng thiên đi nơi khác, không liên can lắm bằng các ngươi sinh trưởng ở đất này, gây dựng cơ nghiệp ở đất này, mồ mả ông cha cũng ở đất này, vậy sống chết các người cũng phải hết sức mà giữ lấy thành thì mới được."

Ai nấy nghe đều cảm động, rơm rớm nước mắt và đoạn xin liều chết để cố giữ thành. Bà huyện hạ lệnh rằng:

"Ai lấy gạch đá đánh được giặc, thưởng tiền một nghìn, ai lấy gươm giáo giữ được giặc thưởng liền một muôn."

Tất cả được hơn một trăm người kéo nhau ra giữ thành, chống lại với giặc. Bà huyện thân đi trông nom lương thực cho quân lính. Khi giao chiến, quan huyện phải một mũi tên, lùi về, ý không muốn đánh nữa. Bà huyện giận nói:

"Ông không ở đấy thì ai chịu liều chết? Cho ông giữ thành mà có chết lại chả hơn ở xó giường ư?"

Ông huyện nghe cảm kích, hăng hái hơn trước, lại chạy lên thành, liều đánh một trận nữa, quân giặc túng thế phải kéo đi. Huyện Hạng Thành nhờ thế được an toàn.

Đường Thư Liệt Nữ Truyện

LỜI BÀN

Làm quan không che chở cho dân lúc giặc đến, lại sợ chết muốn trốn tránh, thì chẳng là nhút nhát không hiểu cái nghĩa tận tâm với chức vụ là gì ư! Một ông huyện như thế đáng khinh bao nhiêu, thì một

bà huyện như vợ ông huyện ấy lại đáng trọng bấy nhiêu. Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh. Chỉ nhờ cái lòng can đảm của bà mà dân phải cảm kích, cả huyện được an toàn. Quý nhất câu bà nói: "Giữ thành mà chết còn hơn chết ở xó giường" thì cái chí khí có kém gì những bậc tu mi vừa anh hùng vừa khí phách.

64. THẾ NÀO LÀ TRUNG THẦN

Vua Quân đất Lỗ Dương bảo Mặc Tử: “Có kẻ nói với ta rằng: Trung thần là người bắt cúi thì cúi, ,bắt ngửng thì ngửng, để thì im, gọi thì thưa, như thế có cho là trung thần được không?”

Mặc Tử nói: “Bắt cúi thì cúi, bắt ngửng thì ngửng, như thế khác nào cái bóng? Để thì im, gọi thì thưa, như thế khác nào tiếng vang? Quan liêu mà dùng đến những kẻ như bóng, như vang, thì còn được ích gì? Cứ như tôi đây mà gọi là trung thần, thì khi vua có lầm lỗi, phải liệu cách can ngăn mà đưa vào điều thiện; khi mình có điều hay, phải tìm đường bày tỏ, mà không lộ ra ngoài; trên thì thành thực một lòng, một dạ với vua; dưới thì không a dua vào bè kết đảng với ai; những sự tốt lành yên vui thì để phần vua hưởng, những điều oán thù lo lắng thì mình hứng đựng. Có được như thế, thì tôi mới cho là trung thần.”

65. BÁO THÙ

Nước Ngô, nước Việt đánh nhau.

Vua Ngô là Hạp Lư thua trận, phải quân Việt đâm chết. Con Hạp Lư là Phù Sai nối ngôi làm vua, thề thế nào cũng phục thù được cho cha mới nghe. Phù Sai bèn cho người đứng ở sân, mỗi khi mình ra vào, người ấy phải nói to lên rằng:

“Phù Sai kia! Nước Việt nó giết chết cha mày mà mày quên ư?”

Phù Sai thưa rằng: “Dạ không dám quên.”

Ba năm sau, quả nhiên Phù Sai đánh được nước Việt, báo thù cho cha.

Lúc nước Việt thua, vua Việt là Câu Tiễn sang cầu Hòa. Tuy rằng được hòa; nhưng đêm ngày âu sầu, lo nghĩ nát gan, tan ruột. Chất củi làm giường nằm, treo cái mật trước chỗ ngồi. Khi nằm thì trông cái mật, khi ăn thì nếm cái mật. Chính thân thì cày cuốc, vợ thì dệt vải, làm ăn lao khổ như thường dân. Ai là bậc hiền tài thì trọng dụng, ai là kẻ khốn khó thì cứu giúp. Hơn hai mươi năm trời, lúc nào cũng như vậy. Sau Câu tiễn xem chừng lòng dân đã khiến được, bấy giờ mới đem quân sang đánh Ngô, quả nhiên Ngô lại thua mà Việt được.

Chu Thư

LỜI BÀN

Một bên vì cha mà báo thù, một bên vì nước mà báo thù, hai cái thù không đội trời chung, mà dụng tâm theo đuổi đến báo kì được mới nghe thực là chính đáng, khiến ai nghe thấy cũng phải kính phục. Nếu Phù Sai, Câu Tiến gặp cái cảnh đau đớn như thế, mà cứ mặt dày mày dạn điềm nhiên như không, thì chẳng là đất đá, không biết nhục là cái gì ư! Có biết nhục thì sau mới rửa được nhục. Khi đã rửa được nhục lại cần phải tu tỉnh luôn luôn và quí nhất là cảm hóa, nâng đỡ kẻ thù đã chịu lui bước hay đầu hàng để cho họ đỡ đau khổ, có địa vị, thì mới được yên lâu. Nếu rửa nhục xong mà kiêu căng đại nọa, quên cả phòng bị thì lại chuốc lấy nhục mà oan oan tương báo, chỉ những tàn hại nhau hoài mà thôi.

66. CÁCH DÙNG PHÁP LUẬT

Qúi Cao làm quan sĩ sư nước Vệ có làm án chặt chân một người.

Sau nước Vệ loạn, Quí Cao chạy trốn, ra đến cửa thành, gặp người giữ cửa thành, lại chính là người mình chặt chân ngày trước.

Người ấy bảo: "Kia có chỗ tường đổ".

Quí Cao nói: "Người quân tử không trèo tường".

Lại bảo: "Ở đây có lỗ hổng".

Quí Cao nói: "Người quân tử không chui lỗ hổng".

Lại bảo: "Ở đây có cái nhà".

Quí Cao mới chạy vào nhà ẩn. Bởi vậy mà quân đuổi theo không thể bắt được.

"Trước ta theo phép nước mà chặt chân người, nay ta gặp nạn chính là cái dịp để người báo thù mà người ba lần chỉ lối cho ta trốn, thương ta như thế nghĩa là làm sao?"

Người giữ thành nói:

"Tội tôi đáng chặt chân, tránh sao cho khỏi. Lúc ông luận tội, xoay xở pháp luật, ý muốn nới tay, tôi cũng biết. Lúc án đã định, đem ra hành hình, nét mặt ông buồn rầu, tôi lại biết lắm. Ông làm như thế, há có vị riêng gì tôi, đó là tâm địa quân tử tự nhiên như vậy…Thế cho nên tôi muốn cứu ông".

Đức Khổng Tử nghe chuyện này, nói rằng: "Cũng là một cách dùng pháp luật, mà có lòng nhân từ thì gây nên ơn, dùng mà ra dáng tàn bạo thì gây nên oán. Như Quí Cao là người làm quan biết dùng pháp luật vậy."

GIẢI NGHĨA

Sĩ sư: tên một chức quan đời nhà Chu; coi xét việc hành ngục.

67. THẬT GIẢ KHÓ PHÂN

Ở gò Lê Khưu có giống quỉ lạ. Nó bắt chước làm con cháu, anh em nhà người ta thật là giống.

Có một ông trưởng giả gần vùng đấy, một hôm ở chợ về chén say khướt. Lúc đi qua gò Lê Khưu, con quỉ hiện hình lên làm con ông ta, tay ôm đỡ dìu dắt, nhưng miệng cứ lẩm bẩm nhiếc móc, kêu say sưa là xấu.

Trưởng giả về nhà, lúc tỉnh rượu gọi con ra mắng: "Tao là cha mầy, tao có điều gì là ác nghiệt mà lúc tao say, mầy lại nỡ mỉa mai tao như vậy!"

Người con khóc, lạy cha và thưa rằng: "Oan quá! Thật con không dám như thế bao giờ. Con nghe đâu ở gò Lê Khưu có giống quỷ khéo bắt chước hiện lên làm người, có lẽ là đây chăng".

Trưởng giả hỏi dò, thì quả nhiên ai cũng bảo có như thế thật, ông mới định bụng hễ gặp giống quỷ ấy là đâm chết.

Hôm sau, ông lại đi chợ, lại chén say khướt mới về. Người con sợ cha lại gặp quỷ nó quấy nhiễu gì, bèn săm săm đi đón. Trưởng giả trông rõ con mình, nhưng cho là quỷ, liền rút gươm đâm chết.

Lã Tử

GIẢI NGHĨA

Lê Khưu: tên một cái gò cao,ở về địa phân huyện Ngu Thành, tỉnh Hà Nam bây giờ

Trưởng giả: Người đứng tuổi, thường chỉ những bậc có trí, có tài, có oai, có chức hay có của.

LỜI BÀN

Khó thật! Làm thế nào cho rõ giả thực mà phân biệt được. Cái trò đời, đã gian thì lại ngoan, kẻ gian phi đã rắp tâm lừa ai, thì dùng thiên phương bách kế, làm cho phải mắc lừa mà vẫn có bụng tin. Cho nên khi ta ngờ điều gì, ta phải để cái trí sáng suốt mà dò xét cho đến nơi. Chớ có vội hành động, lấy giả làm thực, cho thực là giả, nhận quỷ làm con, giết con tưởng quỷ như trưởng giả nói trong chuyện này, sau có hối lại cũng không kịp. Đời này biết bao nhiêu chuyện vợ chồng,

chuyện phe cánh, ngờ nhau tàn hại nhau, một khi sự thực hiện rõ ra chỉ còn có ôm hận suốt đời, lúc nào cũng băn khoăn thương đến người đã khuất.

68. TRUYỆN ĐƯỜI ƯƠI

Ở núi Phong Khê đất Thục có giống Đười Ươi, mặt như mặt người, biết cười, biết nói. Máu nó dùng để nhuộm mùi, không bao giờ phai, nên người ta lừa bắt nó.

Tính đười ươi thích uống rượu, thích đi guốc. Người ta biết thế, đem rượu và guốc ra bày la liệt ở quãng đồng không, rồi đi nấp một chỗ. Đười Ươi ngửi hơi rượu, kéo nhau ra thấy rượu, thấy guốc, biết rằng dử mình bèn chửi rủa người lập đánh bẫy, và nói thậm tệ đến cả ông cha người ấy. Đoạn bảo nhau đi, lẩm nhẩm nói chớ có mắc mưu cái loài khốn nạn chực hại mình... Song đã đi mà vẫn ngoảnh lại, rồi bảo nhau:

"Ta thử nếm xem tưởng không hại gì"

Tay chấm miệng mút, bén mùi làm mãi, thành say sưa mờ mịt, quên cả lời khôn, lẽ phải bấy lâu giữ gìn, chếnh choáng nghiêng ngả, nói nói, cười cười, chân đưa vào guốc thất thểu đi...

Người nấp bấy giờ đổ ra thì Đười Ươi lảo đảo chạy, con ngả nghiêng, con ngã ngửa, người ta bắt sạch không sót con nào.

Than ôi! Biết rõ người ta lừa gạt mình mà cứ tham lam mê muội để đến nỗi mắc lừa người ta mà mất mạng. Ngu lắm thay! Thật là ngu lắm thay!

Diêu Dung

Giải nghĩa -Thục: tức là Thục Quân ở về đất Tứ Xuyên bây giở

Lời bàn: Rượu chè, thuốc phiện, cờ bạc, trai gái... ở đời có bao nhiêu sự đam mê, tuy vẫn biết là tai hại mà khốn cái tính ngây, cái máu mê nó như có ma lực vẫn xui giục run rủi ta rủ nhau đua nhau mà tìm đến, mà say đắm, có khi tai hại cũng không chừa.Than ôi! Còn ở trên bờ vực sâu, mà không biết giữ, thì đến lúc lăn xuống, ăn năn sao cho kịp! cổ nhân đã có câu: “Nhất thất túc, thành thiên cổ hận: tái hồi đầu, thị bách niên thân” nghĩa là: Lỡ bước một phen nghìn đời ôm hận; quay đầu nhìn lại chín suối ngậm ngùi. thật đáng ghê thay, cho nên người ta phải cẩn thận giữ mình, khi đã biết sự đam mê có thể tai hại mình được thì cố tự chủ, tự trị, mà hãm mình lại ngay, chớ để cho nhân dục thắng được thiên lý thì phí cả đời người



69.THUẬT XEM TƯỚNG

Nước Kinh có người giỏi xem tướng, nói câu nào trúng câu ấy. Trong nước xa gần đâu cũng biết tiếng.

Vua Trang Vương thấy thế, vời lại hỏi:

"Nhà ngươi dùng thuật gì mà xem tướng giỏi như thế?"

Người xem tướng thưa rằng:

"Thần không có thuật gì cả. Thần chỉ xem bạn người ta mà biết được người ta hay hay dở. Như thần xem cho thường dân, mà thấy chơi với những người bạn hiếu, đễ, thuần, cẩn biết giữ phép người, thì thần đoán người dân ấy là người hay, thân tất một ngày một vẻ vang, nhà tất một ngày một thịnh vượng. Như thần xem cho quan lại mà thấy chơi với những bạn thành, tín, có phẩm hạnh, thích điều phải thì thần đoán cho ông quan ấy là người tốt, làm quan tất mỗi ngày một thăng cao, giúp vua mỗi ngày một ích lợi. Như thần xem cho vua chúa, mà thấy quan gần lắm người hiền, quan xa có lắm người trung, lúc có lỗi, nhiều người can ngăn, thì thần đoán là ông vua giỏi, vua tất mỗi ngày một tôn trọng, nước tất mỗi ngày một tri yên, thiên hạ tất mỗi ngày một quy phục... Thần quả không có thuật gì lạ, chỉ xem mà biết được người hay người dở."

Vua Trang Vương cho nói là phải. Bấy giờ kíp thu dùng những người tài giỏi, sau nước Sở thành cường thịnh nhất thời Chiến quốc.

Lã Thị Xuân Thu

GIẢI NGHĨA:

Chiến quốc thời đại về cuối đời nhà Chu 475- 249 TCN, các nước hay đánh (chiến) nhau. Có bảy nước mạnh là: Tần, Sở, Yên, Tề, Hàn, Triệu, Nguỵ.

70. THEO AI PHẢI CẨN THẬN

Đức Khổng Tử thấy Kẻ đánh lưới chim sẻ chỉ đánh được thuần sẻ non vàng mép. Ngài bèn hỏi rằng:

"Không đánh được sẻ già là tại làm sao!"

Kẻ đánh lưới nói:

"Sẻ già biết sợ, cho nên khó được, sẻ non tham ăn, cho nên dễ bắt. Nếu sẻ non mà theo sẻ già thì bắt sẻ non cũng khó nhưng nếu sẻ già theo sẻ non thì bắt sẻ già cũng dễ."

Đức Khổng Tử nghe đoạn quay lại bảo học trò rằng:

"Biết sợ để tránh tai hại, tham ăn mà quên nguy vong, đó đều là tính tự nhiên vậy. Song phúc hay họa lại do ở cái theo khôn hay theo dại. Cho nên người quân tử trước khi theo ai phải cẩn thận. Theo ai mà biết phòng xa như người lão luyện, thì được toàn thân, theo ai mà hay nông nổi như kẻ trẻ dại thì bại hoại."

71.SAY, TỈNH, ĐỤC, TRONG

Khuất Nguyên làm quan đại phu cho đời Hoài Vương nước Sở, bị kẻ sàm báng mà phải phóng khí. Mặt mũi tiều tụy, hình dung khô héo, Khuất Nguyên vừa đi, vừa hát trên bờ đầm.

Có ông lão đánh cá trông thấy hỏi rằng:

Ông có phải là Tam Lưu đại phu đó không? Sao mà đến nỗi khốn khổ như vậy?

Khuất Nguyên nói

Cả đời đục cả, một mình ta trong, mọi người say cả một mình ta tỉnh. Bởi vậy cho nên ta phải phóng khí.

Ông lão đánh cá nói:

Thánh nhân không câu nệ việc gì, lại hay tùy thời. Có phải cả đời đục cả, sao không khuấy thêm bùn, vỗ thêm sóng cho đục một thể, loài người say cả, sao ông không ăn cả men húp cả bã cho say một thể? Việc gì mà phải lo xa, nghĩ sâu, để cho đến nỗi phải phóng khí?

Khuất Nguyên nói:

Tôi nghe mới gội đầu tất phải chải mũ, mới tắm ra phải thay áo, có đâu lại chịu đem cái thân trong sạch mà để cho vật dơ bẩn dính vào mình được? Chả thà ta nhảy xuống sông Tương vùi xác vào bụng cá, chớ sao đang trắng lôm lốp lại chịu để dây phải bụi dơ.

Ông lão đánh cá nghe nói tủm tỉm cười, quay bơi chèo đi rồi hát rằng:

Sông Thương nước chảy trong veo

Thì ta đem giặt cái lèo mũ ta

Sông Thương nước đục phù sa

Thì ta lội xuống để mà rửa chân.

Hát xong, đi thẳng không nói gì nữa.

Khuất Nguyên.

GIẢI NGHĨA:

Đại phu: chức quan đời cổ dưới quan Khanh, trên quan Sĩ

Tam Lư đại phu: quan đại phu Tam Lư, Tam Lư họ của Khuất Nguyên.

Câu nệ: bo bo chỉ giữ một bề

Tương: tức sông Tương Giang, một sông lớn chảy qua tỉnh Hồ Nam rồi nhập vào Động Đình hồ

Lèo: dải mũ, mũ thường có hai dải để buộc cho chặt (mũ thời cổ).

LỜI BÀN: Bài này tác giả chính là Khuất Nguyên, mượn lời lão đánh cá mà đặt lối vấn đáp. Mấy câu hát của lão đánh cá thì có ý khuyên Khuất Nguyên hòa quang đồng trần với đời, mấy câu Khuất Nguyên nói thì lại phản đối lại, chết thời thôi chứ không chịu theo thời, không chịu dày dạn, sống đục, không bằng thác trong. Ôi! Không nỡ bỏ nước nhà mà lẩn lút đi ở nơi khác lại cũng không chịu cùng tiểu nhân mà cẩu thả sống cho qua đời, sau này quả nhiên vùi xác vào bụng cá trong sông Mịch La, lấy nước sông Mịch mà tẩy uế sự nhơ bẩn, thật là nghìn thu trung nghĩa, dòng nước trong xanh, khiến cho ai xem truyện Khuất Nguyên cũng ngậm ngùi thương nhớ và sinh lòng phấn khởi.

72. NHAN SÚC NÓI TRUYỆN VỚI TỀ VƯƠNG

Vua Tuyên Vương nước Tề đến chơi nhà Nhan Súc, bảo:

“Súc lại đây.”

Nhan Súc cũng bảo:

“Vua lại đây.”

Các quan thấy vậy, nói:

“Vua là bậc chí tôn, Súc là kể thần hạ. Vua bảo: “Súc lại đây” Súc cũng bảo: “vua lại đây.”, như thế nghe có được hay không?”

Nhan Súc nói:

“ Vua gọi Súc mà Súc lại, thì Súc là người hâm mộ thần thế. Súc gọi vua mà vua lại, thì vua là người quý trọng hiền sĩ. Nếu để Súc này mang tiếng hâm mộ quyền thế, thì sao bằng để nhà vua được tiếng quý trọng hiền tài.

Vua nghe nói giận lắm, gắt lên rằng:

“ Vua quý hay kẻ sĩ quý?”

Nhan Súc đáp:

Sĩ quý, vua không quý.

Vua hỏi:

Có sách nào nói thế không?

Nhan Súc thưa:

Có, Ngày trước, nước Tần sang đánh nước Tề. Có hạ lệnh: “Ai dám đến gần mộ ông Liễu Hạ Quí mà kiếm củi, thì phải xử tử.” lại có lệnh: “Ai lấy được đầu vua Tề thì được phong hầu và thưởng nghìn lạng vàng.” Xem thế đủ biết cái đầu ông vua sống thực không bằng cái mả kẻ sĩ chết.

Vua Tuyên Vương nói:

Than ôi! Người quân tử ai mà dám khinh! Quả nhân cam chịu lỗi! Nay quả nhân xin làm đệ tử để tiên sinh dạy bảo cho. Tiên sinh mà về ở với quả nhân, thì được ăn mặc sung sướng, lên xe, xuống ngựa, vợ con được quần áo xênh xang tha hồ đẹp.

Nhan Súc từ chối:

Ngọc vốn ở núi, lấy ra mà giũa, chế làm đồ vật, tuy đem bày biện có phần quý báu nhưng cũng là hỏng, vì vóc ngọc không còn. Kẻ sĩ sinh nơi thôn dã, bỏ ra làm quan tuy vinh hiển thật, xong hình thần không còn được toàn, Súc xin ở nhà, lúc đói mới ăn, thì cũng ngon miệng như ăn cơm thịt, lúc đi, cứ bước khoan thai thì cũng nhẹ nhàng như lên xe xuống ngựa, suốt đời không tội lỗi cùng ai, thì cũng sung sướng như quan cao lộc trọng. Hình thần lúc nào cũng được trong sạch chính đính thế là đủ khoan khoái cho Súc rồi.

Nói đoạn, Nhan Súc tạ vua Tuyên Vương mà lui vào.

LỜI BÀN: Xem lời Nhan Súc đối đáp với vua Tuyên Vương thì đủ biết phẩm giá con người ta thực quý hơn vua chúa. Thế mà ở đời, nhiều kể ham mê phú quý, đến nỗi mất cả nhân cách, chôn cả lương tâm, thì thật là khờ dại, đem một sự quý mà đổi lấy những sự hảo quyền ở bề ngoài rất đáng khinh. Người ta có vô cầu mà giữ được thiên chức, không mất bản tính thì suốt đời mới không nhục và nhân phẩm mới cao.

73.KHẤU CHUẨN THƯƠNG NHỚ MẸ

Ông Khấu Chuẩn thuở nhỏ, tính hay du đãng, không giữ lễ phép, lại thích chơi chim, chơi chó. Bà mẹ ông vốn là người nghiêm khắc, thấy con thế quở phạt luôn, mà vẫn không chừa.

Một hôm, ông bỏ học đi chơi, bà mẹ giận lắm, cầm cái quả cân ném ông, trúng phải chân, máu chảy đầm đìa... Ông bị đau, ít lâu mới khỏi. Tự bấy giờ ông không dám lêu lổng, phóng túng, chỉ chuyên cần học tập. Về sau, thi đỗ, làm quan đến Tể tướng. Lúc ông quy hiển thì mẹ ông đã tạ thế rồi. Mỗi khi sờ đến vết thương ở chân, thì ông lại nức nở khóc lóc và nói rằng:

“ Chính cái vết thương này làm cho ta nên người đây”.

Nhân Phủ

GIẢI NGHĨA:

Khấu Chuẩn: người đời Tống đỗ Tiến sĩ làm quan đời vua Chân Tôn đến chức Tể tướng, có công đánh giặc Khiết Đan.

74. TÌNH MẸ CON CON VƯỢN

Ở đất Vũ Bình, có giống vượn lông đỏ như vang, nõn như tơ, trông xa lấp lánh rất ngoạn mục. Có hai mẹ con con vượn, mẹ thì khôn ngoan, tai quái, con thì ngây ngô, nhẹ dạ, nhưng lúc nào cũng đi liền bên vượn mẹ. Người đi săn không thể nào nhử mồi, đánh bẫy được, mới lấy thuốc độc xác mũi tên, rình lúc vượn mẹ vô ý thì bắn. Vượn mẹ biết mình không thể sống được, vắt sữa ra dùng cho con uống, xong rồi lăn ra chết. Người đi săn quay về phía vượn con, cầm roi quật vào xác vượn mẹ. Vượn con thấy, kêu gào thương xót, chạy ngay lại gần, người đi săn bắt sống được. Lúc về nhà, cứ đêm đêm, vượn con nằm phục bên xác mẹ thì mới yên; một đôi khi lại ôm lấy kêu gào, vật vã rất thảm thiết. Không được mấy hôm vượn con cũng chết.

Than ôi! Vượn là giống vật còn biết thương mẹ liều chết với mẹ huống chi là giống người lại nỡ nhẫn tâm quên mẹ phụ lòng mẹ ư!

Tống Liêm

GIẢI NGHĨA:

- Vũ Bình: tên đất ở vào địa phận phủ Định Châu tỉnh Phúc Kiến bây giờ.

- Tông Liêm: người đời nhà Minh học giỏi, nhờ người từ lúc trẻ đến lúc già không có hôm nào rời quyển sách, văn chương dồi dào làm Sử nhà Nguyên 210 quyển.

75. HỌC TRÒ BIẾT HỌC

Công Minh Tuyên đến học thầy Tăng Tử. Ở nhà thầy đã ba năm mà không mấy khi đọc sách.

Thầy Tăng Tử hỏi:

Ngươi đến đây học đã ba năm nay, ta xem ý người không mấy khi học tập sách vở như các anh em, là tại làm sao?

Công Minh Tuyên nói:

Thưa thầy, con vẫn học. Còn thầy: thầy ở trong nhà, trước mặt song thân, lúc nào cũng hiếu thuận, hòa nhã, cho đến giống vật như chó, mèo, thầy cũng không quở mắng bao giờ. Thầy ứng tiếp bạn bè cung kính ung dung, rất có lễ độ, kẻ dở người hay, ai nấy đều thiếp phục. Thầy ở triều đình, đối với kẻ bề ngoài rất là nghiêm trọng mà trong bụng rất là nhân từ, không có ý hại ai bao giờ cả. Ba điều ấy con lấy làm vui lòng mà mãi làm chưa được. Con đâu dám không học mà cứ ở cửa nhà thầy.

Thầy Tăng Tử nghe đoạn, tạ Công Minh Tuyên và nói rằng:

Ta nay không bằng nhà ngươi.

Thuyết Uyển

GIẢI NGHĨA

Công Minh Tuyên: người nước Lỗ về đời Xuân Thu, học trò thầy Tăng Tử.

LỜI BÀN: Học trò như Công Minh Tuyên, thầy dạy như Tăng Tử, mới thực là học trò biết học, ông thầy biết dạy, xứng đáng thầy trò vậy. Làm ông thầy, không những lấy tri thức mà truyền thụ, lại cần lấy đức tính mà làm gương giáo hóa cho kẻ đi học nữa. Sách có câu: “Dĩ ngôn vi giáo, dĩ thân vi giáo”, cũng là lấy nghĩa ấy. Làm học trò nhưng không những bo bo ở việc học tập văn bài, lại phải học cả động, tĩnh, ngữ, mặc, thái độ hình dung của thầy để bắt chước cho được được thầy nữa. Học như thế mới là học được cái tinh hoa. Công Minh Tuyên chỉ học trong ba điều kể trong bài này, mà tức là học được đủ bổn phận của người đối với gia tộc và xã hội vậy. Đây là học ở trường học thường mà biết học còn hay như thế, huống chi học trường tự nhiên là

trường thế giới mà biết học thì hay còn biết chừng nào.

76.PHÚC ĐẤY HỌA ĐẤY

Một người nhà quê rải cỏ phơi ở chân giậu. Hôm sau ra vơ cỏ, nghe thấy tiếng kêu "tích tích" lật lên xem, thì bắt ngay được một con trĩ.

Anh ta thấy thế, lại cứ để cỏ đấy, có ý mong ngày mai lại được con trĩ nữa. Mai ra, lắng tai nghe lại thấy tiếng kêu "tích tích" như hôm trước, trong bụng mừng thầm. Nhưng vừa bới cỏ lên, thì ra một con rắn, nó cắn ngay vào tay, anh ta bị thương rồi chết.

Úc Ly Tử nói rằng:

"Một việc nhỏ ấy đủ làm gương cho ta. Trong thiên hạ có cái phúc không tưởng được thế, mà may được thế cũng có cái họa không ngờ đến thế, mà xảy ra thế!"

Úc Ly Tử

LỜI BÀN: Sự may, sự rủi người ta không thể lường trước được. Trong cái may, biết đâu mà chẳng có cái không may, trong cái chẳng may, biết đâu mà chẳng không có cái may? Cũng một việc, bận trước là chẳng may, bận sau lại may, như người trước gặp trĩ có lợi, sau gặp rắn bị chết, nói trong chuyện này! Chúng ta nên nhớ rằng: tham thì thâm, đã đắc ý một lần, không nên lại đến lần nữa. Đến không những không được như lần trước mà lại còn bị khinh bỉ khổ nhục nữa.

77. HỌA PHÚC KHÔN LƯỜNG

Một ông lão ở gần cửa ải có con ngựa tự nhiên đi sang nước Hồ mất. Người quen kẻ thuộc đều đến hỏi thăm.

Ông lão nói:

Mất ngựa thế mà phúc cho tôi đấy biết đâu.

Cách mấy tháng con ngựa về lại quyến thêm được một con ngựa hay nữa. Người quen kẻ thuộc đều đến mừng rỡ.

Ông lão nói:

Được ngựa thế mà họa cho tôi biết đâu.

Từ khi được ngựa hay, con ông lão thích cưỡi, chẳng may ngã què chân. Người quen kẻ thuộc đều đến hỏi thăm.

Ông lão nói:

Con què thế mà phúc cho tôi đấy biết đâu.

Cách một năm, có giặc Hồ. Nhà vua bắt lính đi đánh giặc. Quân lính mười người chết đến chín. Chỉ con ông lão, vì què không phải đi lính, mà cha con vẫn có nhau.

Hoài Nam Tử

GIẢI NGHĨA

Hồ: tức là Hung nô ở phía bắc nước Tàu hay vào nhiễu loạn nước Tàu

Hoài Nam Tử: tên là Lưu An, tôn thất nhà Tây Hán, tức Hoài Nam Vương, làm sách nói về đạo đức.

LỜI BÀN: họa phúc xoay vần, khó lòng biết được. Trong cái phúc thường có cái họa nấp sẵn ở đấy, trong cái họa thường khi lại có cái phúc nấp sẵn ở đây. Cho nên, đối với sự họa phúc, ta không nên vội lấy việc chỉ có một thời mà quyết định cho là hay mãi hay dở mãi được. Ta chỉ nên, khi gặp phúc, thì thao thủ cẩn thận, đừng có kiêu xa phóng túng, may mà giữ được phúc lâu dài, khi gặp họa, thì tu tỉnh lấy thân, đừng có ngã lòng, đừng có oán trách, may mà qua được họa lại gặp phúc chăng.

78.VẼ GÌ KHÓ

Có người thợ vẽ, vẽ cho vua nước Tề mấy bức tranh.

Vua hỏi:

- Vẽ cái gì khó ?

Thưa:

- Vẽ chó, vẽ ngựa khó.

- Vẽ gì dễ?

- Vẽ ma vẽ quỷ dễ.

- Sao lại thế?

- Chó ngựa ai cũng trông thấy, vẽ mà không giống, thì người ta chê cười, cho nên khó vẽ. Ma quỷ là giống vô hình, không ai trông thấy, tùy ý muốn vẽ thế nào cũng được, không sợ ai bẻ, cho nên dễ vẽ.

Người nào bỏ những công việc nhật dụng thường hành, chỉ chăm làm những việc kì dị quái gở để lòe thiên hạ, thì cũng chẳng khác nào như người thợ chỉ vẽ ma, vẽ quỷ, nghĩa là tránh cái khó mà làm cái dễ vậy.

79. CÁCH ĐÂM HỔ

Hai con hổ đang ăn thịt một con trâu. Biện Trang muốn ra đâm hổ. Có thằng trẻ con bảo rằng:

Hãy lượm đã ông ạ. Hổ là giống tàn bạo, trâu là mồi ngon ngọt. Bây giờ hai con hổ đang cùng ăn một con trâu, thấy thịt trâu ngon, tất tranh nhau, đánh nhau. Đánh nhau, thì hổ nhỏ chết mất mà hổ lớn cũng bị thương. Ông đợi đến bấy giờ hãy ra, thì không phải chỉ đâm được một con, mà rồi được cả hai con không? Như thế, thì chẳng phải là công dùng ít mà lợi được nhiều ư?

Biện Trang cho lời nói ấy là phải, làm theo y như thế, quả nhiên bắt được cả hai con hổ.

GIẢI NGHĨA:

Biện Trang: Người nước Lỗ, thời Xuân Thu, làm quan Đại phu ở ấp Biện, là người khỏe có tiếng, thường hay đâm được hổ.

LỜI BÀN: Bài này cốt ý dạy ta làm việc gì biết thừa cơ mà làm, thì ít khó nhọc, mà lại dễ thành công. Như Biện Trang đây, bắt hai con hổ ngay, công phu nhiều mà chưa chắc đã được. Đợi nó đánh nhau, một con chết một con bị thương, thì ra chỉ mất công bắt một con hổ yếu (vì mới bị thương) mà rồi được cả hai con hổ vậy. Ý bài này cũng giống câu nói của Mạnh Tử: "Tuy hữu trí tuệ, bất thừa thời thế; tuy hữu ti cơ, bất như đãi thời". Nghĩa là tuy có khôn ngoan sáng suốt, chẳng bằng thừa được cái thế, lại dễ làm hơn, tuy có điền khí sẵn sàng, chẳng bằng đợi đến thời đáng làm mới làm thì lại được việc.

80. ÂM NHẠC

Âm là tự lòng người ta mà sinh ra. Lòng người có cảm giác, mới phát động ra âm. Âm tuy thành ở ngoài miệng mà thực phát ra tự trong lòng.

Cho nên nghe âm thanh mà biết được phong tục, xét phong tục mà biết được chí hướng. xem chí hướng mà biết được đạo đức, thịnh, suy, khôn, dại, hay dở đều hện ra âm nhạc không giấu được ai. Bởi vậy cứ lấy âm nhạc mà nghiệm được một nước ra thế nào.

Đất xấu thì cây cối khẳng khiu, nước **c thì tôm cá gầy còm. Đời suy thì lễ nghĩa phiền mà âm nhạc dâm. Những âm dâm đãng, tà khúc, những âm trên bộc trong dâu mà dưới dân gian lấy làm thích là nước loạn, mà trên vua chúa lấy làm vui là đức suy.

Âm nhạc đã không có tiết tấu, không được trang nghiêm, thuần một màu dâm đãng đã xuất ra thời chỉ cảm được cái lòng dâm đãng tà khúc mà rồi sinh ra bao nhiêu việc tà khúc gian nguy vậy.

Cho nên người quân tử để tâm vào đạo mà sửa lấy đức, chỉnh lại đức để làm âm nhạc, hòa nhạc để cho thành thuận, mà nhạc có hòa, thì mới chỉnh đốn được mọi việc.

Tuân tử

LỜI BÀN

Nếu xem âm nhạc một nước mà biết được nước ấy là thế nào, thì đủ biết âm nhạc có một cái quan hệ mật thiết với sự tồn vong, thịnh suy của một nước. Ôi! Âm nhạc của nước ta hiện nay thế nào! Có nhiều người nếu không chê rằng là ai oán chi âm, Trịnh Vệ chi thanh, thì cũng không cho được rằng có vẻ hùng dũng, cái khí cao xa ở trong ấy. Tiếc rằng người đánh đàn, kẻ kéo nhị thì nhiều, nhưng quanh đi quẩn lại chỉ có lưu thủy với nam ai, còn người thực am hiểu âm luật, có thể cải lương được âm nhạc chưa có mấy. Ước gì những bậc có tài nghệ âm nhạc hằng lưu tâm đến, làm cho cái âm nhạc sầu não, ẻo lả kia được chỉnh đốn mà phấn chấn lên, thì thực là bậc "cứu quốc" có công to với cả nước vậy.

81. TRÍ VÀ NHÂN

Thầy Tử Lộ yết kiến đức Khổng Tử.

Đức Khổng Tử hỏi: Thế nào là người trí? Thế nào là người nhân?

Thầy Tử Lộ thưa:Người trí là người làm thế nào để cho người ta biết mình; người nhân là người làm thế nào để cho người ta yêu mình.

Đức Khổng Tử bảo: Nhà ngươi nói vậy cũng khá gọi là người có học vấn.

Thầy Tử Lộ ra, thầy Tử Cống vào, đức Khổng Tử lại hỏi người trí, người nhân là thế nào?

Thầy Tử Cống thưa: Người trí là người biết người; người nhận là người yêu người.

Đức Khổng Tử bảo: Nhà ngươi nói vậy cũng khá gọi là người có học vấn

Thầy Tử Cống ra, thần Nhan Hồi vào, đức Khổng Tử lại đem trí, nhân ra hỏi.

Thầy Nhan Hồi thưa: Người trí là người tự biết mình; người nhân là người tự yêu mình.

Đức Khổng Tử bảo: Nhà ngươi nói như vậy đáng gọi là bậc sĩ quân tử.

Gia Ngữ

GIẢI NGHĨA

Tử Lộ: học trò giỏi của đức Khổng Tử, có tiếng về khoa chánh sự

Tử Cống: học trò giỏi của đức Khổng Tử, có tiếng về khoa ngôn ngữ

Nhan Hồi: học trò giỏi nhất của đức Khổng Tử, có tiếng về khoa đức hạnh

Sĩ quân tử: bậc người thượng lưu trong xã hội, có đức hạnh, có học vấn, có kiến thức

LỜI BÀN

Cũng một chữ Trí, một chữ Nhân mà ba người đáp mỗi người một

khác. Không phải là trí với nhân có lắm nghĩa, thay đổi khác nhau, đó là tùy theo cái trình độ học vấn, kiến thức của mỗi người, mà tư tưởng thuyết minh có phần hơn kém nhau. Thầy Tử Lộ đáp như thế là người vụ ngoại, chỉ cần cho người ta biết mình, yêu mình mà thôi. Thầy Tử Cống đám như thế là người quên mình, chỉ biết người, yêu người mà thôi. So với thầy Tử Lộ thì cao hơn một bậc. Song chưa bằng thầy Nhan Hồi, học như thế mới là học vị kỷ; nghĩa là học để tự biết mình, yêu mình trước, rồi suy rộng ra đến biết người, yêu người. Biết mình, yêu mình không phải là có lòng tự kỷ hẹp hòi. Có biết mình thì mới tu tỉnh được tâm thân, cải quá thiên thiện mà nên người hay, người khá, cũng như câu: "Connais toi toi même" của người Tô Lạp Thị. Có yêu mình, thì mới biết trọng tư cách của mình, quí phẩm giá của mình rồi mới đến thân nhân dân, ái vật, tức cũng như câu tục ngữ Pháp: "Charité bien ordonnée commence par soi-même".

82. HẾT LÒNG VÌ NƯỚC

Vua Bình Vương nước Sở nghe lời gièm pha, giết chết đại tướng là Ngũ Xa, Ngũ Thượng là con cả Ngũ Xa cũng bị hại. Người con thứ ba là Ngũ Viên bèn bỏ nước Sở, sang làm tướng nước Ngô. Trước khi đi, có đến từ giã một người bạn đang làm quan đại phu tên là Thân Bao Tư mà bảo rằng:

"Ba năm nữa nước Sở không mất, thời tôi không trông thấy bác nữa."

Thân Bao Tư nói: "Bác làm mất nước Sở, thì tôi tất phải giữ cho nước Sở còn."

Ba năm sau, Ngũ Viên đem quân Ngô về đánh Sở, vua Chiêu Vương nối ngôi cho Bình Vương thua chạy, phải trốn vào trong núi.

Thân Bao Tư đang ở trong núi, nghe nói Ngũ Viên cường bạo bèn sang cầu cứu nước Tần, tâu cùng vua rằng:

"Nước Ngôn vô đạo, quân khỏe người nhiều, sắp đánh cả thiên hạ, bây giờ mới đánh một nước Sở thôi trước. Vua nước tôi phải chạy trốn, hiện đang ở Vân Mộng, sai tôi đến cấp báo với thượng quốc."

Vua nước Tần là Ai Công bảo: Ừ! Để rồi ta liệu. Nhà ngươi hãy ra nghỉ ngoài sứ quán.

Thân Bao Tư nói: "Vua nước tôi bây giờ đang khốn đốn, phận làm bầy tôi đâu giám ăn nằm yên một chỗ".

Nói đoạn cứ đứng giữa sân khóc lóc thảm thiết suốt bảy ngày đêm.

Ai Công thấy vậy, nói rằng: "Một nước có người bầy tôi như thế, ta không cứu cũng không đành". Rồi đem quân sang cứu nước Sở.

Quân Ngô nghe thấy tin, vội phải rút quân về.

Nước Sở nhờ thế mà không mất, vua Chiêu Vương lại lên ngôi, tìm Thân Bao Tư để thưởng công thì không thấy đâu cả. Thân Bao Tư đã lánh lâu rồi.

Trước khi đi lánh, Thân Bao Tư có nói rằng:

"Mượn quân, yêu nước không phải là vị thân, cứu cấp, trừ hại không phải là vị danh. Bây giờ nước đã định rồi, thì ta còn cầu gì nữa?"

Thuyết Uyển

GIẢI NGHĨA

Sở: xem truyện số 9

Đại tướng: một chức quan to nhất

Ngũ Xa: người nước Sở thời Xuân Thu, thờ vua Bình Vương vì can vua mà phải giết

Ngũ Thượng: con cả Ngũ Xa, cha bị nạn, đi theo cha rồi cũng bị hại

Ngũ Viên: tức là Ngũ Tử Tư, có thứ Ngũ Xa, trốn sang Ngô để mưu phục thù cho cha

Thân Bao Tư: người thời Xuân Thu làm quan đại phu thờ vua Bình Vương nước Sở và chơi thân với Ngũ Viên.

LỜI BÀN

Ngũ Viên vì cha bị giết oan mà quyết chỉ muốn hại vua, làm cho vua mất nước là trọng chữ Hiếu hơn chữ Trung, có phần đáng khen cũng có phần nên chê. Thân Bao Tư muốn cứu nước chỉ lấy nước mắt, tiếng khóc mà nên công, thực là người quá nhẫn nhục trong lúc kế cùng lực kiệt, để chuyển được người không có ý giúp cũng phải giúp, thế là có bụng rất trung, yêu vua, cứu nước vậy. Việc nghĩa làm là làm cho cả nước, làm được là hả, là sướng, chớ có cầu cạnh gì riêng cho thân mình?

83. BỌ NGỰA CHỐNG XE

Một hôm Trang Công nước Tề xa giá đi săn. Xe ra khỏi thành, đi trên đường cái, có con bọ ngựa cứ đứng giữ đường, giương càng chực chống lại cái xe. Tả hữu thấy thế, kêu lên rằng: “Chết! Chết!”. Trang Công nghe tiếng tưởng sự gì nguy hiểm, vội vàng bắt dừng xe lại hỏi. Tả hữu thưa:

“Có con bọ ngựa thấy xem sắp đến, không tránh lại giơ càng lên muốn chống lại. Giống bọ ngựa quái lạ, chỉ biết tiến lên chứ không lùi, không chịu lượng sức mình khỏe hay yếu, hễ gặp cừu địch thì xem thường xem khinh, cứ lập tức xông vào đánh. Xin cứ để cho xe đi, xem bọ ngựa sống hay chết thế nào”.

Trang Công nói: “Hãy khoan. Giống bọ ngựa thế mà đáng kính. Giả sử bây giờ có một người bị kẻ tàn bạo hà hiếp không ngại gian nan, không sợ nguy hiểm, nhất quyết chỉ tiến lên chọi với cường địch, chết cũng không thoát tị thì chẳng nên đáng tôn kính lắm ư!”

Nói đoạn, Trang Công bảo tránh xe đi sang một bên.

Từ hôm đó, bọn tướng sĩ Trang Công nghe thấy câu chuyện, khi phải đi đánh giặc đâu là liều chết tiến lên, chớ không chịu không bằng con bọ ngựa.

Hàn Thi Ngoại Truyện

LỜI BÀN

Có kẻ cừu địch trước mặt, không biết lượng sức người ta yếu hay khỏe thế nào, cứ liều xông vào chọi, có khi như trứng chọi đá, nồi đất chọi với nồi đồng, thì cũng là khờ dại đáng tiếc. Tuy vậy có kẻ hà hiếp mình thậm tệ. mà mình còn đủ chí khí chống lại, thế là mình hiểu được cái lẽ tự vệ, chết cũng không chịu nhục. Nhất là mình lại quả quyết, phấn chấn tiến lên, không chịu nhẫn nhục lùi lại, thế là có ý chí đáng khen. Ôi! Giống bọ ngựa là giống sâu bọ còn biết thế, huống chi là giống người ta là bậc tinh anh lại chịu kém bọ ngựa hay sao! Trang Công thật là khéo biết dạy, mà tướng sĩ Trang Công thực là biết nghe vậy.

84. ỨNG ĐỐI LINH LỢI

Thiệu là con vua Nguyên Đế nhà Tần, lúc nhỏ đã cực kỳ thông tuệ.

Một hôm có sứ thần ở Trường An lại, vua Nguyên Đế hỏi thử rằng: "Trường An gần hay mặt trời gần hơn?"

Thiệu đáp: Trường An gần hơn.

- Tại làm sao?

- Tôi chỉ thấy nói có người ở Trường An lại, chứ chưa từng thấy nói có người ở mặt trời lại đây bao giờ.

Vua nghe câu nói lấy làm lạ.

Cách mấy hôm, vua đem câu chuyện kể lại cho quần thần nghe. Nhân Thiệu đứng hầu bên lại hỏi đùa rằng:

- Trường An gần hay mặt trời gần hơn?

Thiệu đáp: Mặt trời gần hơn.

Vua ngạc nhiên hỏi: Sao hôm nay lại trả lời khác hôm nọ như thế?

- Tôi ngửng đầu lên, tôi trông thấy ngay mặt trời, chớ không trông thấy Trường An đâu cả.

Vua nghe lại càng lấy làm lạ.

Tấn Sử

GIẢI NGHĨA

Tấn: tên một nước triều đại bên Tàu (265- 419)

Thiệu: sau nối ngôi Nguyên Đế, gọi là vua Minh Đế

Trường An: tên một thành cũ bên Tàu, tức là bắc huyện Trường An, tỉnh Thiểm Tây bây giờ

85. THỬA GIÀY

Nước Trịnh có kẻ định thửa giày, đo chân làm no rồi để cái no bên chỗ ngồi. Lúc đi chợ quên không cầm no đi. Đến hàng giày mới sực nhớ ra nói rằng: “Thôi quên! Không cầm no đi rồi!”. Rồi, mãi vội chạy về nhà lấy no. Khi trở lại thì chợ đã tan, không thửa được giày nữa. Có người thấy thế bảo rằng:

“Sao không đưa chân ra người ta đo có được không?”

Anh ta cãi: “Tôi chỉ tin cái no thôi, chớ tôi không tin chân tôi được.”

Ôi! Thửa giày cốt chỉ đi vừa chân là được mà không tin chân, chỉ tin cái no đo chân, chẳng là câu nệ quá lắm ư! Ở đời kẻ làm công việc cứ bo bo giữ lề lối cổ hủ, không biết thế nào là hợp thời thích nghi thì có khác gì người đi thử giày chỉ tin no đo chân, mà không tin chính chân mình hay chăng?

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA

Trịnh: xem truyện số 34

No: các mẫu đo cá, chiều dài, ngắn của đồ vật gì

86. CỨU NGƯỜI LÚC NGUY CẤP

Trang Chu nghèo túng sang hỏi vay thóc Ngụy Văn Hầu. Ngụy Văn Hầu nói:

"Tôi có cái ấp, người ta sắp nộp tiền thóc, tôi sẽ cho ông vay ba trăm lạng, ông có bằng lòng không?"

Trang Chu giận nói: "Khi Chu đến đây, đi giữa đường nghe có tiếng gọi, ngoảnh lại thấy một con cá đang ngắc ngải trong cái vết bánh xe. Chu này hỏi: Cá ở đây làm gì thế? - Cá đáp: Tôi là thủy thần ở bên bể Đông mắc nạn tại đây, ông có thể cho tôi bát nước để cứu tôi lúc nguy cấp này không? - Chu này bảo: Để tôi qua chơi nước Ngô, nước Việt rồi lấy nước sông Tây Giang về đón ngươi, ngươi có bằng lòng không? Cá giận nói: Tôi đang cần đến nước, ông chỉ cho tôi được một ít là tôi sống. Nay ông nói như thế; đợi đến lúc ông về, thì có khi ông đến chỗ hàng cá khô đã thấy tôi đấy rồi."

Thuyết Uyển

GIẢI NGHĨA

Ngụy Văn Hầu: Văn Hầu nước Ngụy, cứ theo sách Trang Tử tuyết thi là Giám Hà Hầu

87. NGHÈO MÀ KHÔNG OÁN

Tử Dư làm bạn với Tử Tang. Tử Tang rất nghèo. Gặp khi trời mưa luôn mười hôm, Tử Dư nhớ đến bạn nghĩ bụng rằng: “Tử Tang đến khốn mất!”. Mới bọc gạo đem lại cho.

Lúc đến trước cửa, thấy Tử Tang đang đánh đàn, nửa như khóc, nửa như hát, tiếng không ra hơi, giọng thì liu nhíu, lắng tai nghe như có câu rằng: “Cha ư! Mẹ ư! Người ư!”

Tử Dư bước vào hỏi: “Bác đàn hát như thế là làm sao vậy?”

Tử Tang nói: “Tôi nghĩ mãi mà không biết tự đâu đến nông nỗi cùng cực như thế này? Nào có phải cha mẹ tôi muốn cho tôi nghèo khổ đâu! Nào có phải trời đất để cho tôi nghèo riêng một mình đâu? Trời không riêng che đất không riêng chở một ai…Thực tôi muốn tìm cho biết tự đâu tôi phải chịu cùng cực như thế này, mà không ra. Vậy thì chẳng phải là cái mệnh nó xui khiến ra như thế ư!”

Trang Tử Tuyết

GIẢI NGHĨA

Tử Dư, Tử Tang: hai người đời Xuân Thu tính khoáng đạt, chơi thân với nhau.

LỜI BÀN

Tử Tang nghèo mà cho là số mệnh thì ý giống câu ngạn ngữ của ta: “Số giàu của đến dửng dưng, số nghèo con mắt cháo chưng vẫn nghèo”. Phàm yên phận nghèo, hay không lo nghèo, hay quên cả cảnh nghèo, đó là nết cao quý của hiền triết, không để cho cảnh làm lụy được tâm, làm tổn được chí. Nhưng chúng ta chớ quên rằng những bậc hiền triết thường cần lao, hoặc cầy ruộng hay câu cá, hoặc kiếm củi hay chăn nuôi cho có đủ sống, rồi các ngài mới sống cho ra sống. Cần lao để mưu sinh, đó là sự thường, chúng ta phải có trước đã, để cho thoát khỏi nhục ký sinh, cái hại cơ hàn thiết thân bất cố liêm sỉ. Khi chúng ta tự lập được, đã biết trọng liêm sỉ, thì chúng ta mới có thể trở nên người không lo nghèo được.

88. THÂN TRỌNG HƠN LÀM VUA

Người nước Việt giết ba đời vua. Con vua đời thứ ba tên là Sưu lo sợ, phải trốn vào ở trong hang.

Nước Việt thành ra không có vua. Người Việt đi tìm con vua mãi không thấy. Đến lúc tìm thấy ở trong hang thì con vua không chịu ra. Người Việt một mặt lấy lá ngải hun vào hang, một mặt đem xe đón. Con vua bất đắc dĩ phải ra. Lúc lên xe, ngửa mặt lên trời kêu to rằng:

"Ôi làm vua! Ôi làm vua! Ta không muốn làm vua cũng không được hay sao!"

Con vua lo như thế không phải là ghét làm vua, ghét là ghét cái họa làm vua. Không muốn làm vua, tức là không chịu lấy một nước mà phiền lụy đến thân mình. Thân mình không muốn phiền lụy, thì khi làm vua, tất không nỡ làm phiền lụy khổ hại ai. Mà chỉ bởi cái lẽ ấy, người Việt mới cố tôn lên làm vua cho được.

Trang Tử

LỜI BÀN

Làm vua thường tình ai chả muốn. Thế mà có người đến làm vua cũng không muốn! Không phải ghét gì làm vua, nhưng ghét rằng làm vua thường có khi không giữ được toàn tính mệnh. Bài này cốt ý cảnh tỉnh những kẻ ham danh, ham lợi để hại đến thân. Cứ theo ý tác giả thì chỉ những người nào không có chút gì phiền lụy đến tấm thân, mới là không "thương sinh" nghĩa là hại đến đời mình, mà giữ được "toàn sinh" nghĩa là giữ được đời mình cho trọn vẹn. Còn như đây không muốn làm vua mà cứ bị tôn lên làm vua, là vì rằng ông thông minh nhân hậu, lại có đức độ cùng biết người và thương dân thì dân chúng nào chả muốn tôn lên làm quân trưởng.

89. THÂN TRỌNG HƠN THIÊN HẠ

Nước Hàn, nước Ngụy muốn lấn đất của nhau, Tử Hoa Tử đến ra mắt vua Chiêu Nghi nước Ngụy, thấy vua có dáng lo buồn mới hỏi rằng:

"Giá bây giờ cả bao nhiêu nước họp nhau, đính ước một câu và khắc câu ấy trước mặt vua rằng: "Tay trái lấy thiên hạ thì hỏng mất tay phải; tay phải lấy thiên hạ thì hỏng mất tay trái". Hỏng mất một tay mới lấy được thiên hạ, thế thì nhà vua có bằng lòng lấy thiên hạ không?"

Vua Chiêu Hi nói: "Thế thì ta chẳng lấy thiên hạ làm gì".

Tử Hoa Tử thưa: "Nhà vua nói phải lắm. Cứ xem như thế thì hai cánh tay trọng hơn cả thiên hạ, thì cái thân ta trọng hơn hai cánh tay ta lại đáng trọng hơn biết là bao! Nước Hàn so với cả thiên hạ bé nhỏ thấm vào đâu! Miếng đất tranh nhau so với cả nước Hàn bé nhỏ thấm vào đâu! Thế mà sao chỉ vì lo không tranh được miếng đất nhỏ ấy, mà nhà vua đến nỗi ủ dột, buồn rầu, mất ăn, mất ngủ, thương sinh quá như vậy?"

Vua Chiêu Hi nói: "Phải lắm. Người dạy bảo quả nhân cũng nhiều, nhưng chưa từng thấy ai dạy bảo quả nhân được những lời như thế."

Tử Hoa Tử bàn như thế mới thực là người biết điều khinh, điều trọng ở đời vậy.

GIẢI NGHĨA

Hàn: một nước lớn trong bảy nước thời Chiến Quốc ở vào trung bộ Hà Nam bây giờ.

Ngụy: cũng là một nước lớn về thời đại ấy, ở vào bắc bộ Hà Nam và phía nam Sơn Tây bây giờ.

Tử Hoa Tử: một nhà học thuyết giỏi nước Ngụy đời vua Chiêu Hi.

LỜI BÀN

Mất một cánh tay mà được cả thiên hạ còn không muốn, huống chi hại cả cái thân mà được một miếng đất cỏn con lại còn muốn hay sao! Thế mới hay, tất cả mọi người, trên tự vua chúa dưới đến thường dân ai ai cũng biết trọng cái thân mình, quí thân mình hơn cả ngoại vật,

nhưng tiếc thay những kẻ có quyền thế trong tay thường chỉ biết mến một cái thân mình, còn cái thân của người, của bao nhiêu người lại nỡ đem ra sát hại để thỏa chút lòng tham muốn, cầu lợi rất đáng khinh bỉ. Nếu ai cũng biết thương sinh là hại, sát sinh là bất nghĩa, thì còn đâu là những sự chiến tranh hại kể có đến muôn, triệu tính mệnh sinh linh!

90. CHÚC MỪNG

Vua Nghiêu đến chơi đất Hoa. Viên quan giữ cõi đất Hoa chúc rằng:

- Xin chúc nhà vua sống lâu.

Vua Nghiêu nói: Đừng chúc thế.

Viên quan lại chúc: Xin chúc nhà vua giàu có.

Vua Nghiêu nói: Đừng chúc thế.

Viên quan lại chúc: Xin chúc nhà vua lắm con trai.

Vua Nghiêu nói: Đừng chúc thế.

Viên quan lấy làm lạ, hỏi: Sống lâu, giàu có, lắm con trai, người ta ai cũng muốn, một mình nhà vua không muốn là cớ làm sao?

Vua Nghiêu nói: Lắm con trai thì sợ nhiều; giàu có thì công việc nhiều; sống lâu thì nhục nhã nhiều. Ba điều ấy không phải là những điều gây nên đức hay cho mình nên ta từ chối.

Viên quan nói: Nhà vua như thế thực là một bậc quân tử. Nhưng trời sinh ra người, mỗi đứa cho làm một việc thì có lo sợ gì. Giàu có mà biết đem chia của với người ta thì còn công việc gì? Ăn uống có chừng, ngủ có độ, trong bụng lúc nào cũng thư thái tự nhiên, thiên hạ hay ra, thì cũng hay với thiên hạ, thiên hạ mà dở thì làm cho thiên hạ hay, trăm tuổi thì nhắm mắt về cõi rất vui, một đời không có tai họa gì, thì còn nhục nhã làm sao được.

Viên quan nói xong lùi ngay. Vua Nghiêu còn muốn nói nữa thì cho theo không kịp.

GIẢI NGHĨA

Nghiêu: vua đời Đường (357 - 289 tr.Th.Ch) .

Hoa: chỗ vua Nghiêu đóng kinh đô.

91. NGƯỜI BÁN THỊT DÊ

Vua Chiêu Vương nước Sở mất nước, phải bỏ chạy. Có người hàng thịt dê tên là Duyệt, cũng chạy theo vua.

Sau vua Chiêu Vương lại trở về, lấy lại được nước. Vua bèn thưởng những người chạy theo khi trước, có cả anh hàng thịt dê nữa. Ai ai cũng nhận thưởng, chỉ có anh hàng thịt dê từ chối, nói rằng:

- Trước nhà vua mất nước, tôi mất nghề bán thịt dê, nay nhà vua còn nước, tôi còn nghề bán thịt dê. Thế là tôi giữ được nghiệp cũ đủ ăn rồi, còn đâu dám mong thưởng gì nữa.

Vua cố ép. Người hàng thịt dê thưa rằng:

- Nhà vua mất nước không phải tội tôi, nên tôi không dám liều chết; nhà vua lấy lại được nước không phải công tôi, nên tôi không dám lĩnh thưởng.

Vua bảo để rồi ra đến nhà ngươi chơi vậy.

Người hàng thịt dê nói: Theo phép nước Sở, phàm người nào có công to được trọng thưởng thì vua mới đến nhà. Nay tôi xét tôi trí mưu không đủ giữ được nước, dũng cảm không đủ giết được giặc. Quân giặc vào trong nước, tôi lánh nạn, phải theo nhà vua chớ có phải là cốt ý theo nhà vua đâu! Nay nhà vua lại muốn bỏ phép nước mà đến chơi nhà tôi, tôi e thiên hạ lại chê cười chăng.

Chiêu Vương thấy nói, ngoảnh lại bảo Tư Mã Sử Ký rằng: Người hàng thịt dê này tuy làm nghề vi tiện mà giãi bày nghĩa lý rất cao xa. Nhà ngươi làm thế nào mời được người ấy ra giữ chức tam công cho ta.

Người hàng thịt dê nói: tôi biết chức tam công là quí hơn cửa hàng bán thịt dê, bổng lộc nghìn vạn, giàu hơn tiền lãi bán thịt dê. Nhưng tôi đâu dám tham tước lộc mà để nhà vua mang tiếng là gia ơn không phải nghĩa. Tôi thực không dám nhận. Xin cho về giữ lấy nghề bán thịt dê.

Nói đoạn lui ra ngay.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA

Tam công: ba chức quan to, đời nhà Chu thì là Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo, đời nhà Tây Hán thì là Đại Tư Mã, Đại Tư Đề, Đại Tư Không, đời nhà Đông Hán thì là Thái Úy, Tư Đồ, Tư Không.

LỜI BÀN

Vua Chiêu Vương muốn thưởng là lấy cái ý khi mình gặp bước lưu vong mà người ta đi theo mình, là người ta có lòng trung thành với mình. Người hàng thịt dê không nhận thưởng là lấy cái nghĩa không đáng nhận vì không có công cán gì. Nếu ai cũng biết an phận thủ thường, quí trọng nghề nghiệp như người bán thịt dê, thì còn ai là kẻ ham mê phú quí, quyền thế và sự thưởng phạt ở đời chẳng là công minh lắm ư! Thực đáng làm gương cho những kẻ không biết liêm sỉ, tài năng công đức chẳng có gì, mà cũng cố cày cục, chạy chọt lấy chút phẩm hàm chức vị để lòe đời vậy.

92. THÀNH THỰC

Vợ thầy Tăng Tử đi chợ. Con khóc đòi đi theo. Mẹ bảo:

Con ở nhà rồi mẹ về mẹ làm thịt con lợn cho ăn.

Lúc vợ về thầy Tăng Tử bắt lợn đi làm thịt.

Vợ nói:

Tôi nói đùa nó đấy mà.

Thầy Tăng Tử bảo:

Nói đùa là thế nào? Đứng khinh trẻ thơ là không biết gì. Cha mẹ làm gì nó thường hay bắt trước. Nay mình nói dối nó, chẳng là mình dạy nó nói dối ư!

Tăng Tử nói xong, làm thịt lợn cho con ăn thực.

Lời bàn: "Ấu tử thương thi vô cuồng"; câu kinh Lễ đã dạy, ta không nên nói dối trẻ. Thầy Tăng Tử nhà nghèo, phải giết lợn, mẹ thầy Mạnh Tử cũng có mua miếng thịt lợn nhà láng giềng cho con ăn, đều là đã trót nói đùa vời trẻ cho ăn thịt lợn, thì không muốn dối trá nó, để giữ lấy lòng thực. Phàm cha mẹ ai là không muốn cho con thành thực. Nhưng muốn như vậy, tất phải giữ gìn, chớ có nói dối nó bao giờ. Lục Chí có câu nói rằng: " Nều mình không hết lòng thành mà mong người ta hết lòng thành, chắc người ta chán mình mà không theo mình nữa. Lần này mình không có lòng thành mà bảo lần sau rồi có lòng thành, chắc người ta ngờ vực mà không tin nữa". Cũng một ý với thầy Tăng Tử dạy con vậy.

93.MẸ HIỀN DẠY CON

Thầy Mạnh Tử, thuở nhỏ nhà gần nghĩa địa, thấy người ta đào, chôn, lăn khóc, về nhà cũng bắt trước đào, chôn lăn khóc.

Bà mẹ thấy thế nói:

Chỗ này không phải chỗ con ta ở được

Rồi dọn nhà ra gần chợ. Thầy Mạnh Tử ở gần chợ, thấy người buôn bán điên đảo, về nhà cũng bắt chước người ta buôn bán điên đảo.

Bà mẹ thấy thế lại nói:

Chỗ này cũng không phải là chỗ con ta ở được.

Bèn dọn nhà đến ở cạnh trường học. Thầy Mạnh Tử ở gần trường học, thầy trẻ đua nhau học tập lễ phép, cắp sách vở, về nhà cũng bắt chước học tập lễ phép, cắp sách vở.

Bấy giờ bà mẹ mới vui lòng nói:

Chỗ này là chỗ con ta ở được đây.

Một hôm, thầy Mạnh Tử thấy nhà hàng xóm giết lợn, về hỏi mẹ:

Người ta giết lợn làm gì thế?

Bà mẹ nói đùa:

Để cho con ăn đấy.

Nói xong, bà nghĩ lại hối rằng:

Ta nói lỡ mồm rồi. Con ta thơ ấu, trí thức mới mở mang mà ta nói dối nó, thì chẳng ra ta dạy nó nói dối hay sao?

Rồi bà đi mua thịt lợn về cho con ăn thật.

Lại một hôm thầy Mạnh Tử đang đi học, bỏ học về nhà chơi. Bà mẹ đang ngồi dệt cửi, trông thấy, liền cầm dao cắt đứt tấm vải đang dệt trên khung, mà nói rằng:

Con đi học mà bỏ học thì cũng như ta đang dệt tấm vải này mà cắt đứt đi vậy.

Từ hôm đó thầy Mạnh Tử học tập rất chuyên cần rồi về sau thành một bậc đại hiền. Thế chẳng nhờ có cái công giáo dục quý báu của bà mẹ hay sao?

Liệt Nữ Truyện

LỜI BÀN: mẹ thầy Mạnh Tử thực là biết dạy con. Mấy lần dọn nhà, thế là hiểu cái lẽ gần mực thì đen gần đen thì rạng. Nói lỡ lời phải mua thịt cho con ăn, thế là hiểu cái lẽ chớ nên nói dối trẻ. Thấy nó bỏ học mà cầm dao cắt đứt tấm vải làm thí dụ, thế là hiểu cái lẽ học hành cốt phải chuyên cần. Người ta đã nói: người mẹ là thầy giáo thứ nhất của trẻ, nên người mẹ phải biết cách dạy trẻ mới được. Dạy con từ thuở còn thơ, cái buổi đầu là cái buổi khó, mà cái buổi ấy là ở trong tay người, người mẹ tức là người có trách nhiệm gia đình giáo dục rất to, không kém gì người cha, mà có lẽ hơn.

94. NGỌC BÍCH HỌ HÒA

Nước Sở có người họ Hòa, được một hòn ngọc ở trong núi, đem dâng vua Lê Vương. Vua sai thợ ngọc xem. Thợ ngọc nói: "Đá không phải ngọc". Vua cho người họ Hòa là nói dối, sai chặt chân trái.

Đến khi vua Vũ Vương nối ngôi, người họ Hòa lại đem ngọc đên dâng. Vua sai thợ ngọc xem. Thợ ngọc nói: "Đá không phải ngọc"

Đến khi vua Văn Vương lên ngôi, người họ Hòa ôm hòn ngọc, khóc ở chân núi Sở Sơn suốt ba ngày ba đêm đến chảy máu mắt ra. Vua thấy thế, sai người đến hỏi. Người họ Hòa thưa: " Tôi khóc không phải là thương hại chân tôi bị chặt, chỉ thương về nỗi ngọc mà cho là đá, nói thật mà cho là nói dối". Vua bèn sai người xem lại cho rõ kỹ, thì quả nhiên là ngọc thật, mới đặt tên gọi là "ngọc bích họ Hòa".

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA:

Sở: xem bài 9

Lê Vương, Vũ Vương, Văn Vương: ba vua kế tiếp nước Sở

Ngọc bích: thứ ngọc rất đẹp, rất quý hiếm

LỜI BÀN: Người ta ở đời thường mờ mịt của thật cho là của giả, sự phải ngờ là sự trái. Hoặc có ai biết lẽ phải, muốn đem ra báy tỏ, mà thiên hạ không biết cho, lại còn mỉa mai, thì thực là khổ tâm. Người họ Hòa không đau vì nỗi hai chân bị chặt chỉ vì đau vì nỗi ngọc mà cho là đá, nói thực cho là nói dối, quả là một người vì yêu cái thực, cái phải, cố làm cho sự thực, sự phải phá đổ đực sự u mê của người đời.

95. NUÔI GÀ CHỌI

Vua Tuyên Vương sai Kỷ Sảnh nuôi một con gà chọi.

Được mười hôm, vua hỏi:

Gà đã đem chọi được chưa?

Kỷ Sảnh thưa:

Chưa được, gà hăng lắm, chưa thấy gà khác đã muốn chọi rồi.

Cách mười hôm, vua hỏi:

Gà đã đem chọi được chưa?

Kỷ Sảnh thưa:

Chưa được, gà còn hăng, mới thấy bóng gà khác đã muốn chọi rồi.

Cách mười hôm, vua lại hỏi:

Gà đã chọi được chưa?

Kỷ Sảnh thưa:

Chưa được, gà còn hơi hăng, trông thấy gà khác đã muốn chọi rồi.

Mười hôm sau, vua lại hỏi:

Gà đã đem chọi được chưa?

Kỷ Sảnh thưa:

Được rồi, gà bây giờ cho nghe thấy tiếng gà khác cũng không cho vào đâu. Trông thì tựa như gà gỗ, mà thực thì đủ các ngòn hay. Gà khác coi cũng đủ sợ, phải lùi chạy.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA:

Tuyên Vương: đây là Tuyên Vương nước Tề

Gà gỗ: chữ là Mộc Kê. Các nhà làm văn hay dùng hai chữ ấy để khen những bậc học tập, tu dưỡng được hoàn toàn, không có gì bộc lộ ra ngoài.

LỜI BÀN:

1. Chưa trông thấy gà khác đã muốn chọi thế tức khĩ hão chớ vì tất chọi mà đã được.

2. Trông thấy bóng gà khác đã muốn chọi thế là cậy khỏe chớ vị tất chọi mà đã được.

3. Trông thực thấy gà khác đã muốn chọi thế là còn hiều thắng chớ vị tất chọi mà đã được.

Chỉ đến lúc mất hết tất cả tức khí, cậy khỏe, hiếu thắng, luyện đã được hình toàn thần toàn đủ hết cả ngón hay, mà trông bề ngoài trơ ra như gỗ, là lúc ấy mới chọi được, có khi không phải đợi chọi, gà khác ngó thấy cũng đủ sợ mà trốn chạy rồi. Thế mới hay những bậc thánh hiến chỉ thu cái tài vào khuôn phép nén cái khí vào tâm thần, chỉ cốt trong mình cho đầy đủ, không có ý gì tranh cạnh với ai, mà thiên hạ hồ dễ ai cạnh tranh nổi. Chớ những kẻ chỉ vụ bề ngoài, chăm chăm danh lợi, có tranh giành mới lấy làm vui lòng, có tham lam mới lấy làm mãn nguyện, còn là những hạng tầm thường, có khi hại đến thân mà vẫn tự đắc cho là phải.

96. DÙNG CHÓ BẮT CHUỘT

Nước Tề có người xem tướng chó giỏi. Nhà láng giềng nhờ mua một con chó hay bắt chuột. Một năm trời anh ta mới mua được, bảo nhà láng giếng: “Con chó này tốt đấy”

Nhà láng giềng nuôi chó mấy năm mà không thấy nó bắt chuột, mới nói chuyện với anh ta. Anh ta bảo: “Con chó tốt lắm đấy. Nhưng cái chí nó chăm bắt hươu nai, cầy, cáo chớ không muốn bắt chuột. Bây giờ muốn nó bắt chuột thì phải cùm chân nó lại.”

Nhà láng giềng làm theo như thế, quả sau con chó hay bắt chuột.

Lã Thị Xuân Thu

LỜI BÀN: con chó trước không bắt chuột, là vì nó có tài bắt những hươu nai, không thèm bắt chuột. Sau nó bắt chuột, là vì người ta đã cùm chân, hãm cái tài nó lại, không cho chạy nhanh quá. - Cốt ý bài ngụ ngôn này nói kẻ có đại tài mà đem dùng vào việc nhỏ thì không được việc. Muốn cho được việc, thì người dùng tất phải biết chế hạn cái tài ấy lại. Nên người có tài mà làm được việc hay không làm được việc là cốt ở người biết dùng hay không biết dùng mà thôi. Nhưng muốn cho người có cái tài to làm việc nhỏ thì phải làm cho mất cái tài to đi đã, thì chẳng đáng tiếc cho người có tài mà chẳng gặp được tri kỷ lắm ru !

97. LỜI NGƯỜI BÁN CAM

Ở Hàng Châu có người bán các thứ quả, khéo để dành cam, lâu mà không úng, vỏ vẫn đỏ hồng, trông đẹp như vàng, như ngọc, đem ra chợ bán giá đắt, mà người ta tranh nhau mua. Ta cũng mua một quả. Đem về, bóc ra, hơi xông lên mũi, múi xác như bông nát. Ta liền đem ra chợ hỏi người bán cam:

Anh bán cam cho người ta để làm của cúng lễ, đãi tân khách hay là chỉ làm cho choáng bề ngoài để đánh lừa người ta? Tệ thật! Anh giả dối lắm!

Người bán cam cười nói:

Tôi làm nghề này đã lâu năm để kiếm tiền nuôi thân. Tôi bán, người ta mua, chẳng ai nói gì, chỉ có ông là kêu ca. Thiên hạ giả dối nhiều, chẳng phải gì một mình tôi? Ông thật không chịu nghĩ đến nơi.. Này thử xem, người đeo hổ phù, ngồi da hổ, hùng dũng trông ra dáng quan võ lắm kỳ thực không biết có giỏi được như Tôn Tẫn, Ngô Khởi hay không? Người đội mũ cao, đóng đai dải, đường hoàng trông ra dáng quan văn lắm, kỳ thực không biết có giỏi như Y Doãn, Cao Dao không? Giặc nổi không biết dẹp, dân khổ không biết cứu, quan lại tham nhũng không biết trừng trị, pháp độ hỏng nát không biết sửa đổi, ngồi không ăn lương, không biết xấu hổ. Thế mà lúc ngồi công đường, đi xe ngựa, uống rượu ngon, ăn của quy, oai vệ, hách dịch vô cung!.. Đó bề ngoài chẳng như vàng, như ngọc, mà bên trong chẳng như bông nát là gì? Ông không chịu xét những hạng người ấy mà đi xét quả cam của tôi!

Ta nghe nói thế, nín lặng, không trả lời được ra làm sao. Ta nghĩ người ấy ghét kẻ gian tà, giận phường thế tục mới thác ra chuyện bán cam để dạy người đời chăng?

Lưu Cơ

GIẢI NGHĨA

Hàng Châu: tên một phủ tức tỉnh lỵ Chiết Giang bây giờ

Tôn Tẩn, Ngô Khải: hai người làm tướng võ giỏi thời Chiến quốc

Y Doãn tướng giỏi đời vua Thang nhà Thương

Cao Dao tướng giỏi thời vua Nghiêu vua Thuấn

LỜI BÀN: Người bán cam đây chẳng qua chính là tác giả. Mà cốt ý của tác giả là muốn lấy quả cam đẹp vỏ, thối ruột mà bóc cả cái hách dịch oai vệ bề ngoài của những bậc quan lớn một đời suy đốn, để phơi bày cái thực tình bất tài, bất tri, bất dũng ở bên trong. Nói rộng ra, bài này có ý dạy ta không nên tin bề ngoài, cũng như những bài ngụ ngôn nói: cái thùng không, bông lúa lép hay những câu ca dao:

Trông em, anh ngỡ sao mai, biết rằng trong có như ngoài hay không.

Nhác trông ngỡ tượng tô vàng, nhìn ra mời biết chẫu chàng ngày mưa

Thật là có ý vị.

---

98. VỢ CHỒNG NGƯỜI NƯỚC TỀ

Người nước Tề có hai vợ, vợ cả và vợ lẽ. Ngày ngày, chồng cứ sáng ra đi, tối đến mới về, mà hôm nào về cũng no say phè phỡn. Hai vợ thường hỏi:

“Đi ăn với ai mà đi luôn thế?”

Anh ta nói: “Ta đi ăn với toàn những bậc giàu có, sang trọng cả”.

Một hôm, vợ cả bảo vợ bé: “Chồng ta chơi bời toàn những bậc giàu sang , mà sao không thấy một người nào giàu sang đến chơi nhà nhỉ? Ta thử dò xem chồng ta đi những đâu và chơi với những ai”.

Hôm sau, vợ cả dậy sớm, lẻn đi theo chồng. Đi cùng làng này, xóm khác, chẳng thấy một người nào dừng lại nói chuyện với chồng mình cả. Khi đi đến phía đông ngoại thành, thấy có đám cất mả, người ta đang tế lễ, ăn uống, đã thấy chồng lật đật lại đấy, xin những cơm thừa canh cặn, ăn lấy ăn để. Ăn xong, lại ngong ngóng đi chỗ khác.

Bấy giờ chị ta mỡi rõ cái cách chồng ngày ngày ăn uống no say là thế, tủi thẹn vô cùng, ngậm ngùi trở về; kể chuyện cho vợ bé nghe, rồi than rằng: “Chồng là người trông cậy suốt đời, ai ngờ chị em ta lại gặp phải một người chồng đê mạt quá đến như thế!”. Nói đoạn, hai người ngồi trông nhau giữa sân sụt sùi khóc. Ngay lúc đấy anh chồng ngất ngưởng ở đâu về, vẫn ra bộ làm kiêu với hai vợ như những hôm trước.

Ôi! Đem con mắt tinh đời mà coi, thì ngày nay những kẻ cầu công danh phú quí hồ dễ không mấy kẻ mà ở nhà vợ cả vợ lẽ không thẹn không tủi, không ngấm ngầm khóc với nhau như hai vợ người nước Tề này!

Mạnh Tử

GIẢI NGHĨA

Mạnh Tử: tên là Kha, lúc nhỏ được mẹ hiền dạy bảo, lúc lớn theo học thầy Tử Tư, lúc học hành, đi du lịch các nước Chư hầu. Về sau biết đạo thông hành, cùng làm sách với học trò là Nhạc Chính Khắc, Công Tôn Sửu, Vạn Chương. Đời sau nhặt những câu Mạnh Tử đối đáp với học trò và vua các nước Chư hầu làm quyển Mạnh Tử, bảy thiên.

LỜI BÀN

Lấy đức, lấy tài, lấy học thức đường đường chính chính mà được công danh phú quí thì còn gì bằng. Nhưng nịnh nọt, luồn cúi, làm những việc đê hạ, mất cả phẩm giá con người, để chen chúc vào đám công danh để cầu lấy chút phú quí, thì tưởng không còn gì đáng khinh hơn nữa! Thế mà đến lúc được công danh phú quí, lại còn vác mặt làm cao, ra dáng hách dịch, thiên hạ người ta biết ta, thì còn ai cho vào đâu nữa! Tưởng rằng khuất một người để đè muôn nghìn người, nhưng người ta có e lệ bề ngoài, trong bụng người ta cũng không sao trọng được. Thầy Mạnh Tử đặt ra câu chuyện người nước Tề này thật là phơi bày được cái xấu xa của những kẻ quen thói cầu công danh phú quí "hôn dạ khất ai, kiêu nhân bạch nhật" (đêm khuya van lạy, ban ngày vênh váo khinh người) vào những thời buổi mạc tục vậy.

99. ĐẦY THÌ ĐỔ

Đức Khổng Tử vào xem miếu Hoàn Công nước Lỗ, có một cái lọ dựng nghiêng. Ngài hỏi người coi miếu. Người này nói rằng:

“Đó là một vật quí của nhà vua thường để bên chỗ ngồi chơi để làm gương.”

Đức Khổng Tử nói: “Ta nghe nói nhà vua có vật quí để làm gương, vật đó bỏ không thì đứng nghiêng, đổ nước vừa vặn thì đứng ngay, mà đầy quá thì lại đổ, có lẽ vật này chăng.”

Ngài bèn sai học trò đổ nước vào. Quả nhiên nước đổ vừa thì lọ đứng ngay; nước đổ đầy thì lọ đổ; bỏ không thì lọ lại đứng nghiêng. Ngài chép miệng than rằng: Hỡi ôi! Ở đời chẳng có cái gì đầy mà không đổ!

Thầy Tăng Tử nói: Dám hỏi có cách gì giữ cho đầy mà không đổ không?

Ngài nói: Thông minh thánh trí nên giữ bằng cách ngu độn, công lao to lớn thiên hạ nên giữ bằng cách khiêm cung; sức khỏe hơn đời nên giữ bằng tính nhút nhát; giàu có bốn bể nên giữ bằng thói nhún nhường. Đó là cách đổ bớt đi để giữ cho khỏi quá đầy mà đổ.

Tuân Tử

LỜI BÀN

Mặt trời đứng bóng rồi xế, mặt trăng tròn rồi lại khuyết; nhân sự cũng vậy, thăng rồi trầm, thịnh rồi suy, đó là luật tự nhiên khó mà tránh khỏi. Tuy vậy cứ theo lời dạy của Khổng Tử đây thì cũng có cách giữ được lâu dài mà không suy đổ. Cách ấy là “Hữu nhược vô, thực nhược hư” nghĩa là có mà như không, đầy đặc mà như trống rỗng.

100. ÔNG LÃO BÁN DẦU

Ông Trần Nghiêu Tư làm quan đời nhà Tống, bắn cung giỏi có tiếng ở đời bấy giờ không ai bằng. Ông cũng lấy thế là kiêu căng.

Ông thường bắn trong vườn nhà. Một hôm có ông lão bán dầu đi qua, đặt gánh xuống, ngấp nghé xem mãi. Ông lão thấy ông Nghiêu Tư bắn mười phát trúng được tám chín thì hơi gật gù mỉm cười. Nghiêu Tư gọi vào hỏi:

“Nhà ngươi cũng biết bắn à? Ta bắn chưa được giỏi hay sao?”

Ông lão nói: Chẳng phải giỏi gì cả. Chẳng qua là quen tay thôi.

Nghiên Tư giận lắm, bảo: À nhà ngươi giám khinh ta bắn không giỏi à?

Ông lão nói: Cứ xem tôi rót dầu thì đủ biết.

Nói đoạn bèn lấy một cái bầu đặt xuống đất, để đồng tiền lên miệng, lấy cái môi từ từ rót dầu qua lỗ đồng tiền, mà không dây một tí dầu nào ra đồng tiền cả.

Rồi nói: Tôi cũng chẳng phải giỏi gì, chỉ quen tay mà thôi.

Nghiêu Tư cười chịu là phải.

Âu Dương Tử

GIẢI NGHĨA

Trần Triệu Tư: người đời nhà Tống, làm quan Tiết độ sứ là người có chí khí, viết tốt và bắn giỏi.

---

101. GẶP QUỈ

Hoàn Công nước Tề đi săn ngoài đầm có Quản Trọng theo hầu. Hoàn Công trông thấy quỉ, nắm tay Quản Trọng hỏi rằng:

- Trọng phụ có thấy gì không?

Quản Trọng thưa: Thần không thấy gì cả.

Hoàn Công về nghe trong người khó chịu, như là mất vía, rồi sinh ốm, mấy hôm không ra chầu.

Có người học trò tên Cáo Ngao vào ra mắt nói rằng:

- Nhà vua đau, là tự mình làm ra cả, chớ ma quỉ nào làm được! Phàm chưng khí tán mà không thu lại được, thì tinh thần suy yếu; cái khí ấy bốc lên trên không xuống được, thì làm cho người ta hay giận dữ, cái khí ấy tụ ở dưới không vận lên được thì làm cho người ta hay mê lú, chóng quên, cái khí ấy không lên không xuống, kết ở giữa bụng, thì sinh ra hoảng hốt.

Hoàn Công hỏi: Thế nhưng có quỷ thực không?

Cáo Ngao thưa: Đất có Thổ Công, sông có Hà Bá, núi có Sơn Thần, bể có Long Vương, đầm có thứ quỷ gọi là Uy Di.

Hoàn Công hỏi hình dạng Uy Di thế nào?

Cáo Ngao thưa: Quỷ Uy Di to như cái cối xe, dài như cái càng xe, mặc áo tía, đội mũ đỏ, tính hay sợ tiếng sấm, tiếng xe, hễ nghe thấy thì đứng sững, hai tay ôm lấy đầu. Ai trông thấy, thì…rồi làm nên đến nghiệp Bá.

Hoàn Công vẫn có chí muốn làm Bá, nghe nói hớn hở cười rằng: “Ấy ta trông thấy cũng như thế đấy”.

Nói đoạn, sửa mũ, mặc áo, ngồi dậy chưa hết một ngày, bệnh đã khỏi tự bao giờ không biết.

Trần Tử Tuyết

GIẢI NGHĨA

Hoàn Công: vua nước Tề, đứng đầu Ngũ Bá thời Xuân Thu

Quản Trọng: xem chuyện 44

Trọng phụ: trọng tôn Quản Trọng; phụ: cha, gọi như thế có ý tôn

Quản Trọng như cha

LỜI BÀN

Hoàn Công thấy quỷ, sinh lo ngờ mà sinh bệnh, sau có người nói thấy quỉ mà làm được nghiệp bá thì khỏi bệnh ngay. Thế mới biết có quỷ hay không có quỷ, quỷ hại mình hay lợi cho mình cũng là tự tâm mình tưởng tượng ra cả, rồi yên trí như thế mà thôi. “Đau là tại mình chớ quỷ nào làm” Câu Cáo Ngao nói thật là xác lý, Cáo Ngao lại khéo biết trước, lấy lẽ thuốc thang làm như ông lang rõ bệnh của người ốm, khiến người ốm để tai nghe, sau lấy chuyện vu vơ đâu đâu mà xử được chuyện mơ hoảng khiến người mới phá được cái lòng lo ngờ mà hóa nên vui vẻ. Tiếc thay đời bây giờ người mê như Hoàn Công thật lắm, mà người biết giải mê được như Cáo Ngao lại không được mấy người.

102. MUA NGHĨA

Mạnh Thường Quân nhà giàu cho vay mượn nhiều. Một hôm sai Phùng Huyên sang đất Tiết đòi nợ. Lúc sắp đi Phùng Huyên hỏi: “Tiền thu được có định mua gì về không? - Mạnh Thường Quân nói: Ngươi xem trong nhà ta còn thiếu thứ gì thì mua”.

Khi đến đất Tiết, Phùng Huyên cho gọi dân lại bảo rằng: “Các ngươi công nợ bao nhiêu Thường Quân đều cho cả”. Nói rồi đem văn tự ra đốt sạch.

Lúc về Phùng Huyên thưa với Mạnh Thường Quân rằng: Nhà Tướng Công châu báu đầy kho, chó ngựa đầy chuồng, người đẹp đầy nhà, không còn thiếu gì nữa. Chỉ có thiếu một cái “nghĩa” tôi trộm phép vì tướng công đã mua về.

Mạnh Thường Quân nghe thấy nói thế, cũng không hỏi gì đến tiền nữa.

Sau Mạnh Thường Quân phải bãi quan về ở đất Tiết, dân đất Tiết nhớ đến ơn xưa, ra đón rước đầy đường, Mạnh Thường Quân bấy giờ mới ngoảnh lại bảo Phùng Huyên rằng: “Trước tiên sinh vì tôi mua “nghĩa”, nghĩa ấy ngày nay tôi mới trông thấy”.

Quốc Sách

GIẢI NGHĨA

Mạnh Thường Quân: xem chuyện số 52

Phùng Huyên: người khách ở nhà Mạnh Thường Quân, muốn gì được nấy nên giúp Mạnh Thường Quân được nhiều việc, khi Thường Quân bị bãi về, cũng nhờ có Phùng Huyên mà được phục chức

Tiết: tên một nước nhỏ thời Chiến Quốc, sau bị nước Hồ lấy mất, nay là huyện Đằng, tỉnh Sơn Đông

103. ỨNG ĐỐI GIỎI

Án Tử sắp sang nước Sở, vua Sở nghe thấy bảo cận thần rằng:

- Án Tử là một tay ăn nói giỏi nước Tề, nay sắp sang đây, ta muốn làm nhục, có cách gì không?

Cận thần thưa: Đợi bao giờ Án Tử sang, chúng tôi xin trói một người , dẫn đến trước mặt nhà vua.

- Để làm gì?

- Để giả làm người nước Tề.

- Cho là phạm tội gì?

- Tội ăn trộm

Lúc Án Tử đến nơi, vua Sở làm tiệc thiết đãi tử tế. Rượu uống ngà ngà, bỗng thấy hai tên lính điệu một người bị trói vào.

Vua hỏi: Tên kia tội gì mà phải trói thế?

Lính thưa: Tên ấy là người nước Tề phải tội ăn trộm.

Vua đưa mắt nhìn Án Tử hỏi rằng:

- Người nước Tề hay trộm cắp lắm nhỉ?

Án Tử đứng dậy thưa rằng: Chúng tôi trộm nghe cây quất mọc ở đất Hoài Nam, thì là quất ngọt, đem sang trồng ở đất Hoài Bắc, thì hóa quất chua. Cành lá giống nhau mà quả chua, quả ngọt khác nhau là tại làm sao? Tại thủy thổ khác nhau vậy. Nay dân sinh trưởng ở nước Tề thì không ăn trộm, sang ở nước Sở thì sinh trộm cắp. Có lẽ cũng tại vì cái thủy thổ khác nhau nó khiến ra như thế chăng!

Vua Sở cười nói: Ta muốn nói đùa thành phải chịu nhục. Thế mới hay kẻ cả không nên nói đùa bao giờ.

GIẢI NGHĨA

Hoài Nam, Hoài Bắc: hai đất ở về phía Nam, phía Bắc sông Hoài ở vùng Giang Tô, An Huy bây giờ.

104. HÀ CHÍNH MÃNH Ư HỔ

Đức Khổng Tử khi sang nước Tề, đi qua núi Thái Sơn thấy một người đàn bà khóc ở ngoài đồng, nghe thê thảm lắm. Ngài nói rằng:

Người đàn bà này xem như trong nhà có trùng tang.

Rồi sai thầy Tử Cống đến hỏi. Người đàn bà thưa rằng:

Ở đây lắm hổ, bố chồng tôi đã chết vì hổ, chồng tôi đã chết vì hổ, bây giờ con tôi lại chết vì hổ nữa. Thảm lắm ông ạ!

Thầy Tử Cống bảo:

Thế sao không bỏ chỗ này đi ở chỗ khác?

Người đàn bà nói:

Tuy vậy nhưng ở đây chính sách quan trên không đến nỗi hà khắc tàn bạo như các nơi khác.

Thầy Tử Cống đem câu chuyện thưa lại với Đức Khổng Tử

Đức Khổng Tử nói:

Các ngươi nhớ đấy: Chính sách hà khắc khốc hại hơn là hổ.

Lễ ký

LỜI BÀN: Người đàn bà ở một nơi lắm hổ, hổ ăn thịt mất bố chồng, mất chồng lại mất con, đáng lẽ phải bỏ nơi ấy mà đi nơi khác. Nhưng không là tại làm sao? Tại người đàn bà cho chính sách các nơi khác là hà khắc hơn dữ hơn là hổ. Ôi! Hổ có hại chị một số ít người, chớ hà chính hại cả muôn dân, hổ có hại chỉ hại một phương, chớ hà chính hại cả toàn quốc. Hổ hại còn có cạm bẫy, cạm trừ bỏ được, chớ hà chính hại, trừ bỏ rất khó lòng. Thật vậy, kẻ dùng hà chính hại dân đã dữ quá hổ, lại còn bao nhiêu thần tử bè cánh, phần làm cho hổ thêm cánh, phần mượn oai hổ đi ăn thịt người. Hà chính một khi trừ bỏ được thì dân cũng đã điêu tàn và nước cũng đã bao kiệt. Vậy ai là người có chút quyền chính trong tay mà chẳng nên lấy câu “Hà chính mãnh ư hổ” để làm câu cảnh giới thống thiết cho dân được nhờ ư.

105. HANG NGU CÔNG

Vua Hoàn Công nước Tề đi săn, đuổi con hươu chạy vào trong một cái hang, thấy có một ông lão, bèn hỏi rằng:

- Hang này tên gọi là hang gì?

Ông lão thưa:

- Tên là hang Ngu Công

- Tại làm sao mà đặt tên như thế?

- Tại kẻ hạ thần đây mới thành có tên ấy.

- Coi hình dáng lão không phải người ngu cớ gì lại đặt cái tên như thế?

Để hạ thần xin nói:

- Nguyên hạ thần có con bò cái đẻ được một con. Khi bò con đã lớn, Hạ thần đem đi bán, rồi lấy tiền mua một con ngựa con đem về cùng nuôi với bò cái. Một hôm, có một chàng thiếu niên đến lấy lý "bò không đẻ được ra ngựa" bèn bắt con ngựa con đem đi. Tôi chịu mất, không cãi được. Vì thế xa gần đâu cũng cho tôi là ngu, mới gọi hang tôi ở đây là hang Ngu Công.

Hoàn Công nói:

- Lão thế thì ngu thật!

Buổi chiều hôm sau, Hoàn Công đem câu chuyện kể lại cho Quản Trọng nghe.

Quản Trọng nói:

- Đó chính là cái ngu của Di Ngô này. Nếu được vua giỏi như vua Nghiêu, bầy tôi minh như Cao Dao, thì khi nào lại có kẻ dám ngỗ ngược, lấy không ngựa của người ta như vậy. Ngu Công mà đành để mất ngựa, chắc biết rõ hình pháp ngày nay không ra gì. Xin nhà vua kíp chỉnh đốn các chính sự lại.

Đức Khổng Tử nghe thấy nói:

- Đệ tử đâu, ghi lấy việc ấy! Hoàn Công là ba quân, Quản Trọng là hiền thần. Tuy đã vào bậc khôn ngoan, mà còn tự cho là ngu dại.

Khổng Tử tập ngữ

GIẢI NGHĨA:

- Ngu Công: Ông ngu dại.

- Di Ngô: tên của Quản Trọng.

LỜI BÀN: Ông lão cam tâm mất ngựa lại chịu cả tiếng "ngu" là ý lão nghĩ gặp phải thời buổi người trên tham nhũng, kẻ dưới hung nghịch, đành chịu để êm chuyện đi, còn hơn dở khôn đi kiện, chẳng những mất ngựa, mà có khi lại mất cả bò và bao tiền của, thời giờ vào đấy nữa. Hoàn Công thấy chuyện mà lưu tâm đến, thế là ông vua có bụng với dân. Quản Trọng nghe chuyện mà biết nhận ngay cái lỗi ấy tại mính, thế là cũng là hai bậc minh quân, lương tướng hiểu rõ cái trách nhiệm chăm dân của mình, nên Đức Khổng Tử có lời khen thực là đáng lắm. Vì rằng giữ vận mệnh một dân tộc mà không hiểu thấy ẩn tình của dân, thì tuy có lòng thương dân, dân vẫn khổ và nước vẫn không yên được.

106.TRUNG HIẾU LƯỠNG TOÀN

Đời vua Chiêu Vương nước Kinh, có người Thạch Chử làm quan rất công bình chính trực.

Một hôm, đang đi tuần trong hạt thấy ở ngoài đường có kẻ giết người. Thạch Chử đuổi bắt, thì ra chính cha mình, bèn quay xe trở lại rồi chạy đến trước sân rồng nói rằng:

Kẻ giết người là cha tôi. Bắt cha mà làm tội thì tình không nỡ, vì cha mà bỏ phép nước thì lý không xuôi. Làm quan đã không giữ phép thì phải chịu tội.

Vừa nói vừa kề gươm vào cổ, xin vua cho hành hình.

Vua nói:

Nhà ngươi đuổi mà không bắt được đã là biết giữ phép còn có tội gì. Cứ yên tâm làm chức vụ.

Thạch Chử thưa:

Làm con không ủy khúc thờ cha, không gọi là người con có hiếu, làm tôi không công bằng giữ phép nước không gọi là bấy tôi trung. Bao dung mà xá tội là ơn của quân thượng, trái phép mà chịu tội là phận của tôi con.

Nói đoạn cầm gươm tự sát.

Không giữ phép nước thì chết, cha phạm tội không nỡ bắt, vua tha tội không chịu nhận. Người Thạch Chử làm quan như thế, thật là người trung hiếu lưỡng toàn.

Lã Thị Xuân Thu

GIẢI NGHĨA:

- Thạch Chử: tức Thạch Xa, tướng giỏi của vua Chiêu Vương, người thanh liêm chính trực.

LỜI BÀN: Đồng thời bấy giờ có kẻ, vì thù cha mà quật mả vua lên mà đánh vào xác thật là người có hiếu nhưng không có trung. Lại có kẻ, vì phép nước mà làm chứng nói thẳng cha ăn trộm dê thật là người có trung nhưng không có hiếu. Sao bằng Thạch Chử đây, giết cha không nỡ, dối vua không đành, cam chịu trái phép để cứu cha, thì thân để giữ phép. Thực mới là trọn được cả đôi niềm trung hiếu vậy. Ta

cũng nên biết khổ tâm của Thạch Chử có khi là: được vua tha cho mà cứ cẩu thả sống, sống chỉ càng làm to cái hung ác của cha, giết người không tội vạ, kết cục liệu cha có thoát án tử hình không. Sống chỉ tăng cái tư tình của vua để cho vua khinh nhờn phép nước, biết đâu sau này không gây ra cuộc rối loạn trị an, thì thà một chết còn hơn đối với gia đình đủ làm cho cha hối hận mà tuyệt được mầm ác, đối với tổ quốc đủ làm cho vua tỉnh ngộ mà tự mình giữ phép để trọng tính mệnh dân. Thạch Chử không nhưng trung hiếu mà còn là nhân nữa.

107. MONG LÀM ĐIỀU PHẢI

Nước Lỗ có người ở một mình một nhà. Bên láng giềng có người đàn bà góa cũng một mình một nhà.

Một đêm, mưa to, gió lớn, nhà người đàn bà đổ, người đàn bà sang xin ngủ nhờ nhà người láng giềng. Người láng giềng đóng cửa không cho vào. Người đàn bà đứng trước cửa sổ nói rằng:

Ngươi sao bất nhân thế! Không cho ta vào ư?

Người láng giềng đáp:

Ta nghe đàn ông, đàn bà sáu mươi tuổi trở lên, mới ở chung được, nay người còn trẻ mà ta cũng còn trẻ cho nên ta không cho người vào ngủ nhờ được.

Người đàn bà nói:

Ngươi sao không làm như ông Liễu Hạ Huệ ủ người con gái ngồi vào lòng mà không tai tiếng gì?

Ông Liễu Hạ Huệ thì thế được, ta đây thật chưa thể được. Ví ta cho ngươi vào mà không được như ông Liễu Hạ Huệ, thì thà rằng, ta không cho ngươi vào mà ta cũng giữ không tai tiếng gì được như ông Liễu Hạ Huệ. Thế chẳng là ta không làm theo như Liễu Hạ Huệ mà cũng được như Liễu Hạ Huệ ư?

Đức Khổng Tử nghe chuyện nói:

Phải lắm! Kẻ muốn học ông Liễu Hạ Huệ, chưa ai giống được như người nước Lỗ này, mong làm điều rất phải, không bắt chước cách làm, rồi mà làm được, thế mới thật khôn.

Lã Thị Xuân Thu

108. KẺ BẤT CHÍNH

Nước Sở có người có hai vợ. Vợ cả và vợ lẽ cùng đẹp, cùng xinh.

Anh láng giềng ghẹo người vợ cả. Người vợ cả giận và mắng thậm tệ. Anh láng giềng lại ghẹo vợ lẽ, người vợ lẽ bằng lòng đi lại.

Không bao lâu, người hai vợ ấy chết. Anh láng giềng muốn tính cuộc vuông tròn lại dạm hỏi người vợ cả.

Có kẻ hỏi rằng:

Người vợ cả trước đã mắng anh người vợ lẽ vẫn có tình với anh, sao bây giờ anh lại định lấy người vợ cả.

Anh ta đáp:

Lúc người ta còn là vợ người, thì thích kẻ tư tình với mình, lúc người ta đã là vợ mình thì thích kẻ không tư tính với ai. Kẻ trước đã tư tình với tôi, thì rồi ai nó cũng tư tình được, thiên hạ ai cũng là chồng nó được. Cho nên bây giờ tôi không lấy nó.

Thế mới hay con người bất chính đi làm tôi tớ người ta dù làm cho người ta bằng lòng đến đâu, người ta vẫn rẻ rúm khinh bỉ.

LỜI BÀN: Ở đời những kẻ dễ đổi lòng như người vợ lẽ nói trong chuyện này là những kẻ bất chính. Đã bất chính thường hay phản trắc, rất nên khinh bỉ. Còn những kẻ chính trực như người vợ cả nói trong chuyện này, thì lúc nào cũng thuần thục thẳng băng dù chẳng may gặp sự khó khăn, thiên hạ như có phần không ưa, mà thực bụng vẫn kính phục vô cùng. Ta có hiểu rõ cái tâm lý ấy như người lấy vợ đây thì mới gần được người quân tử mà xa được kẻ tiểu nhân.

109. NHÂN TRUNG DÀI THÌ SỐNG LÂU

Một hôm vua Vũ Đế nhà Hán nói với các quan rằng:

Ta xem trong sách tướng có nói: người ta nhân trung dài một tấc thì sống lâu đến một trăm tuổi.

Đông Phương Sóc đứng bên, phì cười. Các quan bặc là vô phép.

Đông Phương Sóc cất mũ, tạ rằng:

Muôn tâu Bệ hạ, kẻ hạ thần không dám cười bệ hạ, chỉ cười ông Bành Tổ mặt dài thôi

Vua hỏi:

Sao lại cười ông Bành Tổ?

Đông Phương Sóc nói:

Tục truyền ông Bành Tổ sống tám trăm tuổi, nếu quả thực như câu trong sách tướng Bệ hạ vừa nói, thì nhân trung ông dài tám tấc, mà nhân trung ông dài tám tấc thì dễ mặt ông dài đến một trượng.

Vua Vũ Đế nghe nói, bật cười, tha tội cho.

Sử Ký

GIẢI NGHĨA

- Vũ Đế: vua nhà Hán trị vì bên Tàu (140 TCN - 88 TCN)

- Đông Phương Sóc: Bầy tôi vua Vũ Đế nhà Hán là người ăn nói giỏi, tính hay khôi hài.

- Bành tổ: Tên ông lão đới cổ cho là sống lâu lắm.

LỜI BÀN: Vua Vũ Đế nhắc câu trong sách tướng là có lòng mê tín tướng thuật. Đông Phương Sóc cười, rồi nói như thế, tuy là khôi hài, nhưng thực ý làm cho phá được sự quá tin của vua. Nhân trung có phải là thước đo sự thọ, yểu của người ta, người ta trước hết phải ăn ở cho nhân từ, làm việc cho chăm chỉ, ăn uống cho điều độ và biết quả dục, thì mới có sống lâu được.

110. THUỐC BẤT TỬ

Thời Chiến quốc, có người đem dâng vua nước Sở một vị thuốc bất tử. Người ấy bưng vị thuốc vào, có viên quan canh cửa hỏi rằng:

"Vị thuốc này có ăn được không?"

Người đáp" "Ăn được".

Tức thì, viên quan giật lấy vị thuốc mà ăn.

Chuyện nói đến tai vua. Vua phán bắt viên quan đem giết.

Viên quan kêu rằng:

"Thần đã hỏi người đem dâng thuốc. Người ấy nói rằng: "Ăn được", nên thần mới dám ăn. Thế là thần vô tội mà lỗi ở người dâng thuốc. Vả chăng người đem dâng nói là "bất tử" , nghĩa là ăn vào thì không chết nữa. Thế mà thần mới ăn, đã sắp chết, vậy là thuốc tử chứ sao gọi là bất tử được? Nhà vua giết thần, thực là bắt tội một người vô tội mà tỏ rằng thiên hạ dối được nhà vua mà nhà vua vẫn tin."

Vua nghe nói có lý, bèn tha cho viên quan ấy không giết nữa.

GIẢI NGHĨA

Chiến quốc: xem bài số 69

LỜI BÀN

Có sinh thì phải có tử. Không vật nào có sinh mà lại ra ngoài vòng tử. Kẻ dâng thuốc bất tử, vua Sở có lòng mê tín, không hiểu thấu cái lẽ đó. Viên quan canh cửa làm ra thế, là có ý lấp cái lối lừa đảo của kẻ nịnh, phá cái bụng mê hoặc của vua, khiến cho vua phải tỉnh ngộ. Lời nói tựa giọng khôi hài, nhưng thật là có lý thú.

111. CÁI LẼ SỐNG CHẾT

Mạnh Tôn Dương hỏi Dương Tử: Có kẻ mến đời, yêu thân, cầu cho không chết có nên không?

Dương Tử nói: Có sống thì phải có chết, lẽ nào mà không chết được?

- Thế cầu sống lâu có nên không?

- Lẽ nào sống lâu được? Người ta không phải thích sống mà sống mãi được, yêu thân mà thân còn mãi được. Vả chăng sống lâu để làm gì? Thế tình hay dở xưa cũng như nay; thân thể an nguy xưa cũng như nay; việc đời vua khổ xưa cũng như nay; biến đổi trị loạn xưa cũng như nay; cái gì cũng đã nghe thấy, đã trông thấy, đã từng trải cả rồi, thì sống trong khoảng trăm năm cũng đủ lấy làm chán, huống còn cầu lấy sống lâu để cho khổ làm gì?

Mạnh Tôn Dương nói: Nếu như thế thì chóng chết còn hơn là sống lâu. Ta nên xông vào gươm giáo, nhẩy vào nước lửa để chết ngay đi có thỏa không?

Dương Tử nói: Không phải thế. Đã sinh ra đời thì lúc sống cứ tự nhiên mặc, muốn làm gì thì làm, cho đến lúc chết. Lúc sắp chết, cũng tự nhiên mặc, muốn hóa ra gì thì hóa cho đến lúc cùng. Lúc sống, lúc chêt, lúc nào cũng tự nhiên như không, hà tất phải quan tâm sống lâu hay chóng chết làm gì?

Dương Tử

GIẢI NGHĨA

Dương Tử: người thời Chiến quốc, tên tự là Tử Cư, tôn chỉ học thuyết là: “Mất một cái lông mà lợi thiên hạ cũng không cho, được cả thiên hạ phụng sự một mình cũng không làm, người nào cũng không chịu thiệt, người nào cũng không ham lợi thì thiên hạ tự nhiên thái bình”. Học thuyết ấy rất thịnh hành thời Chiến quốc và người đời bây giờ cho là học thuyết “Vị ngã”.

LỜI BÀN

Người ta ở đời, kẻ thì mến đời không muốn chết, hoặc lại có kẻ chán đời không muốn sống. Như thế đều lầm cả. Sự sống chết không

phải tự mình có chủ quyền được, thì mình đem tâm lo nghĩ, cầu khẩn về việc sống chết mà có ích gì! Thà rằng: tự lúc sống đến lúc chết, việc mình mình làm, ngoại giả phó mặc ở sự tự nhiên cho gọi là Số, là Mệnh, là Tạo hóa cũng không cần. Thói đời thường tình vẫn tham sống, sợ chết. Nhưng chết, vị tất đã là khổ hẳn. Mà sống, cũng không ai bảo là toàn sướng được! Như xưa có kẻ sống hơn trăm tuổi, ai chẳng cho sống lâu là quí, thế mà người ấy vẫn thường ca thán rằng: "Sống làm chi cho nhục!". Sống lâu vô ích cho đời mà chỉ trông nhiều cảnh tang thương thì có hay gì.

112. NÓI VỀ SỐNG CHẾT

Người thì cho sống là sướng, chết là khổ, như thế là phái mến đời. Người lại cho rằng chết là sướng, sống là khổ, như thế là phái chán đời.

Cứ theo ý ta, thì ta tưởng ai tuy còn sống, thân thể khỏe mạnh mà ý chí suy đồi thì sống cũng như chết; ai thân thể tuy chết mà chí khí vẫn còn ở tâm não tai mắt người ta thì chết cũng như sống. Cho nên bậc quân tử đối với sự sống chết, không bằng ở phần xác có hay không, bằng ở phần hồn còn hay mất. Kẻ tiểu nhân thì không thể: đương lúc còn sống mê muội về tài lợi, nhọc nhằn về bôn tẩu, đến lúc người ta thóa mạ thì lại nói rằng:

"Đã sinh ra làm người, chẳng để được tiếng hay trăm đời, thì cũng để lại tiếng dở muôn năm". Than ôi! Kẻ nói như thế thì biết làm sao được cái lẽ sống chết!

Khuyết Danh

LỜI BÀN

Người ta tuy chia hai phần: xác thịt và linh hồn, nhưng hai phần thật có liên lạc với nhau là một, xác có khỏe hồn mới còn; hồn còn mạnh xác mới có giá. Vậy ta không bảo khinh hẳn một bên nào mà chỉ trọng một bên nào được. Nhưng bài này không chủ ý nói về tâm lý hay vệ sinh. Bài này chỉ cốt nói rõ thế nào là sống, thế nào là chết mà thôi. Những kẻ sống không ai biết, chết chẳng ai hay thì tuy sống cũng là vô ích. Còn những bậc ích Quốc lợi Dân thì dẫu chết đi nữa nhưng thiên hạ vẫn còn nhớ đến, vẫn còn sùng bái thì cũng kể như là còn sống. Ngoài ra còn hạng người đê mạt đi xú thì nói mà làm chi! Nếu ở đời chẳng để tiếng hay lại được, thà không để tiếng gì nữa còn hơn là để tiếng xấu, chỉ làm cái bia cho thế gian chê cười mà thôi.

113. BIẾT DỞ SỬA NGAY

Đái Doanh Chi làm quan đại phu nước Tống, nói chuyện với thầy Mạnh Tử rằng:

"Cứ như cổ chế thì ruộng đánh thuế theo phép tỉnh điền, chợ và cửa ải chỉ xét hỏi không mà thôi. Như thế thực là hay nhưng ta chưa làm ngay được. Bây giờ ta hãy đánh nhẹ bớt thuế đi, đợi đến sang năm mới bãi hẳn thì nhà thầy nghĩ thế nào?"

Thầy Mạnh Tử nói: Nay có người mỗi ngày ăn trộm một con gà của hàng xóm. Có kẻ bảo anh ta:

"Làm thế không phải là cách của con người lương thiện. - Anh ta đáp: Ông nói phải lắm, nhưng tôi chưa thể chừa ngay được. Xin để chừa dần, từ nay mỗi tháng tôi ăn trộm một con thôi, đợi đến sang năm tôi sẽ chừa hẳn". Phỏng nói như thế thì có nghe được không?

Phàm làm việc gì cũng vậy, chưa biết là phi nghĩa thì thôi, chớ đã biết là phi nghĩa thì phải bỏ cho mau cho chóng, sao lại còn đợi đến sang năm?

Mạnh Tử

LỜI BÀN

Phàm nghĩa với lợi không cùng đi được với nhau. Nếu làm nghĩa mà còn tính lợi, cứ tìm cách trì hoãn mãi lại thì biết đến bao giờ mới nên? Cho nên việc đã trót làm biết là dở chẳng những không sửa được, lại còn e mỗi ngày một to thêm mãi ra, nhỏ thì hại việc tu thân, tề gia, lớn thì hại đến việc trị quốc, bình thiên hạ. Câu nói: "Cái gì làm được hôm nay chớ để đến ngày mai", ta nên ghi nhớ lấy.

114. TÀI BẤT TÀI

Một hôm Trang Tử cùng với học trò đi chơi ở trong núi. Thấy một cây to, cành lá rườm rà, có người đốn gỗ chống búa đứng bên mà không chặt.

Trang Tử hỏi: "Sao không chặt cây này thế?"

Người đốn gỗ đáp: "Cây này tuy thế mà gỗ xấu không dùng được việc".

Trang Tử nói: "Cây này chỉ vì không ra gì mà sống lâu được mãi".

Ra khỏi núi, Trang Tử vào chơi nhà một người quen. Chủ nhà vui mừng, bảo người nhà đem chim nhạn làm thịt.

Người nhà hỏi: "Một con gáy được, một con không gáy được thì làm thịt con nào?"

Chủ bảo: "Làm con không gáy".

Hôm sau, học trò hỏi Trang Tử rằng:

"Cái cây ở núi vì bất tài mà được sống lâu, con nhạn ở nhà chủ vì bất tài mà phải giết chết. Giá như tiên sinh thì xử vào địa vị tài hay bất tài?"

Trang Tử cười rồi nói: "Ta xử vào trong cái khoảng giữa tài và bất tài. Như vậy thì tránh khỏi được tai nạn song chưa phải là kế vẹn toàn. Chỉ những bậc đạo đức cao siêu, không quản khen chê, lúc như rồng lúc như rắn, không hẳn rõ ra tài hay bất tài, lúc lên lúc xuống chỉ lấy đức hòa làm mực. siêu việt cả muôn vật, tuy là người ma lại khác người… Những bậc như thế thì còn gì lụy đến thân được! Còn thói đời thường tình nào có thế? Hợp với người thì có lúc lìa tan, làm nên việc thì có người nghị luận; ngay thẳng thì bị đè nén; tôn trọng thì bị chê bai; làm thì có kẻ phá; giỏi thì có người ghen; không ra gì thì thiên hạ lại khinh bỉ… Nhân tình như thế thì làm thế nào được? Thương ôi! Các người nên ghi lấy, chỉ có đạo đức mới khỏi lụy mà thôi.

Trang Tử Tuyết

LỜI BÀN

Tài cũng khổ: quân tử đa nạn, tài liền với tai. Bất tài cũng khổ: khôn sống dại mái, dại để người ăn. Vậy con người ta phải làm thế nào cho

ở vào khoảng giữa tài và bất tài thì mới gọi là khôn khéo nghĩa là thông minh thánh trí mà như ngu thì mới sinh tồn được. Tuy vậy vẫn chưa bằng người có đạo đức, nghĩa là người chỉ lấy một cái bụng ăn ở theo thiên lương mà ra ngoài vòng được cái tài, bao bọc được hết cả thiên hạ mà không gì lụy đến thân. Thế mới hay: chữ "tâm" kia mới thực là thu liễm được cái tài mà bổ cứu được cái bất tài vậy.

115. QUÊN CẢ CÁI THÂN

Vua Ai Công hỏi Đức Khổng Tử:

- Quả nhân nghe nói có người tính hay quên, lúc dọn nhà, quên mất vợ có thật không?

Đức Khổng Tử thưa rằng:

- Có người quên như thế cũng chưa lấy gì làm tệ. Có người còn tệ hơn nữa, quên cả đến cái thân của mình.

Vua Ai Công hỏi:

- Thế nào mà lại đến quên cả cái thân của mình nữa?

Đức Khổng Tử nói:

- Ngày xưa vua Kiệt nhà Hạ giàu có cả bốn bể, song làm đến thiên tử chỉ vì sao nhãng cơ đồ của tổ tiên, hủy điểm phát của nước nhà, tin dùng kẻ xiểm nịnh, ghét bỏ kẻ trung lương, ngày ngày say đắm sắc dục, săn bắn rượu chè, hoang du vô độ, sau đến nỗi bị ông Thang giết chết mà mất… Thế chẳng phải là thân mà quên cả thân là gì?

Khổng Tử Tập Ngữ

GIẢI NGHĨA

Ai Công: Vua nước Lỗ

Kiệt: Vua cuối đời nhà Hạ, tàn dân, bại vật đến nỗi mất nước

Hạ: một nhà làm vua bên Tàu đến hơn bốn trăm năm (2205- 1818)

Thang: vua đầu nhà Thương giết vua Kiệt nhà Hạ

LỜI BÀN

Dọn nhà không ai dọn vợ. Nhưng thí dụ có kẻ dọn nhà hoặc quên mất vợ thì thiên hạ tất lấy làm lạ lùng và buồn cười lắm. Thế mà những kẻ quên thân rất nhiều và đáng sỉ tiếu, thì lại không mấy người nghĩ đến. Phàm chưng ai đã có một sự ham mê gì, rượu chè, thuốc phiện, trai gái, cờ bạc đến quên cả tính mạng, cửa nhà, xã hội đều là quên thân rất đáng tiếc. Nhất là những bậc thông minh tài trí có quyền thế trong tay, mà quên thân thì lại đáng tiếc hơn nữa. Nên Đức Khổng Tử kể chuyện vua Kiệt mà có ý cảm hóa Ai Công vậy.

116. ĐẠI ĐỒNG

Đường lối chính trị rất cao cả mà thực hình thì thiên hạ phải là của chung của cả thiên hạ, không một người nào hay một nước nào được nhận thiên hạ làm của riêng mình. Kén chọn người có đức vọng để làm lãnh đạo, tuyển củ người có tài năng để ra gánh vác. Giao thiệp đi lại với nhau cho có chữ "tín" lỡ có hiểu lầm nhau phải phân trần ngay... Ăn ở đối đãi với nhau cần phải "hòa" lỡ có chênh lệch phải sửa đổi ngay. Có thể, tự khắc ai ai cũng đều tôn quý cha mẹ người như cha mẹ mình, ai ai cũng thân yêu con cái người như con cái mình...

Của ở trên mặt đất hay ở dưới đất, đáng ghét nhất là ngu dại bỏ phí bỏ hoài, không biết tăng gia, không biết khai thác, không biết lợi dụng. Có biết mà làm được, cần phải cùng hưởng, cùng dùng, chớ có vơ cả làm của riêng.

Đã là người thời chẳng nhiều thì ít, ai cũng có sức lực và năng lực, đáng ghét nhất là lười biếng, chỉ thích ỷ lại hay thích đài đệ, không chịu dùng sức mình để cung cấp, không chịu đem năng lực để đảm nhiệm công việc chung. Như việc dùng sức lực năng lực, cần phải cống hiến cho quần chúng, chớ có làm hay riêng cho bản thân là cá nhân...

Có thế thới cơ mưu gian trá mới không nẩy ra và trộm cướp tự nhiên tiêu diệt

Đại khái như thế mới gọi là " đại đồng".

Lễ ký

LỜI BÀN: Thuyết đại đồng nêu ra tự đời Xuân Thu mấy nghìn năm về trước nghe cũng đã lấy làm vui sướng, huống chi đến đời chúng ta ngày nay, cái đời tranh sống chết kịch liệt, ta được nghe thì lấy làm vui sướng và ao ước biết chừng nào! Lý tưởng đại đồng sống chung với nhau đấy tín nghĩa thân ái, người với ta như một, sung sướng hưởng chung, chỉ những hòa thuận và hòa bình bồng lai và nát bàn thật. Lý tưởng quý báu cao cả ấy có thực hiện được không? Ai ai cũng có chân tâm mà làm thực sự, sao lại không thực hiện được. Khốn nỗi, người sẵn chân tâm mà làm thực sự, có nhưng rất hiếm; kẻ giả danh giả nhân nghĩa, khéo lợi dụng thì lại quá nhiều. Vả lại, nhân loại truy nguyên ra thì trong đầu óc vẫn rớt lại những thú tính, thâm dâm hung tàn. Đa số

chỉ có nghĩ lành, nói lành, ước ao lành, cầu người lành bắt, người làm lành, mà chính thân thì ác. Thậm chí người ta phải nói: "Người là giống rất tàn ác hơn cả các loài mãnh thú". Người lúc nào cũng làm khổ người thì đại đồng bao giờ mới thực hiện được.

117.CẦU Ở MÌNH HƠN CẦU Ở NGƯỜI

Ngụy Văn Hầu hỏi Hồ Quyển Tử:

- Cha hiền có đủ nhờ cậy không?

Hồ Quyển Tử thưa:

- Không đủ

- Con hiền có đủ nhờ cậy không?

- Không đủ

- Anh hiền có đủ nhờ cậy không?

- Không đủ

- Bầy tôi hiền có đủ nhờ cậy không?

- Không đủ

Văn Hầu đổi sắc mặt, gắt rằng:

- Quả nhân hỏi nhà ngươi năm điều mà điều nào ngươi cũng cho là không đủ tại cớ làm sao?

Hồ Quyển Tử nói:

- Cha hiền không ai hơn vua Nghiêu mà con là Đan Chu phải bị đuổi. Con hiền không ai hơn vua Thuấn mà cha là Cổ Tẩu thực ngang ngạnh. Anh hiền không ai hơn vua Thuấn mà em là Tượng rất ngạo mạn. Em hiền không ai hơn là ông Chu Công mà Quản Thúc bị giết. Bầy tôi hiền không ai hơn ông Thang, ông Vũ mà vua Kiệt, vua Trụ mất nước... Mong người không được như ý, cậy người không được bền lâu. Nhà vua muốn cho nước được bình trị, thì phải cậy ở mình trước, hơn là mong nhờ người.

Hàn thi ngoại truyện

Giải nghĩa:

- Ngụy Văn Hầu: vua nước Ngụy.

- Hồ Quyển Tử: người nước Ngụy.

- Hiền: người có phẩm hạnh có học thức tài năng.

- Đan Chu: con vua Nghiêu tên là Chu phong cho ở đất Đan nên gọi là Đan Chu. Vua Nghiêu phải phóng(bỏ) Đan Chu vì Đan Chu là đứa

con bất hiếu.

- Thuấn: tên Đào họ Diệu, nối vua Nghiêu mà trị thiên hạ (nhà Ngu).

- Cổ Tẩu: cha vua Thuấn.

- Tượng: em vua Thuấn nhưng khác *** là người ngạo mạn vô lễ.

- Chu Công: tên Đán em của Vũ Vương, phong ở nước Lỗ lúc vua Vũ Vương mất, vua Thành Vương còn bé lên ngôi giúp việc nên thiên hạ đại trị.

- Quản Thúc: tên là Tiên anh Chu Công được phong ở đất Quản, về bè dư đảng nhà Ân, phản nhà Chu nên bị Chu Công giết.

- Thang: họ Tự tên Lý, trước là chư hầu vua Kiệt nhà Hạ, nhưng vì vua Kiệt vô đạo nên mới nổi dậy đánh lấy nước mà lập ra nhà Thương

- Vũ: tên là Phát con vua Văn Vương bầy tôi vua Trụ nhà Thương, nhưng vì vua Trụ bạo ngược, Vũ Vương đánh lấy nước lên ngôi Thiên tử đặt ra nhà Chu.

LỜI BÀN: Cốt ý Văn Hầu nước Ngụy là chỉ muốn hỏi có thể nhờ cậy được bấy tôi không, nhưng lúc đầu có mượn mấy câu hỏi đến cha con, anh em rồi mới dẫn đến vua tôi. Hồ Quyển Tử đáp như thế là rất phải. Cha tuy từ với con, con tuy hiếu với cha, anh tuy yêu em, em tuy kính anh, bấy tôi tuy trung với vua, nhưng mỗi người vị tất đã là hay được đủ mọi vẻ. Nếu mình không cần chịu ở mình, chỉ biết cầu những bậc ấy để đến nỗi thất đức, thì chẳng những không lợi gì mà còn hại đến thân mình nữa. Ta mong người, nhưng người ai cũng có thân, không ai bỏ cái thân mình để giúp cho ta, ta cậy người, nhưng người cũng có lúc cùng, không thể suốt đời mà đỡ đần ta được. Vậy ta ở đời, chẳng nên chỉ biết mong cậy vào người. Ta phải biết tự chủ tự lập, chớ có bỏ mình mà cầu người. Câu “Quân tử cầu chư kỷ” trong Luận ngữ và câu “ Aide toi, le Ciet t’aidera” của Âu học, thực đáng làm phương châm cho cách lập chí ở đời này.

118. HÒA THUẬN VỚI MỌI NGƯỜI

Lưu Ngưng Chi đang đi giày, có người đến nhận, ông đưa ngay. Sau người ấy tìm thấy giày, đem giày ông trả lại. Ông nhất định không nhận nữa.

Thẩm Lân Sĩ đang đi giày. Cũng có người đến nhận. Ông cười hỏi: " Giày của bác à?". Rồi ông đưa ngay. Sau, người láng giềng tìm thấy giày đem giày ông trả lại. Ông nói: " Không phải của bác à?" Ông cười rồi nhận.

Việc này tuy nhỏ mọn. Song ở đời, ta nên cư xử như ông Lân Sĩ, không nên như ông Ngưng Chi.

Tô Thức

GIẢI NGHĨA:

Lưu Ngưng Chi: người đời Tống (Nam triều) tính khẳng khái, phần gia tài của mình nhường cả cho anh em mà tự thực kỳ lực. Vua triệu ra làm quan không chiu ra chỉ thích ngao du sơn thủy.

Thẩm Lân Sĩ: người đời Nam Tề, học thức rộng, không chịu ra làm quan, chỉ thích dạy học và trước thuật.

Tô Thức: tức Tô Đông Pha là một nhà đại thi sĩ nước Tàu làm quan đời nhà Tống, văn hay chữ tốt, sách làm kể có hàng vài trăm quyển lưu truyền ở đời.

LỜI BÀN: Giày của mình, mình đang đi, có người đến nhận mà mình cũng đưa, không thèm cãi " của tao của mày" như Ngưng Chi và Lân Sĩ thực ở đời cũng là hiếm có vậy. Kíp khi người ta tìm thấy giày của người ta, đem giày mình lại trả là người ta đã biết lỗi lầm. Nếu mình khăng khăng không chịu nhận, là mình quá ư nghiêm khắc mà làm ngăn trở cái lòng hối quá của người ta. Sao bằng nhận mới tỏ rõ tấm lòng bao dung được người, cả lúc người lầm cả lúc người biết lầm. Như thế mới thực là người đầy hòa khí để cư xử với quần chúng vậy.

119. MẤT CUNG

Vua Cung Vương nước Sở đi săn, giữa đường đánh mất cung. Các quan theo hầu cố xin tìm cho được. Vua Cung Vương nói:

Thôi tìm làm gì nữa! Người nước Sở đánh mất cung, lại người nước Sở bắt được cung, đi đâu mà thiệt.

Đức Khổng Tử nghe thấy chuyện bảo:

Đáng tiếc cho cái chí vua nước Sở không làm to hơn được nữa! Hà tất phải nói: " Người nước Sở? " Giá nói: " người đánh mất cung, lại người nhặt được cung thì chẳng hơn ư?"

Thuyết Uyển

LỜI BÀN: Vua đánh mất cung, không nghe lời các quan bắt tìm cung,

thế là có lòng thương dân, không muốn làm phiền đến dân. Vua lại nói một người nước Sở mất cung chịu thiệt, thì có một người nước Sở được cung có lợi, thế là đã có lòng muốn lợi cho dân cả một nước. Tuy vậy, Đức Khổng Tử chê là hẹp, là vì vua Sở chỉ biết có người nước Sở lấy bờ cõi nước Sở mà làm giới hạn cho cái lòng nhân ái của mình. Cứ như ngài nói, mời thực rõ cái nghĩa bác ái, tức là cái lòng rộng yêu hết cả nhân loại, không phân di chủng hay ngoại quốc gì nữa. Cùng một ý với câu thầy Hạ Tử nhắc lời ngài mà đáp Tư Mã Ngưu là không có anh em rằng: "Người bốn bể đều là anh em cả". Nói rộng ra: chỉ có lý vô phân biệt, trí vô phân biệt, vật ngã nhất thể thì mới hết sạch chướng ngại mà hoan hỉ vô cùng!

120. MUÔN VẬT MỘT LOÀI

Người họ Điền nước Tề sắp phải đi xa, làm tiệc để cáo biệt anh em. Khách mời kể có cả nghìn người. Cỗ bàn đủ thứ sơn hào hải vị. Lúc ăn đến món chim, món cá, ngưới họ Điền trông thấy, nói rằng: "Trời đãi người hậu thật! Sinh ra thóc lúa, sinh ra chim cá, không thiếu thứ gì để con người dùng". Bao nhiêu khách ăn đồng thanh khen câu nói ấy là phải. Duy có đứa con họ Bão, tuổi mới mười hai, đứng dậy nói rằng:

Cứ như ý tôi thì câu nói ấy là không phải. Muôn vật trong trời đất là cùng sinh ra với ta, cùng một loài như ta, không có gì là sang hay hèn cả. Sang hèn mà phân biệt chẳng qua là các loại chế lẫn nhau, lớn nuốt nhỏ,khôn đè dại, khỏe lấn yếu mà thôi. Chớ nào có phải trời vì loài này mà sinh ra loài khác đâu. Người ta có cái gì ăn được thì lấy làm mà ăn, chớ trời nào lại vị người mà sinh ra thứ nọ thứ kia? Cứ theo cái lý ấy, ruồi muỗi hút máu người, hổ lang ăn thịt người, thì có nói được trời vì những giống ấy mà sinh ra người không?"

LỜI BÀN: Người ta ở trong khoảng trời đất thường hay tự phụ mình làm chủ trương cho cả muôn vật. Vì mình mà muôn vật phải sinh, vì mình mà cây thóc mọc, mà con lợn béo, mà con tằm nhả tơ, con ong gây mật, cho đến cả mặt trời sáng ban ngày, ngôi sao lóng lành ban đêm. Nhưng xét lại, thì loài người chẳng qua cũng chỉ là một loài cùng sinh, cùng sống như muôn loài trong trời đất. Loài người sở dĩ hơn vật là chỉ hơn có chút trí khôn mà thôi. Nên như câu nói như đứa bé họ Bão mới thực là cao rộng, hiểu được cái vạn vật, tịnh sinh ở đời vậy.

121.LÚC NÀO ĐƯỢC NGHỈ

Thầy Tử Cống hỏi Đức Khổng Tử:

- Tử này mệt về học, khốn về đạo, bây giờ muốn nghỉ để thờ vua có nên không?

Đức Khổng Tử nói:

Phàm làm tôi thờ vua, sớm tối kính cẩn, mà cho trọn được chức trách cũng là việc khó, nghỉ thế nào được!

- Vậy xin nghỉ để thời song thân

- Lòng con hiếu thờ cha mẹ thật vô cùng lại có thể lấy sự hiếu thảo của mình cảm hóa được lòng người cũng là việc khó, nghỉ thế nào được!

- Vậy xin nghỉ để vui chơi với vợ con

- Đạo làm chồng phải làm gương cho vợ, lại để cho anh em và thiên hạ trông vào mà bắt chước cũng là việc khó, nghỉ thế nào được!

- Vậy xin nghỉ để chơi với bầu bạn

- Nghĩa bầu bạn phải giúp đỡ nhau, hết lòng hết sức với nhau, cũng là việc khó, nghỉ thế nào được!

- Vậy xin nghỉ để làm ruộng

- Công việc nhà nông phải cấy cày gặt hái hai sương một nắng, chân lấm tay bùn, cũng là việc khó, nghỉ thế nào được!

- Như thế thì Tử này không lúc nào được nghỉ ư?

- Có chứ. Lúc nào ngắm thấy cái huyệt đào nhẵn nhụi, trông thấy cái mồ đắp chắc chắn, ngó thấy người đi đưa cách biệt hẳn mình, ấy lúc bấy giờ mới là lúc nghỉ được đó

Thầy Tử Cống nói:

Như thế cái chết chẳng là cái hay à! Người quân tử đến bấy giờ được nghỉ, kẻ tiểu nhân đến bấy giờ mới chịu thôi, cái chết thật là hay vậy!

Gia ngữ

GIẢI NGHĨA

- Tử Cống học trò giỏi của Đức Khổng Tử.

- Tử: tên thầy Tử Cống theo lễ tục, khi hầu chuyện những người bề trên như cha, như vua, như thầy, thì phải xưng tên.

LỜI BÀN: Học tập một môn học, nghiên cứu một đạo, lý, càng đi càng thấy dài, càng lên càng thấy cao. Lập chí không bền thấy khó mà thôi (nghỉ) thì chẳng bán đồ nhi phế ngay lập tức.

Thần hạ đối với quân trưởng, con cái đối với cha *** vợ chồng bầu bạn ăn ở với nhau đều có bổn phận phải làm sao cho đầy đủ không tận tâm tận lực (nghỉ) thì thiếu bổn phận và rối loạn ngay lập tức.

Canh nông hay thương mại, thuyền thợ hay quân nhân... ai nấy có một chức nghiệp, chểnh mảng không chu đáo (nghỉ) thì thiếu lương tâm nhà nghề ngay lập tức.

Làm cho đầy đủ, phần ấm cho thân, phần ích cho người, tất cả phải lao tâm lao lực. Thế thì muốn nghỉ sao được. Vì nghỉ là đứng lại thì muôn sự đình trệ ngay. Người ta hay ở tiến lên cố tiến lên, tiến lên mãi mãi, tiến lên đến hơi thở cuối cùng, rồi ta trở về cái nhà đại tạo mà nghỉ ngơi yên tĩnh, lại chả hoan hỉ lắm ru!

122. CÓ CHỊU LO, CHỊU LÀM MỚI SỐNG ĐƯỢC

Ở đời chết vì thuốc độc, muôn người họa mới phải một người, chớ chết vì ăn không ngồi rồi thì thật nhiều. Cái độc "ăn không ngồi rồi” rất thảm rất hại. Nay ta hãy xem một vài sự đáng sợ để thí dụ mà nghe.

Xe đi trên mặt đất, đi chỗ gập ghềnh thường được chắc chắn hơn chỗ phẳng phiu.

Thuyền đi trên mặt nước, đi chỗ ghềnh thác thường được vững vàng hơn đi giữa dòng sông. Tại sao vậy? Tại vì, biết khó khăn mà giữ gìn thì được yên, cho là dễ dàng mà khinh thường thì phải hỏng (bại vong).

Người đời thường sống về những khi lo lắng cần khổ, mà chết về những lúc sung sướng yên nhàn. Lẽ ấy rất rõ, mà người đời không biết sợ là bởi không chịu xét đến nơi.

Những lúc thư nhàn thử nghĩ mà coi. Vì đâu mà chí khí ta phải suy kém? Vì đâu mà công việc ta phải hư hỏng? Vì đâu mà uổng mất một đời rồi cùng nát với cỏ cây? Vì đâu mà hóa ra hôn mê, không biết quay đầu lại, rồi lại đeo thêm cái tiếng xấu về sau? Vì đâu thành chểnh mảng không biết lo xa rồi đến nỗi mắc vào tội vạ? Ấy rút lại mấy điều là chỉ bởi ăn không ngồi rồi mà ra cả. Sự ăn không ngồi rồi quả là cái cửa những điều ác. Cửa ấy người giỏi vào đến lúc ra thì dở, người tỉnh vào đến lúc ra thì mê, người cương trực vào đến lúc ra thì liệt nhược, người thanh khiết vào đến lúc ra thì ô uế, sự ăn không ngồi rồi hại thân, hại nhà, hại nước nghĩ chẳng đáng sợ lắm ru!

Lã Đông Lai

GIẢI NGHĨA

Lã Đông Lai: tức Lã Tổ Khiêm, làm quan đời nhà Tống, học rộng biện bác giỏi, cùng với Chu Hạ và Trương Thúc gọi là Tam Hiển, học trò tự xưng là Đông Lai tiên sinh về làm bộ sách tên là Đông Lai tập.

LỜI BÀN

Không lo, không làm thực làm hại người ta hơn là thuốc độc. Chẳng nói gì, không lo không làm thì không có cơm ăn áo mặc tiền tiêu,

không giữ được phẩm giá, không làm hết bổn phận. Không lo không làm, thân thể yếu đi, tâm chí cùn lại, và thường hay sinh ra làm càn, làm bậy, hại đến thân, đến nhà, đến nước. Quả vậy, câu trong bài: "Ăn không ngồi rồi là cái cửa của những điều ác" và bao nhiêu câu như: "Sự ăn không ở rỗi là mẹ đẻ ra các nết xấu. -Cái chìa khóa không dùng thành gỉ hoen. -Nhàn cư vi bất thiện" cũng cùng có một nghĩa nói đến cái tai họa của sự không lo, không làm cả. Cho nên người ta bất cứ nghèo hèn hay giàu sang, ai cũng phải có lo có làm mới đáng sống và có sống được. "Sinh ư ưu cần, tử ư dật lạc", nghĩa là sống là do ở ưu hoạn cần lao, chết là ở yên nhàn dật lạc. Câu cổ nhân nói thật không sai chút nào.

123. CHÍNH DANH

Vua Cảnh Công nước Tề hỏi Đức Khổng Tử về việc chính sự.

Đức Khổng Tử thưa rằng: Cội rễ việc chính sự cốt nhất phải làm cho sáng rõ luân thường đạo lý. Ở chốn triều đình, vua hết đạo làm vua, tôi hết đạo làm tôi; ở trong gia đình, cha hết đạo làm cha, con hết đạo làm con. Vua tôi, cha con ai nấy đều hết đạo của mình, thì chính sự mới có thể làm hay được.

Vua Cảnh Công nói: Phải lắm! Câu nói ấy thật là thiết yếu. Mà quả thế thật, nếu vua chẳng ra vua, tôi chẳng ra tôi, cha chẳng ra cha, con chẳng ra con, thì cương kỷ rối loạn mà nước phải diệt vong. Thóc gạo tuy có nhiều, liệu có ở yên mà ăn được chăng.

LỜI BÀN

Vua Cảnh Công hỏi về chính sự mà Đức Khổng Tử đáp là chính danh ngài nói đúng ngay vào cái bệnh của vua đối với quốc gia làm mất chủ quyền, đối với gia đình dung túng con cái, mà lại giảng được cái học thuyết chính danh của ngài. Tiếc thay vua Cảnh Công biết là phải mà không liệu cách mau mau thực hành để đến nỗi về sau nước Tề quả có tai vạ, vua thì bị giết, đất thì mất về tay người.

Như nói đến chính sự thời nay, thì chắc còn bao nhiêu sự khó khăn, phiền phức có phải là dễ đâu. Song sự cốt yếu cũng không ra được ngoài câu nói của Đức Khổng phu tử. Ta thử ngẫm mà xem, suốt xưa nay, khắp đông tây có nước nào vua (hoặc người cầm quyền hay lãnh đạo mà gọi tên khác) kém sáng suốt, thần hạ gian nịnh mà nước không nguy vong, có nhà nào cha mẹ bạc ác bất nhân, con cái bất hiếu mà nhà không suy bại không?

124. NÊN XỬ THẾ NÀO

Thầy Mạnh Tử hỏi vua Tuyên Vương nước Tề rằng:

- Giả thử có người bầy tôi nhà vua, đem y thực của vợ con ký thác cho người bạn thân, nhờ trông nom giúp để sang chơi nước Sở có việc; kịp đến lúc về, mới biết bạn để cho vợ con đói rét thì người ấy nên xử với bạn thế nào?

Vua nói: Nên tuyệt giao.

Thầy Mạnh Tử lại hỏi:

- Giả sử có người làm quan sĩ sư không trông nom nổi được thuộc viên, để cho hình ngục sai lầm, công việc phế khoáng, thì nhà vua nên xử thế nào với viên quan ấy?

Vua nói: Nên bãi đi.

Thầy Mạnh Tử nhân đấy hỏi luôn câu nữa:

- Thế thời làm vua một nước mà không sửa sang việc chính sự, việc giáo dục để đến nỗi trong nước không được bình trị, thì trách nhiệm tại ai và nên xử trí thế nào?

Vua nghe nói ngoảnh ngay sang bên tả, bên hữu nói lảng sang chuyện khác, có ý vừa chữa thẹn vừa tránh không trả lời.

Mạnh Tử

GIẢI NGHĨA

Mạnh Tử: người nước Châu, đời Chiến Quốc, tên là Kha, học thuyết của ông cốt ở điều "Nhân nghĩa", "Tính thiện", đời sau tôn ông là Á thánh.

LỜI BÀN

Thầy Mạnh Tử đây chỉ vì việc nước mà khuyên can vua Tuyên Vương nước Tề. Hai đoạn trên câu hỏi của thầy hữu tâm mà câu trả lời của vua vô tâm. Đoạn thứ nhất nói về "tình bạn", kể nghĩa cũ cũng đáng tiếc, song đã nhận lời ký thác của anh em mà ra lòng phụ bạc thì thật là người bạn đáng tuyệt giao. Đoạn thứ nhì nói về "phép nước", kể thực buộc vào tội chưa có gì là nặng, song làm quan mà đến không trông nom được kẻ dưới để phế khoáng việc công, thì thật là viên quan không nên dụng.

Còn đoạn thứ ba, tuy ông nói qua mà đã ngụ sẵn cái ý thuế má quá nặng để dân đói rét, hình phạt sai lầm để dân oan khổ, làm vua mà đối với dân với nước như vậy cái tội to biết chừng nào. Thế mới tiếc thay vua Tề Tuyên Vương gặp được người chính trực cảm ngôn như thế mà lại không chịu rộng hỏi để sửa lỗi của mình, thật là mất một dịp tốt.

125. CHIẾC THUYỀN ĐỤNG CHIẾC ĐÒ

Một chiếc đò sang sông. Có chiếc thuyền không có người, đâu trôi đến, đâm phải. Người lái đò tuy hẹp bụng đến đâu cũng không lấy làm giận. Giả sử trên chiếc thuyền có người ngồi, thì người lái đò tất phải phùng mang trợn mắt, tru tréo một lần không nghe tiếng, tất tru tréo đến hai lần, hai lần không nghe tiếng tất tru tréo đến ba bốn lần, rồi đến buông lời chửi rủa thậm tệ nữa,

Một việc xảy ra cũng giống nhau, mà như lúc trước không giận, như lúc sau lại giận là tại làm sao?

- Tại lúc trước chiếc thuyền không có người mà lúc sau chiếc thuyền có người.

Người ta mà cứ thản nhiên không có chút tư ý gì thì ở đời còn ai hại mình nữa.

Trang Tử

126. RẮN RỜI CHỖ Ở

Trời nắng, ao cạn, hai con rắn muốn rời đi ở chỗ khác.

Rắn con bảo rắn lớn:

"Anh đi trước, tôi theo sau, người ta biết là rắn kéo nhau đi tìm chỗ, thì thế nào cũng tìm cách giết chết. Sao bằng anh để tôi ngậm vào mình anh, còn anh thì cõng tôi mà đi, người ta tất nhiên cho là Rắn Thần, không dám **ng đến".

Nói xong, hai con rắng làm y như thế mà đi qua đường cái. Quả nhiên người ta trông thấy ai cũng tránh sợ, bảo nhau là "Rắn Thần".

Những kẻ nương tựa nhau, thông đồng với nhau để làm điều gian giảo, lừa dối đời, mê hoặc người thì có khác gì hai con rắn cõng nhau đây mà giả làm Rắn Thần không?

LỜI BÀN

Những quân gian giảo định đánh lừa thiên hạ, khi chỉ có một mình thiên hạ cũng mắc lừa chán, huống chi là chúng kết bè, kết đảng đồng tâm bày mưu mà lừa gạt thiên hạ thì ai dù khôn ngoan làm điều lành hay cho thiên hạ bao nhiêu thì bè đảng với nhau để làm điều ác nguy hại cho thiên hạ bấy nhiêu. Vậy ta thấy những điều gì lạ tai lạ mắt, trái hẳn nhân tình thì một là đánh lừa, hai là lợi dụng, ta trước nên suy xét kĩ đã, rồi sau hãy tin theo.

127. NHƯỜNG THIÊN HẠ

Vua Nghiêu nhường thiên hạ cho Hứa Do có nói rằng:

- Khi mặt trời mặt trăng đã mọc mà cứ cầm đóm đuốc soi sáng, như thế chẳng cũng khó lắm ru! Khi đang mong mưa, trời đã mưa mà cứ còn dội nước tắm tưới như thế, chẳng cũng nhọc lắm ru! Nay có ngài ra đời, đức thịnh tài cao, thiên hạ tự khắc cảm hóa bình trị, thế mà tôi còn cứ giữ lấy thiên hạ, thì tôi tự nghĩ lấy làm kém lắm. Xin nhường thiên hạ cho ngài.

Hứa Do nói:

- Nhà ngươi trị thiên hạ đã được bình trị, mà ta còn thay nhà ngươi, như thế chẳng là ta không có cái "thực" làm thiên hạ bình trị mà ta lại nhận lấy cái "danh" bình trị thiên hạ ư? Vả cái "danh" là người khách của cái "thực", nếu không có thực mà lại đương lấy cái danh, thì hóa ra ta làm người khách không có chủ ư? Con chim làm tổ ở rừng chẳng qua là một cành cây, con chuột uống nước ở sông chẳng qua chỉ đến no bụng. Thôi, xin nhà ngươi cứ về mà trị lấy thiên hạ, ta có dùng thiên hạ làm gì! Người nhà bếp mà chẳng trông nom việc bếp, thì người giữ việc tế tự cũng chẳng có thể bỏ đèn hương mà làm thay cho được.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA

Nghiêu: tên một bậc thánh đế đời nhà Đào Đường

Hứa Do: một bậc cao sĩ đời thượng cổ, ẩn ở núi Cao Sơn

LỜI BÀN

Ý vua Nghiêu nghĩ thiên hạ là của chung của cả thiên hạ, cho nên vua mới tìm người hiền tài để truyền ngôi, miễn là thiên hạ được thái bình thịnh trị là mình được sung sướng.

Ý Hứa Do nghĩ mình không có tài mà nhận lấy cái tài của người làm của mình thì không gì xấu bằng. Vả ông lại có cái thú vô danh hơn là hữu danh, nên ông lấy việc thiên hạ làm phiền, chứ không phải là sướng.

Một bên quên lợi, một bên quên danh đáng quí thay.

Thời buổi ngày nay giá được những bậc tài giỏi không có lòng tư, không cậy công cậy của, không hiếu lợi hiếu danh thì lo gì thiên hạ chẳng bình trị.

128. RỬA TAI

Đời thượng cổ có ông Hứa Do là một nhà ẩn dật ở trong chằm Bái Trạch.

Vua Nghiêu nghe tiếng là người giỏi, mời ra, xin nhường cả thiên hạ. Hứa Do tử chối, lui về ẩn tại núi Trung Nhạc, phía nam sông Dĩnh Thủy.

Sau, vua Ngiêu lại tìm đến, cố mời Hứa Do ra làm tổng trưởng cả chín châu, Hứa Do thấy vậy không muốn nghe chuyện nữa, ra bờ sông Dĩnh Thủy rửa tai. Ngay lúc bấy giờ, Sào Phủ đang dắt trâu xuống bờ sông gặp Hứa Do hỏi:

Việc già mà bác phải rửa tai như vậy?

Hứa Do thuật lại chuyện. Sào Phủ liền gò cổ trâu lại mà nói rằng:

Ta toan cho châu uống nước ở đây, lại e bẩn cả miệng trâu.

Nói đoạn, dắt trâu lên quãng sông trên cho trâu uống nước.

Cao Sĩ Truyện

GIẢI NGHĨA:

- Hứa Do : bậc cao sĩ thời thượng cổ.

- Chín châu: thời thượng cổ nước Tàu chia ra làm chín châu để cai trị (Duyên, Ký, Thanh, Từ, Dự, Kinh, Dương, Ung, Lương).

- Sào Phủ : bậc cao sĩ đời thượng cổ không ưa thế lợi, ẩn ở trong núi, lấy cây làm tổ nằm ở trên cây cho nên mới gọi là Sào Phủ (Sào nghĩa là tổ).

- Cao Sĩ Truyện : sách của Hoàng Phủ Mật đời nhà Tấn soạn kể chuyện những bậc cao sĩ ẩn dật thời xưa bên Tàu.

LỜI BÀN: Có cả thiên hạ cố nhường cho người là lạ. Người nhường thiên hạ cho, mà không nhận cũng là lạ. Nghe thấy câu chuyện nhường thiên hạ cho làm chuyện bẩn, phải đi rửa tai lại lạ hơn. Không để cho trâu uống cái nước đã rửa tai ấy, sợ bẩn miệng trâu càng lạ quá nữa

Ôi! Đọc bài này, tưởng như Hứa Do với Sào Phủ là hai người nếu chẳng ngông cuồng thì cũng gàn dở. Nhưng vì Hứa Do và Sào Phủ hiểu thấu danh lợi nó hãm hại người ta để làm cho mất hết cả liêm sỉ,

cho nên hai ông không muốn để cái danh lợi bận đến cái thân, chỉ ưa chuộng sự sống thiên nhiên làm vui sướng, thì cũng là những bậc cao sĩ thờ một cái chủ nghĩa cao quý vậy. Chả bù cho những phường tham danh, trục lợi thường say mê danh lợi, thậm chí đến chết vẫn chưa tỉnh cho!

---

129. CHẾT ĐÓI ĐẦU NÚI

Khi Vũ Vương đem quân đi đánh vua Trụ, Bá Di, Thúc Tề nghe thấy, ra nắm dây cưng ngựa, cản lại và nói rằng:

Cha chết chưa chôn mà đã chăm việc chinh chiến, thế có gọi là "hiếu" được không? Bầy tôi giết vua để cướp nước thế có gọi là "nhân" được không?

Những người thân cận của Vũ Vương tức giận toan giết Bá Di và Thúc Tề. Thái Công can, nói rằng:

Không nên, hai ông là "người nghĩa". Rồi bảo quân lính ôm hai ông mà đẩy ra.

Đến khi Vũ Vương đã lấy được thiên hạ của vua Trụ, thiên hạ ai cũng tôn nhà Chu, Bá Di và Thúc Tề lấy việc mất nước làm xấu hổ, đến nỗi coi thóc gạo cũng là tài sản của nhà Chu, buồn bực không ăn nữa.

Hai ông lên ẩn ở núi Thú Dương làm bài ca Thái Vi rằng:

Ta lên núi Tây Sơn

Ta hái khóm rau vi

Kẻ bạo thay kẻ bạo

Còn biết phải trái gì!

Đời cổ thoáng qua rồi

Biết đâu mà quy y

Than ôi! Đành chết vậy

Thật vận mệnh ta suy

Chính chữ Hán là:

Đăng bỉ Tây Sơn hề, thái kỳ vi hĩ,

Dĩ bạo dịch bạo hề, bất tri kỳ phi hĩ.

Thần nông, Ngu, Hạ, hốt yên một bề, ngã an thích quy hĩ.

Vua ta tồ hề, mệnh chi suy hĩ

GIẢI NGHĨA:

- Bá Di, Thúc Tề: hai con vua Cô Trúc đời nhà Thương.

- Thái Công: tức Lã Vọng, một hiền thần nhà chu, trước câu cá ở sông Vy, sau gặp vua Văn Vương đón về, vua Vũ Vương dùng làm tướng.

- Thú Dương: tức cũng là Tây Sơn, tên núi ở về huyện Vĩnh Thanh tỉnh Sơn Tây bây giờ.

- Kẻ bạo thay kẻ bạo: đây nói vua Trụ bạo ngược, vua Vũ thay vua Trụ cũng là bạo ngược.

LỜI BÀN: Xem bài này, hoặc có nói "Bá Di, Thúc Tề nắm ngựa mà can Vũ Vương là phải. Song can mà người ta không nghe sao không chí thân chết theo với nước, lại đi lên núi Thú Dương hái rau vi. Than ôi! Sau ngày Giáp tý (là ngày vua Trụ mất thiên hạ), Vũ Vương đã đánh được nhà Thương, núi Thú Dương còn là đất của nhà Thương, rau vi ở núi Thú Dương còn là đồ ăn của nhà Thương nữa hay không? Bá Di, Thúc Tề lầm rồi!". Nói như thế nghe kể cũng có lý, nhưng có phần quá nghiêm khắc. Ta chỉ biết Bá Di, Thúc Tề thân cô mà dám ngăn cả thiên binh vạn mã, thế là trong lòng rất can đảm, biết vua Trụ là người không tốt mà cũng giữ một niềm thủy chung, thế là nghĩa bất sự nhị quân, đáng tôn trọng quý báu biết chừng nào. Vả chăng hăng hái mà liều chết, việc ấy còn dễ chớ chung thủy mà làm điều nghĩa, việc ấy mới là khó. Bá Di, Thúc Tề lên ẩn trên núi mà còn để lại bài ca Thái Vi còn lưu lại hai tiếng "Hiếu, Nhân" lúc ra can Vũ Vương, thật là những bậc có thể phù thực được cương thường muôn đời khiến cho người đời sau ai xem chuyện, ngủ ngoan cũng thành có tri thức, liệt nhược cũng hóa ra cương cương mà có chí tự lập vậy.

130. ĐỜI NGƯỜI

Sống bảy mươi năm đã mấy người!
Trước thì tuổi trẻ, sau già lão
Thì giờ quãng giữa được bao lâu?
Lại còn viêm lương cùng phiền não
Hoa quá mùa xuân, hoa kém tươi,
Trăng quá mùa thu, trăng kém sáng
Hoa tươi trăng sáng, ta ngâm nga
Rượu năm, ba chén say chuếnh choáng.
Tiền của càng nhiều, càng oán to
Quan chức càng cao, càng nhọc xác
Quan to tiền nhiều, lòng những lo
Chỉ tổ làm cho đầu chóng bạc
Xuân đi, hạ lại, thu sang đông
Chóng như thoi đưa, như nước chảy
Vừa tiễn buổi chiều, chuông chùa kêu
Đã báo rạng đông, gà sáng gáy.
Ta thử tính xem người nhãn tiền
Một năm đã thấy khuất vô số
Lô nhô nắm đất cánh đồng hoang
Quá nửa không ai người tảo mộ.
Đường Bá Hổ

GIẢI NGHĨA:

- Đường Bá Hổ: người thời Tống tên là Trường Nhụ ở Đan Lang, chuyên học kinh Dịch, kinh Xuân Thu, trị gia rất có phép, ông có bài ca nhân sinh mà đây dịch ra.

LỜI BÀN: Đời người trăm năm sống được sáu bảy mươi năm đã hiếm. Trong khoảng sảu, bảy mươi năm ấy, trừ lúc tuổi chưa khôn, tuổi già hết khỏe, quãng giữa còn được vài ba mươi năm có là bao, mà

lại còn gặp biết bao nhiêu những sự đau đớn phiền não! Ôi đời người rút lại như thế có mấy lúc là sống cho ra sống.

Nên chi, hằng năm, hễ gặp được thắng cảnh, lương thời, thì ra kíp nên vui chơi cho sung sướng thỏa thích, hơi đâu mà cứ mài miệt theo đuổi lấy cái sang giàu giả dối chốc lát để là lụy đến tấm thân.

Lúc sống thì người chóng già, khó giữ lâu được cái thân, lúc chết thì thiên hạ chóng quên khó giữ lâu được mồ mả. Thời giờ mau chóng thói đời viêm lương, vậy người ta lúc sống, mà tự khổ thân quá, tưởng cũng là khờ vậy! Đối với cái thời gian, không gian vô cùng vô hạn thì một người và một đời người kể có thấm vào đâu?

131. BA ĐIỀU KHÓ HỌC

Thầy Tăng Tử nói với Đức Khổng Tử:

Tôi biết thầy có ba điều, tôi học mãi mà chưa làm được. Thầy:

- Thấy người ta có một điều phải mà quên cả trăm điều trái của người ta, thế là thầy dễ tính.

- Thấy người có điều gì phải, thì vui vẻ như là mình có, thế là thầy không ghen tị.

- Nghe thấy điều gì phải, nhất quyết làm rồi sau mới nói, thế là thầy chịu khó thực hành.

Thầy là người dễ tính, là người không ghen tị, là người chịu khó, tôi học mãi ba điều ấy của thầy mà chưa thể làm được.

Thuyết Uyển.

GIẢI NGHĨA:

- Tăng Tử: tức là Tăng Sâm, người thành thực và rất có hiếu, học trò giỏi của Đức Khổng Tử truyền được đạo đức Khổng Tử có thuật sách Hiếu Kinh và sách Đại Học

LỜI BÀN: Lấy một điều phải mà quên trăm điều trái, thế là có bụng khoan dung người ta, lại có ý gây cho người làm nên điều phải. Thấy người làm phải cũng vui như chính mình làm điều phải, thế là có lòng vô ngã muốn giục cho người phải ưa làm điều phải. Thấy điều phải làm ngay rồi mới nói, thế là vụ cái thực làm chớ không chỉ có một cái nói giỏi mà thôi. Ba điều này mới nghe tưởng dễ, mà làm thực khó!. Thói thường, người đời chỉ hay bới xấu nhau, ghen tị nhau, nói giỏi, mà làm càn, cho nên mới ghét bỏ nhau, lừa dối nhau, hãm hại nhau, đưa nhau đến tử vong mà không gỡ ra được.

132. BA ĐIỀU VUI

Người quân tử có ba điều vui, tuy cho làm vua cả thiên hạ là sướng mà cũng không kể vào trong ba điều vui ấy được.

Cha mẹ còn sống, anh em bình yên là một điều vui.

Ngửa lên không tủi thẹn với trời, cúi xuống không xấu hổ với người là hai điều vui.

Được những bậc anh tài trong thiên hạ mà dạy dỗ gây dựng cho ra người là ba điều vui.

Mạnh Tử

133. THƯƠNG MẸ GIÀ YẾU

Hàn Bá Du ăn ở với mẹ rất là có hiếu. Những khi có lỗi, mẹ thường đánh đòn. Một hôm Bá Du phải đòn, khóc mãi. Mẹ thấy vậy hỏi:

Mọi khi mẹ đánh con biết lỗi, con cam chịu ngay. Lần này sao con khóc dai thế?

Bá Du thưa:

Mọi khi mẹ đánh, con thấy đau, con biết mẹ còn mạnh khỏe. Lần này mẹ đánh con, con thấy không đau mấy, con biết sức mẹ đã yếu, cho nên con nghĩ, con thương mẹ mà con khóc.

Ôi! Con ăn ở với cha mẹ tuy khó nhọc khổ sở cũng không dám oán như Bá Du trong chuyện này, không những không oán mẹ lại còn thương mẹ già yếu, tình con yêu mẹ thế mới thật là thâm thiết.

Thuyết Uyển

GIẢI NGHĨA:

- Hàn Bá Du: người đất Lương đời nhà Hán.

- Hiếu: đạo ăn ở hết lòng với cha mẹ

134. ÁO ĐƠN MÙA RÉT

Mẫn Tử Khiêm mồ côi mẹ từ thuở nhỏ. Mẹ kế sinh được hai con trai, chỉ yêu con đẻ mà ghét Tử Khiêm.

Mùa đông tháng giá, mẹ kế không cho Tử Khiêm mặc áo mền bông, chỉ cho mặc áo mền hoa lau. Một hôm Tử Khiêm đánh xe hầu cha, cha thấy co ro run rẩy liền quở mắng. Tử Khiêm nín không dám nói. Cha giận đánh, ngờ đâu áo rách, bật hoa lau ra.

Cha thấy thế căm giận người vợ kế bạc đãi con mình liền muốn đuổi đi.

Tử Khiêm khóc mà van rằng:

- Dì con mà ở lại thì chỉ mình con rét; dì con mà phải đuổi đi thì ai may áo cho chúng con, có lẽ ba anh em con đều không có áo, phải chịu rét cả.

Cha nghe nói cảm động, bèn thôi không đuổi vợ kế nữa. Và từ đó người vợ kế cũng có lòng thương yêu Tử Khiêm như con đẻ vậy.

Thuyết Uyển

135. DÂNG THƯ CỨU CHA

Thuần Vu Ý làm quan ở Tề Trung phải tội sắp đem hành hình, giải đến Trường An.

Ông không có con trai, chỉ sinh được năm con gái. Lúc bị bắt đi, ông mắng con rằng:

- Đẻ con chẳng đẻ con trai, những khi nguy cấp thật không có ai đỡ đần công việc.

Người con gái út tên là Đề Oanh thương khóc theo cha đến Trường An, dâng tờ thư, đại ý nói:

- … Cha tôi làm quan, cả miền Tề Trung ai cũng ca tụng là thanh liêm công bình, nay bất hạnh phải tội thật là oan quá. Vả chăng tôi trộm nghĩ người đã chết thì không sống lại được, đã chém thì không liền lại được. Nên dù có muốn đổi lỗi, theo điều phải trở nên hay, nên tốt cũng không có cách nào nữa. Tôi xin bán mình làm đứa ở chỗ quan phủ, chuộc tội cho cha để cho cha tôi được tự tân.

Thư tâu lên vua. Vua xem, tha cho Thuần Vu Ý. Rồi xuống chiếu, trừ các nhục hình.

Sử Ký Hán Vân Đế

LỜI BÀN

Bên Phương Đông ta, thường tình cha mẹ vẫn quý con trai hơn con gái, vì kể cứ trong nhà, con trai bao giờ vẫn được việc hơn con gái, nhất là những khi nguy cấp. Nên Thuần Vu ý đây tức mình mà gắt như thế cũng là phải. Nhưng Thuần Vu ý biết đâu là được người con gái như Đề Oanh thực là hết lòng với cha, cứu cha được ra ngoài vòng tội hình, lại có phần giúp đỡ được cho cả nhân dân trong nước, vì vua bỏ các nhục hình.

Thế mới hay con gái hay con trai cũng vậy mà thôi, quí hồ là ăn ở hết đạo với cha *** giúp đỡ có ích cho xã hội, thì cũng là quý giá không bên nào khinh, bên nào trọng. Cổ ngữ có câu:

"Gái mà chi, trai mà chi

Con nào có nghĩa, có nghì là hơn".

Thực là phải lắm.



136. NUÔI MẸ BẰNG ĐIỀU PHẢI

Roãn Thuần lúc nhỏ học ông Trình Di, thường chỉ cốt theo nghề khoa cử.

Có một khoa thi Tiến sĩ, ông đã vào đến kỳ văn sách, đầu bài ra có câu: “Chu Nguyên Hựu chư thần” nghĩa là giết các bầy tôi đời Nguyên Hựu. Ông bỏ bài không làm, đi ra.

Khi về, ông thưa với thầy là ông Trình Di rằng: Từ nay con không thi Tiến sĩ nữa.

Ông Trình Di nói: Ngươi còn có mẹ già kia mà.

Roãn Thuần về thưa chuyện thi cử với mẹ và nhắc lại cả câu thầy học bảo.

Bà mẹ nói:

- Ta muốn con lấy “điều phải” mà nuôi ta hơn là lấy “bổng lộc không ra gì” mà nuôi ta.

Ông Trình Di nghe thấy câu ấy khen rằng: “Giỏi thay một người mẹ như thế!”

Tống Sử Roãn Thuần Truyện

GIẢI NGHĨA

Roãn Thuần: người đời Tống, học giỏi nết tốt, mấy lần vua triệu từ chối không ra làm quan.

Trình Di: tức là Trình Y Xuyên một bậc danh nho đời Tống.

LỜI BÀN

Như Roãn Thuần đây sở dĩ mà không muốn đi thi là vì đầu bài ra trái ngược hẳn với lẽ phải. Bầy tôi đời Nguyên Hựu vốn là người giỏi mà lại bảo đem giết, đầu bài mà ra như thế là có ý muốn cho bọn đi thi đỗ, mà sau này là bọn quan trường, phải bác đời Tống Triết Tôn đi để nâng cái đời bấy giờ là đời Tĩnh Khang lên.

Còn như Trình Di ở đây có ý khuyên bảo nên đi thi, là bụng nghĩ Roãn Thuần còn mẹ già phải phụng dưỡng. Thói thường cha mẹ cho con ăn học, ai là người không muốn cho con đi thi lấy đỗ, đã kiếm được chút lương bổng nuôi nấng mình, lại còn làm nên chút công danh

vẻ vang cho cả nhà cả họ.

Kịp đến bà mẹ sở dĩ bảo Roãn Thuần như thế, là bà biết trọng việc nghĩa hơn là danh lợi. Một câu bà dạy con khiến một nhà hiền triết như Trình Di còn phải phục, phải khen thì há chẳng đáng làm cho những cha mẹ có con thi đỗ, chỉ mong cho con được chút danh phận, bất phân danh phận ấy thật hay giả, hay hay dở, phải suy xét cân nhắc rồi hãy đặt để cho con ru!

137. SAY BẮN CHẾT TRÂU

Ngưu Hoằng, Ngưu Bật, hai anh em ở chung với nhau.

Bật có tính hay chén, mà hễ chén vào thì thường khi nát rượu.

Một hôm anh đi vắng, Bật ở nhà uống say túy lúy, bắn chết mất con trâu của anh.

Kịp lúc anh về, người vợ đón cửa, xăm xăm bảo rằng:

- Này này! Chú nó ở nhà bắn chết trâu rồi!

Hoằng nói: Trâu chết thì phải cho đem làm thịt.

Hoằng vào nhà, vừa ngồi yên, vợ lại chạy đến hăm hở nói:

- Chú nó bắn chết trâu là việc to lắm, có phải việc thường đâu.

Hoằng nét mặt vẫn hòa nhã tự nhiên nói:

- Phải tôi biết rồi mà. - Rồi lấy sách giở xem như không có chuyện gì cả.

Vợ thấy thế nguôi cơn giận, không giám nói gì nữa.

Tùy Kỷ

GIẢI NGHĨA

Ngưu Hoằng: người đời nhà Tùy làm quan đến Lại bộ thượng thư, đời bấy giờ xưng là “Đại nhã quân tử”

Tùy kỷ: sách chép việc đời nhà Tùy

LỜI BÀN

Anh em một nhà mà ghét bỏ xa lánh nhau phần nhiều chỉ là tại chi em dâu. Không phải chị em dâu có bạc ác gì đâu; tại thường tình đàn bà, phần thì suy hơn tính thiệt, tí chút cũng so kè, làm cho chữ “Lợi” đè mất chữ “Nghĩa”, phần thì đêm ngày trò chuyện, bao nhiêu cái hay muốn vơ cả vào mình, thành ra anh em hóa dở, làm cho chữ “Tình” lấn được chữ “Thân”. Đám nam nhi ta muốn ăn ở cho trọn vẹn nghĩa anh em, tình vợ chồng, tưởng cũng khi khó.

Ngưu Hoằng lấy thái độ ôn hòa, trầm tĩnh đối với vợ khi vợ đang bực tức căm giận, thật là biết đường lửa cháy cất dầu, cơm sôi bớt lửa mà biết đâu Hoằng lại chả nghiêm trách em mà không ai biết. Vì thế

mà vợ mất giận, em được toàn, thế chẳng phải là biết cách ăn ở rất khéo trong chốn gia đình ư!

138. TÊN TÙ NƯỚC SỞ

Chung Nghi là người nước Sở bị nước Trịnh bắt nộp sang nước Tấn. Nước Tấn đem bỏ vào Tù. Một hôm vua Cảnh Công đòi ra, cho cởi trói, gọi đến tận nơi ủy lạo, rồi hỏi:

- Ông cha nhà ngươi xưa nay làm nghề gì?

Chung Nghi thưa: Ông tôi xưa nay làm nhạc quan.

- Thế ngươi có biết nhạc không?

- Cha tôi xưa làm chức ấy, tôi nay vẫn giữ nghiệp nhà, đâu dám sao lãng.

Cảnh Công đưa cho đàn cầm, bảo gảy một khúc. Chung Nghi gảy thuần tiếng Nam, tức là tiếng nước Sở. Nghe xong Cảnh Công hỏi:

- Vua Sở là người thế nào?

Chung Nghi thưa: Tôi trí khôn hèn kém không đủ biết được thịnh đức của quân vương nước tôi.

Cảnh Công hỏi đi hỏi lại hai ba lần.

Sau Chung Nghi phải thưa:

- Quân vương nước tôi khi làm thái tử, nghe lời quan Sư, quan Bảo dạy dỗ, buổi sáng đến chơi với Anh Tề, buổi chiều đến chơi với Tử Phản. Tôi biết có thế, còn việc khác tôi không được rõ.

Cảnh Công đem chuyện ấy nói cho Phạm Văn Tử nghe. Văn Tử thưa:

- Tên tù nước Sở như thế thật là một bậc quân tử. Chức nghiệp vẫn giữ nước nhà, là người không quên gốc âm nhạc vẫn giữ tiếng Nam, là người không quên nước; khen vua Sở mà khen tính tự nhiên là vô tư; nói với nhà vua đây mà gọi hẳn tên hai quan khanh là tôn quân. Không quên gốc là "nhân", không quên nước là "tín", vô tư là "trung", tôn quân là "mẫn". Nhân thì xử được việc; tín thì giữ được việc; trung thì nên được việc; mẫn thì xong được việc. Có bốn đức ấy việc to đến đâu cũng phải xuôi, sao nhà vua không giao trả tên tù cho nước Sở, để hắn về yêu kết việc hòa hiếu cho nước Tấn, nước Sở với nhau?

Cảnh Công theo lời Văn Tử, hậu đãi Chung Nghi, đưa về Sở đề cầu việc hòa hiếu.

Tả truyện

LỜI BÀN

Tên tù này không phải vì phạm tội thường mà bị tù, nhưng vì việc nước mà bị nước khác bắt tù. Khi đã bị bắt, người ta tra hỏi mà không rối trí, cứ ung dung đối đáp rất thông hoạt, và có ý vị khiến cho vua tôi nước ngoài nghe thấy phải khen, phải phục, như thế chẳng là vì một cái trí lự khí khái của mình mà được thoát nạn, nước mình cũng được nhân đấy mà tôn lên ru! Ôi! Một nước được một tên tù giỏi mà kiến trọng, huống chi là có bao nhiêu hiền tào thì nước được mong cậy biết là bao. "Quốc hữu nhân tắc thực" nghĩa là nước có người giỏi thì nước mới đầy đủ vững chắc, câu trong sách dạy quả là đúng lắm.

---

139. BỆNH QUÊN

Nước Tống có anh đứng tuổi, tự nhiên mắc phải bệnh quên; buổi sáng lấy gì của ai, buổi chiều đã quên; ngày nay cho ai cái gì, ngày mai đã quên; ra đường quên cả đi, ở nhà quên cả ngồi, trước có làm những gì, bây giờ quên hết, bây giờ đang làm gì thì sau này cũng quên hết.

Cả nhà anh lấy làm lo. Xem bói không tốt, đi cúng không đỡ, đón thầy thuốc chữa cũng không khỏi.

Sau có ông đồ người nước Lỗ đến xin đám, nói rằng chữa được.

Vợ người có bệnh hứa với ông đồ hễ chữa khỏi thì chia cho nửa cơ nghiệp.

Ông đồ nói:

- Bệnh này bói không ra được, cũng không khỏi được, thuốc không chữa được. Nay tôi thử hóa cái tâm tính, biến cái trí lự của anh ta, may mà khỏi chăng.

Nói đoạn ông đồ liền sai lột áo để cho rét, thì thấy anh ta xin áo, sai cấm ăn để cho đói thì thấy anh ta xin ăn, sai đem vào chỗ tối thì thấy anh ta xin ra chỗ sáng.

Ông đồ hớn hở bảo con anh ta rằng:

- Bệnh chữa được, song môn thuốc của tôi bí truyền không thể nói cho ai biết.

Rồi ông đuổi cả người chung quanh đi, chỉ một mình ông với người có bệnh trong bảy ngày. Chẳng ai biết ông đồ chữa chạy thế nào, mà cái bệnh lâu năm thế nhất đán khỏi phăng.

Khi anh có bệnh đã tỉnh như thường, anh liền nổi cơn giận, chửi vợ đánh con, cầm giáo đuổi ông đồ.

Người ta bắt anh hỏi, vì cớ gì mà anh giận như vậy, thì anh ta nói:

- Lúc trước ta có bệnh quên, thì trong lòng ta thản nhiên khoan khoái, trời đất có hay không ta cũng chẳng biết. Nay ta hết bệnh, ta nhớ lại cả những việc vài mươi năm về trước, việc còn, việc mất, việc được, việc hỏng, việc thương, việc vui, việc yêu, việc ghét, trong lòng lại muôn mối ngổn ngang bời bời nổi lên vậy. Ta e sau này những việc

còn mất, được hỏng, thương vui, yêu ghét ấy cứ vướng vít trong lòng ta mãi mãi, thì bấy giờ dù muốn quên cả đi một phút, một lát liệu còn có được nữa chăng.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA

Tống: nước chư hầu thời Xuân Thu ở vào huyện Thương Khưu tỉnh Hà Nam bây giờ.

Ông đồ người nước Lỗ: đây ám chỉ Khổng phu tử

LỜI BÀN

Lòng người đen trắng, việc đời đảo điên, lắm nỗi ngang tai trái mắt, làm cho người ta không muốn trông, muốn nghe, thậm chí đến không muốn biết đến, chỉ muốn quên sạch. Bởi thế Liệt Tử thành ra chán đời, mới đặt ra câu chuyện này để tỏ hết cái nỗi bực tức đau thương trong lòng. Ôi! Chẳng gì cái đời cổ tự Liệt Tử cũng còn chất phác, mà đã khắt khe đáng chán như thế, huống chi cái đời bây giờ là cái đời mỗi ngày gian trá quái ác thêm sinh thì phỏng còn có gì làm cho người biết nghĩ đáng yêu đáng quí nữa:

Nghĩ thân phù thế mà đau,

Bọt trong bể khổ, bèo dầu bến mê!

140. BỆNH MÊ

Nước Tần có con nhà học Bàng, lúc nhỏ thông minh khôn ngoan sớm, đến lúc lớn tự nhiên mắc phải bệnh mê, nghe hát cho là khóc, trông trắng hóa ra đen, ngửi thơm cho là thối, ăn ngọt cho là đắng. Tính hạnh anh dở mà cứ cho là phải, bao nhiêu những cái anh ta nghĩ đến, trời đất, bốn phương, nước, lửa, nực, rét, không cái gì là không đảo ngược sai lầm cả.

Có người bảo cha anh rằng:

Bậc quân tử nước Lỗ có lắm thuật, nhiều nghề họa may chữa được chăng, sao không đưa đi mà hỏi.

Người cha sang nước Lỗ. Khi qua nước Trần gặp ông Lão Đam, nhân nói chuyện chứng bệnh của con.

Lão Đam nói:

Nhà ngươi há biết được cái bệnh mê của con nhà ngươi đâu. Nay thiên hạ ai ai cũng ù ờ phải trái, mờ mịt, về lợi hại, kẻ mắc phải bệnh mê như con nhà ngươi rất nhiều, chẳng có ai tỉnh cả.

Vả lại, một mình mê không đủ làm lụy một nhà, một nhà mê không đủ làm lụy một nước, một nước mê không đủ làm lụy cả thiên hạ. Thiên hạ ai ai cũng mê cả, thì còn ai làm lụy ai được nữa.

Giả sử thiên hạ ai cũng mê như con nhà ngươi mà chỉ nhà ngươi muốn chữa bệnh mê, thế thì chính nhà ngươi lại hóa ra mê mất.

Ở đời những sự thương, vui, lẽ phải trái, những cái mắt trông, tai nghe, mồm nếm, mũi ngửi, ai nấy là người chắc cứ cho như thế mới là phải. Này ngay như lời nói ta đây, vị tất đã khỏi mê, huống chí người quân tử nước Lỗ lại là người quá ư mê , thì chữa sao được bệnh mê của người.

Nhà ngươi đem bao nhiêu tiền đi tìm thầy chữa chạy chẳng bằng nghe ta trở về ngay còn hơn.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA:

- Tần: tên một nước về đời Xuân Thu ở vào đất Thiểm Tây ngày nay.

- Quân tử nước Lỗ: ám chỉ Khổng Tử.

- Lắm thuật nhiều nghề: Lắm cách nhiều lối.

- Trần: tên một nước Xuân Thu ở khoảng phủ Thai Phong (Hà Nam) cho đến châu Bạc (An Huy) bây giờ.

- Lão Đam: tức Lão Tử, họ Lý tên Nhi người Xuân Thu có làm sách Đạo đức kinh, tổ đạo Lão.

LỜI BÀN: bài ngày cũng như bài trên có ý chê Đức Khổng Tử, bác hẳn cái nếp đã thành ở đời, xưa nay ai nấy, tự lúc biết đời cũng cứ cho như thế mới là phải. Nhưng xét đến nơi, cái nếp ấy chẳng qua cũng chỉ là ước định mà thôi. Ấy là không nói ở đời lắm kẻ lợi dụng cái nếp ấy làm điều giả dối để ngu hoặc người ta, lắm khi đến nỗi chỉ còn có danh mà không có thực. Giả sử bây giờ ta thử đổi cái trắng là đen, cái đen là trắng, cái ngọt là đắng, cái đắng là ngọt, nếu lâu ngày quen nếp đi, thì tất thiên hạ lại cho thế mới là thuận mà chính như bây giờ là nghịch vậy. Ôi! Cái thanh, sắc khứu, vị rõ rệt như thế, người đời cho ngược hẳn lại được, thì cái nhân tâm, thế đạo là cái vô hình, vô trạng người đời há lại không dám ngược lại hay sao! Này những đời loạn, càn dỡ thì cho là tòng quyền, hà hiếp thì gọi là bênh vực, cái phận trên dưới không phân minh, đến cả cha con cũng bình đẳng, cái mối luân thường đã rối loạn, đến cả vợ chồng cũng tự do, mà cứ càng ngày càng đắm đuối mãi vào, thì có gọi đời là tỉnh được hay không! Hay chính là mê, mê quá không biết nữa vậy. Bệnh mê thực làm hại người ta, hầu hết cả một nước, cả loại người như điên, như cuồng, ai chữa cho khỏi, mà ai là kẻ có cách nhìn được khỏi. Than ôi biết làm thế nào?

141. VỢ LẼ PHẢI ĐÒN

Xưa có người đi làm quan xa. Vợ ở nhà có ngoại tình ít lâu, có tin người chồng sắp về, đứa gian phụ lấy làm lo. Đứa gian phụ bảo rằng:

Không việc gì mà sợ. Tôi đã làm sẵn thứ rượu thuốc để đã nó đây rồi.

Hai hôm sau chồng về tới nhà, đang khi chuyện trò vui vẻ, người vợ sai người thiếp rót chén rượu dân chồng, bảo cố mời uống. Người thiếp biết rõ chén rượu ấy có thuốc độc, nghĩ trong bụng rằng:

Ta mà dâng chén rượu này thì ta là người giết chồng, ta mà nói ra thì ta lại làm cho vợ cả ghét ta.

Bèn giả cách ngã, làm cho chén rượu đổ xuống đất.

Chống thấy vậy giận lắm, đánh cho người thiếp mấy chục roi.

Than ôi! Người thiếp này đánh đổ chén rượu, phần thì làm cho chống được sống, phần thì làm cho vợ cả khỏi tội. Trung tín đến như thế mà chẳng khỏi đòn mà phải chịu tội.

Chiến Quốc Sách.

LỜI BÀN: Thân danh được là bà quan mà có ngoại tình là rất xấu xa đã nên tội. Đã ngoại tình lại còn những toan giết chồng, cái tội càng nặng biết để vào đâu cho hết. Ngoan thay! Thế mà vẫn chẳng ai biết, vẫn ra ngoài vòng pháp luật.

Phận hèn tiểu thiếp mà biết giữ cho chồng khỏi chết, vợ cả khỏi tội, hết lòng ủy khúc, chỉ cốt giữ cho gia đình được êm thấm, khỏi ô uế, không quản gì đến thân, cái chí cao như thế, cái đức dày như thế mà lại đến nỗi vừa phải đòn, vừa bị người ghét. Than ôi Tình cảnh khắt khe, nỗi oan ai tỏ.

Trong gia đình nhà ông quan này, có một câu chuyện như thế, nhưng trong cả nước, cả thiên hạ, còn có bao nhiêu câu chuyện như thế. Xưa nay đã có biết bao nhiêu chí sĩ nhân nhân, trung thần liệt nữ chỉ vì chân lý, chỉ vì cứu người mà phải ngục tù oan ức đau khổ đến thân. Khổ nhục oan ức những bậc ấy có coi vào đâu, miễn là đạt được mục đích, dù không ai biết, cũng lấy làm vui, có sá kể chi thế thái nhân tình của thế tục. Tấm lòng trung nghĩa tinh tinh thành của những

bậc ấy đáng quý, đáng trọng biết nhường nào.

---

142. KHOÉT MẮT

Lư phu nhân, vợ ông Phòng Huyền Linh là người tuyệt đẹp và đức hạnh.

Ông lúc trẻ hàn vi lắm. Một khi bệnh nặng tưởng đã sắp chết, ông gọi Lư thị đến bảo rằng:

Tôi bệnh nguy quá, nàng tuổi còn trẻ không nên ở vậy, liệu mà ăn ở tử tế với người chồng sau.

Lư thị nghe nói nức nở khóc. Đoạn vào trong mà khoét một mắt bỏ đi, có ý tỏ cho chồng biết rằng dù chồng bất hạnh có chết, cũng không chí lấy ai nữa.

Không bao lâu, ông Huyền Linh khỏi bệnh.

Sau ông thi đỗ, làm quan đến chức tể tướng. Ông một niềm yêu mến, kính trọng Lư thị vô cùng, không hề lấy người tì thiếp nào nữa.

Người ngoài cho thế là tại ông sợ Lư thị có tính hay ghen.

Chính vua Đường Thái Tôn muốn thử Lư phu nhân, một hôm cho Hoàng Hậu gọi vào bảo:

Theo phép thường các quan to vẫn có tì thiếp. Quan nhà ta tuổi đã cao, vua muốn ban cho một người mỹ nhân.

Lư thị nhất quyết không nghe. Vua nổi giận mắng rằng:

Nhà ngươi không ghen thì sống mà ghen thì chết. Rồi sai người đưa cho một chén rượu, giả làm chén rượu độc, phán rằng : "Đã vậy thì phải uống chén thuốc độc này".

Lư thị không ngần ngại chút nào, cầm chén uống hết ngay.

Vua thấy thế nói :

Ta cũng phải sợ nữa là Huyền Linh

Lư Phu Nhân Truyện

GIẢI NGHĨA:

Phòng Huyền Linh: danh tướng thới nhà Đường

LỜI BÀN: Tưởng mình sắp chết, thấy vợ trẻ trung, không muốn để cho vợ ở vậy, thế là quá thương yêu vợ, thể tất cho vợ lắm. Sợ chồng

tiếc đẹp, chết đi không dứt, mà khoét mắt để tỏ ra thành tật cho yên lòng chồng, thế là chí tình và nhất tâm với chồng lắm.

May khỏi bệnh, sau lại làm đến Tể tướng, ông chỉ biết có bà mắt khoét, không biết gì đến tì thiếp xinh đẹp, thế là ông muốn giữ cho được trọn vẹn cái tình đối với bà. Còn bà không muốn để cho ông có tì thiếp, tuy gọi là thói quen thường tình, nhưng cũng là vì chung tình với ông, không muốn cúng ai san sẻ mối tình nữa. Quý thay! Đôi vợ chồng này, chân tình và chí tình suốt đời kính yêu nhau, vợ chỉ biết có chồng, chồng cũng chỉ biết có vợ, chồng một vợ một, không những thoát khỏi cái nạn đa nhân duyên nhiều phiền não mà còn gây được cái phúc lâu dài cho thân, cho gia đình, cho con cháu sau nữa.

143. VỢ XẤU

Vợ Hứa Doãn là Nguyễn thị nhan sắc kém lắm. Khi Hứa Doãn mới lấy về, làm lễ cưới xong, trông thấy vợ xấu muốn lập tức bỏ đi thẳng, bèn hỏi Nguyễn thị rằng:

Đàn bà có "tứ đức", nàng được mấy đức?

Nguyễn thị thưa:

Thiếp đây chỉ kém có "dung" mà thôi. Rồi liền hỏi:

Kẻ sĩ có "bách hạnh", dám hỏi chàng được mấy hạnh?

Hứa Doãn đáp:

Ta đây đủ cả bách hạnh.

Nguyễn thị nói:

Bách hạnh thì "đức" là đầu, chàng là người hiếu sắc, không hiếu đức, sao lại bảo là có đủ bách hạnh được?

Hứa Doãn nghe nói, có sắc thẹn. Tự bây giờ hai vợ chồng bèn yêu mến, kính trọng nhau suốt đời.

Thế Thuyết

GIẢI NGHĨA

Hứa Doãn: Người đời Tống có tài văn chương thi đỗ Tiến sĩ, làm quan chính sách rất hay, lòng dân cảm phục.

LỜI BÀN: Thường tình người ta tự xưa đến nay, ai cũng thích đẹp, chuộng đẹp. Xem như câu Đức Khổng Tử nói: "Ngô vị kiến hiếu đức như hiếu sắc giả dã" thì đủ rõ. Tuy vậy, cái đẹp có hạn, cái nét vô cùng. Thế gian, những kẻ đem cái đẹp mà thờ người, mua chuộc lòng người, đến khi cái đẹp kém xuân, thường phải người ta cư xử ra tình phụ bạc. Đến như cái nết thì êm đềm thấm thía, cảm hóa được người, khả dĩ làm cho người ta càng biết, càng thân yêu, càng thân yêu càng kính phục, vì thế mà thường được trọn vẹn suốt đời.

Vợ Hứa Doãn đây lanh trí khôn lắm thật. Chỉ một câu nói mà làm cho tan hết được nỗi bất bình của chồng và khiến cho chồng suốt đời phải yêu vì cái duyên lặn vào trong. Thế chẳng phải là "cái nết đánh chết được cái đẹp" là gì.

Nhưng được những người như vợ Hứa Doãn rất là hiếm vậy. Ở đời kể đã được mấy tay có thể lấy đức mà thay sắc hay thường khi đã xấu người lại thêm xấu cả nết nữa.

144. GHEN CŨNG PHẢI YÊU

Hoàn Ôn trước đã có vợ là Nam Khang công chúa, con gái vua Minh Đế nhà Hán. Sau Hoàn Ôn sàng đánh dẹp được nước Thục lại lấy con gái của Lý Thế là một nhà quyền quý nước Thục mang về làm thiếp.

Lúc về nhà, công chúa biết chuyện nổi cơn ghen, liền cầm gươm và đem theo mấy người nàng hầu, xăm xăm đến, chực chém chết Lý thị. Lúc đến nơi, công chúa thấy Lý thị ngồi trước cửa sổ chải đầu, tóc rũ chấm đất, dung nhan tư mạo đoan trang tươi đẹp. Lý thị thong thả vấn tóc, lượm tay, đến trước công chúa thưa rằng:

Nước tôi mất, nhà tôi tan, tôi quả vô tâm mà hóa ra đến đây. Được bà chém cho, thật thỏa lòng tôi mong mỏi.

Lý thị khi nói, mặt trông nghiêm chính ung dung, tiếng nghe êm đềm thấm thía.

Công chúa thấy vậy ném gươm xuống đất ôm lấy nàng mà nói rằng:

Này em ơi! Chị thấy em còn phải yêu, phải thương huống chi là lão già nhà ta.

Rồi tự đây, công chúa rất trọng đãi Lý thị.

Thế Thuyết

GIẢI NGHĨA

- Hoàn Ôn: người đời nhà Tấn, làm quan đến chức Đại tư mã, uy quyền lừng lẫy thường hay nói câu: "Tài trai chẳng có thể để tiếng thơm trăm đời cũng nên để tiếng xấu muôn năm" - "Nam tử bất năng lưu phương bách thế, diệc đương di khứu vạn niên"

- Thục: nước ở vào vùng Thành Đô, thuộc tỉnh Tứ Xuyên ngày nay.

- Thế Thuyết: pho sách của Lưu Nghĩa Thánh đời nhà Tống soạn nói những chuyện vụn vặt từ đời Hậu Hán đến Đổng Tấn.

LỜI BÀN: Phận hồng nhan số bạc mệnh, đã phải cảnh nước phá, nhà tan, quân cừu địch bắt hiếp về làm tỳ thiếp, mà nào đã yên, lại còn nỗi gặp tay vợ cả phũ phàng, xăm xăm đến những chực mổ mề, móc gan, róc xương, lột xác. Đau đớn thay phận đàn bà thật! Thương thay! Lý thị nào phần thù riêng, nào phần nghĩa công lo phiền uất ức, trăm

mối bên lòng, sống cũng là thừa người yêu ta xấu, thì thà rằng chết trẻ còn hơn. Cho nên câu Lý thị nói với công chúa khí khái ràn ra ngoài lời nói, tưởng một liều, ba bảy cũng liều cho xong. Nào ngờ, vì chính câu nói khí khái mà mềm dẻo ấy lại thêm được cái vẻ nghiêm nghị mà khiến cho người đang giận dữ phải dẹp ngay nỗi bất bình, đang ghét lại hóa ngay ra chiều thân ái.

Ta chắc xem câu chuyện này, chẳng những các bà có tính ghen với cây, hờn cùng bóng, thành ra có lượng bao dung rộng rãi, mà nam nhi ta, những phường giá áo túi cơm, bội gốc, quên nguồn, cũng phải sinh lòng khảng khái vậy.

145. LỜI CON CAN CHA

Điền Văn là con Điền Anh, ít tuổi mà cực khôn ngoan, thấy cha làm quan hay vụ lợi riêng, một hôm thừa nhàn, hỏi cha:

- Con đứa con gọi là gì?

Cha nói:

- Gọi là cháu

- Cháu đứa cháu gọi là gì?

- Gọi là chút.

- Chút đứa cháu gọi là gì?

- Ai biết gọi là gì được ...

- Cha làm tướng một nước Tề này đến nay đã trải ba đời vua, giàu có hàng ức vạn mà môn hạ không có một người nào là hiền tài cả. Con nghe nhà quan tướng võ, tất có quan tướng võ giỏi, cửa quan tướng văn, tất cả quan tướng văn giỏi. Nay cha áo mặc gấm vóc mà người giỏi trong nước vẫn rách rưới, tôi tớ thừa ăn mà người giỏi trong nước vẫn đói khát. Cha quên hết cả việc công ích hiện thời của dân, của nước, chỉ chăm chăm súc tích của cải muốn để dành cho những kẻ sau này không biết gọi nó là gì! Con trộm nghĩ như thế thì thật là quái lạ lắm...

Sử Ký Mạnh Thường Quân Truyện

LỜI BÀN: người ta ai là chẳng vì con vì cháu mà cố sức làm ăn, mà súc tích tiền của. Cái sự lo cho mình xong đến lo cho con cái cháu chắt họ hàng là cái tôi đi rất có thứ tự tự nhiên. Tuy vậy, ai cũng nên biết có nhà, có họ, nhưng lại còn có nước, có xã hội nữa. Cho nên cái sự mưu cho nhà, cho họ cũng có chế hạn để còn có tâm, có sức mưu cho người cùng giống, cùng nòi, cùng ở chung một nước, cùng sống trong một thời với mình. “Đời cua cua máy, đời cáy cáy đào” ta lo quá xa mà cứ đem thân làm trâu ngựa giúp cho đến mấy đứa cháu mấy mươi đời về sau này, sao cho bằng ta lo ngay cho bao nhiêu sinh linh mắt ta trông thấy khốn khổ hàng ngày. Để của lại sau này, sâu xuống không biết đến đâu là đáy, mà của ấy thường một hai đời đã hết, so với làm ơn rộng ra ngay hiện thời, ơn ấy đến đâu thấm đến đấy, thì đằng nào

hơn. Câu Điền Văn vặn hỏi cha rồi giảng giải như bài này thực là một bài học hay cho những người có tính cách cá nhân chỉ biết có người máu mủ trong một nhà mà không có độ lượng biết đến những người trong cả làng, cả nước, cả xã hội, nhân loại vậy.

146. MỘT CÁCH ĐỂ LẠI CHO CON CHÁU

Bàng Công tính điềm đạm, không mấy khi bước chân tới chốn tỉnh thành. Hai vợ chồng ở nhà làm ăn và thường kính nhau như khách vậy.

Một hôm Lưu Biểu tìm đến chơi. Bàng Công đang cày dưới ruộng, bỏ cày lên bờ nói chuyện, còn vợ con vẫn cứ ở dưới đồng.

Lưu Biểu thấy thế, hỏi rằng:

- Sao tiên sinh khổ thân cày cuốc, chẳng chịu ra kiếm chút quan lộc, sau này lấy gì để lại cho con cháu?

Bàng Công nói:

- Người đời ai cũng lấy "nguy" để lại cho con cháu, duy chỉ tôi là lấy "an" để cho con cháu mà thôi. Cách ấy để lại cho con cháu, tuy khác nhau nhưng thực thì đàng nào cũng gọi là để cả.

Lưu Biểu nghe nói, than thở rồi đi.

Hậu Hán Thư

GIẢI NGHĨA

Bàng Công: tức là Bàng Đức Công, người hiền ở đất Tương Dương, đời Đông Hán không chịu ra làm quan vào ẩn núi Lộc Môn, hái thuốc và làm ruộng kiếm ăn với vợ con.

Lưu Biểu: người đất Cao Bình đời Đông Hán, làm thứ sử ở Kinh Châu có bụng yêu dân trọng người tài giỏi.

147. MỘT CÁCH LO XA CHO CON CHÁU

Sơ Quảng đời nhà Hán, làm quan tri sĩ về, được vua ban cho nhiều vàng lụa.

Con cháu cụ thấy thế, bèn nhờ cậy người già cả trong họ đến nói với cụ lập nhiều cơ nghiệp và mua ruộng đất.

Một hôm, nhân lúc thư nhàn, những người già cả đem câu chuyện làm giàu cho con cháu thưa lại để cụ nghe, thì cụ nói rằng:

"Ta tuy già lão há lại không nghĩ đến con cháu hay sao. Hiện ta cũng đã có ít ruộng nương, cửa nhà cũ của tiền nhân để lại. Con cháu ta mà chăm chỉ vào đấy thì cũng đủ ăn đủ mặc bằng người được rồi. Nếu bây giờ ta lại làm giàu thêm cho chúng để cho thừa thãi dồi dào, thì là ta chỉ làm cho chúng lười biếng thêm ra thôi. Người giỏi mà sẵn có nhiều của thì kém mất chí hay; người ngu mà sẵn có nhiều của thì càng thêm tội lỗi. Vả chăng của cải mà chứa nhiều thì chỉ tổ làm cho người ta oán. Ta đã không có gì giáo hóa được con cháu ta thì cũng không nên làm cho chúng có nhiều tội lỗi và để thiên hạ ai oán chũng cho thêm phiền.

Những của cải ta đang có đây là ơn của vua trên hậu đãi người bầy tôi già lão, ta chỉ muốn cùng cả anh em, họ hàng, làng nước cùng hưởng chung cái ơn ấy để trọn tuổi trời chẳng cũng là phải ư?"

Người trong họ nghe nói thế ai nấy đều cảm phục.

Hán Thư Sở Quảng Truyện

148. HAI THẦY TRÒ DẠY NHAU

Thường Tung yếu.

Lão Tử đến thăm, hỏi rằng:

- Tôi xem ra tiên sinh mệt nặng. Dám hỏi tiên sinh còn có câu gì để dạy đệ tử chúng con nữa không?

Thường Tung nói: Qua chỗ cố hương mà xuống xe, ngươi đã biết điều ấy chưa?

Lão Tử thưa: Qua chỗ cố hương mà xuống xe, có phải nghĩa là không quên nơi quê cha đất tổ không?

- Ừ phải đấy. Thế qua chỗ cây cao mà bước rảo chân, ngươi đã biết điều ấy chưa?

- Qua chỗ cây cao mà bước rảo chân, có phải là kính những bậc già cả không?

- Ừ phải đấy.

Thường Tung há miệng ra cho Lão Tử coi và hỏi rằng:

- Lưỡi ta còn không?

Lão Tử thưa: Còn.

Thường Tung lại há miệng cho Lão Tử coi nữa và hỏi rằng:

- Răng ta còn không?

Lão Tử thưa: Rụng hết cả.

- Thế ngươi có rõ cái lí do ấy không?

- Ôi! Lưỡi mà còn lại, có phải tại lưỡi mềm không? Răng mà rụng hết, có phải tại răng cứng không?

- Ừ phải đấy. Việc đời đại để như thế cả. Ta không còn gì để nói cùng các ngươi nữa.

Thuyết Uyển

149. LƯỠI VẪN CÒN

Trương Nghi lúc hàn vi thường hay hầu rượu tướng nước Sở.

Một hôm, tướng nước Sở mất ngọc bích, môn hạ ai nấy đều ngờ cho Trương Nghi, và đánh đập Trương Nghi tàn nhẫn. Trương Nghi không phục tình. Lúc được tha trở về, vợ thấy thế bảo rằng:

- Than ôi! Giá chàng học hành biết du thuyết, thì không đến nỗi nhục nhằn như thế này!

Trương Nghi há mồm to, hỏi vợ rằng:

- Nàng thử xem cái lưỡi của ta có còn không?

Vợ cười, nói: Lưỡi vẫn còn.

Trương Nghi bảo: Thế thì được.

Rồi sau Trương Nghi quả nhiên thành ra một nhà du thuyết giỏi có tiếng thời bấy giờ.

Trương Nghi Truyện

GIẢI NGHĨA

Trương Nghi: Người nước Ngụy là một nhà du thuyết giỏi thời Chiến Quốc.

LỜI BÀN

Phàm người ta thường có bị sỉ nhục thì mới phẫn chí. Khi đang phẫn chí mà có ai khích cho một câu thì tất phải cố công, gắng sức làm cho rửa được cái nhục và nên công, nên việc mới nghe.

Trương Nghi đây sở dĩ mà thành được một nhà du thuyết giỏi, tuy là tự tài mình làm nên, nhưng cũng vì có kẻ làm nhục, lại nhờ có vợ khuyến khích thêm cho nữa. Vậy nên ở đời những kẻ thù nghịch sỉ nhục mình thường có khi lại chính là kẻ giúp cho mình làm nên vậy.

150. KHÔNG CHỊU NHỤC

Đời vua Trang Công nước Tề, có một chàng tên là Tân Ti Tụ đêm nằm thấy một người to lớn mặc quần gai, áo vải, đội mũ trắng, đi giày mới, đeo thanh gươm tự dung vào tận nhà mắng, rồi nhổ vào mặt.

Chàng ta giật mình, sực tỉnh dậy, tuy biết là chuyện chiêm bao chàng ta vẫn tức, ngồi suốt đêm, lấy làm bực dọc khó chịu lắm.

Sáng hôm sau, chàng ta mời một người bạn thân đến và nói rằng:

- Bác ơi! Từ thuở bé đến giờ, tôi vẫn là người hiếu dũng, nay đã sáu mươi tuổi, chưa hề phải đứa nào tỏa nhục bao giờ. Thế mà đêm qua phải một đứa nó làm nhục. Tôi định tìm kỳ được đứa ấy để báo thù mới nghe. Nếu tôi tìmh thấy nó thì hay, nếu không tìm thấy thì tôi chết mất.

Rồi từ hôm đó cứ sáng nào chàng ta cũng cùng người bạn ra đứng ngoài đường cái để rình. Rình đã hai ba ngày mà không thấy đâu, chàng ta về nhà uất lên mà chết.

Như câu chuyện này mà ta cho là phải thì chưa chắc là phải. Tuy vậy, cứ xem một cái tâm không chịu nhục ở trong chuyện, thì đã có cái gì hơn được thế chưa!

Lã Thị Xuân Thu

LỜI BÀN

Tác giả kể chuyện rồi bàn một câu ở dưới như thế cũng là đủ.

Quả vậy, xem chuyện này, không cho là phải được, là vì tức ai chứ tức một người gặp trong lúc chiêm bao mơ ngủ thì là tức hão huyền, tức cái không đáng tức.

Nhưng tựu trung, câu chuyện lại có một điều thật đáng phục là chính thâm ý câu chuyện muốn nâng cao cái lòng biết nhục, biết lấy liêm sỉ làm trọng. Ôi! Trong khi giấc ngủ mơ màng, bị người ta làm nhục còn không chịu được thì trong khi người thật tỉnh táo rõ ràng mà bị người ta làm nhục, thì đáng như thế nào?... Thế mà lạ thay có ở đời có lắm kẻ hoặc ham mê danh lợi, hoặc quen thói tôi đòi, chôn hết cả liêm sỉ, chịu hết mọi nỗi nhục nhằn đè nén không bút nào tả cho xiết được mà vẫn giữ hớn hở như không. Đối với những hạng không biết

nhục, Tân Ti Tụ đây thực đáng là một cái gương soi sáng sâu vào đến tâm não họ vậy.

151. CÂU NÓI CỦA NGƯỜI ĐÁNH CÁ

Vua Văn Công nước Tấn đi săn ham đuổi một con thú mải theo quá chân, thành lạc vào trong cái chầm lớn không biết lối ra.

Vua gặp một người đánh cá, bèn bảo rằng:

- Ta là vua đây. Ta lạc đường, nhà nươi chỉ lối cho ta ra rồi ta hậu thưởng.

Người đánh cá nói: Bầy tôi muốn dâng nhà vua một câu.

Vua bảo: Cứ đưa ra khỏi chầm đã, rồi muốn nói gì thì hãy nói.

Khi người đánh cá đưa vua ra khỏi chầm, vua phán rằng:

- Nào câu gì nhà ngươi muốn nói với quả nhân lúc nãy thì nói nghe đi.

Người đánh cá thưa: Chim hồng hộc ở bờ sông bờ biển, chán sông biển mà vào đầm tất mắc phải dò bẫy. Thuồng luồng ba ba ở đáy vực sâu, chán vực sâu mà ra chỗ bãi nông, tất phải bị chài lưới. Nay nhà vua đi săn, sao quá chân vào đến tận đây như thế?

Vua Văn Công bảo: Người nói phải lắm.

Đoạn ngoảnh lại truyền quan hầu ghi tên người đánh cá để sau ban thưởng .

Người đánh cá nói:

- Nhà vua bảo ghi tên bầy tôi làm gì. Xin nhà vua cứ tôn kính thiên địa, xã tắc phòng giữ biên thùy, thương yêu muôn dân, đánh nhẹ thuế má, tự khắc là bầy tôi được hưởng ân huệ của nhà vua rồi. Nếu nhà vua chẳng tôn kính thiên địa, xã tắc chẳng phòng giữ biên thùy, chẳng chăm công việc, bên ngoài không khéo xử với các nước , bên trong mất cả lòng muôn dân, để đến nước mất dân khổ, thì dù bầy tôi có được hậu thưởng, cũng không thể sao giữ mà hưởng một mình được.

Người đánh cá cố từ, xong rồi lại nói:

- Xin vua mau mau về nước, tôi đây cũng về chỗ kiếm cá của tôi thôi.

Tân Tự

GIẢI NGHĨA

Văn Công: vua giỏi nước Tấn về đời Xuân Thu

Tấn: nước to thời Xuân Thu ở vào tỉnh Sơn Tây ngày nay

LỜI BÀN

Người đánh cá đây là người hiền muốn khuyên vua Văn Công hai điều là: không nên say mê chơi bời săn bắn quá độ mà có khi hại đến tính mạng, hết đạo làm vua cho dân được nhờ và nước khỏi mất.

Còn người đánh cá từ chối nhận thưởng nói cái lẽ như thế cũng là lo xa nghĩ sâu và phải lắm vậy. Quả là thế khi tổ chim đã đổ thì trong còn có cái trứng nào lành; nước đã bị phá tan hay xâm chiếm thì nhà toàn vẹn sao được để mình còn hòng riêng hưởng cuộc yên vui; đời được thái bình thì quý bằng bao nhiên ân thưởng, tâm không phiền lụy thì sung sường bằng bao nhiêu công danh.

152. VUA TÔI BÀN VIỆC

Vũ Hầu nước Ngụy cùng với quần thần bàn việc, việc gì vua bàn cũng phải, quần thần không ai giỏi bằng:

Lúc lui chầu, Ngụy Hầu ra dáng hớn hở lắm.

Ngô Khởi bèn tiến lên nói:

Cận thần đã ai đem câu chuyện Sở Trang Vương nói cho nhà vua nghe chưa?

Vũ Hầu hỏi:

Câu chuyện Sở Trang Vương thế nào?

Ngô khởi thưa:

Khi Sở Trang Vương mà bàn việc phải hơn quần thần, thì lúc lui chầu lo lắm. Có người hỏi: Sao vua lại lo? - Sở Trang Vương nói: Ta làm việc mà quần thần không bằng được ta, cho nên ta lo. Cổ nhân có câu: “Các vua chư hầu, ai có thầy giỏi, thì làm được vương, ai có bạn giỏi thì làm được bá, ai có người quyết đoán cho mọi việc ngờ vực, thì còn nước, ai bàn việc không ai bằng mình thì mất nước”. Ta nghĩ ngu như ta mà quần thần không ai bằng thì nước ta có lẽ mất. Bởi thế ta lo...

Ấy cũng một việc giống nhau. Sở Trang Vương thì lo mà nhà vua thì mừng.

Vũ Hầu nghe nói áy náy vái tạ và nói rằng:

Trời sai nhà thầy đến bảo cái lỗi cho ta.

Tử Tuân

GIẢI NGHĨA:

- Ngô Khởi: người nước Vệ thời Chiến quốc trước làm tướng vua nước Ngụy, sau làm tướng vua nước Sở, là một nhà dùng binh giỏi có tiếng.

LỜI BÀN: Người làm chúa tể một nước tất là người tài giỏi hơn người, sáng công việc hơn người. Tuy vậy, khi đã dùng quần thần, là mong muốn cậy quần thần, cón có nhiều khi giúp được mình như người ngoài giúp nước cờ vậy. Nếu mà quần thần không có ai hơn

mình cả, thì là bọn a dua ăn hại còn mong cậy gì được mà chẳng đáng lo. Nên lời Ngô Khởi nói đây rất là phải. Đã hay rằng người ta ở đời phải cầu ở mình hơn nhờ ở người, nhưng lắm lúc cũng phải có tả phụ hữu bậc mới lo toan được công việc lớn. Những bậc vua chúa cần phải có thầy giỏi, tôi hay là vì cái lẽ ấy.

Truyện này cũng giống câu trong "Quốc Sách" có nói: "Đế giả cũng ở với thầy, vương giả cùng ở với bầy tôi, vua vong quốc chỉ cùng ở với hạng đầy tớ".

153. KHÓ ĐƯỢC YẾT KIẾN

Tô Tần sang nước Sở, chầu chực suốt ba ngày mới được yết kiến vua Sở.

Đến khi được yết kiến, nói xong câu chuyện là xin cáo biệt ngay.

Vua bảo:

Quả nhân nghe tiếng tiên sinh quý như nghe tiếng một bậc cổ nhân. Nay tiên sinh đã không quản xa xôi, đến chơi với quả nhân, lại không chịu ở lại là cớ làm sao?

Tô Tần thưa:

Tôi xem ra bên nước Sở ta đồ ăn đắt hơn ngọc, củi thổi đắt hơn quế, quan khó được trông thấy như ma, vua khó được yết kiến như trời. Nhà vua muốn bắt tôi ở lại ăn ngọc, thổi quế, nhờ ma để thấy trời sao?

Vua nói:

Xin mời tiên sinh cứ ở lại. Quả nhân nghe đã hiểu ra rồi.

Chiến Quốc sách

GIẢI NGHĨA

- Tô Tần: Một nhà du thuyết giỏi thời Chiến Quốc đi nói sáu nước đồng minh để kháng cự nước Tần

LỜI BÀN: Lắm người có được chút quyền chức khiến cho người khác phải cầu đến mình thì tự làm ra khó khăn hình như không muốn cùng ai xúc tiếp nữa. Họ làm như thế, tưởng là nâng giá trị mình cho cao lên, có biết đâu lại là làm cho quyền chức mình kém vì vậy. Vì khi đã làm khó, ít cho người đến gần, tức là lấp đường không cho chân lý, không cho điều khuyết điểm của chức vụ mình đạt được đến mình nữa. Ôi! Như Tô Tần là bậc tài giỏi mà vua Sở làm cho khó yết kiến thì chỉ có phần thiệt cho vua, chớ hại gì cho Tô Tần. Thế mới hay người chúa tể một quốc gia, lãnh đạo một dân tộc, cần phải tôn hiền hạ sĩ, trọng dụng nhân tài để đồng tâm hợp tác thì mới mong thành công được, nếu thông minh tự dụng thì chỉ hại cho dân cho nước mà thôi.

154. KHÔNG PHỤC NƯỚC TẦN

Nước Tần đánh nước Ngụy.

Vua Ngụy sợ, sai Tân Viên Diễn sang nói với vua Triệu, ý muốn cùng tôn nước Tần lên làm đế để đỡ việc chiến tranh.

Lỗ Trọng Liên được tin ấy, đến bảo Diễn rằng:

Nước Tần là nước bỏ hết cả lễ nghĩa, chỉ chăm dùng võ lực chinh chiến, như thế mà tôn làm đế, thì thực là không còn ra sao nữa. Tần sau này mà thắng thế, có làm được đế, thì Liên đây đành bước ra biển đông mà chết chứ không chịu làm dân nước Tần.

Diễn đứng dậy nói rằng:

Tôi nay mới biết tiên sinh là bậc thiên hạ sĩ. Từ nay tôi không dám nói tôn nước Tần làm đế nữa.

Chư thư

GIẢI NGHĨA:

- Tân Viên Diễn: tướng quân nước Ngụy về thời Chiến Quốc.

- Lỗ Trọng Liên: người nước Tề về thời Chiến Quốc, tính khẳng khái, cao thượng, thích vì người bài phân, giải nạn, vua Tề phong tước ông không nhận, khi Tần nhất thống, ông ra ẩn ở biển đông.

LỜI BÀN:

Khi thấy một nước mạnh hơn nước mình mà mình cần giao hiếu, thì cũng là thường tình, vì như thế tức là vừa giữ cho mình còn lại, vừa được thêm vây cánh nữa. Nhưng mình phải biết khi giao hiếu với nước tàn bạo mà chiều họ tức là như mình muốn xúi giục cho họ càng tàn bạo thêm lên. Điều ấy rất không nên vì như thế chẳng những không lợi gì cho mình mà lại thường nguy cho mình nữa. Họ đã tàn bạo, tất họ không để mình yên, mà dù cho họ có để mình yên nữa, thì cái trò tàn bạo không bền được lâu, chẳng bao lâu họ đổ thì mình tất cũng phải đổ theo.

Lỗ Trọng Liên nói trong bài đây, dù sau có phải tự đem thân ra ẩn biển Đông, thế nhà Tần quả cũng như lời Trọng Liên đã nói, không được bền lâu, chỉ qua hai đời trong vòng bốn mươi năm là mất.

155. CẬY NGƯỜI KHÔNG BẰNG CHẮC Ở MÌNH

Văn Công nước Đằng hỏi thầy Mạnh Tử rằng:

Nước Đằng ta là một nước nhỏ ở vào khoảng giữa nước Tề và nước Sở là hai nước lớn. Kể phận thì phải chiểu cả hai nước, nhưng kể sức thì không thể chiều được cả. Chiều nước Tề chăng? Chiều nước Sở chăng? Ta thực không biết nên nương tựa vào nước để cho nước ta được yên ổn, thầy mưu tính hộ cho ta.

Thầy Mạnh Tử thưa:

Phàm việc mà cứ trông cậy vào người thì không thể chắc được. Chiều Tề thì Sở giận, chiều Sở thì Tề giận; mưu ấy chúng tôi không thể nghĩ kịp. Xin nói chỉ có một cách là tự giữ lấy nước, đào hào cho sâu, đắp thành cho cao, cai trị một cách cố kết lòng dân, cùng dân giữ nước. Hoặc như có biến cố gì xảy ra, vua đã liều chết để giữ nước, thì chắc dân cũng liều chết để giữ nước, không thể bỏ vua. Thế là ta dùng cái lòng dân để giữ lấy đất nước, tự cường mà lo toan lấy việc nước. Còn chiều Tề hay chiều Sở thì tôi không thể quyết được.

Mạnh Tử

GIẢI NGHĨA:

- Đằng : tên một nước nhỏ thời Chiến Quốc tức là huyện Đằng tỉnh Sơn Đông bây giờ.

156. PHẨM TRẬT ÔNG QUAN, PHẨM GIÁ CON NGƯỜI

Phẩm trật ông quan là phẩm trật có một đời, phận có, khắc có. Phẩm giá con người là phẩm giá lưu truyền trăm đời, tự mình không cố gây dựng cho mình, thì không bao giờ có.

Sĩ quân tử ta trông thấy cái trời ở ngoài trời, biết rõ cái người ở trong người, hiểu thấu đến cái vật ngoài vật ở đời, nghĩ xa đến cái thân sau thân thiện tại, thì biết đằng nào ngắn, đằng nào dài, đằng nào còn, đằng nào mất, chắc không ham mê cái này mà quên bỏ cái kia.

Chúc Tử

157.BÀI TRÂM CỦA NGƯỜI LÀM QUAN

1. Sĩ đại phu nên vì đời mình mà tiếc danh, không nên vì đời mình mà mua danh.

Có học thức, chuộng khí tiết, thủ dữ (lấy hay cho) phải cẩn thận, uy nghi phải trang trọng, ấy thế là tiếc danh.

Tâng bốc lẫn nhau, a dua những kẻ quyền quý, làm ra kiểu cách khác thường, lờ mờ hai mặt, ấy thế là mua danh.

Người tiếc danh thì yên lặng mà hay, kẻ mua danh thì rực rỡ mà dở.

2. Sĩ, đại phu nên vì con cháu gây phúc, không nên vì con cháu cầu phúc.

Nghêm giữ phép nhà, chuộng sự tiết kiệm, chất phác, dạy cho chúng biết chữ, cho chúng có nghề, chứa nhiều âm đức, ấy thế là gây phúc.

Mua nhiều cửa nhà, ruộng đất, giao kết với những người quyền thế, tranh lợi nhỏ mọn với dân, mua công danh cho con cháu, ấy thế là cầu phúc.

Người gây phúc thì thanh đạm mà lâu dài, kẻ cầu phúc thì nồng nàn mà ngắn ngủi.

3. Sĩ, đại phu nên vì một nhà mà dùng của, không nên vì một nhà mà hại của.

Giúp cho họ hàng, làng nước, tiêu rộng rãi về việc học, cứu kẻ khốn cùng, chăm làm việc nghĩa, ấy thế là dùng của.

Ăn mặc hoang, xướng hát nhiều, yến hội luôn, tụ tập lắm đồ châu báu, ấy thế là hại của.

Người biết dùng của tuy thiệt mà vẫn có thừa, kẻ không biết dùng của thì tuy thừa mà vẫn thiếu.

4. Sĩ, đại phu nên vì thiên hạ nuôi thân, không nên vì thiên hạ tiếc thân.

Bới thị dục, giảm lo phiền, ít phẫn nộ, tiếc ẩm thực ấy thế là nuôi thân.

So kè lợi hại, xa tránh khó nhọc, tham quyền cố vị chỉ chăm chăm việc vợ con, nhà cửa, ấy thế là tiếc thân.

Người nuôi thân thì im lặng mà to, kẻ tiếc thân thì thỏa thê mà nhỏ.

Trượng Động Sơ

GIẢI NGHĨA: Trâm: lời nói hay thể văn dùng để khuyên răn người ta.

LỜI BÀN: Bồn đoạn bài này dạy người làm quan muốn vì thân mình, vì con mình, vì nhà mình, vì thiên hạ nên làm thế nào là phải. Mỗi đoạn cân nhắc tách bạch lợi hại, rồi lại bày tỏ tinh tường sự kết quả của cả đôi đương hay dở, thực là xác đáng lắm. Ta tưởng bài trâm này chẳng những riêng cho người làm quan mà ai nấy đã có chút công danh của cải, muốn cho được yên vui sung sướng cũng nên ngầm đọc, hay viết ra mà treo luôn bên mình mà soi ngắm hằng ngày để cố mà thực hành, tưởng cũng nên lắm.

158. CƯỜI NGƯỜI TA KHÓC

Cảnh Công nước Tề đi chơi núi Ngưu Sơn, trèo lên mặt thành, đứng ngắm trông rồi tràn nước mắt vừa khóc vừa nói:

- Đẹp quá chừng là nước ta! Thật là sầm uất, thịnh vượng! Thế mà nỡ nào một tuổi một già bỏ nước này mà chết đi. Giả sử xưa nay, người ta cứ sống mãi, quả nhân quyết không bỏ nước Tề mà đi nơi khác.

Lã Sử Không, Lương Khưu Cứ thấy vua khóc cũng khóc và nói rằng:

- Chúng tôi đội ơn vua có cơm rau mà ăn, có ngựa hèn, xe xấu mà cưỡi, cũng còn chẳng muốn chết, huống chi là nhà vua.

Một mình Án Tử đứng bên cạnh cười.

Cảnh Công gạt nước mắt, ngoảnh lại hỏi Án Tử rằng:

- Quả nhân hôm nay đi chơi thấy cảnh mà buồn. Không và Cứ đều theo quả nhân mà khóc, một mình nhà ngươi cười là cớ làm sao?

Án Tử thưa:

- Nếu người giỏi mà giữ mãi được nước này thì Thái Công, Hoàn Công đã giữ mãi. Nếu người mạnh mà giữ được nước này, thì Linh Công, Trang Công đã giữ mãi. Mấy vua ấy mà giữ mãi thì vua nay chắc cũng mặc áo tơi, đội nón lá đứng giữa cánh đống lo việc làm ruộng, có được đâu chỗ này đứng, còn rỗi đâu mà lo đến cái chết. Chỉ vì hết đời này đến đời kia thay đổi mãi mới đến lượt nhà vua mà nhà vua lại than khóc thì thật là bất nhân. Nay tôi thấy vua bất nhân, lại thấy bầy tôi siểm nịnh nên tôi cười.

Cảnh Công nghe nói lấy làm thẹn, rót chén rượu tự phạt rồi phạt Không, Cứ mỗi người một chén.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA

Ngưu Sơn: tên núi ở huyện Lâm Chí, tỉnh Sơn Đông ngày nay

Lã Sử Không, Lương Khưu Cứ: cận thần của Cảnh Công

Án Tử: người nước Tề thời Xuân Thu, làm tướng vua Cảnh Công,

ông là người kiệm phác, trung thành, giỏi việc chính sự có tiếng thời bấy giờ.

Thái Công, Hoàn Công, Linh Công, Trang Công: các bậc tiền quân của Cảnh Công

LỜI BÀN

Tham sinh là cái thói thường người đời. Nhưng cứ mong sống ở đời mãi, tiếc đời đến nỗi than thở khóc lóc như Cảnh Công đây cũng là tham quá. Trong vũ trụ, cái gì là có cái sinh mà không có diệt. Vậy đời người cũng phải chịu luật chung ấy, bé rồi lớn, lớn rồi già, già rồi chết, thấm thoắt có là bao. Lẽ đó mà không hiểu, lại phải chả ngu lắm ư! Nên Án Tử cười Cảnh Công rất là phải lắm. Án Tử bác cả Sử Không và Lương Khưu Cứ lại là phải lắm nữa.

Thảm thương thay! Xưa nay những nước gặp phải vua ngu và bầy tôi a dua siểm nịnh!

---

159. HIẾU TỬ, TRUNG THẦN

Vương Tôn được bổ làm Thứ sử châu Ích.

Quan Thứ sử trước ở đây là Vương Dương, lúc đi kinh lược trong hàng châu, qua một đường núi rất cheo leo, than rằng:

- Thân ta là thân của cha mẹ ta. Ta nỡ nào xông pha vào những nơi nguy hiểm này. Bèn quay lại, không đi rồi cáo bệnh về nhà.

Lúc Vương Tôn đến thay Vương Dương, đi tuần phòng, cũng phải qua con đường ấy, hỏi nha lại rằng:

- Có phải con đường này là con đường quan Thứ sử trước sợ không dám đi không?

Nha lại thưa: Phải

Vương Tông bảo xe cứ đi và nói rằng:

- Vương Dương trước là người hiếu tử, Vương Tôn đây là người trung thần.

Hán Thư Vương Tôn Truyện

GIẢI NGHĨA

Thứ sử: chức quan cai trị một châu một quận đời cổ

Ích: tên một châu, tức là Tứ Xuyên đời nay

Kinh lược: đi xét qua việc trị an trong hạt mình cai trị

Nguy hiểm: cheo leo, không được yên ổn vững vàng

Cáo bệnh: có bệnh không làm được việc quan xin về nghỉ để chữa

Tuần phòng: đi tuần để phòng bị sự xảy ra

Nha lại: những người theo làm việc tại dinh các quan

Hiếu tử: người con ăn ở hết lòng với cha mẹ

Trung thần: bầy tôi hết lòng đem thân giúp vua, giúp nước

LỜI BÀN

Đối với gia tộc, Hiếu là trọng; đối với quốc gia, Trung là quý. Người ta ở đời, đáng lẽ ai cũng phải cố giữ cho trọn cả Trung lẫn Hiếu. Nhưng khốn nỗi, có lắm cảnh ngộ khiến người ta khó mà giữ

cho cả Trung lẫn Hiếu được lưỡng toàn; được Hiếu thì mất Trung, được Trung thì mất Hiếu.

Kể như bài này, Vương Dương vì gia tộc mà giữ thân cũng là phải, nhưng so với Vương Tôn thì Vương Tôn phải hơn. Vì cứ theo cái chủ nghĩa "ở đời thân ta không phải của riêng ta, lúc nhỏ là thân của cha mẹ lúc lớn là thân của quốc gia, lúc già là thân của thiên hạ, hậu thế trông mong vào đấy" thì lúc ta đã ra làm việc nước, chính là lúc thân ta thuộc về quốc gia, ta há lại còn tiếc mà không làm cho trọn vẹn nghĩa vụ của ta đối với quốc gia hay sao! Đã đem hết thân phụng sự tổ quốc, thì tổ quốc phải để trên hết, chính thế cũng là hiếu lắm, vì cha mẹ ta cũng kỳ vọng cho ta phải thế kia mà.

160. ĐỌC SÁCH CỔ

Vua Hoàn Công đọc sách ở nhà trên. Có người thợ mộc đang đẽo bánh xe ở nhà dưới, nghe tiếng đọc, bỏ chàng, **c chạy lên thưa vua rằng:

- Cả dám hỏi nhà vua đọc những câu gì thế?

Hoàn Công nói: Những câu của Thánh nhân.

- Thánh nhân hiện nay còn sống không?

- Đã chết rồi.

- Thế thì những câu nhà vua học chỉ là những tao phách của cổ nhân đấy thôi.

- À anh thợ! Ta đang đọc sách, sao dám được nghị luận? Hễ nói có lý thì ta tha, không có lý thì ta bắt tội.

Người thợ mộc nói:

- Tôi đây cứ lấy việc tôi làm mà suy xét, khi đẽo cái bánh xe, để rộng thì mộng cho vào dễ, nhưng không chặt; để hẹp thì mộng cho vào khó, và không ăn. Còn làm không rộng, không hẹp, vừa vặn đúng mực thì thật tự tâm tôi liệu mà nẩy ra tay tôi làm, như đã có cái phép nhất định, chớ miệng tôi không thể nói ra được. Cái khéo ấy tôi không có thể dạy được cho con tôi, con tôi cũng không thể học được tôi. Bởi thế tôi năm nay đã bảy mươi tuổi mà vẫn giữ nghề đẽo bánh xe.

Người đời cổ đã chết, thì cái hay của người đời cổ khó truyền lại được, tưởng cũng đã chết cả rồi. Thế thì những câu nhà vua học thật chỉ là những tao phách của cổ nhân mà thôi.

Vua cho người thợ mộc nói là phải.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA

Hoàn Công: vua giỏi nước Tề thời Xuân Thu

LỜI BÀN

Đọc sách cũng như xem người, xem người mà cứ câu nệ hình, sắc, danh, thanh thì không bao giờ biết rõ được "tình" người, mà có khi lại phải người ta làm cho ngu nữa. Ta học mà cứ bo bo ở ngôn ngữ, văn

tự thì bao giờ biết hết được ý sách, vì cái hay nhiều khi miệng không thể nói ra được, bút không thể tả hết được. Ta đọc sách mà tâm ta không lĩnh hội được cái ý ở ngoài câu nói của cổ nhân, thì ta không thể tu kỷ, không thể trì nhân được, chẳng qua chỉ làm cho loạn cái tính của ta mà thôi. Những kẻ hay mượn bã giả của cổ nhân để buông ra những học thuyết dông dài làm ra sách vở để dạy đời, ta tưởng cũng lầm lắm.

Trong bài này, ý Trang Tử cũng như ý Tuân Tử muốn phản kháng lại cái lỗi học của đời bấy giờ, chỉ biết lấy "cổ" làm cốt mà bỏ quên mất cái "kim" chỉ biết cho những thánh nhân như Nghiêu, Thuấn…tự đời nào là phải, chứ không cho người chính thời nay còn được địa vị nào nữa. Như thế không khỏi gọi là thiên vậy. Câu nói của người lao công này chính xác và thực tế lắm. Người đi học chỉ chuộng hư văn, không có thực học tưởng cũng thẹn lắm thay!

161. MẤT DÊ

Người láng giềng nhà Dương Chu mất một con dê, đã sai hết cả người nhà đi tìm, lại sang nói với Dương Chu mượn người nhà cho đi tìm hộ.

Dương Chu nói: Ôi! Sao có mất một con dê mà cho những bao nhiêu người đi tìm?

Người láng giềng đáp: Vì đường có lắm "ngã ba".

Khi các người đi tìm dê đã về, Dương Chu hỏi:

- Có tìm thấy dê không?

Người láng giềng đáp:

- Không

- Sao lại không tìm thấy?

- Tại đường đã lắm ngã ba, theo các ngã ba đi một chốc lại có nhiều ngã ba khác. Thành không biết đi vào đường nào để tìm thấy dê, phải chịu về không cả.

Ấy đường cái chỉ vì lắm ngã ba mà dê mất không tìm thấy. Người đi học cũng vậy, chỉ vì dễ mê muội mà mất cả lương tâm.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA

Dương Chu: người thời Chiến Quốc, xướng lên học thuyết "vị ngã" trái với học thuyết "kiêm ái" của Khổng Tử.

LỜI BÀN

Người đi học mà không suy xét cho tinh, cái gì cũng tham muốn cả thì không bao giờ học cho thực đến nơi đến chốn được! Vì cái tâm con người có một, cái sức hoạt động của người cũng có hạn nên phân tán ra nhiều nơi, dùng sự hoạt động vào nhiều loại, tuy rằng học nhiều biết nhiều thật, nhưng chẳng qua chỉ hời hợt trên mặt, gọi là biết qua loa chút ít thôi. Sao cho bằng chỉ chuyên tâm học về một mặt nào, mà học cho đến cùng kỳ sự học, sự biết mới là chắc chắn sâu xa và có giá trị vậy. Sự học cũng như nhiều sự khác quí hồ tinh bất quí hồ đa.

162. THỰC HỌC

Hết thảy mọi việc, việc gì cũng có tình hình thực sự. Làm thì làm thực sự, chớ vụ hư danh.

Hết thảy câu nói, câu gì cũng có điểm mầu nhiệm. Nói thì nói cho ra nói, chớ vọng ngôn.

Hết thảy mọi vật, mỗi vật có cái lý rất phải. Nếu không hiểu rõ lý ấy, thì nhận xét dễ sai lầm mà thành mê muội.

Hết thảy mọi người, mỗi người ta có một cách để cư xử đối phó, nếu không biết xử thì dễ sinh ra bất hòa, rồi chán ghét nhau.

Người đi học cần cái gì, chỉ cần học làm cho có sự thật, học nói cho khỏi vọng ngôn, học xử với mọi người cho phải…Học chỉ học thế thôi. Không chỗ nào không phải là chỗ học, không lúc nào không phải là lúc học, không tâm niệm nào không phải là tâm niệm để học. Cố học cho được hiểu trọn vẹn, chớ hiểu dở dang, cố học cho kỳ được, học cho đến nơi đến chốn, chớ có tự mãn tự túc. Thế mới đáng gọi là người học giả.

Khuyết Danh

LỜI BÀN

Thực học là lối học thực tế, học cho mở mang trí thức, học cho dầy dặn năng lực, để thành tài để ra người, để làm người hữu dụng: Nhỏ thì hữu dụng cho xã hội, to thì hữu dụng cho quốc gia, cho thiên hạ.

Thực học trái người với lối học hư văn là lối tục học, phù hoa khinh bạc, lòe đời nịnh đời, chỉ tổ tự hại và hại tha, tuyệt không có gì là hữu dụng cả. Thế cho nên người đi học thì nhiều, người hữu dụng thì ít; đời mới than phiền: “hiếm nhân tài!”.

163. ĐÂY MỚI THẬT LÀ THẦY

Từ Tuân Minh, người ở Hoa Âm, thân thể to lớn, mồ côi từ thuở nhỏ, tính hiếu học, mười bảy tuổi theo Mao Linh Hòa sang học Vương Thông ở Sơn Đông. Học một năm thì từ biệt. Rồi sang Yên, Triệu lại học ông Trương Ngô Quý. Học trò ông Ngô Quý rất đông. Tuân Minh dụng tâm học vài tháng sau nói chuyện riêng với bạn học rằng:

- Thầy ta đây danh tiếng lẫy lừng, song nghĩa lý không được quán triệt. Phàm những câu ngoài giảng thuyết, phần nhiều nghe chẳng được thỏa tâm ta. Ta muốn tìm thầy khác.

Rồi bèn cùng Điền Mãnh Lược sang Phạm Dương thụ nghiệp ông Tôn Mãi Đức. Nhưng học vừa được một năm, lại muốn bỏ đi, Lược bảo Tuân Minh rằng:

- Anh tuổi còn trẻ, theo thầy học hành, chẳng chịu chuyên học một thầy, cứ nay thầy này, mai thầy khác, nay đến tìm, mai bỏ đi, nghìn dặm xa xôi, sách vở mang cắp, học hành như vậy sợ không thành được.

Tuân Minh nói: Ta nay mới biết chỗ ở của ông thầy đích thật là ông thầy.

Mãnh Lược hỏi: Ở đâu?

Tuân Minh chỉ vào “tâm” nói: Đây, chính ở chỗ này.

Rồi tự bấy giờ Tuân Minh học lấy một mình, hết sức suy nghĩ, sáu năm không ra khỏi nhà. Khi mỏi mệt thường đàn địch để di dưỡng tình hình. Sau thành một bậc đại nho.

Ngụy Thư Từ Tuân Minh Truyện

GIẢI NGHĨA

Từ Tuân Minh: một bậc đại nho thời Hậu Ngụy

Mao Linh Hòa, Vương Thông, Trương Ngô Quý, Điền Mãnh Lược, Tôn Mãi Đức: cũng là mấy bực đại nho thời bấy giờ.

LỜI BÀN

Học cần phải có thầy, cần phải có sách, đó là lẽ thường, ai đi học cũng khó vượt được hai điểm ấy. Song khi học đã cao, nhất là về mặt tâm học, bảo muốn tìm cho được thực có thấy giỏi để thụ nghiệp,

không phải là dễ. Bấy giờ tất nhiên phải như Từ Tuân Minh đây, lấy "tâm" làm thầy là hơn cả. Vì cội rễ muôn nghìn điều phải, điều lành đều do ở tâm. Đem tâm chính trực trị tâm gian tà, đem tâm trung hậu trị tâm bạc ác, đem tâm cần lao trị tâm lười biếng...

Học thế nào cho tâm được thư thái, tâm được yêu thỏa, tâm được quang minh như gương sáng trong, nước im lặng, ngoại vật lại chẳng loạn được tâm, ngoại vật đi chẳng lưu lại ở tâm thế mới gọi là có tâm học vậy.

164. BỎ QUÊN CON SINH

Họ Công Sách sắp tế. Trong các lễ vật bỏ quên không đặt con sinh. Đức Khổng Tử nghe thấy chuyện nói rằng:

Trong hai năm nữa, họ Công Sách thế nào cũng mất quan.

Năn sau, họ Công Sách quả nhiên mất quan thật.

Môn nhân hỏi rằng:

Trước họ Công Sách sắp tế bỏ quên con sinh mà thầy nói trong hai năm nữa thì mất quan, nay sự quả nhiên. Dám hỏi vì lẽ gì mà thầy biết trước như vậy?

Đức Khổng Tử nói:

Việc tế là việc người con có hiếu tỏ hết lòng thương nhớ cha mẹ mà lúc sắp tế, bỏ quên con sinh thì các công việc khác bỏ quên, bỏ sót chắc nhiều lắm. Như thế mà không mất quan thì không có lý.

Gia Ngữ

GIẢI NGHĨA: Công Sách: học trò một ông quan đời Xuân Thu.

Lời bàn: Việc tế lễ là việc rất thận trọng, tức là việc giao tế thần minh. Chỉ có người tận tâm và tận thành thì mới cảm cách được, con sinh là lễ vất rất thiết yếu, mà đến lúc tế, lại bỏ quên cả con sinh thì sự sơ suất không phải là nhỏ vậy. Người như thế không thành tâm, công việc như thế là công việc không chu đáo. Xét một sự mà suy ra muôn sự. Đức Khổng Tử suy xét mà biết, há có phải là tiên tri đâu. Nhưng suy xét chắc chắn mà phán đoán trúng việc thì có khác gì tiên tri.

165. CHỌN NGƯỜI RỒI SAU HÃY GÂY DỰNG

Dương Hổ làm tướng nước Vệ, phải tội, chạy trốn sang nước Tần, vào yết kiến Triệu Giản Tử nói rằng:

Tự nay trở đi, ta nhất quyết không gây dựng cho ai nữa.

Triệu Giản Tử hỏi:

Vì cớ gì mà ông lại nói thế?

Dương Hổ nói:

Khi tôi ở nước tôi, các quan hầu cận nhà vua, tôi gây dựng cho quá nửa, các quan ở triều đình, tôi cũng gây dựng cho quá nửa, đến cả các quan ở biên thùy tôi cũng gây dựng cho nữa. Thế mà bây giờ các quan hầu cận nhà vua thì gièm pha tôi, các quan triều đình thì đem pháp luật trị tôi, các quan biên thùy thì dùng binh khí hiếp tôi. Thế cho nên từ nay trở đi, tôi nhất quyết không gây dựng cho ai nữa.

Triệu Giản Tử bảo:

Ông nói câu ấy thì lầm. Ai trồng cây đào, cây mận thì mùa hè được bóng mát nghỉ, mùa thu được quả ngon ăn. Ai trồng cây tật lê, thì mùa hè bóng mát không có, mùa thu chỉ được những chông gai. Cứ như vậy, thì có phải là tại do cây mình trồng lúc trước không? Nay ông sở dĩ đến nỗi thế, là vì ông gây dựng toàn cho những kẻ không ra gì cả. Cho nên người quân tử phải chọn người trước, rồi sau mới gây dựng.

Hàn Thi Ngoại Truyện

GIẢI NGHĨA:

- Dương Hồ: tức là Dương Hóa, người nước Lỗ thời Xuân Thu, làm quan nước Lỗ là người quyền thần chuyên chính.

- Vệ: tên một nước nhỏ thời Xuân Thu ở vào một phần tình Trực Lệ ngày nay.

- Tấn: tên một nước lớn đời xuân thu, ở vào tỉnh Sơn Tây ngày nay.

- Triệu Giản Tử: một danh thần nhà Triệu đời Xuân Thu.

LỜI BÀN: Dương Hổ gây dựng cho người ta, mà về sau lại bị người ta quay lại hại mình, thật chẳng khác nào nuôi ong tay áo, nuôi hổ để chịu vạ lây, đáng tức giận lắm thay. Cho nên Hổ phàn nàn với Triệu

Giản Tử và có ý như thề rằng, thôi từ nay không làm ơn cho ai nữa, vì loài người đã bội bạc lại còn thêm độc ác. Triệu Giản Tử bác đi mà giảng giải thế, là có ý quy cái tội cho Dương Hổ, tức là tội đại thần mà tham lam, mà ưa nịnh, chỉ thích gây dựng cho tiểu nhân để lo bè đảng thì khi thất thế, phải chịu lấy cái vạ của tiểu nhân.

Có người nói: làm ân mà phải chọn người trước kể cũng hẹp hòi lắm. Nhưng làm ơn là một việc, vì tổ quốc mà chọn người gây dựng cho người để giúp nước giúp dân là một việc. Như kéo bè kéo đảng, gây dựng cho cả kẻ gian ác có địa vị, có quyền thế để chúng làm mưa làm gió gieo vạ cho nhân dan thì không những không được báo ơn mà còn hại đến thân đắc tội với tổ quốc nữa.

166. CƠ TÂM

Thầy Tử Cống đi qua đất Hán Âm thấy một ông lão làm vườn đang xuống giếng gánh từng thùng nước, đem lên tưới rau.

Thầy Tử Cống nói:

Kia có cái máy một ngày tưới được hàng trăm khu đất, sức dùng ít mà công hiệu nhiều. Cái máy ấy đằng sau nặng, đằng trước nhẹ, đem nước lên rất dễ và tên gọi là “máy lấy nước”.

Ông lão làm vườn nói:

Máy tức là cơ giới, kẻ có cơ giới tất có cơ sự, kẻ có cơ sự tất có cơ tâm. Ta đây có phải không biết cái máy ấy đâu, chỉ nghĩ xấu hổ mà không muốn dùng vậy.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA:

- Tử Cống: học trò Đức Khổng Tử giỏi về khoa ngôn ngữ

- Hàn Âm : tên đất hiện ở vào phủ Hưng An tỉnh Thiểm Tây bây giờ.

167. KHÔNG ĐỢI TRÔNG CŨNG BIẾT

Hứa Kính Tôn có tính kiêu ngạo khinh người, tiếp ai xong, nhiều khi quên ngay, sau người ta có đến, lại không rõ là ai nữa.

Hoặc có kẻ chê Kinh Tôn là người không được thông minh.

Kính Tôn nói:

Cái đó là tự người ta làm cho ta khó nhớ đấy thôi. Ví bằng ta gặp được những bậc tài giỏi như Hà, Lưu, Thẩm, Tạ, thì dù sờ trong xó tối, ta cũng có thể biết mà nhớ ra được.

Tùy Đường Nhai Thoại

GIẢI NGHĨA: Hứa Kính Tôn: người đời nhà Đường, đỗ tú tài, văn chương giỏi, làm quan đến Tể tướng.

LỜI BÀN:

Kiêu ngạo là thói xấu, đến nỗi người ta có câu: "Ai mà kiêu ngạo là kẻ sắp đi đến bước cuối cùng".Vậy người ta dù có thông minh tài giỏi cao quý đến đâu cũng không nên kiêu ngạo. Hứa Kính Tôn đây văn chương đã giỏi, quan chức lại to, giao tiếp nhiều người, nhớ sao cho xiết, mà chẳng quên. Nên ta cũng chưa thể cho cái quên ấy là thực khinh người. Xem ngay như câu nói của Hứa Kính Tôn, thì ta lại có thể cho là người biết người và có bụng trọng những người tài giỏi.

Và chăng ở đời, cái thói khinh người tuy không nên có, nhưng cái cách phân biệt người đáng trọng, kẻ nên khinh không nên rằng không có. Câu cổ: "Tố nhân bất khả hữu ngạo thái, nhiên bất khả vô ngạo cốt" (Làm người không nên có cái dáng khinh ngạo, nhưng cũng không nên không có cái cốt khinh ngạo) cũng ám hợp với câu của người Pháp:

"Il ne f'aut pá mepsriser, mais il faut savoir dédaignef".

168. KHINH NGƯỜI

Tử Kích là một bậc quyền quý, gặp Điền Tử Phương là một hàn sĩ ở giữa đường, liền xuống xe chào. Tử Phương làm lơ không đáp lại.

Tử Kích giận, hỏi Tử Phương rằng:

Kẻ phú quý hay khinh người đã đành, kẻ bần tiện có khinh người được không?

Tử Phương nói:

Kẻ bần tiện mới có thể khinh người, kẻ phú quý sao dám khinh người. Vua nếu mà khinh người thì mất nước, quan nếu mà khinh người thì mất chức. Còn kẻ có học thức, xử cảnh bần tiện, đi đến đâu mà lời nói vua quan không dùng, việc làm vua quan không theo, thì xỏ chân vào giày, đi ngay lập tức, đến chỗ nào chẳng được bần tiện, còn có lo sợ gì mà không dám khinh người?

Tử Kích nghe ra, bèn xin lỗi Tử Phương.

Chư Thư

GIẢI NGHĨA:

- Tử Kích: một nhà quyền thế đời Chiến Quốc.

- Bậc quyền quý: người có uy quyền thế lực thiên ha phải kinh sợ.

- Điền Tử Phương: người nước Ngụy về đời Chiến Quốc có tiếng là bậc hiền nhân.

LỜI BÀN: Tử Kích muốn lấy quyền thế, mà khinh người, Tử Phương muốn lấy học thức mà khinh người. Đến cùng, thì học thức khinh nổi được quyền thế. Mời hay ở đời nào cũng vậy, phú quý không bao giờ bằng được học thức. Có lẽ Tử Phương đây muốn chữa cái bệnh cho người quyền thế quá kiêu căng đời bấy giờ, cho nên nói những câu quá khích như thế. Ta cũng không nên quên cái tính phục thiện của Tử Kích đáng trọng và đáng yêu. Nay ta cứ bình tĩnh mà nói: Khinh người tức là “kiêu” mà chữ kiêu là cái nguồn gốc làm bại hoại cả đức tính. Phú quý chẳng nên kiêu , thì bần tiện dẫu kiêu có kiêu được, cũng không lấy gì làm phải. Kẻ sử sĩ đời Chiến Quốc phải coi phong khí nó chuyển đi, cho nên thường hay mắc phải cái thế kiêu như Tử Kích đây, không thoát khỏi tục, cũng là đáng tiếc. Người có học

thức mà kiêu, là hạng người khinh thế ngạo vật, coi đời như không quan thiết gì đến mình. Ôi! Đã gọi là học thức mà có tính kiêu, thì vô bổ cho đời, đời có người ấy cũng như không vậy.

169. HAI CÔ VỢ LẼ NGƯỜI NHÀ TRỌ

Dương Chu sang nước Tống, đến ở trọ một nhà kia.

Người chủ nhà trọ, có hai người thiếp, một người đẹp, một người xấu. Dương Chu thấy trong nhà ai cũng quý người thiếp xấu mà khinh người thiếp đẹp, lấy làm lạ bèn hỏi dò thằng trẻ con trong nhà trọ thì nó trả lời rằng:

Người thiếp đẹp tự lên là đẹp mà mất đẹp, tôi chẳng biết cái đẹp của họ nữa, người thiếp xấu tự biết là xấu mà quên xấu, tôi chẳng biết cái xấu của họ nữa.

Dương Chu gọi học trò ra bảo:

Các con nhớ lấy câu ấy. Người ta giỏi mà bỏ được cái nết "tự cho mình là giỏi: thì đi đến đâu ai cũng chẳng tôn trọng, chẳng thân yêu.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA:

- Dương Chu: người đời Chiến Quốc xướng lên cái thuyết "Vị ngã"

- Tống: nước chư hầu thời Xuân Thu sau phải nước Tề lấy mất, ở vào địa

phận tỉnh Hà Nam bây giờ

- Thiếp: vợ lẽ, cô hầu.

LỜI BÀN: Đàn bà đẹp mà tự cậy mình lên đẹp, thì người ngoài chỉ thấy cái bộ khoe khoang đáng ghét chớ không thấy còn gì là vẻ đẹp dáng yêu nữa. Đàn bà xấu, tự thẹn mình là xấu, thì chỉ thấy cái nết dịu dàng đáng thương, không còn thấy cái gì xấu xí đáng ghét nữa. Đấy người đẹp mà bị khinh, người xấu mà được quý là tại thế.

Ôi! Đẹp chỉ vì tên đẹp mà mất đẹp, xấu chỉ vì biết xấu mà quên xấu, thế thì những người giỏi mà tính tự lên là giỏi, thì sinh thời nào, đi đến đâu cũng không mong thiên hạ yêu kính được. Vì như thế tức là kiêu mà kiêu thì không ai chịu được, sự khiếm nhã bao giờ vẫn là hơn vì thiên đạo, ích khiêm lưu khiêm, quỷ thân phúc khiêm, nhân đạo hiếu khiêm. Khiêm hay biết là dường nào! Dương Chu lấy câu chuyện ấy ra dạy học trò rất là phải lắm.

170. BA ĐIỀU PHẢI NGHĨ

Đức Khổng Tử nói:

- Người quân tử có ba điều phải nghĩ, ta chẳng nên chẳng xét đến:

1) Lúc nhỏ nếu mà chẳng học, thì đến lúc lớn ngu dốt không làm được việc gì.

2) Lúc già yếu mà không đem những điều mình biết để dạy người, thì sau đến lúc chết chẳng ai thương tiếc.

3) Lúc giàu có nếu mà chẳng bố thí, thì đến lúc khốn cùng chẳng ai cứu giúp.

Cho nên người quân tử lúc nhỏ nghĩ đến lúc lớn thì chăm học, lúc già nghĩ đến lúc chết thì chăm dạy, lúc có nghĩ đến lúc không thì chăm cứu giúp người nghèo khổ.

Gia Ngữ

LỜI BÀN

Lúc nhỏ mà nghĩ đến lúc lớn, lúc già mà nghĩ đến lúc chết, đang giàu mà nghĩ đến nỗi nghèo khổ, ba điều lo xa. Phàm người ta có chịu trông xa như thế mà là biết phòng bị những cái ưu hoạn trước khi nó xảy ra vậy. Đức Khổng Tử còn có nói:

“Người ta không nghĩ xa tất có sự ưu hoạn gần”, cũng là có có nghĩa dự phòng như lời nói trong bài này vậy. (Câu chữ Hán là: Nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu).

171. LO, VUI

Thầy Tử Lộ hỏi Đức Khổng Tử rằng:

- Người quân tử cũng lo sợ ư?

Đức Khổng Tử nói:

- Người quân tử chỉ cốt suy nghĩ định liệu công việc của mình, lúc chưa làm được thì vui rằng mình có ý định làm, lúc làm được thì lại vui rằng mình có trí làm được việc. Thế nên người quân tử có cái vui thú suốt đời, không có cái lo sợ một ngày nào cả.

Kẻ tiểu nhân thì không thế, lúc chưa làm được việc thì lo sợ rằng không được, lúc đã làm được việc thì lo sợ lỡ hỏng mất. Thế nên kẻ tiểu nhân có cái lo sợ suốt đời, không có cái vui thú nào cả.

Thuyết Uyển

172. THẤY LỢI NGHĨ ĐẾN HẠI

Liệt Tử nghèo khổ, có khi đói khát không có gì mà ăn uống.

Có người nói với vua Tử Dương nước Trịnh rằng:

- Liệt Tử là một người cao thượng, nay ở nước vua mà phải bần cùng, thì hóa ra nhà vua không biết quí trọng người giỏi ư?

Tử Dương nghe nói, sai sứ giả đưa cho Liệt Tử vài mươi xe thóc.

Liệt Tử ra yết kiến sứ giả, vái hai vái, xin từ không nhận.

Sứ giả đi, Liệt Tử vào nhà trong. Vợ ngóng trông bực tức, tự đập vào ngực mà nói rằng:

- Thiếp nghe vợ con những bậc đạo đức cao thượng đều được an nhàn vui vẻ, nay vợ con tiên sinh túng đói, vua đưa cho tiên sinh thóc gạo, tiên sinh lại từ. Thế chẳng phải là số mệnh xui ra vậy hay sao?

Liệt Tử cười, bảo vợ rằng: Vua mà biết ta không phải là tự chính vua biết ta, tại nghe có người nói mới biết ta. Vua nghe người nói mới biết ta mà cho ta thóc, thì lúc bắt tội ta, tất vua cũng lại nghe người nói mà thôi. Vì thế mà ta không nhận thóc. Vả chăng chịu bổng lộc của người hoặc khi người mắc hoạn nạn, không liều giúp người là bất nghĩa. Mà nếu liều chết giúp kẻ vô đạo thì lại còn gọi là nghĩa thế nàp được.

Tử Dương sau quả bị nạn chết.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA

Trịnh: tên một nước nhỏ thời Xuân Thu, thuộc về tỉnh Hà Nam bây giờ

Sứ giả: người thay mặt và nhận lời người trên để đi nói hay làm một việc gì đó với ai

Yết kiến: đi chào người trên

Số mệnh: những sự hay dở, được hỏng của đời thường hình như định sẵn sự trời, không phải sức người làm nổi

Vô đạo: ăn ở không theo lẽ phải

LỜI BÀN

Đương lúc túng đói, gặp được vua chúa quý trọng, lại cho vài mươi xe thóc, người ta được thế chắc lấy làm vinh hạnh sung sướng, mà còn lên mặt với đời là khác. Liệt Tử đây khác hẳn, vái sứ giả hai vái, nói xin từ. Thái độ khiêm nhã thật đáng trọng! Xin từ mà không lộ vẻ tự ái, tự cao, không có một lời nghị luận đến thời sự, thậm chí phải vợ con giày vò mà Liệt Tử vẫn thản nhiên, chỉ ôn tồn nói qua mấy câu "ăn ở phải biết lui biết tới, biết ân biết nghĩa". Người sao sáng suốt khôn ngoan mà như ngu dại, thật đáng phục lắm thay! Vì không thế không sống còn được ở đời loạn. Liệt Tử đây phần biết người hay dở, phần hiểu việc sâu xa. Thật là bực "minh triết bảo thân" vậy. (Câu chữ Hán là: Đã không ngoan lại sáng suốt để bảo toàn tấm thân.)

Ở đời sẵn có máu tham, thấy của tối mắt, đỏ đâu bâu đấy, sống chết mặc bay, đó là bệnh thông thường. Anh em chúng ta như muốn tránh bệnh ấy, tưởng nên học Liệt Tử biết rõ nghĩa lợi, hiểu đường lui tới mới là hơn.

---

173. THỦY CHUNG VỚI VỢ

Vua Cảnh Công có cô con gái yêu, muốn gả cho Án Tử. Một hôm vua đến ăn tiệc nhà Án Tử, thấy vợ Án Tử hỏi:

- Phu nhân đấy phải không?

Án Tử thưa: Vâng, phải đấy.

Vua nói: Ôi! Người trông vừa già vừa xấu! Quả nhân có đứa con gái trẻ và đẹp, muốn cho về hầu, khanh nghĩ sao?

Án Tử đứng dậy thưa rằng: Nội tử tôi nay thật già và xấu; nhưng lấy tôi và cùng tôi ăn ở đã lâu, kể từ lúc còn trẻ và đẹp. Xưa nay đàn bà lấy chồng lúc trẻ cốt để nhờ cậy lúc già, lúc đẹp lấy cốt để nhờ cậy lúc xấu. Nội tử tôi thường nhờ cậy tôi mà tôi cũng đã nhận sự nhờ cậy ấy. Nay nhà vua tuy muốn ban ơn, chắc cũng không nỡ để cho tôi ăn ở bội bạc với những điều nội tử tôi đã nhờ cậy tôi bấy lâu nay.

Nói đoạn Án Tử lạy hai lạy, xin từ không lấy.

Án Tử

GIẢI NGHĨA

Cảnh Công: vua hiền nước Tề thời Xuân Thu

Án Tử: tức là Án Anh, làm tướng đời vua Cảnh Công, ông là người trung thành, tiết kiệm có tiếng thời bấy giờ

Nội tử: tiếng để gọi vợ cả mình. Tiếng cổ dùng để gọi vợ các quan to.

Khanh: tiếng vua gọi một bậc quan to hay một vị đại thần

LỜI BÀN

Vợ chồng là bạn trăm năm đã phải duyên phải lứa lấy nhau từ lúc còn trẻ, kính yêu nhau thì đến lúc già ai lại có nỡ phụ nhau. Ngán thay thói đời giàu hay quên bạn, sang hay quên vợ. Lắm kẻ lúc còn hàn vi vợ nuôi cho ăn học, một mai được chút tiền của, chức tước đã phụ ngay vợ cũ mà kiếm vợ mới, hoặc kiếm vào chỗ giàu, hoặc kiếm vào chỗ sang, hoặc kiếm người trẻ tuổi xinh đẹp hơn. Những kẻ như thế dù viện lẽ gì, tổng chi cũng là phụ bạc cả. Nào đã mấy người được như Án Tử đây: gặp cảnh giàu sang như nhà vua, trẻ đẹp như công chúa, lại như muốn lấy uy quyền bức bách mình, mà mình nhất định cố từ.

Ông là người ăn ở thủy chung với vợ tấm cám thật!

Bạn quần thoa đọc truyện này cũng nên ngẫm nghĩ, chớ nên tham lam tài danh mà lấy những kẻ đã đem lòng phụ vợ tào khang. Vì rằng người vợ xưa, nuốt được nghèo khổ, chịu được đắng cay ở với họ đã đã bao lâu mà họ còn phụ, thì họ lấy ta hoặc vì lợi chăng, hoặc vì thế chăng, hoặc vì sắc chăng, một khi lợi kém, thế hết, sắc suy, thì cái tình vợ chồng lúc bấy giờ lại hóa ra ngay cảnh người dưng nước lã.

174. ĐÁNG SỢ GÌ HƠN CẢ

Tại lầu sách nhà kia, có con hồ tinh không hiện hình ra bao giờ, nhưng vẫn thường hay trò chuyện. Chuyện nói rất lí thú, ai nghe cũng phải phục.

Một hôm tân khách họp đông, có con hát mời rượu ước với nhau rằng:

"Ai sợ gì thì cứ phải nói, mà nói vô lý thì phải phạt rượu"

Bấy giờ cử tọa lần lượt nói, nào sợ người học rộng, nào sợ người nhà giàu, nào sợ người quan to, nào sợ người nịnh giỏi, nào sợ người khiêm tốn quá, sợ người lễ phép câu nệ quá, nào sợ người thận trọng ít nói, sợ người hay nói nửa chừng…

Sau cùng hỏi đến hồ tinh thì hồ tinh đáp: Ta chỉ sợ hồ tinh.

Ai nấy đều cười bảo rằng: Người ta sợ hồ tinh mới phải, anh là đồng loại can gì mà sợ? Phạt anh một chén rượu.

Hồ tinh cười nói: Thiên ha duy có đồng loại là sợ nhau. Con cùng cha mới tranh gia sản; gái cùng chồng mới hay ghen tuông; kẻ tranh quyền nhau tất là quan lại đồng triều; kẻ tranh lợi nhau tất là lái buôn một chỗ. Bức nhau thì trở ngại nhau, trở ngại nhau thì huynh loát nhau. Nay lại còn người bắn con trĩ thì dùng con trĩ làm mồi, không dùng con gà, con ngỗng; người săn hươu thì dùng con hươu làm mồi không dùng con dê, con lợn. Phàm những việc phản gián đều là phải dùng đồng loại cả. Cứ thế mà suy thì tài nào mà hồ chẳng sợ hồ?

Cử tọa đều cho câu nói của hồ tinh là xác đáng.

Duyệt Vi

LỜI BÀN

Loài yếu sợ loài khỏe, kẻ dại sợ kẻ khôn, như chó sợ hùm, mường mọi sợ người văn minh hoặc vẫn có. Những cái sợ ấy là cái sợ họa hoằn. Chớ cái sợ kẻ đồng loại, kẻ đồng nghiệp mới là cái sợ thường luôn có, cái sợ thực đáng sợ luôn vậy. Người phải sợ người hơn sợ hùm beo, sư tử, kẻ đồng loại, người đồng nghiệp phải sợ nhau hơn là sợ người ngoài? Tại sao? - Tại chỉ có cùng nhau một loài, cùng nhau một nghề mới cạnh tranh, đá chọi lẫn nhau. Mà đã cạnh tranh, tất hay

dòm dỏ nhau, tìm cách hại lẫn nhau để cầu lợi cho mình, thậm chí tàn sát nhau đến chôn sống hàng vạn quân, giết chết hàng triệu người mà vẫn không chán. Thảm thương thay! Người hại người!

175. CHỈ BIẾT CÓ MÌNH

Người ta sở dĩ đến nỗi phạm phải muôn nghìn tội lỗi là chỉ vì cái bệnh “chỉ biết có mình”. Vì cớ mình chỉ biết có mình, mình mới suy tính thiên phương bách kế, chỉ muốn cho mình giàu, chỉ muốn cho mình sang, chỉ muốn cho mình sống, chỉ muốn cho mình vui, chỉ muốn cho mình yên, chỉ muốn cho mình thọ, còn người ta nghèo hèn, nguy khổ, lụn bại, chết chóc, nhất thiết là chẳng nghĩ gì đến cả. Bởi thế mà sinh ý chẳng liên can, thiên ý đến tuyệt duyệt, tuy có hình người, kỳ thực không khác gì cầm thú.

Ví bằng trừ bỏ cái bệnh “chỉ biết có mình” tâm địa rộng rãi, công minh, giàu sang, nghèo hèn, vui khổ, sống chết đều cùng chung với cả loài người thì sinh ý quán triệt, ai nấy được hả lòng mà thiên lý giữ được trọn vẹn. Thế là thân ta cùng với muôn vật là nhất thể vậy.

Tiết Huyên

176. THỞ DÀI

Ông Hải Tiều Tử lúc thư công việc, thường hay thở dài.

Môn nhân hỏi:

Tiên sinh hay thở dài như vậy là cớ làm sao?

Ông nói:

Ta ước gì các nước trên mặt đất thân yêu nhau để cho bao nhiêu binh cách phải xếp bỏ cả một chỗ.

Ta ước gì người quân tử lại tiến dẫn quân tử để cho bao nhiêu quân tiểu nhân phải lui về hết sạch.

Ta ước gì những trai có vợ, gái có chồng ai nấy đều yên phận để cho giáo hóa được rõ ràng.

Ta ước gì nhân dân biết giữ gìn tính mệnh mà chăm làm ăn để cho hàng năm được mùa sung sướng.

Ta ước gì ai ai cũng biết con đường phải mà noi theo để không phụ cái chí Thánh hiền thời cổ.

Ta ước mãi mà chưa được, nên ta mới thở dài.

Hải Tiều Tử

GIẢI NGHĨA:

Hải Tiều Tử: tức Vương Sùng Khánh người đời nhà Minh đỗ Tiến sĩ, là quan đến Lại bộ thượng thư là một nhà trước thuật có tiếng bấy giờ.

LỜI BÀN: Các nước mà tàn bạo sát phạt lẫn nhau để tranh giành, cướp đất của nhau. Những quân gian ác mà cầm quyền giữ chính để cho những bậc hiền tài phải vùi dập. Nam nữ mà dâm ô mất hết liêm sỉ, làm cho phong hóa suy đồi. Nhân dân mà ngu dốt, lười biếng để đến nỗi phải đói rách. Học thuật mà sai lầm để đến nỗi đi vào con đường không hay. Cuộc hòa bình, sự kén nhân tài, nền phong hóa, việc dân sinh, sự giáo dục của loài người mà đồi bại đến nỗi như thế thì còn gì mà không khiến cho người ta phải chán ngán, phiến bực cho đời nữa! Ôi! Năm câu ước của Hải Tiều Tử đây bao giờ mới thành, để cho ông cùng cả bao nhiêu người có chút quan niệm đến quốc kế dân sinh, giáo hóa phong tục, không đến nỗi phải cất tiếng lên mà thở dài

nữa?

---

177. THẰNG ĐIÊN

Các anh có trông thấy người phải bệnh điên bao giờ không?

Đương lúc hôn mê rồ dại, người điên lăn xuống nước dẫm lên lửa, đâm vào chông gai, mặt hớn hở miệng nghêu ngao, vẫn tự tin cho mình là phải.

Đến khi gặp thầy thuốc hay, hết cách chạy chữa, người điên khỏi dần và tỉnh lại.Bà con kể lại chuyện người ấy lắm lúc đang có bệnh điên, thì người ấy rùng mình lấy làm khổ. Bà con kể lại chuyện người ấy lúc uống thuốc tỉnh dần, thì người ấy vui vẻ lấy làm mừng và ân hận gặp thầy, gặp thuốc muộn quá.

Ấy người phải bệnh điên vừa còn chữa được thì như thế. Chớ nếu là người phải bệnh điên nặng không thể chữa được, thì người ấy không những không chịu phục thuốc lại còn mắng thầy thuốc làm cho mất tính thường của mình nữa.

Dương Minh Tử

LỜI BÀN: Bệnh điên nói trong bài đây tức là lòng tự dục nó làm cho con người mê lú như điên cuồng không còn biết phải trái là gì nữa. Nếu người mắc bệnh tư dục còn nhẹ, may nhờ có người dạy bảo cho, thì còn có thể hối ngộ sửa nết lại mà sửa dần tính xấu đi được. Nhưng nếu là người mắc bệnh tư dục nặng quá hoặc có ai muốn giáo hóa cho, thì người ấy chẳng những không hối ngộ sửa nết lại được mà lại còn trách oán cả người giáo hóa, bảo người ấy là làm mình mất cả tính thường đi. Ôi! Đáng sợ lắm thay! Lương tâm mất đi một vài phần, thì còn có thể cứu được, chớ lương tâm mà đã táng tận, thì còn gì là người mong hóa đi được nữa. Cho nên ta phải cố giữ lấy lương tâm. Chớ bảo một cái lỗi nhỏ có phạm vào cũng không can chi. Cái nết đã quen đi rồi, thì khác nào như xuống dốc chỉ có phần lăn xuống, thụt sa lầy, chỉ có phần thụt xuống, chớ không tài nào lăn trở lại hay ngoi lên được nữa.

178. NGƯỜI XUẤT TỤC

Tiếng sấm, tiếng sét không làm thế nào cho nhỏ được tiếng để hòa với tiếng chuông tiếng khánh. Mặt trời, mặt trăng không làm thế nào cho cong được ánh sáng để thấu đến ngõ hẻm, hang cùng. Sông to không làm thế nào mà thu bờ hẹp lại để vừa ý kẻ muốn lội qua. Núi cao không làm thế nào mà rút được ngọn thấp xuống để chiều lòng kẻ muốn trèo chơi.

Cho nên, cũng như cái xe to không thể thu nhỏ bánh để tạm đi qua đường hẹp, người cao sĩ không chịu khuất khúc để hòa đồng với thế lực.

Bão Phúc Tử

GIẢI NGHĨA: Bão Phác Tử: tức ông Cát Hồng, người đời nhà Tấn, có làm pho sách nhan là Bão Phác Tử, vừa nói về thần tiên vừa nói về chính trị.

LỜI BÀN: Chính ý bài này cốt tỏ rõ thế nào là một người cao sĩ xuất tục. Nhưng tác giả không định nghĩa người xuất tục là gì, tác giả tìm mấy sự ở ngoài mà ví vào người, khiến cho ta đọc hiểu rõ ngay, tục với xuất tục đại để khác nhau như thế nào. Tiếng sấm vời tiếng chuông, ánh sáng mặt trời với ngõ hẻm, sông to với người muốn lội, núi cao với người muốn trèo, xe bánh rộng với đường hẹp, khác nhau xa làm sao, không đon được nhau thế nào, thì người xuất tục khác người tục và không hòa đồng với người tục cũng như thế.

179. VỢ THẦY KIỆN

Có một người thầy kiện rất giỏi. Mỗi khi thảo đơn kiện cho ai, định buộc tội gạt lỗi cho nhiều người mà ý nghĩ chưa được sâu sắc, lời nói chưa được chặt chẽ, thì cứ ngồi yên một chỗ để cấu tứ. Những lúc ấy, thường dặn người nhà, có khách hỏi, không được cho vào, cả đến vợ cũng phải lánh xa ở một buồng khác.

Vợ người thầy kiện trước kia vẫn đã cùng người láng giềng đầu mày cuối mắt chỉ vì không dịp, không chỗ cho nên dòm dỏ đã hơn một năm, mà chưa được thân cận với nhau. Bây giờ biết thế, mỗi khi gặp người thầy kiện cấu tứ thì người vợ bèn lại chuyện trò quấy rối để phải mắng, phải đuổi tránh đi chỗ khác.

Thành vì thế mà người vợ với người láng giềng được bao nhiêu cơ hội đi lại với nhau luôn, kể hàng bao nhiêu năm mà không ai biết.

Sau người thầy kiện vì cấu tứ mãi mà chết. Người vợ chửa hoang phải nhà chồng kiện.

Quan sát xét căn do việc đi lại với ai. Người vợ thầy kiện phải thú thực.

Quan vỗ bàn, thở dài nói:

Ngòi bút của người thầy kiện đã khéo, ai ngờ cơ trời còn khéo hơn!

Duyệt Vi

LỜI BÀN: Thầy kiện tức là luật sư. Luật sư là người hơn ai hết, hiểu thấu các tinh túy của luật pháp, nếu rõ nỗi u ẩn của nhân dân. Chính phủ nhờ có luật sư mà thêm sáng việc, quần chúng nhờ có luật sư mà đỡ hàm oan. Vậy làm thầy kiện mà gỡ tội cho kẻ oan, đáng trọng biết bao nhiêu, thì buộc tội cho người ngay hay bênh vực kẻ gian ác, đáng khinh bấy nhiêu. Người thầy kiện nói trong bài này là một tay giảo hoạt chắc đã nhiều lần, lấy lý mà thắt người ngay vào tội ghê gớm lắm. Bởi vậy tác giả mới thuật lại chuyện này, nói người thầy kiện vừa tự hại mình, lại để cho vợ phản mình, có ý dạy người tuy khôn khéo đến đâu, cũng không lọt được vành Tạo vật. Tạo vật thường vẫn ghét người xảo, bao giờ cũng bắt sẵn cái cân để cân lại cho công bằng. Nhiều khi muốn hại người, người chẳng thấy đâu, lại chỉ thấy cái hại nó quay ngay vào chính mình trước.



180. ÁC NGẦM

Vua Ngụy đem một người con gái đẹp dâng vua Kinh. Vua Kinh lấy làm thích và yêu lắm.

Phu nhân là Trịnh Tụ biết thế, chính mình cũng yêu mến người con gái, có khi lại yêu mến hơn vua. Người con gái ấy muốn ăn mặc, chơi bời gì, phu nhân cũng đều sắm sửa cho đủ cả.

Vua khen:

Phu nhân biết ta yêu mến tân nhân, mà đem lòng yêu mến tân nhân quá ta thật có khác nào như người con có hiếu thờ cha mẹ người bầy tôi trung thờ vua vậy.

Phu nhân đã chắc bụng vua không ngờ mình là người ghen, nhân dịp mới bảo tân nhân rằng:

Vua yêu mến nhà ngươi lắm, nhưng ghét cái mũi ngươi. Giá từ nay, hễ ngươi trông thầy vua, ngươi cứ che lấy cái mũi đi, thì vua yêu mến được mãi đấy.

Tân nhân theo lời, từ đó mỗi khi trông thấy vua, là che mũi lại.

Vua thấy thế, bảo phu nhân rằng:

Tân nhân trông thấy ta mà cứ che mũi là ý làm sao?

Phu nhân trước thưa:

Tôi không được rõ.

Đợi vua cưỡng hỏi nữa, mới thưa rằng:

Tôi nghe đâu như tân nhân có nói hơi vua khí nặng lấy làm khó chịu.

Vua phát giận bảo:

À nếu thế thì xẻo mũi nó đi.

Vua nói đoạn, thì một viên quân hầu cầm dao ra xẻo ngay mũi tân nhân. Vì phu nhân đã dặn trước, hễ thầy vua phán gì, là làm ngay lập tức.

Hàn Phi Tử

GIẢI NGHĨA:

- Ngụy: tên một nước về thời Chiến Quốc ở về phía bắc tỉnh Hà Nam và phía tây nam tỉnh Sơn Tây ngày nay.

- Kinh: tức là nước Sở thời Chiến Quốc ở về Hồ Nam, Hồ Bắc ngày nay.

LỜI BÀN:

Phàm người đời cái gì đáng ghét mà lại yêu, cái gì muốn tranh mà lại nhường, làm trái hẳn thường tình, đều là những người dụng tâm một cách nham hiểm cả. Sự yêu ấy chính là cái giết ngầm, sự nhường ấy chính là cái cướp sạch. Đáng thương cho những kẻ ngu mê nông nổi dạ thật tin người để đến nỗi mắc vào lưới cạm mà không biết.

Trong chuyện này người con gái thì khờ dại, vua Kinh thì quá tin. Hai người có hai cái tật như thế, thì tránh sao cho khỏi sự dụng tâm độc ác của phu nhân. Than ôi! Người đang xinh đẹp mà bị cắt mất mũi, bụng đang yêu mến mà để hỏng mất của yêu, ghê gớm thay cho cái lòng nham hiểm, cái mưu thâm độc của Trịnh Tụ.

181. BẢY CÔ VỢ LẼ

Ông Phật Ấn là bạn thân của ông Tô Đông Pha, khi trò chuyện hai ông thường đùa bỡn cợt nhả.

Đông Pha có bảy người thiếp.

Một hôm, Phật Ấn đùa bảo Đông Pha rằng:

Sao mà bác lấy nhiều thiếp thế? Bác có chịu bằng lòng tặng tôi được cô thiếp thứ bảy không?

Đông Pha cười nói:

Sao lại không được?

Rồi Đông Pha về nhà đem chuyện nói vời người thiếp.

Người thiếp thưa:

Đó là chuyện nói đùa nhau chứ gì.

Đông Pha nói:

Ta đã hứa rằng cho, thì không nên sai lời. Bây giờ nàng cứ xem ra thế nào.

Chập tối. Tô Đông Pha cho xe người thiếp đến.

Phật Ấn đón người thiếp cho vào nằm trong buồng, rổi bỏ màn xuống. Trước buồng đã đặt sẵn bảy cái hỏa lò cái nào cũng đầy than đỏ rực. Ông bước qua từng cái một, bước qua hết một lượt, rồi lại bước lại cứ thế suốt đêm. Đến sáng ông cho xe người thiếp về trả.

Người thiếp về kể lại đầu đuôi câu chuyện. Đông Pha chợi nghĩ ra, nói rằng:

Bảy cái hỏa lò là chỉ vào bảy người thiếp của ta, giống như bảy cái hang lửa. Ông làm ra như thế, là ông có ý bảo ông đã vượt ra được ngoài sắc dục còn ta thì lại sa ngã đắm đuối vào đấy. Ông này ý muốn làm cho ta tỉnh ngộ chăng.

Dục Hải Từ Hàng.

GIẢI NGHĨA:

Phật Ấn: tên một vị cao tăng có tài hùng biện đời nhà Tống.

Tô Đông Pha: tức là Tô Thức, người đời nhà Tống có tiếng giỏi về

văn chương, thi, họa.

LỜI BÀN: Đông Pha là một bậc tài học phong lưu, Phật Ấn là một nhà tu hành đắc đạo. Người phong lưu thì chỉ cốt đời người cho sung sướng là thỏa lòng, nhà tu hành thì chỉ cốt trí tuệ cho cao minh là mãn nguyện. Cứ bình tĩnh mà nói, thì ai là người chẳng thích phong lưu. Nhưng có biết đâu, "Phong lưu là cạm ở đời, hồng nhan là bả con người tài hoa". Bao nhiêu thị dục thường hại cho người ta hết cả. Xưa nay kể sao cho xiết được những kẻ vì thị dục, mà mất hết cả tính thiêng liêng mầu nhiệm, mà hỏng hết cả phẩm giá, thanh danh. Trong các món thị dục, thì sắc dục có phần tệ nhất. Dâm là cái tội ở đầu muôn tội. Muỗn tránh tội ác, cần phải giới dâm.

Phật Ấn đây thật có ý thương có lòng yêu Đông Pha lắm. Chơi với anh em mà bày trò ra như thế để khuyên anh em. Cũng là một cách thuyết pháp thực tế mà cảm hóa được người ta sâu xa vậy.

182. GÕ NHỊP MÀ HÁT

Vợ Trang Tử chết.

Huệ Tử đến viếng, thấy Trang Tử đang ngồi duỗi xoạc hai chân, tay gõ nhịp vào bồn nước mà hát.

Huệ Tử bảo: Mình đã ăn ở với người ta, có con với người ta. Bây giờ người ta già, người ta chết, mình đã không khóc thì cũng là đủ, lại còn ngồi gõ bồn mà hát, chẳng là quá lắm ư!

Trang Tử nói: Không phải thế. Lúc vợ tôi mới chết tôi cũng lấy làm thương tiếc lắm. Nhưng xét cho cùng thì vốn là không có gì cả, chẳng những không có gì mà vốn lại không có hình, chẳng những không có hình mà vốn lại không có khí, cái người ấy chẳng qua là tạp chất biến mà hóa ra có khí, khí biến mà hóa ra có hình, hình biến mà hóa ra có sinh, có sinh lại biến ra có tử, có khác nào như xuân, hạ, thu, đông, bốn mùa cứ tuần hoàn đi lại không? Vả lại người ta chết là trở về với tạo hóa, cũng như người ra ngoài mà về nhà, thế mà ta cứ còn theo đuổi nghêu ngao khóc lóc, thì chính ta chẳng hóa ra không biết mệnh trời ư? Cho nên ta không khóc mà lại còn hát nữa.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA

Trang Tử: tên là Chu, người thời Chiến Quốc, học rộng và cao, theo tôn chỉ Lão Tử, có làm sách, phần nhiều là ngụ ngôn.

Huệ Tử: tức là Huệ Thi người thời Chiến Quốc, có tài khéo nói, là bạn thân của Trang Tử

Bồn: chậu nước rửa xác cho người chết

LỜI BÀN

Vợ chết đáng là một nỗi đau đớn to, chồng nào mà cầm lòng không thương, không xót, không tiếc, không sụt sùi giọt ngắn giọt dài cho đậu. Thường tình như thế. Nên Huệ Tử trách Trang Tử chỉ vì lẽ thường tình.

Trang Tử đáp thế lại là lấy một cái lẽ cao xa, siêu việt hẳn ra ngoài cái thường tình. Ta không rõ cái thuyết của Trang Tử vốn tự cho người ta từ chỗ không, do khí do hình mà sinh ra để đợi lại trở về chỗ không

có đúng với khoa học hay không. Nhưng rất giống thuyết nhà Phật. Ta chỉ lấy thường tình mà suy nghĩ thì có lẽ Trang Tử quá thương tiếc vợ nên đem cái đạt quan nói với Huệ Tử để vừa tự giải, vừa tự an ủi cho đỡ đau khổ chăng?

183. LIÊM, SỈ

Liêm, sỉ là tính rất hay của loài người, vì người mà không liêm thì cái gì cũng lấy, không sỉ thì việc gì cũng làm. Người mà đến thế là người bỏ đi, không khác gì giống vật. Nhất là những bậc đứng chủ trương việc nhà, việc nước mà vô liêm, vô sỉ thì nhà phải suy bại, nước phải suy vong.

Nghĩ cho kĩ thì sỉ cần hơn liêm; người không liêm làm những việc bất nghĩa, căn nguyên cũng ở vô sỉ mà ra.

Đức Khổng nói: “Hành kỷ hữu sĩ” nghĩa là giữ mình biết làm xằng là xấu hổ. Thầy Mạnh nói: “Nhân bất khả vô sỉ” nghĩa là người ta không biết xấu hổ thì không được.

Than ôi! Thế mà ngày nay, nhân tình phản trắc, phong tục suy đồi, người ta quên cả liêm, sỉ, không kể chi người thường, thậm chí đến bọn sĩ phu cũng chan chan như thế cả. Ôi! Nếu cho là sự xấu hổ chung cho cả nước cũng không phải là nói ngoa.

Tuy vậy, mùa đông rét mướt, tùng bách vẫn xanh; mưa gió tối tăm, gà trống vẫn gáy. Đời tuy hôn mê vẫn có người tỉnh.

Ông Nhan Chi Thôi làm sách “gia huấn” có thuật câu chuyện rằng:

“Một viên quan nói với ông: Tôi có đứa con 17 tuổi học đã thông. Tôi cho nó học tiếng nước Tiên Ti, học gảy đàn tỳ bà, lớn lên theo hầu đám công khanh, thì thế nào rồi cũng được sung sướng.

Nhan Chi Thôi nghe nói nín lặng không trả lời. Sau về nhà bảo con cháu rằng:

- Người này dạy con lạ thay. Như ta, nếu học cách ấy, thì dù cho được phú quý đến đâu, ta cũng không mong cho các con vậy”.

GIẢI NGHĨA

Nhan Chi Thôi: nhà văn tự giỏi có tiếng thời Nam Bắc triều

Tiên Ti: tên một nước cũ, tức một bộ phận Nội Mông Cổ bây giờ, Tiên Ti vào chiếm nước Tàu, đặt tên nước Ngụy, tức là Bắc triều.

LỜI BÀN

Bài này thực đã là một tiếng than cho đời mà ngán cho người. Than ôi! Người đời bấy giờ có phải đa số là người “vô liêm sỉ”, “bất trí sĩ”

không? Nếu quả vậy thì người ta than thở là rất phải. Vì “liêm”, “sỉ” là nền tảng của đạo làm người. Ở đời còn có sỉ thì hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm còn được, chớ liêm sỉ đã mất, nhất là sỉ thì còn gì là luân thường đạo lý, và mong trông cậy vào đâu nữa. Con người mà đã đến vô sỉ thì tuy mặc áo, đội mũ mà như con chim, con muông, còn cái gì là kiêng nể mà không dám làm!

184. TIỄN NGƯỜI ĐI LÀM QUAN

Tiết Tôn Nghĩa, người Hà Đông sắp đi làm quan.

Ông Liễu Tôn Nguyên làm tiệc tiễn hành ở bờ sông, rót chén rượu mời Tôn Nghĩa mà nói rằng:

- Phàm ra làm quan ở hạt nào, phải biết chức phận của mình là người làm việc cho dân, chớ không phải sai dân làm việc cho mình. Dân ở trong hạt đã chịu nộp thuế để lấy tiền thuê quan giữ sự công bình cho dân, mà nay, ngán thay, thiên hạ ra làm quan, tiền thuế của dân thì biết lấy cả, còn công việc của dân thì trễ biếng, thường khi lại dụng tâm ăn cắp của dân nữa.

Giả sử ta đây thuê một người làm việc trong nhà, nó đã lấy tiền thuê mà lười không làm việc, lại còn ăn cắp đồ thập vật trong nhà, thì tất ta phải giận mà trách phạt và đuổi nó đi. Bây giờ làm quan như thế nhiều mà dân không dám nổi giận và trách phạt là tại làm sao? Chỉ tại thế lực khác không làm được thôi. Nhưng thế lực dù khác mà lý vẫn là một. Nên người làm quan nếu còn biết công lý thì ai mà không chịu giữ gìn, cố làm thế nào cho đáng đồng tiền thuê của dân.

Này Tôn Nghĩa, ngươi trước làm quan huyện ở Linh Lăng hai năm, ngày ngày dậy sớm, đêm đêm thức khuya, chính sự siêng năng, xử kiện công bằng, thu thuế phải chăng, già trẻ không ai đem lòng thù ghét, ngươi thật là biết lo và giữ gìn lắm, cho nên ngươi lấy tiền thuê của dân rất là đáng vậy.

Ta đây chức nhỏ không được dự vào việc bàn bạc xét công cho ngươi đi làm quan, để thăng thưởng hay trách giáng. Ta chỉ biết ngươi đi làm quan, nên thưởng tiệc rượu này lấy lời trân trọng để tiễn hành.

Liễu Tôn Nguyên

GIẢI NGHĨA

Hà Đông: khu đất ở về phía đông sông Hoàng Hà trong tỉnh Sơn Tây bên Tàu.

Liễu Tôn Nguyên: người Hà Đông, đời nhà Đường, lanh lợi tài giỏi, đỗ Tiến sĩ, làm chức Thứ sử, văn thơ có tiếng ở nước Tàu.

Linh Lăng: tức là phủ Vĩnh Châu, tỉnh Hồ Nam ngày nay

Trách giáng: quở phạt và hạ chức xuống

LỜI BÀN

Bài của Liễu Tôn Nguyên đây thực là hợp với cái ý tưởng tối tân ngày nay. Quan nay không phải là cha mẹ dân, chỉ là kẻ làm công, lấy tiền thuê của dân mà thôi! Ôi! Từ cái bực làm cha mẹ người ta đến cái bực làm kẻ thuê mướn của người ta xa cách nhau đến chừng nào! Tuy vậy, bình tĩnh mà nói, bỏ giọng quá khích, tôi tưởng người cầm vận mệnh dân chúng một địa phương mà thiếu tư cách, chỉ biết làm thuê, không nhận chân coi việc nước như việc nhà, coi dân chúng như con em. Hỏi việc làm có chu đáo và dân có được nhờ không? Cả quyết không. Nhất định người làm quan phải làm thế nào cho dân coi như phụ mẫu mới đáng là làm quan. Vì buổi mạt tục này, người làm quan phần nhiều quên cả thiên chức, tham ô tàn ác, cho nên người ta mới dùng hai chữ “công bộc” để cảnh tỉnh họ và cố đưa họ đến chỗ hiểu chức vụ. Vậy chính người làm quan nên vui lòng tự nhận là công bộc mà cố gắng sao cho dân chúng coi như cha mẹ nha lại sợ như thần minh thì mới thật là làm quan vì dân vì nước vậy.

185. VIẾNG NGƯỜI ĐI LÀM QUAN

Tôn Thúc Ngao được làm lệnh roãn nước Sở.

Cả nước quan, dân đều mừng.

Sau cùng có một ông lão già mặc áo vải, đội mũ trắng đến viếng.

Tôn Thúc Ngao thấy thế ăn mặc chỉnh tề ra tiếp kiến, thưa với ông lão rằng:

- Vua chúng tôi khôn biết tôi là người bất tài, quá tin mà cho làm quan để tôi làm lụy cho lại, cho dân. Ai ai cũng đến mừng, một mình lão đến viếng chắc là có ý kiến gì đây chăng.

Ông lão nói:

- Có. Thân đã sang mà khinh người dân thì không chuộng; chức đã cao mà chuyên quyền thì vua sinh ghét; lộc đã hậu mà không tri túc thì gặp phải tai vạ.

Tôn Thúc Ngao vừa vái, vừa nói: Xin kính vâng lời. Và nài ông lão dạy thêm cho mấy câu nữa.

Ông lão bảo:

- Chức đã cao ý càng phải nghiêm cung; quan đã to làm càng phải tế nhị; lộc đã hậu việc càng phải cẩn thận, chớ có lấy càn, làm bậy. Ông giữ được ba điều ấy là đủ trị dân.

Thuyết Uyển

GIẢI NGHĨA

Tôn Thúc Ngao: quan tướng giỏi nước Sở thời Xuân Thu, ông là nhà cai trị, rất có giá, nước Sở nhờ ông mà được bình trị.

Lệnh roãn: chức quan cầm quyền chính trong nước

LỜI BÀN

Đầy mà không để ràn rụa, bố thí luôn mãi là cách giữ được giàu bền. Cao mà không dám ngông cuồng, tự nhiên như không giữ được sang mãi.

Ở đời nhiều người bần tiện biết tri đức mà được giàu sang; ít người giàu sang biết tri đức để được lâu dài hưởng thụ. Sao vậy? Vì xử cảnh giàu sang dễ sinh ra kiêu sa, phóng đãng mà đã kiêu sa phóng đãng là

cái hoạn nạn tai vạ nằm sẵn ở đấy rồi. Cho nên lời ông lão dặn Tôn Thúc Ngao đây thực là có giá lắm. Chả những người làm quan nên tuân theo, ai nay mà được xử vào cảnh thịnh vượng cũng nên nhớ câu khuyên răn này mà phục thiện như Tôn Thúc Ngao đây, thì mới mong trường cửu được.

---

186. ĐỨC UỐNG RƯỢU

Có một tiên sinh đại nhân lấy trời đất làm một buổi, lấy muôn năm làm một chốc, lấy mặt trời mặt trăng làm cửa làm ngõ, lấy cả thiên hạ làm sân làm đường, đi không thấy vết xe. Ở không có nhà cửa, trời tức là màn, đất tức là chiếu, ý muốn thế nào thì thế. Lúc ở thì nâng chén cầm bầu, lúc đi thì vác chai xách nậm, lúc nào cũng chỉ có việc rượu chè, không còn biết đến việc gì nữa.

Có một vị công tử và một vị quan sang nghe tiếng tiên sinh như thế, bèn đến tận nơi xắn tay vén áo, người thì trừng phạt nghiến răng, người thì trần lễ thuyết pháp, những giọng thị phi đâu bấy giờ ầm ĩ xôn xao như đàn ong vậy.

Lúc đó tiên sinh mới ôm vò rượu, ghé vào thùng rượu, tợp cả chén rượu, phùng mồm những rượu, vểnh bộ râu lên, ngồi dạng hai chân, gối đầu vào men, lăn lưng vào bã, không nghĩ, không lo, hớn hở vui thú, ngất ngưởng say sưa, thoáng rồi lại tỉnh. Lắng tai cũng không nghe thấy tiếng sấm sét; nhìn kỹ cũng không trông thấy hình Thái Sơn; nực rét thiết đến thân cũng không biết; lợi dục cảm đến tình, cũng không hay; cuối xuống trông vạn vật rối rít trước mắt khác nào như bèo nổi bồng bềnh trên sông Giang, sông Hán.

Hai vị kia đứng cạnh, tiên sinh bấy giờ xem cũng như con tò vò, con sâu róm mà thôi.

Lưu Linh

GIẢI NGHĨA

Tiên sinh đại nhân: nghĩa thẳng là ông thầy bực kẻ cả. Đây Lưu Linh dùng bốn chữ ấy để chỉ chính mình.

Thái Sơn: núi to vào cao nhất ở tỉnh Sơn Đông bên Tàu

Thiết: thấu đến

Lợi dục: tiền của và lòng ham muốn

Vạn vật: muôn vật ở trong trời đất

Sông Giang: con sông rất to ở bên Tàu, hạ lưu tức tức là con sông Dương Tử Giang.

Sông hán: tức là sông Hán Thủy, phát nguyên ở Thiểm Tây và chảy

vào sông Giang

Lưu Linh: tên tự là Bá Luân, là người phóng đạt làm quan đời nhà Tần đến chức Kiến uy tường quân.

LỜI BÀN

Nói đến say rượu thì ai cũng phải nhắc Lưu Linh mà Lưu Linh sở dĩ còn lưu danh lại cho ta biết là nhờ bài "Tửu đức tụng" ta dịch trên này.

Uống rượu say được như tiên sinh thực là hiếm có. Say mà đến lấy trời làm màn, đất làm chiếu, trút sạch được hết lợi, dục, quên bỏ được hết việc đời, kẻ sang giàu người quyền thế trông chỉ còn như con sâu róm, con tò vò, thì quả là một cái say thú vị, làng say vị tất đã mấy ai hưởng được. Nên tưởng những kẻ chưa tới được cảnh say, chưa biết cái thú say như thế là gì, cũng chẳng nên nghị luận cái say, cười người say chưa thấy đâu, lại phải người say cười lại. Còn những hạng người say mà nói nhảm làm càn, phạm vào những điều thương luân, bại lý mà vin Lưu Linh thì lại là tội nhân của Lưu Linh chớ không phải đồ đệ của Lưu Linh. Nói rộng ra: Giới tửu mà không uống rượu theo đúng như Phật dạy cố nhiên là đáng trọng, nhưng uống rượu mà vui tươi tao nhã như thần tiên, thì cũng không thể coi khinh được.

187. LÀNG SAY

Ngày trước, ta thường đến một làng kia, vừa bước chân vào thì chuếnh choáng, nghiêng ngả, mờ mịt, lu bù, trông trời như thấp, trông đất như cao, mặt trời mặt trăng như không có ánh sáng. Mắt ta mờ, tai ta ù, tâm thần ta mê hoặc, thân thể ta mệt nhọc. Ta mới hỏi người rằng: Đây là làng gì? Người nói: Đây là nơi vui say, sẵn của ngon bùi, tha hồ ăn uống, phóng phiếm. Tục truyền là "Làng say".

Than ôi! Đây gọi là làng say? Cổ nhân nói dối ta thật. Ta thường than cho lũ Lưu Linh, Nguyễn Tịch, đương lúc trong nước lục trầm, bốn phương rối loạn mà những tay giỏi giang sinh ra chán đời, dông dài liều lĩnh, thất thểu rủ nhau vào làng say. Cứ như ý riêng ta thì trong làng say không có gì là vui cả…

Hoặc có kẻ nói: Đến đây cho nguôi những sự lo nghĩ. Ôi! Cái lo nghĩ mà còn có cách nguôi được thì không phải là lo nghĩ. Nếu quả nhiên có điều gì đáng lo, thì bất tất phải tìm cách giải. Huống chi làng say này không thể giải được lo. Vậy thì người vào làng say đều là người vô lo vô lự cả.

Than ôi! Tự đời Lưu Linh, Nguyễn Tịch đến bây giờ, khắp cả thiên hạ đâu cũng có làng say. Làng say càng đông thì thiên hạ càng vắng. Mờ mịt, say sưa, ẻo lả, yếu đuối, ai đã vào làng say, không biết lối mà ra, gián hoặc có người vào làng say mà không mê, thì lại phải những kẻ đã mê hoặc bại loạn, chê bai, nói cười mai mỉa, thế mới thật là lũ say ở làng say.

Đái Danh Tế

GIẢI NGHĨA

Lưu Linh, Nguyễn Tịch: hai người đời nhà Tấn, tính phóng đại hay rượu mà không thiết gì đến việc đời.

Đái Danh Thế: người đời Khang Hi nhà Thanh đỗ Tiến sĩ, tài danh nổi tiếng, chuyên riêng về sử học, về sau bị nhà Thanh làm tội, vì ông làm sử có ý tôn nhà Minh.

LỜI BÀN

Làng say tức là chỉ tụi người say rượu. Mà phàm ai đã bước chan vào làng say cũng cho là gặp nơi vui thú cả. Thường lại viện những lẽ

này lẽ khác, tưởng như chính đáng nhất là cái lẽ đỡ lo đỡ nghĩ. Ôi! Những đã gọi là việc đáng lo, đáng nghĩ, thì tưởng càng phải nên tỉnh để mà lo nghĩ chi phân minh sáng suốt, chớ say thì lo nghĩ sao được. Cái say chính là cái làm cho bại hoại hết công việc. Việc to tày trời đến lúc say cũng còn bỏ, huống còn mong sao cho làm nên việc thường hàng ngày nữa.

188. TREO KIẾM BÊN MỘ

Duyên Lăng Quý Tử sang sứ nước Tấn có đeo thanh bảo kiếm qua chơi với vua nước Từ.

Vua nước Từ ngắm thanh kiếm ra dáng thích muốn xin mà không nói ra.

Duyên Lăng Quý Tử, vì còn phải đi sứ thượng quốc, tuy chưa dâng vua Từ được thanh kiếm ấy, nhưng trong tâm đã định cho.

Khi sang sứ Tấn xong, về qua Từ, thì vua Từ không may đã mất, đành tháo thanh kiếm đưa cho Tự quân. Các người theo hầu ngăn lại, nói:

Thanh kiếm ấy là của báu của nước Ngô, không phải là thứ để tặng được.

Duyên Lăng Quý Tử nói:

Không phải là ta tặng. Độ trước ta lại đây, vua Từ xem kiếm của ta, tuy chẳng nói ra, mà như dáng muốn lấy. Ta vì còn phải đi sứ thượng quốc, chưa dâng được. Tuy vậy đã định cho. Nay vua Từ chết mà ta chẳng hiến thanh kiếm, thì ta tự dối tâm ta. Tiếc kiếm mà dối tâm, người liêm không chịu làm.

Nói xong bèn tháo kiếm đưa cho Tự quân.

Tự quân nói:

Tiên quân tôi không có dặn lại việc ấy, tôi không dám nhận kiếm.

Quý Tử bèn treo thanh kiếm vào cái cây ở mộ vua Từ, rồi đi.

Người nước Từ ai cũng khen Duyên Lăng Quý Tử không quên người thân cố, đem thanh gươm báu treo vào cây bên mộ.

Tân Tự

GIẢI NGHĨA:

Tấn: nước lớn thời Xuân Thu ở vào địa phận tỉnh Sơn Tây ngày nay.

Từ: tức quận Đông Hải ngày nay.

Thượng quốc: tiếng gọi tên một nước to mạnh hơn mà mình phụ thuộc vào.

Tự quân: vua mới lên ngôi.

Tiên quân: tiếng để gọi vua cha đã mất.

Thân cố: thân bằng cố cựu.

LỜI BÀN: Lúc vua Từ có ý lấy thanh kiếm, thì Quý Tử không tự ý đưa được, vì công việc phải làm còn chưa xong. Đến lúc Quý Tử có thể tặng thanh kiếm được, thì vua Từ không sao nhận được nữa, vì đã thác mất rồi. Giá phải người tầm thường, xử vào cái địa vị Quý Tử thì tuy trong bụng có điều hối hận, nhưng cũng tiếc thanh kiếm mà đem về nước. Nhưng Quý Tử vốn là người trong tâm đã nghĩ làm sao thì phải làm cho kì được như thế mới nghe, cứ đem thanh kiếm treo tại mộ vua Từ. Người ta tuy khuất, nhưng tâm mình vẫn còn, mà mình không muốn dối tâm mình thực là liêm lắm vậy. Chẳng bù với những kẻ đã tự dối mình lại đi dối cả thiên hạ, nhất là đối với người đã khuất tuy có hẳn lời hứa đinh ninh mà rồi nuốt ngay lời đi được.

189. CHẾT VÌ LỄ NGHĨA HAY VÌ TÌNH

Ngũ Tử Tư gặp phải nạn vua Sở giết cha, giết anh chạy trốn sang nước Ngô, định tìm cách báo thù. Giữa đường bị ốm và hết lương, phải ăn mày mà ăn. Tình cờ gặp một cô con gái đang đập sợi ở bờ sông Lại Thủy, bên cạnh có giỏ cơm.

Tử Tư đến gần nói:

Thưa cô, cô sẵn cơm đây, cô có làm phúc cho tôi được một bữa không?

Cô con gái đáp:

Tôi ở một mình với mẹ năm nay ba mươi tuổi, chưa có chồng. Ông đứng lui ra, cơm tôi, tôi ăn không thể cho được.

Tử Tư nói:

Thưa cô, cô nhủ lòng thương cho kẻ cùng đồ này ít cơm, thì có ngại gì tai tiếng.

Cô con gái biết Tử Tư không phải người thường, bèn mở giỏ cơm cho với cả tương, dưa nữa. Tử Tư ăn no, cô con gái bảo:

Quân tử đi xa, sao không ăn thêm cho rõ no nữa?

Tử Tư ăn xong lúc đứng lên đi, bảo cô con gái rằng:

Cô che đậy giỏ cơm, bầu nước này đi, chớ để cho lộ chuyện.

Cô con gái thở dài, nói rằng:

Than ôi! Thiếp một mình ở với mẹ năm nay ba mươi tuổi, một lòng trinh bạch, không tai tiếng gì. Nay đưa cơm cho trượng phu ăn, qua vượt cả lễ nghĩa, thiếp lấy làm khổ tâm lắm.

Tử Tư đi được mấy bước, ngoảnh lại trông thì cô con gái đã đâm đầu xuống sông rồi.

GIẢI NGHĨA:

Ngũ Tử Tư: tên là Viên, người nước Sở thời Xuân Thu vì cha, anh báo thù mà giết được vua Sở.

Lại Thủy: tên sông ở vào huyện Lật Dương, tỉnh Giang Tô ngày nay.

LỜI BÀN:

Một người cùng đồ đang đói mà gặp một người có cơm cho ăn mà người ấy lại là một cô con gái nhan sắc, một cô con gái đã đứng tuổi, chưa chồng, mà cứu được một người dạng bộ trông rõ ra một đấng trượng phu không phải kẻ tầm thường, cái cảnh ngộ của đôi bên tuy là tình cờ gặp gỡ, nhưng biết đâu mà trai anh hùng gái thuyền quyên lại không bỗng dưng sinh ra lòng quyến luyến, yêu thương nhau. Mối tình nó thường khiến ra như thế. Nhưng chàng ăn xong chàng đi , thiếp ở lại còn một mình, chàng lại dặn thiếp đừng để lộ chuyện, chắc chàng đang tính đại sự, thiếp đâu lại dám để hại chàng. Vả chăng thiếp là con gái mà đã trò chuyện với trai, lại cho trai ăn cơm của mình, vượt qua cả lễ nghĩa quá nghiêm đời bấy giờ, đường kia nỗi nọ thật là là khó tính. Chi cho bằng thiếp liều mình thiếp, vừa trọn tình với chàng, bền chí cho chàng lại vừa giữ được nghĩa với đời chẳng là đôi đường vẹn đôi ư! Ôi! Tình như thế cũng là tình, một cái tình để thơm muôn thưở ai mà chẳng phải kính phục.

190. VÌ NGHĨA NÊN TÌNH

Một người thiếu nữ họ Trương ở nhà chồng tại Tô Thành về thăm cha mẹ đẻ. Có tiên thị tỳ, mang hộp đồ nữ trang theo hầu, chẳng may giữa đường đánh rơi, lâu lâu mới biết, trở lại tìm, thì thấy có người ăn mày đang ngồi giữ hộp ấy. Tên thị tỳ hoảng hốt nói, thì người ăn mày liền trao trả và nói rằng:

Ta đã cùng khổ đến thế này mà lại còn cuỗm thêm những của vô cớ, thì mong khá sao được.

Tê thị tỳ mừng lắm, lấy một chiếc thoa ra tạ. Người ăn mày cười nói:

Bao nhiêu của chẳng lấy, lại lấy một chiếct thoa ư!

Tên thị tỳ nói:

Tôi mà đánh mất cái hộp đồ nữ trang này thì đến chết mất. May mà người được, người trả lại cho, thế là người cho tôi của, lại cứu tôi sống vậy. Dù người không màng báo, tôi cũng không dám quên ơn. Nhà tôi ở ngõ... từ nay về sau, sớm trưa tôi xin đợi người đến cửa, xẻ phần cơm của tôi để người ăn.

Nhưng cô ở trong nhà, tôi làm thế nào mà thấy được?

Trước của nhà tôi, có cây trúc cao, người cứ rung cây, là tôi khác biết

Người ăn mày sau cứ làm như lời.

Tên thị tỳ cũng cứ cho ăn mãi.

Lâu người nhà biết, mách chủ. Chủ ngờ có ngoại tình đem ra tra hỏi, tên thị tỳ phải thú thật.

Người chủ nhà thấy vậy, bèn gọi người ăn mày đến nhà nuôi, rồi gả tên thị tỳ cho.

Sau hai người thành một đôi vợ chồng khá.

Tình Sử

LỜI BÀN: Của không đáng lấy thì một mảy cũng không lấy, anh ăn mày này liêm thật, cái số không giàu thì con mắt tráo trừng cũng vô ích, anh ăn mày này đạt thật. Hoài! Hạng ăn mày mà có duyên may,

mà gặp dịp tốt, thì thật là con người có ích cho xã hội lắm.

Giả sử anh ăn mày này mà lại có cái bụng "ăn mày" như những hạng người đời nay quá xu hướng về vật chất, thì biết đâu vợ chồng nhà kia không vì hộp nữ trang mà đến bỏ nhau, tớ thầy nhà kia, không vì hộp nữ trang mà để có mạng, cả chính anh ăn mày kia không vì được hộp nữ trang mà đeo thêm muôn nghìn tội ác vào thân.

Cùng khổ mà thích làm lành, tôi tớ mà biết trả nghĩa, sau thành vợ chồng, tuy là tình duyên, nhưng cũng là tự mình tạo nên vận mệnh cho mình vậy, đáng khen đáng quý lắm thay!

---

191. NGHĨA CÔNG NẶNG HƠN TÌNH RIÊNG

Quân nước Tề sang đánh nước Lỗ.

Khi đến chỗ giáp giới, trông thấy một người đàn bà một tay bồng một đứa bé, một tay dắt đứa nữa. Người đàn bà thấy quân kéo tới, vội vàng bỏ đứa đang bồng trên tay xuống mà bồng đứa bé đang dắt, rồi chạy trốn vào trong núi. Đứa bé kia chạy theo khóc, người đàn bà cứ chạy không ngoảnh lại.

Một viên tướng nước Tề cho bắt đến, hỏi:

Đứa bé nàng bế chạy là con ai? Còn đứa trẻ nàng bỏ liều là con ai?

Người đàn bà thưa:

Đứa tôi bế là con anh cả tôi, đứa tôi bỏ lại là con tôi. Tôi thấy quân lính kéo đến, sức tôi không thể bảo toàn được cả hai đứa, cho nên tôi đành phải bỏ còn tôi lại.

Viên tướng nước Tề nói:

Con với mẹ kể tình thân yêu thì đau xót lắm. Nay bỏ con mình lại mà chạy lấy con anh là cớ làm sao?

Người đàn bà nói:

Con tôi là "tình riêng" con anh tôi là "nghĩa công". Con đẻ tuy đau xót thật, nhưng đối với việc nghĩa thì tính làm sao. Cho nên tôi đành bỏ liều con tôi mà làm việc "nghĩa". Tôi không thể nào chịu tiếng "vô nghĩa" mà vác mặt sống ở nước tôi được.

Viên tướng nước Tề dừng quân lại, sai người tâu với vua Tề rằng:

Nước Lỗ chưa thể đánh được. Quân ta mới đến chỗ cương giới, đã thấy con mụ đàn bà xó rừng còn biết làm điều "nghĩa" chẳng chịu đem "tình riêng" mà hại "nghĩa công" huống chi là những bậc quan lại, sĩ phu ở trong nước. Xin kéo quân về.

Vua Tề cho là phải.

Sau vua Lỗ biết chuyện này, thưởng người đàn bà một trăm tấm lụa và phong cho hai chữ "Nghĩa có".

Lưu Hương Liệt Nữ Truyện

GIẢI NGHĨA:

- Tề: một nước thời Xuân Thu ở vào toàn hạt tỉnh Sơn Đông ngày nay.

- Lỗ: tên một nước thời Xuân Thu ở vào tự phủ Duyên Châu cho đến Bi Tứ tỉnh Sơn Đông.

LỜI BÀN: Tình với nghĩa cũng là quý, không quyết hẳn được bên nào nặng hơn bên nào. Cho nên ta phải cân nhắc cho cẩn thận, tình nặng hơn nghĩa, thì ta giữ tình, nghĩa nặng hơn tình, thì ta trọng nghĩa.

Như người đàn bà nói trong chuyện đây so cái “tình riêng” đối với “nghĩa công” thì không còn phải do dự gì nữa. Thế nào là tình riêng? là cái lòng yêu riêng của một mình mình. Thế nào là nghĩa công? Là cái việc phải đối với nhà, với nước, với thiên hạ. Tình riêng cứ kể cũng là nặng, nhưng so với nghĩa công thì nghĩa công còn nặng gấp mấy mươi. Nghĩa công đã nặng , thì đến cái thân là yêu nhất của mình ở đời mình, còn có thể hi sinh để mà giữ nghĩa huống chi là những thứ ngoài thân. Nguời đàn bà đây hiểu thấu lẽ ấy nên mới đành đem nghĩa để đoạn tình, chẳng vì tình mà hại nghĩa để giữ lấy nòi giống ông cha nhà chồng. Ngờ đâu cái ảnh hưởng của việc nghĩa ấy còn làm quân ngoại xâm (Tề) phải kéo nhau về, vì chúng nghĩ: “nước người có thể cườp bóc được, về mới cao, sống chung sao được”. Thế mới hay, làm dân một nước mà không biết trọng “nghĩa” là người dân tai hại cho tổ quốc vậy.

192. MẸ KHÔN CON GIỎI

Vương Lăng, người đất Bái là người hào trưởng trong huyện.

Cao Tổ nhà Hán, lúc còn hàn vi, quý Vương Lăng như anh. Khi Cao Tổ khởi binh, đánh dẹp, Vương Lăng có vài nghìn quân, đem đi phụ theo Cao Tổ.

Hạng Vũ thấy thế, bắt mẹ Vương Lăng giam ở trong quận. Sứ giả của Vương Lăng đến, Hạng Vũ bách mẹ Lăng phải dụ Lăng về với mình.

Bà mẹ Lăng, tiễn sứ giả ra một mình, khóc mà bảo rằng:

Người nên vì thiếp già này nhắn bảo hộ Lăng một câu: Cứ hết lòng mà theo thờ Hán Vương chớ vì có thiếp già đây mà sinh ra nhị tâm nhé

Nói đoạn, bà cầm gươm tự đâm chết, cốt ý để khuyến khích Vương Lăng giữ cho bền lòng.

Hán Sử

GIẢI NGHĨA:

- Cao Tổ: tức là Bái Công vua đầu nhà Tây Hán, phá nhà Tần, diệt nhà Sở mà có thiên hạ.

- Hạng Vũ: tức là Hạng Tịch khỏe mạnh và tài khá hơn người, tranh thiên hạ với Bái Công sau thua chết ở Cai Hạ.

LỜI BÀN: Đang lúc thiên hạ loạn lạc, quần hùng nổi lên, dù người có mắt tinh đời cũng chưa dễ đoán được sau này ai là vua, ai là giặc.

Như Bái Công và Hạng Vũ đây, đôi bên bây giờ đang tranh đâu. Bái Công thua luôn, Hạng Vũ được luôn, lại càng khó biết sự thống nhất về tay ai hơn nữa. Thế mà khen thay, bà mẹ Vương Lăng biết con quy phục Bái Công là phải. Một khi bà đã hiểu rõ ai là người có chính nghĩa, trước bà liều thân để khuyên con, sau là thí thân để vững lòng con, thực là một bậc đàn bà, không ngoan sáng suốt hiếm có vậy. Cho nên người đời trước có câu khen rằng: “Mẫu hề hà trí, tử hề hà trung, nhất môn mẫu tử, vạn cổ anh phong” nghĩa là “mẹ sao mà khôn như thế, con sao mà trung như thế, một nhà mẹ con tiếng thơm muôn đời”, thật là phải lắm.



193. TU TẠI GIA

Dương Phủ, lúc nhỏ nhà nghèo nhưng hết sức cày cấy đẻ phụng dưỡng song thân.

Một hôm, ông nghe bên đất Thục có ông Vô Tế đại sĩ, ông bèn nói với song thân xin từ biệt ít lâu để đến hầu bực Vô Tế.

Đi được nửa đường, ông gặp một vị lão tăng bảo ông rằng:

Được gặp bực Vô Tế chẳng bằng được gặp Phật.

Ông hỏi:

Phật ở đâu?

Lão tăng nói:

Nhà ngươi cứ quay trở về, gặp người nào mặc cái áo sắc như thế này, đi đôi dép kiểu như thế này, thì chính là Phật đấy.

Dương Phủ nghe lời quay về, đi đường chẳng gặp ai như thế cả. Khi ông tới nhà, đêm khuya, trời tối, ông gọi cửa, mẹ ông nghe tiếng mừng quá, tức thì vội khoác chăn đi dép ngược ra mở cửa cho ông. Bây giờ ông trông ra, thì hình dáng Phật, mà lão tăng đã nói chuyện cho nghe.

Từ đấy, ông biết cha mẹ trong nhà tức là Phật, chẳng phải cầu kỳ đi mộ Phật đâu xa nữa.

Lý Nguyên Dương.

GIẢI NGHĨA:

- Dương Phủ: người đời nhà Minh đỗ Tiến sĩ làm ngự sử có tiếng là một ông quan thanh liêm.

- Thục: tên đất ở tỉnh Tứ Xuyên bây giờ

- Vô Tế đại sĩ: một nhà tu hành đắc đạo vô cùng.

LỜI BÀN: Bài này cốt dạy ta về chữ “Hiếu” vì cha mẹ như Phật, con phải phụng thờ cha mẹ như phụng thờ Phật vậy. Phật là một vì tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, thiên hạ thành kính thờ phụng rất phải. Nhưng cha mẹ là người sinh thành ra thân mình, thì há mình lại không nên thờ phụng thành kính hay sao! Phật xa, cha mẹ gần, con cái hãy nên một niềm thành kính mà thờ phụng lấy mẹ cha trước.

Thứ nhất thì tu tại gia

Thứ hai tu chợ, thứ ba tu chùa.

Tu đâu bằng tu tại gia,

Thờ cha, kính mẹ mới là chân tu.

Nghĩa những câu cổ ấy thực là đúng với nghĩa trong bài này. Vả lại, hiếu là đầu cả trăm nét tốt, chỉ có người có hiếu mới trung với Tổ quốc và nhân từ với nhân loại vậy.

194. NGƯỜI VỢ HIỀN MINH

Vợ Nhạc Dương Tử là một bậc hiền minh.

Dương Tử một hôm đi đường bắt được lọ vàng người ta đánh rơi, mừng rỡ đem về nhà đưa cho vợ.

Vợ nói: Thiếp trộm nghe người chí sĩ không ai uống nước suối "Đạo toàn", người liêm khiết không nhận của ăn "Ta lai". Chàng nay nhặt được của rơi đường đem về cầu lợi để ô uế phẩm hạnh, thử nghĩ có nên không?

Dương Tử nghe nói thẹn quá, liền đem lọ vàng bắt được bỏ ngoài đồng. Rồi đi xa, tìm thầy để học.

Đi học mới được một năm, Dương Tử về chơi nhà. Vợ quỳ xuống trước mặt, hỏi rằng:

- Chàng có việc gì mà về nhà?

Dương Tử nói:

- Ta đi lâu nhớ nhà thì về, chẳng có việc gì cả.

Vợ cầm con dao đến chỗ khung cửi nói rằng:

- Lụa đang dệt đây là phải làm từ lúc nuôi tằm ươm tơ cho đến lúc mắc lên được khung cửi. Nếu đánh đứt một sợi mà đứt mãi, thì đứt đến hàng tấc, đứt hàng tấc mà đứt mãi thì đứt đến hàng thước, hàng trượng, hàng cả tấm. Nếu bây giờ mà thiếp chặt đoạn đang dệt đây, thì bao nhiêu công phu ngày giờ từ trước đến nay đều mất hết cả. Chàng đi học là để trở về nên một bậc tài giỏi, nếu đang học mà bỏ về thì khác gì tấm lụa đang dệt đây mà chặt đi vậy.

Dương Tử thấy nói, cảm động lắm, đi học luôn bẩy năm đến tốt nghiệp mới về.

Vợ ở nhà chăm chỉ làm ăn trong bấy nhiêu năm, vừa nuôi nấng cha chồng, vừa nuôi cho chồng ăn học.

Nhạc Dương Tử nhờ có người vợ hiền như thế mà sau được quí hiển.

Hậu Hán Thư Nhạc Dương Tử Truyện

GIẢI NGHĨA

Hiền minh: có tài, có nết, sáng suốt công việc

Chí sĩ: người có khí tiết

Đạo Toàn: tên một cái suối ở huyện Tứ Thủy tỉnh Sơn Đông, Đạo Toàn nghĩa đen là cái suối ăn trộm, tên nghe đáng ghét nên cho nên khát cũng không muốn uống nước ấy

Ta lai: thương rằng cùng khổ đói khát mà gọi cho ăn và có ý khinh bỉ

LỜI BÀN

Cứ theo lẽ thường, cái gì nên làm thế nào thì người tài trai phải biết tự chủ trương lấy, không cần người đàn bà dạy bảo rồi mới chịu làm. Tuy vậy lắm khi cũng phải có sự kích thích ở ngoài vào thì mới dễ khiến người ta phấn chấn lên mà cố sức làm cho nên việc, và nhất là sự khuyến khích của vợ.

Như vợ Dương Tử đây thật là khéo biết dạy chồng, làm cho chồng thành ra người được có khí lại có chí và sau quí hiển được. Đúng với những câu ngạn ngữ “giai khôn vì vợ, giá ngoan vì chồng”, “giàu vì bạn sang vì vợ” lắm.

195. TRỌNG NGHĨA KHINH TÀI

Ông Phạm Trọng Yêm, người nhà Tống, làm quan đến Tể Tường mà vẫn nghèo suốt đời, tính ông trọng nghĩa, khinh tài, thích làm việc bố thí nhất là đối với người trong họ lại càng hậu lắm. Ông để dành lương bổng, mua được một thửa đất làm nghĩa trang để lấy hoa lợi cứu người nghèo khó trong họ. Phàm việc tang tóc cưới xin của chúng, ông đều lo liệu đỡ cho hết.

Con ông là Thuần Nhân, đức tính cũng như ông. Lúc ông làm quan ở Khai Phong, để dành được năm trăm thùng thóc, sai Thuần Nhân đem về quê. Thuần Nhân đi đến Đan Dương gặp người bạn cũ của cha là Thạch Man Khanh, nhà đã cùng quẫn, chẳng may gặp ba cái tang một lúc, Thuần Nhân giúp cho cả năm trăm thùng thóc. Hai con gái Man Khanh lớn tuổi mà chưa gả bán xây dựng, không chỗ nương tựa. Nhân Thuần cho nốt cả cái thuyền.

Đến lúc về nhà cha hỏi:

- Con đi có gặp ai không?

Thuần Nhân thưa: - Con đi đến Đan Dương có gặp Thạch Man Khanh nhà nghèo khổ, lại gặp lúc liền ba cái tang, hai con gái lớn không có gì để gây dựng, con có tự tiện cho cả năm trăm thùng thóc mà còn chưa đủ.

Ông bảo: - Thế sao con không cho nốt cả cái thuyền?

Thuần Nhân thưa: - Con cũng đã cho cả cái thuyền rồi.

Ông khen phải rồi nói: - Cứ như thế mới đáng là con ta.

Phạm Trọng Yêm Truyện

GIẢI NGHĨA

Phạm Trọng Yêm: bực danh thần nhà Tống, có chí to gánh vác việc đời, lo thì lo trước khi thiên hạ lo, vui thì sau khi thiên hạ vui

Trọng nghĩa: lấy điều phải làm trọng mà hết sức làm

Khinh tài: cho của cải là thường, không để cho của lấn được nghĩa

LỜI BÀN

Làm quan đến bậc tể tướng mà nhà vẫn nghèo, thế là thanh liêm

đáng trọng. Để dành được đồng nào lại đem bố thí cho kẻ nghèo khổ, thế là nhân đức, đáng trọng hơn nữa. Có năm trăm hộc thóc cho cả thế là thương người, đáng phục. Có chiếc thuyền mình đi cũng cho nốt, thế là quên mình đáng trọng hơn nữa. Rõ ràng cha nào con nấy; hai cha con ông Phạm Trọng Yêm thật là có lòng nhân ái, hiểu thấu cái nghĩa cứu kẻ khốn cùng, giúp người tai nạn là việc vui lòng nhất ở đời. Cho nên ta có câu:

Sướng gì hơn sướng làm lành,

Cho bao nhiêu của để dành bấy nhiêu.

196. MUA XƯƠNG NGỰA

Người nước Tề đánh nước Yên giết được vua Yên.

Người Yên lập thái tử tên là Bình lên làm vua tức là vua Chiêu Vương.

Chiêu Vương lên ngôi, thương dân lo việc nước, cầu người hiền tài. Một hôm, bảo Quách Ngỗi rằng:

- Nước Tề nhân dịp nước ta loạn, sang đánh lấy nước ta. Ta biết rõ ràng nước ta nhỏ, dân ta yếu, thực khó lòng mà báo thù. Song nếu được những người giỏi cùng lo toan việc nước may mà rửa sạch sự nhục của tiên vương được chăng. Chí nguyện quả nhân như vậy tiên sinh xem ai là người giỏi để cùng ta lo toan việc nước thì hay.

Ngỗi nói: Xưa có ông vua đưa nghìn vàng cho người nội thị đi mua con ngựa chạy ngày nghìn dặm. Khi đến ngựa đã chết, anh ta mua bộ xương ngựa năm trăm nén vàng đem về. Vua thấy thế giận lắm. Anh ta thưa: “Ngựa chết còn quý là mà mua như vậy huống chi là ngựa sống. Tôi chắc thế nào nay mai người ta cũng đem ngựa hay đến bán cho nhà vua”. Quả nhiên không đầy một năm mà người ta đem ngựa hay đến bán đã ba bận. Nay nhà vua muốn được người giỏi thì trước hãy dùng tôi. Người giỏi hơn tôi thấy thế há có ngại xa mà không lại ư?

Chu Sử

GIẢI NGHĨA

Tề: tên một nước mạnh về thời Chiến Quốc ở vào tỉnh Sơn Đông ngày nay

Yên: tên một nước thời Chiến Quốc ở vào Phụng Thiên, Trực Lệ và phía bắc Triều Tiên ngày nay

LỜI BÀN

Có bỏ năm trăm nén vàng ra mua bộ xương ngựa, sau mới có ngựa hay mà dùng; có dùng Quách Ngỗi là người tài vừa và ở gần trước, sau mới có người thật hiền tài ở xa cầu đến. Cái lối ấy là lối quyền mưu trí thuật của bá giả đời bấy giờ, để quyến dẫn lấy nhân tài trong thiên hạ.

Đọc bài này ta đáng khen Quách Ngỗi, đã tìm được câu thí dụ hay để tự tiến lấy mình mà nhất là khi được tin dùng lại hết lòng báo đáp,

không phụ sự ủy thác của Chiêu Vương.

Ta lại đáng phục Chiêu Vương là biết nghe Quách Ngỗi mà nhất là biết cố ý lo toan báo thù cho tiên vương, và dụng tâm làm cho cố quốc được cường thịnh.

197. LỜI NÓI KẺ BẮT RẮN

Ở Vĩnh Châu có giống rắn lạ, thân đen vằn trắng, chạm vào cây cỏ thì cây cỏ chết, cắn phải người thì không thuốc gì chữa nổi. Song mà bắt được giống rắn ấy dùng làm thuốc để chữa những bệnh như bệnh trúng phong, bệnh co quắp chân tay, lại sát được cả trùng.

Cho nên nhà vua có lệ bắt dân gian mỗi năm phải hiến hai con rắn ấy để dành. Ai bắt được rắn thì phải trừ thuế ruộng.

Người Châu Vĩnh tranh nhau mà làm nghề bắt rắn. Có họ nhà Tương cũng làm nghề ấy được ba đời. Hỏi ra thì họ nhà Tương nói:

- Ông tôi chết về nghề bắt rắn, cha tôi cũng chết về nghề bắt rắn. Tôi nối nghề ông cha tôi mới có mười hai năm, cũng mấy lần suýt chết.

Người ấy nói, vẻ mặt buồn rầu.

Ta thương và hỏi rằng:

- Nhà người có thật cho nghề bắt rắn là khổ không? Ta sẽ nói với quan trên cho nhà ngươi bỏ nghề ấy mà cứ nộp thuế ruộng như thường. Nhà người tính thế nào?

Người họ Tương vừa khóc, vừa nói:

- Ông thương tôi, muốn cho tôi sống, thì ông để cho tôi làm nghề bắt rắn còn hơn. Nếu tôi không làm nghề thì tôi khốn khổ lâu rồi. Nhà tôi ba đời ở làng này kể đã hơn sáu mươi năm, cách sinh nhai trong làng mỗi ngày một quẫn bách. Người làng phải rút hết cả lợi hoa màu, vét hết cả của cải trong nhà để mà nộp thuế hết, thậm chí bỏ làng, bỏ xóm, đói khát, trôi giạt, chết đường, chết chợ kể bao nhiêu người. Những người vào trạc tuổi ông tôi mười nhà không còn một. Những người vào trạc tuổi cha tôi, mười nhà còn độ hai ba. Những người vào trạc tuổi tôi, mười nhà còn độ bốn năm. Không chết chóc thì lưu lạc cả… Tôi nhờ nghề bắt rắn mà còn đến bây giờ. Những quan lại tàn ác về làm thuế làng tôi, xúc hết đầu làng cuối xóm, vơ vét đến cả con gà con chó, dân gian phải hãi hùng kính sợ. Những lúc ấy về phần tôi, tôi được yên lặng, trông trong giỏ con rắn vẫn còn là tôi được ăn no, ngủ yên. Tôi làm nghề bắt rắn một năm sợ chết chỉ có hai lần, ngoài ra là vui vẻ, không phải lo thuế má, không đến nỗi như người làng xóm tôi

hết ngày này, sang tháng khác khốn khổ về quan lại tàn ác. Giá tôi có chết về nghề bắt rắn, ví với người làng xóm tôi cũng đã là chậm, đâu dám cho là rắn độc mà xin thôi.

Ta nghe câu chuyện, lại càng thương lắm. Xưa Đức Khổng lắm: "Chính sách hà khắc độc hơn hổ dữ" ta vẫn ngờ, bây giờ xem chuyện họ Tương mới cho là thật. Than ôi! Cái độc quan lại tàn ác làm thuế ở dân gian dữ hơn con rắn độc, cho nên nói ra đây để ngừoi xem xét phong tục thấu được tình cảnh đau khổ của dân!

Liễu Tôn Nguyên

GIẢI NGHĨA

Vĩnh Châu: tên phủ, thuộc về tỉnh Hồ Nam ngày nay

Trúng phong: phải gió độc, ngất đi

LỜI BÀN

Ta đọc bài này thật lấy làm ghê tởm cái chính sách hà khắc, người cầm quyền đã ác một phần, thì những kẻ dưới thừa hành ác tăng lên trăm phầm. Cái cảnh khổ của dân thường thường vẫn như thế. Liễu Tôn Nguyên có bụng thương dân mất hết cả quyền, đem chuyện thật viết ra bài này là có ý mong cho người trên hiểu thấu cái tình của dân gian, cái tệ của quan lại mà phần thì đánh thuế cho dân vừa phải, phần thì tìm cách trừng trị những phường tham nhũng, ngõ hầu dân mới đỡ được khổ chăng.

198. HÒA VI QUÝ

Đời cổ những người lo toan việc quốc gia, trước hết phải dạy dỗ dân, thân yên dân.

Phép trị dân có bốn điều "bất hòa" cần phải biết.

1) Trong nước mà bất hòa, thì chẳng nên đem quân đi đánh đâu;

2) Trong quân mà bất hòa, thì chẳng nên đem quân ra trận;

3) Quân ở trận mà bất hòa, thì chẳng nên tiến lên đánh;

4) Tiến lên đánh mà bất hòa, thì chẳng nên quyết đánh.

Bởi vậy ông vua hữu đạo khi định dùng dân, trước hết có hòa sau mới gây dựng việc lớn mà chẳng dám tin cái mưu riêng của ai. Không những thế mà thôi, lại còn phải xem cái thời có đáng cử sự sau mới cử sự.

Khi dân trong nước ai nấy đều biết ơn vua đã chịu suy nghĩ đắn đo cẩn thận, quí cái mạng của dân, tiếc cái chết của dân, thì bấy giờ dù có phải ra chỗ nguy nan, ai nấy mới cùng lấy việc tiến lên mà liều chết là vinh, lùi về mà sống thừa là nhục vậy.

Ngô Tử

GIẢI NGHĨA

Ngô Tử: tức là Ngô Khởi, người nước Vệ về thời Chiến Quốc, làm tướng nước Ngụy là một nhà dùng binh giỏi có tiếng

LỜI BÀN

Còn ai không biết trong nước đã bất hòa thì dân chúng dễ ngờ vực nhau, dễ tàn hại nhau, quên hết nghĩa công, chỉ biết thù riêng, thậm chí chia rẽ theo cả địch quốc và đi đến diệt vong nữa. Nên trong bài này tác giả nói phép dùng dân rút lại chỉ có một sự cốt yếu là "Hòa". Dân có hòa và lại nhờ thêm cái thời thuận, tức là cơ hội tốt, nhiên hậu mới khả dĩ khến dân hết lòng với nước, vì nước mà liều chết được. Bài này nói rộng là phép dụng dân, nhưng nói hẹp mà đúng hơn thì chỉ là cách dụng binh mà thôi, tác giả là một nhà binh hơn là một nhà chính trị.

199. CÁCH TRỊ DÂN

Tử Sản làm tướng nước Trịnh đã lâu năm, có lòng thương dân, lấy đạo khoan mà trị dân.

Khi Tử Sản bệnh nặng, Tử Thái Thúc đến bảo rằng:

- Ta chết, tất nhà ngươi làm tướng nước Trịnh. Người phải biết người có đức mới lấy đạo “khoan” mà phục được dân, con người thường phải lấy sách “nghiêm” mà trị mới được. Nay ví như lửa nóng, đâu trông thấy mà sợ, cho nên chết vì lửa ít; nước mát dân khinh mà lờn, cho nên chết vì nước nhiều. Thế mới biết dùng khoan là khó.

Mấy tháng sau, Tử Sản mất, Tử Thái Thúc thay làm tướng, không nỡ dùng nghiêm, e có mãnh liệt cứ lấy đạo khoan mà trị dân.

Không được bao lâu, trong nước sinh ra nhiều trộm cắp, thường núp náu ở các đồng lầy mà lấy của giết người nhũng nhiều lương dân.

Tử Thái Thúc hối lại nói rằng:

- Giá ta biết sớm theo lời Tử Sản thì đâu đến thế này!

Rồi liền đem quân đi đánh bắt bọn cướp ở đồng lầy mà giết hết. Từ đấy nước Trịnh mới bớt trộm cướp.

Đức Khổng Tử nói rằng: Được lắm! Chính sách khoan thì dân lờn, dân lờn thì lại phải dùng khoan (?); khoan giúp cho mãnh, mãnh giúp cho khoan, có thế thì chính sách mới hòa được.

Tả Khưu Minh

GIẢI NGHĨA

Tử Sản: tên tự là Công Tôn Kiều làm quan đại phu nước Trịnh thời Xuân Thu

Tướng: quan đứng đầu cả bách quan giúp vua để hành chính

Tả Khưu Minh: Quan Thái Sư nước Lỗ theo chí của Khổng Tử mà làm ra chuyện kinh Xuân Thu gọi là Tả Thị Xuân Thu cho nên người ta thường xưng Khổng Tử là Tố Vương, Khưu Minh là Tố Thần

LỜI BÀN

Tử Sản vốn là một người học rộng chính trị giỏi, làm tướng nước Trịnh hơn 40 năm, đối với trong thì dân bình trị, đối với ngoài thì các

nước e nể ông là một bậc quân tử có bốn điều hay; đối với mình thì tự trọng (cung), đối với người mà mình phụng sự thành kính, nuôi dân thì có ơn huệ, khiến dân thì có nghĩa lý.

Câu ông dặn Tử Thái Thúc đây thực có ý lắm. Mãnh mà khiến cho dân sợ dễ bao nhiêu, thì khoan mà cũng khiến cho dân sợ khó bấy nhiêu. Tuy cũng gọi là sợ nhưng cái sợ trước không có giá, vì sợ bất đắc dĩ, sợ miễn cưỡng, sợ bề ngoài mà khinh trong bụng, cái sợ sau mới là cái sợ quí, vừa sợ, vừa yêu, sợ mà kính phục, sợ như vui lòng mà sợ vậy. Nhưng muốn được cái sợ sau, tất cái đức phải lo làm sao mới cảm hóa được nhân tâm đến bực ấy.

Còn thường thường, phép trị dân không thể cứ khoan mãi được, vì khoan thì dân lờn. Lại cũng không thể cứ mãnh mãi được, vì mãnh thì dân oán. Dân oán hay dân lờn cũng đều có trở ngại đến việc nước cả. Cho nên phải có khoan, lại phải có mảnh đắp đổi đỡ dần cho nhau thì mới được. Bốn chữ "Khoan mãnh tương tế" thực đáng làm cái phương châm cho cả người cầm quyền trị dân vậy.

200. CAN GÌ MÀ PHÁ ĐI

Dân nước Trịnh thường hay đến trường học thôn quê để nghị luận những chính sách hay dở của quan liêu.

Nhiên Minh bảo Tử Sản rằng:

Tôi định phá hết cả các trường thôn quê, ông tính sao?

Tử Sản nói:

Để chứ. Phá đi làm gì? Dân sự người ta sớm tối đến chơi trường học để nghị luận điều phải, điều trái của quan liêu làm. Cái gì người ta cho là phải, ta cứ thế mà làm. Cái gì người ta cho là dở, ta liệu mà đổi đi. Những kẻ nghị luận ấy tức là những ông thầy của ta. Can gì mà phá trường học.

Vả chăng, tôi nghe nói: "Hết lòng làm điều phải thì mới đỡ được người ta oán trách mình". Tôi chưa từng nghe nói: "Chỉ nạt nộ ra oai, mà tuyệt được hết sự oán trách của người." Cũng như phải đắp đê mà giữ nước, chớ bỏ đê đi, thì nước vỡ tứ tung, bao nhiêu người chết không thể cứu lại được. Nay ta hẳn cứ để trường học, khiến thường được nghe những câu chê bai để làm thuốc chữa cho ta thì hơn.

Nhiên Minh nghe Tử Sản xong, nói rằng:

Nay tôi mới biết ông là ông quan thầy đáng tôn vậy. Tôi thật là kẻ bất tài. Ông làm được như lời, thì chẳng những một đám chúng tôi được trông cậy mà cả nước cũng được nhờ vậy.

Tả Truyện.

GIẢI NGHĨA:

- Trịnh: nước nhỏ thời Xuân Thu, ở vào huyện Tân Trịnh tỉnh Hà Nam ngày nay.

- Nhiên Minh : người đời Xuân Thu, cùng quan ở nước Trịnh với Tử Sản.

- Tử Sản: người đời Xuân Thu, học rộng có tài chính trị, là quan đại giỏi có tiếng của nước Trịnh (xem bài trên).

LỜI BÀN: Người ta càng cao xa, càng tôn quý bao nhiêu, thì càng xa sự thực bấy nhiêu. Sự thực hay thì hay thực, song lại hay làm cho mất lòng, nên những người có địa vị cao, ít khi được nghe sự thực.

Thiên hạ không ai muốn mất lòng mình, thì ai dám nói sự thực cho mình biết.

Nhiên Minh đây bảo phá nhà trường là vì nghe sự thực mà mất lòng. Tử Sản đây bảo giữ nhà trường là vì yêu sự thực, được nghe sự thực lấy làm vui sướng. Các nhà trường nước Trịnh bấy giờ có phải như các tờ báo ngày nay, là những cơ quan để cho dân chúng được tự do mà đàm luân về chính sách hay dở hay không? Nếu như vậy, thì ta xưa nay đân sự vẫn có cách là cho những điều nguyện vọng của mình đạt được tới chính phủ, mà chính phủ khôn khéo, tưởng cũng nên lợi dụng cái cách ấy, không nên tuyệt đi vậy. Những câu Tử Sản nói ví như giữ đê cho nước chảy để phòng sự lụt ngập tràn trụa rất nguy hết lòng làm phải chớ không phải ra oai nạt nộ mới tuyệt được sự oán trách của dân, thực là những câu nói rất đúng với chân lý. Ôi! Một chính phủ mà vững bền hay hư hỏng có thể nghiệm ở lòng dân yêu hay ghét. Nếu dân chúng đã ghét nhưng chính sách không ra gì, chúng dám nói ra miệng, mà lại chỉ thị oai như muốn bưng miệng chúng, chớ không muốn sửa lỗi mình, thì có khác gì thấy nồi nước sôi trào ra ngoài không biết rút củi ra, lại cứ cầm que mà khuấy vào nước cho đỡ sôi không.

201. HAY DỞ ĐỀU DO MÌNH CẢ

Người làm quận trưởng một Quốc gia nếu mà bất nhân thì không thể nào nói phải với họ được nữa! Quốc gia suy yếu, ngoại biến đến nơi, họ vẫn cho là yên, thiên tai nhân họa xảy ra luôn luôn, họ không biết là hại, xa xỉ ăn chơi bạo ngược tàn ác đi đến con đường diệt vong, họ vẫn lấy làm vui sướng. Hạng bất nhân ấy, nếu còn nói phải được được với họ thì đã chả đến nỗi có những chuyện mất nước tan nhà.

Ngày trước có đứa trẻ hát câu:

Thương Lang chi thủy thanh hề, khả dĩ trạc ngã anh

Thương Lang chi thủy trọc hề, khả dĩ trạc ngã túc.

Nghĩa là: nước sông Thương nếu mà trong thì ta đem giặt dải mũ ta. Nước sông Thương mà đuc thì ta dùng để rửa chân ta.

Đức Không Tử nghe thấy bảo học trò rằng:

Chúng con nghe đấy: Nước trong thì tự khắc người ta mới giặt dải mũ, **c thì tự khắc người ta chỉ để rửa chân. Đó đều là do nước tự thủ cả.

Ôi! Việc thiên hạ cái gì mà chẳng do tự thủ! Người ta tất tự khinh mình trước, rồi người ngoài mới khinh sau, nhà mình tất tự hủy nhà mình trước, rồi người ngoài mới hủy sau, nước tất tự phạt nước mình trước, rồi người ngoài mới phạt sau.

Cũng tức như câu ở thiên Thái giáp: “Thiên tác nghiệt, do khả vi. Tự tác nghiệt, bất khả hoặc”. Nghĩa là trời làm tai vạ còn tu tỉnh để mà tránh được, nếu mình gây ra tai vạ thì mình làm mình chịu, chẳng có thể trốn tránh mà thoái chết được.

Mạnh Tử.

LỜI BÀN: Kẻ có quốc gia mà đã bất nhân thì tâm thần mê muội, công việc đảo điên, không còn biết phải trái là gì nữa, nguy cũng mặc, tai cũng mặc, đến mất đức cũng mặc. Kịp khi đã bại hoại, diệt vong rồi thì lại đổ cho mệnh trời, quy tội cho người, có biết đâu là tự mình gây nên mối họa cho chính mình cả. Có thân không biết tu, có nhà không biết trị, có nước không biết giữ, thế là khiến cho người ta khinh mình, bào cho người ta phá mình, mời cho người ta đánh mình. Ôi! Sự biến

cố mấy khi tự dưng mọc ra đâu, muôn sự do tự mình gây nên hết cả. Nếu người có trách nhiệm giữ quốc gia nên nhớ lấy cái nghĩa “tự thủ” để tránh lấy cái vạ “tự tác”.

202. NGỤY BIỆN

Nước Tề có kẻ thờ vua, thân được vinh hiển, nhà được sung sướng. Khi vua có hoạn nạn, anh ta không chịu liều chết để cứu giúp vua.

Một hôm, anh gặp bạn cũ ở đường, người bạn cũ lấy làm ngạc nhiên, hỏi:

- Tôi cứ tưởng bác chết rồi, mà ra bác vẫn còn sống kia đấy ư?

Anh ta thưa:

- Phải, tôi còn sống chứ. Phàm đi làm tôi tớ người ta chỉ cốt có lợi, mà chết theo người ta thì có lợi gì, cho nên tôi chả chết theo.

- Bác ăn ở như thế thì còn mặt mũi nào mà trông thấy người ta dưới chín suối nữa?

- À, thế cứ như ông nói thì ra ông cho khi chết mắt đã nhắm rồi, mà vẫn còn trông thấy người ta được ư?

Ôi! Những người đời chịu ơn vua, mà chẳng tuẫn nạn vua đều là kẻ đại bất nghĩa. Thế mà khi có ai nói đến lại biện bác cái lẽ, tự cho mình là phải.

Thói thường ở một nước loạn, ý nghĩ có câu nói thường hay trái nhau.

Lã thị Xuân thu.

LỜI BÀN: Bài này tác giả nói trung với vua đã kết luận rõ ràng ở dưới rồi. Nhưng ta còn có thể nhân đó bàn rộng ra mà nói được rằng: cái trò ở đời người chỉ vụ lợi, thì không còn biết nghĩa là gì nữa. Hoặc khi có ai giảng giải cho, thì lại tìm câu khéo nói, viện lý sự cùn để tế toái đi cho xong, vẫn tự cho mình là phải, là có lẽ.

203. KHÔNG CHỊU THEO KẺ PHẢN NGHỊCH

Trần Hùng lúc giết vua xong, sai sáu người dũng sĩ đến bắt Tử Uyên Thê phải theo mình.

Tử Uyên Thê nói:

Nhà ngươi muốn cho ta vào đảng, ý hẳn cho ta là "trí" chăng, nhưng bầy tôi giết vua mà không cản được, ta chẳng phải là trí, cho ta là "nhân" chăng, nếu ta thấy lợi mà phản nước, ta chẳng phải là nhân, cho ta là "dũng" chăng, nhưng đem binh đến ăn hiếp ta, ta sợ mà theo ngươi, ta cũng chẳng phải là dũng.

Ví bằng ta không có ba điều ấy, ta về phe với ngươi thì có bổ ích gì cho ngươi. Ví bằng ta có ba điều ấy, thì đời nào ta theo ngươi mà ngươi dỗ.

Trần Hằng bèn tha Tử Uyên Thê.

Tân Tự

GIẢI NGHĨA:

- Trần Hằng: người quyền thế thời Xuân Thu giết vua Giản Công nước Tề, lập vua Bình Công.

- Tân Tự: sách của Lưu Hướng, người đời nhà Hán soạn.

LỜI BÀN: Trần Hằng mà dụ Tử Uyên Thê vào đảng là có ý mong cậy Tử Uyên Thê về sau này nhiều lắm. Không ngờ Tử Uyên Thê đáp hắn mà thực là người đủ trí, nhân, dũng thì bao giờ dỗ được, mà nếu hắn là người trí, nhân, dũng đều không có thì dỗ hắn về làm chi! Câu đáp thật khéo, thật có ý nghĩa đủ làm cho Trần Hằng suy nghĩ cả đôi đường mà phải thôi dỗ ngay không con do dự gì nữa.

204. CÁCH CƯ XỬ Ở ĐỜI

Cư xử với người mà góc gách, nghiêm ngặt quá là cái đại bệnh ở đời.

Bậc thánh hiền xử với người đời không có giây phút nào là rời bỏ được cách ôn hòa, trung hậu, nên mới có câu:

Phiếm ắt chúng, nghĩa là rộng yêu tất cả loài người;

Hòa nhi bất đồng, nghĩa là xử với người hòa hợp mà không a dua phe đảng;

Hòa nhi bất lưu, nghĩa là xử với người hòa nhã mà không đua theo quá trớn;

Quần nhi bất đảng nghĩa là liên hợp với mọi người cho nhân quyền mà không vào bè kết đảng với ai cả;

Chu nhi bất tị nghĩa là công bình mà chẳng thiên tư;

Từ tường khải dị nghĩa là nhân đức, êm ái, vui vẻ, dễ dàng.

Ái nhân, nghĩa là yêu loài người;

Thân nhân, nghĩa là gần gụi dân và đi sát với dân, coi dân như anh em con cái;

Thiên hạ nhất gia, chung quốc nhất nhân, nghĩa là coi cả thiên hạ như một nhà, coi cả nước như một người.

Nếu làm người cứ vò võ một mình, tính nết khe khắt, lạnh nhạt, chẳng thân với ai thì thật là một hạng chướng ngại cho xã hội. Dù cho người phương chinh, tính nết độc lập, cũng không phải là hạng ứng dụng với đời, chẳng qua là người nhất tiết quyến giới mà thôi.

Lã Khôn.

GIẢI NGHĨA:

- Phương chính: góc gách ngay thẳng.

- Nhất tiết quyến giới: chỉ khẳng khái giỏi được một bề, một mặt.

LỜI BÀN: Mùa xuân khí trời có đầm ấm ôn hòa thì muôn loài mới sinh tươi nảy nở và phồn thịnh được. Người đối với người cũng vậy, trong gia đình, ngoài thì xã hội, có "hòa khí" mới có thể sống chung với nhau mà an cư lạc nghiệp được. Ta dù có được là người tốt chăng

nữa mà cứ một mực góc gách, nghiêm ngặt với người, thì người lấy làm khó chịu mà không thể nào thân với ta được. Không chịu được nhau, tất nhiên hay khích vắc nhau, thành cả đôi bên không được yên vui sung sướng, mà công việc ở giữa vì thế mà hỏng cả. Cho nên thánh hiền ở đời không bao giờ thế. Bao giờ cũng giữ được cái thái độ ôn hòa, không a dua, xu phụ ai, cũng không ghét ai để cho người đau đớn mà sinh biến. Những câu tác giả lược ra mà liệt vào bài đây thực là những vị thuốc rất hay để chữa cho nước có tính khắt khe, quá thẳng với đời mà hay ghét đời, chán đời vậy.

205. TỰ XÉT LẠI MÌNH

Người quân tử sở dĩ khác người là vì lúc nào cũng để tâm đến việc "Nhân", để tâm đến việc "Lễ".

Đã là người có nhân thì yêu người, đã là người có lễ thì kính người. Mà theo lẽ thường, yêu người thì người tất yêu lại, kính người thì người tất kính lại.

Người quân tử ăn ở như vậy, mà gián hoặc còn có kẻ đem thói ngang ngược đối đãi lại, thì tất nhiên tự xét ngay mình lại, chắc mình cón bất nhân, chắc mình còn vô lễ, thì họ mới xử với mình như thế, chớ tự dưng thì có khi nào họ lại ngang ngược với mình được.

Người quân tử xét lại thật mình có nhân, thật mình có lễ, mà người ta đối đãi với mình vẫn ngang ngược như trước thì tất xét lại mình ta tuy nhân tuy lễ thật, nhưng ta chưa được hết lòng chăng.

Nếu người quân tử xét rằng thật đã hết lòng mà thói người ngang ngược vẫn như trước thì bấy giờ người quân tử nói:

Hạng này thật là hạng càn dỡ. Người mà đến như vậy thì khác gì loài vật. Đối với loài vật thì ta còn so kể làm chi!

Mạnh Tử

LỜI BÀN: Ai cũng đều là người cả. Nhưng người quân tử chỉ khác người vì cái tâm không tàn ác, không bỉ bạc. Tâm đã như thế thì thường yêu người, quý người. Yêu quý người, mà người yêu quý lại, là lý chí thường. Song ở đời có nhiều việc bất ngờ, đã không đem điều phải ăn ở lại việc phải, lại còn giở lối cường bạo vô lý. Thế mà người quân tử xử với bọn ngu ngoan ấy vẫn ân cần tự xét mình đến ba lần thật là vẫn sẵn lòng thuơng xót, biết cách chu toàn không có ý gì tự cho mình là phải mà tuyệt bỏ người đời cả.

Cái học trách kỷ, trong làm cho mình hay thêm, ngoài làm cho người dễ theo điều phải, thật là hay lắm vậy.

206. KHÔNG NÊN CÂU NỆ

Trời không thể làm cho hoa mùa nọ nở vào mùa kia, cho nên thánh nhân không trái thời.

Đất không có thể làm cho khí hậu xứ kia đổi thành xứ nọ, cho nên thánh nhân không trái tục.

Thánh nhân không thể làm cho tay biết đi chân biết cầm, cho nên thánh nhân không làm cho trái cái tài riêng.

Thánh nhân lại không có thể làm cho cá biết bay, chim biết bơi dưới nước, cho nên thánh nhân cũng không dùng cái tài riêng của người.

Vì vậy, lúc nên động, lúc nên tĩnh, lúc nên tối, lúc nên sáng, ta không nên câu nệ một đường nào thì mới là hợp đạo.

Quan Doãn Tử

LỜI BÀN

Hết thảy động vật, thực vật cả đến người ta, mỗi loài mỗi giống thường có đặc tính riêng của loài ấy, giống ấy, cách trí dù có tinh xảo cũng không thể bắt cho cả mọi loài, mọi giống cùng y như nhau cả. Suy như thế, thì bất cứ về mặt gì tính tình, phong tục cho đến cả tôn giáo, học thuật, ta không nên câu nệ chấp nhất một đường nào mà chỉ biết cái phải của ta, không rõ cái phải của người. Ta phải có lượng rộng dong được cả một cái, bao quát được cả mọi việc, thì ngõ hầu mới là người thông hiểu và sáng suốt vậy.

207. TRI KỶ

Thạch Phủ người nước Tề thời Xuân Thu, có tiếng là người giỏi. Anh ta phải tội oan, bị giam trói. Án Tử đi chơi, gặp ở đường, tháo một con ngựa đang đóng xe ra bán, để chuộc tội cho anh ta, rồi đưa lên xe đem ra về.

Về đến nhà, Án Tử chẳng hỏi han gì đến, vào ngay nhà trong rồi ở mãi không ra.

Thạch Phủ tức giận bỏ đi và nói rằng từ rày không bước đến nhà Án Tử nữa.

Án Tử nghe tiếng, ngạc nhiên, sử khăn áo chạy ra, tạ rằng:

- Tuy tôi chẳng ra gì, song cũng vừa gỡ được tội cho ông, sao ông lại vội cự tuyệt tôi thế.

Thạch Phủ nói:

- Không phải. Tôi nghe người quân tử gặp phải kẻ bất tri kỉ thì phải cực thân gặp được người tri kỷ thì được hả dạ. Tôi đã phải giam trói oan là tôi gặp phải kẻ bất tri kỷ. Tôi nay gặp được ông đã biết tôi mà chuộc cho tôi khỏi tội oan, thì ông là tri kỷ của tôi. Nếu tôi lại gặp phải người tri kỷ mà vô lễ thì thà rằng tôi cứ ngồi trong chỗ giam trói còn hơn.

Án Tử nghe ra bèn kính trọng Thạch Phủ, rồi sau tôn Thạch Phủ làm thượng khách.

Sử ký

LỜI BÀN

Xem chuyện này ta trọng Thạch Phủ là người tinh đời và lại có tài, có khí ngang nhiên nói thẳng băng mà không mất lòng ân nhân, lại còn nhân đó làm cho ân nhân biết giá trị của mình nữa. Ông vừa biết mình vừa biết người và giỏi cả khoa ngôn ngữ. Còn như Án Tử là người biết người mà lại có đức, có lượng. Bán ngựa để chuộc tội cho Thạch Phủ, thế là biết được anh hùng trong lúc còn trần ai và thương người như thể thương thân vậy. Phải Thạch Phủ nặng lời oán trách, mà ông xử lại kính trọng bội phần, thật là ái tài như mạnh (yêu quí người hiền tài như yêu quí mạng mình). Đáng phục lắm thay! Án Tử làm tướng nước

Tề, suốt đời tận tụy quên cả bản thân; nhất là với việc bồi thực nhân tài để cho có người giúp dân giúp nước, ông lại càng hết lòng lắm.

---

208. TRỒNG KHÓ, NHỔ DỄ

Điền Nhu được vua nước Ngụy tin dùng.

Huệ Tử bảo Điền Nhu:

- Ngươi phải khéo ăn ở với cận thần nhà vua mới được. Này xem như cây dương, trồng ngang cũng mọc, trồng ngược cũng mọc, bẻ cành mà trồng cũng mọc. Giả sử mười người trồng cây dương, một người nhổ lên thì không cây dương nào sống được. Thế cho nên nhiều đến mười người trồng giống thứ cây dễ mọc cũng không lại được với một người nhổ là tại làm sao? - Là tại trồng thì khó mà nhổ thì dễ. Nay ngươi muốn được vua tin dùng lâu dài, nhưng có nhiều người muốn bỏ ngươi thì ngươi nguy mất.

Bách Tử Toàn Thư

GIẢI NGHĨA

Huệ Tử: tức là Huệ Thi, là một nhà đàm luận biện bác giỏi thời Chiến Quốc

LỜI BÀN

Được vua tin dùng thế là vua đã có lòng yêu, mà vua đã có lòng yêu thì lại còn lo chi không giữ được địa vị vững chắc. Thế mà vị tất. Vua yêu, tuy vua là chủ nữa, nhưng cũng chỉ là một người, còn bao nhiêu người bên cạnh vua, nếu ai ai cũng ghét mình cả, thì mình không thể sao đứng lại được. Nên cái lẽ trồng khó, nhổ dễ của Huệ Tử nói với Điền Nhu là rất phải. Bài này có ý lo xa trừ bỏ cái hại dèm pha.

209. NGƯỜI KIẾM CỦI ĐƯỢC CON HƯƠU

Người nước Trịnh kiếm củi ngoài đồng, thấy con hươu lạc, đón đánh chết được ngay. Anh ta sợ người ngoài trông thấy, vội giấu xác con hươu vào trong cái hào cạn, lấy lá chuối phủ lên. Trong bụng mừng rỡ không biết thế nào mà kể.

Chợt một cái, anh ta lú ngay chỗ giấu hươu, bèn cho ngay là chuyện chiêm bao. Lúc gánh củi về, anh ta đi đường thẫn thờ thở than và cứ một mình lẩm bẩm kể câu chuyện ấy.

Có một người đi cạnh, nghe thấy cứ theo lời kể mà tìm được hươu, đưa về bảo vợ rằng:

- Lúc nãy anh kiếm củi mộng bắt được hươu mà không biết ở chỗ nào, bây giờ ta tìm được thế thì hẳn là kẻ mộng thật.

Vợ nói:

- Hay chính anh mộng thấy người kiếm củi bắt được hươu. Chớ làm gì có người kiếm củi thật. Bây giờ anh ta bắt được hươu thật, thế là mộng anh thật chăng.

Chồng bảo:

- Đây ta cứ biết được hươu là được hươu, cần gì phải biết rằng ta mộng hay hắn mộng nữa.

Anh kiếm củi về nhà, trong bụng tấm tức băn khoăn về việc mất hươu. Đêm hôm ấy nằm mộng thấy chỗ mình giấu hươu và cả người đến lấy hươu ấy. Sáng ra, cứ theo như mộng rồi tìm ra được, mới đem lên quan sĩ sư kiện để đòi lại hươu.

Quan xử rằng:

- Mày trước thật là bắt được hươu lại hoảng lên cho là mộng, sau mày mộng tìm thấy hươu lại hoảng lên cho là thật. Còn thằng kia thật là lấy hươu mà tranh nhau với mày thì vợ nó lại tưởng là mộng được hươu của người ta chớ không ai bắt được hươu thật, Bây giờ rõ rang là con hươu đây, thời chia đôi cho mỗi bên nửa.

Cái án ấy tâu nên vua nước Trịnh.

Vua nói rằng:

- Hừ! Quan án cũng lấy mộng mà xử kiện con hươu ư! Rồi cho đòi

thủ tướng đến hỏi.

Thủ tướng tâu rằng:

- Mộng cùng chẳng mộng, tôi không thể phân biện được. Muốn phân biện mộng hay giác thì chỉ có ông Hoàng Đế, ông Khổng Tử mà thôi. Bây giờ không có hai bực ấy, thì ai phân biện ra được?

Thôi, xin cứ y như lời xử đoán của quan sĩ sư là xong.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA

Trịnh: nước nhỏ thời Xuân Thu, ở vào huyện Tân Trịnh, một phần đất phủ Khai Phong tỉnh Hà Nam ngày nay

Sĩ sư: chức quan tra xét việc ngục tụng

Hoàng Đế: một bậc thánh đế thời cổ, thay vua Thần Nông cai trị nước Tàu

Khổng Tử: người nước Lỗ về thời Xuân Thu, tên là Khưu tự là Trọng Ni, ông tổ nho học

LỜI BÀN

Đánh chết được con hươu thật lại đem giấu cẩn thận, vì quên mất chỗ giấu mà cho là mộng. Thế là thực mà hóa ra mộng. Nghe lỏm rồi tranh lấy hươu của người đem về tận nhà khoe với vợ. Thế là mộng hóa ra thực! Ôi! Như thế thì chẳng ra sự mộng và sự thực không có gì để phân biệt tách bạch hẳn ra ư. Hay ở đời có lắm cái như thực mà là mộng cả, lại có lắm cái tưởng mộng mà thực cả. Tác giả chính có ý muốn bày tỏ sự mộng, sự thực ở đời là như thế. Nhà Phật còn có cả cuộc đời là một giấc mộng nữa là những việc vụn vặt hàng ngày.

Còn câu cuối bài, tác giả có ý bác Hoàng Đế và ông Khổng Tử cứ như muốn giáo hóa người đời, cho ở đời cái gì cũng là thực cả.

Tự xưa đến nay, ở đâu mà chẳng là thật, việc gì mà chẳng là chiêm bao, chẳng qua như chuyện được hươu mất hươu, tìm thấy hươu, kiện nhau hươu. Nghĩ cho cùng, tưởng cũng buồn cười.

210. HỎI THĂM DÂN

Vua nước Tề sai sứ đem thư sang hỏi thăm bà Uy Hậu nước Triệu.

Sang đến nơi, sang đến nơi bà Uy Hậu chưa xem thư đã hỏi sứ giả rằng:

- Năm nay không mất mùa chứ? Dân bình yên chứ? Vua cũng mạnh khỏe chứ?

Sứ giả nghe hỏi không bằng lòng, nói rằng:

- Tôi vâng mệnh vua nước tôi sang sứ bên này, thái hậu không hỏi đến vua tôi, lại hỏi thăm mùa màng với dân sự trước, thế chẳng ra tôn trọng kẻ hèn hơn người sang ư?

Uy Hậu bảo:

- Không phải. Nếu không có mùa màng thì lấy đâu có dân, không có dân thì lấy đâu có vua. Cho nên ta hỏi mùa màng và nhân dân trước. Ai lại bỏ gốc mà hỏi ngọn bao giờ!

Nói xong, Thái hậu lại hỏi luôn rằng:

- Chung Li Tử là xử sĩ bên ấy vẫn được bình yên đấy chứ? Người ấy có lương ăn cũng thế, không có lương ăn cũng thế, có áo mặc cũng thế, không có áo mặc cũng thế, ấy là người giúp vua mà nuôi dân đấy, sao đến bây giờ chưa triệu ra làm quan? Cả Nghiệp Dương Tử bên ấy vẫn bình yên đấy chứ? Người ấy thương xót kẻ quan quả chu tuất, kẻ có độc, chuẩn tế kẻ khốn cùng, giúp đỡ kẻ túng bấn, thế là người ta giúp vua để sinh tức cho dân, sao đến bây giờ còn chưa triệu ra làm quan? Người con gái Bắc cung tên là Anh Nhi Tử vẫn bình yên đấy chứ? Người ấy bỏ cả đồ trang sức đến già không lấy chồng để nuôi cha mẹ. Ấy là người ta làm gương cho dân bắt chước ăn ở với cha mẹ cho có hiếu, sao đến bây giờ vẫn chưa cho người ấy vào chầu? Nếu hai người xử sĩ ấy không được làm quan, người con gái ấy không được vào chầu, thì làm vua nước Tề sao trị vạn dân được! À mà thằng Tử Trọng ở Ô Lăng vẫn còn đấy chứ? Người ấy trên không làm tôi vua, dưới không trị việc nhà, giữa không kết giao với ai. Thế là người ấy dạy dân làm điều vô dụng, sao đến bây giờ vẫn còn chưa giết đi?

Thái hậu hỏi mấy câu chuyện xong rồi mới xem đến thư.

GIẢI NGHĨA

Tề: tên nước lớn trong bảy nước thời Chiến Quốc, ở vào địa phận tỉnh Sơn Đông bây giờ

Uy Hậu: mẹ của Uy Vương, bấy giờ bà có dự triều chính

Triệu: tên một nước lớn thời Chiến Quốc, ở vào phía nam tỉnh Trực Lệ, phía bắc Tỉnh Sơn Tây bây giờ

Xử sĩ: người hiền tài ẩn cư một chỗ

Quan quả: quan: người góa vợ, quả:người góa chồng

Chẩn tế: cứu giúp kẻ đói khổ

LỜI BÀN

Nước lấy dân làm gốc. Dân không đủ ăn thì nước nguy cho nên dân sinh là việc trọng. Dân không an cư thì nước loạn, cho nên trị an là việc cần. Bà Uy Hậu hỏi hai việc này trước, rồi hỏi thăm vua sau là có ý quí dân lắm. Rồi bà hỏi đến hai người xử sĩ, một người hiến nữ, là mong cho dân có được nhân tài để lãnh đạo. Bà hỏi đến một tên tiểu nhân là ngại cho dân lỡ phải quân gian ác cổ hoặc làm càn, thủy chung câu nào bà hỏi cũng chú trọng về dân, còn vua thì hỏi qua, thật là một tay thấu hiểu việc trị nước, ám hợp với cái ý tưởng của ông Mạnh là: “Dân vi quý, xã tắc thí chi, quân vi khanh” vậy.

211. DÂN QUÍ NHẤT

Nước mà trông cậy để vững bền được là nhờ ở ba thứ:

Một là dân; hai là xã tắc; ba là vua.

Đem ba điều ấy so sánh với nhau, dân tuy không có thế đáng tôn, nhưng có hình đáng sợ, đáng trọng, thật là dân quí nhất.

Xã tắc là thổ thần và cốc thần tí hộ cho dân được yên, được sống nhưng cũng vì dân mới đặt ra, thì chẳng chúng ta bì với dân được. Vậy xã tắc còn là đáng quý thứ hai.

Vua chúa tuy kể cả thần, kể cả dân nhưng kỳ thực cũng phải nhờ lòng dân có yêu mến, xã tắc có yên ổn thì vua mới lâu dài được. Thế thì vua ví với dân, với xã tắc, vua không trọng lắm, nghĩa là đáng quý thứ ba.

Mạnh Tử

GIẢI NGHĨA

Xã tắc: xã: nơi thờ thổ thần tức là thần giữ đất; tắc: nơi thờ cốc thần, tức là thần cho được mùa.

Tí hộ: che chỡ, đỡ đần cho được bình yên

LỜI BÀN

Nước có quân chủ, thì còn ai trọng bằng vua chúa. Tục chuộng Thần quyền, thì còn ai sợ bằng thần thánh. Một đàn dân ngu, tha hồ mà giày xéo, bóc lột! Nhưng biết đâu dân chính là gốc của nước, có dân mới có xã tắc, có dân mới có vua, nên đem so dân với vua thì dân là quý nhất, không thể khinh thường được. Ông Mạnh sinh vào thời cổ, quân chủ áp chế, mà thực đã hiểu rõ cái lẽ tối tân của đời bân giờ là đời dân chủ. Dù có quân chủ chăng nữa nhưng cũng là tượng trưng cho toàn dân, mà phải thực hành trọng dân quyền thì mới hợp trào lưu tiến hóa vậy. Còn dân, cố nhiên là dân vi quý, nhưng dân trí không mở mang thì dân chủ cũng nguy hại lắm.

212. NHUỘM TƠ

Mặc Tử thấy người ta nhuộm tơ, ngẫm nghĩ than rằng:

Nhuộm vào màu xanh thì hóa xanh, nhuộm vào màu vàng thì hóa vàng. Nhúng vào màu nào thì biến ra màu ấy. Năm lần nhuộm, hóa ra năm sắc, cho nên nhuộm phải cẩn thận.

Không những tơ nhuộm như vậy. Người ta tiêm nhiễm nhau cũng thế, bạn với người hay thì hóa hay, bạn với kẻ dở thì hóa dở. Vinh hay nhục quan hệ ở những người bạn mình hay giao du.

Mặc Tử.

GIẢI NGHĨA:

- Mặc Tử: người nước Lỗ thời Chiến quốc, họ Mặc tên Địch, làm quan đại phu nước Tống, xướng ra học thuyết "Kiêm ái"

LỜI BÀN: Bài này ý tưởng không có gì là cao lạ, chẳng qua cũng chỉ nói đến sự giao du làm cho người ta chóng giống tính những người mình hằng đi lại với nhau. Nào "Gần mực thì đen gần đèn thì rạng" (hoặc: gần son thì đỏ), nào: "Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài", nào: "Mày bảo tao biết mày chơi với ai, tao sẽ bảo mày là hạng người thế nào". "Vợ bắt tựa chồng, người ăn người ở giống tông chúa nhà". "Ở nhà hàng mắm thì thối, ở nhà hàng hương thì thơm", có biết bao nhiêu câu do cái khôn ngoan của loài người đều công nhận một chân lý ấy cả. Sự chơi bời ở đời, gần người hay thì được hay, gần kẻ dở hóa dở cần là như thế, thành hiền còn phải nghĩ đến, huống chi là ta, lúc muốn kết bạn bè với ai, chẳng nên cẩn thận mà kén chọn trước ru? Nói tóm, bài này khuyên người ta "chọn bạn mà chơi".

213. KÉO LÊ ĐUÔI MÀ ĐI

Trang Tử đang câu cá ở trên sông Bộc.

Vua Sở sai hai quan đai phu đến ngỏ ý rằng, ý vua muốn đem việc nước lại phiền.

Trang Tử không nhìn hai quan đại phu, cứ cầm cần câu cá mà nói rằng:

Ta nghe nước Sở có con thần qui chết đã ba nghìn năm mà vua còn quý, lấy khăn bọc cất vào hòm để trên miếu đường. Như con thần qui ấy chết mà để xương lại cho người ta quý hơn hay là sống mà kéo lê đuôi đi ở giữa đường quý hơn?

Hai quan đại phu nói:

Thà rằng sống mà kéo lê đuôi đi ở giữa đường còn hơn.

Trang Tử nói:

Vậy xin mời hai ngài cứ về. Ta đây cũng sắp kéo lê đuôi mà đi ở giữa đường.

Trang Tử

GIẢI NGHĨA:

- Bộc: một ngành của con sông chảy qua địa phận tỉnh Hà Nam.

- Thần qui: con rùa thiêng. Rùa sở dĩ cho là con vật thiêng là vì xưa người ta dùng để bói.

- Miếu đường: nơi thờ phụng tổ tiên của nhà vua

LỜI BÀN: Hiền như Trang Tử đã đi câu trên sông Bộc là muốn an nhà không còn để thân bó buộc vào trong vòng danh lợi nữa. Sở Vương không hay còn cho người cầu đến. Trang Tử hỏi chuyện con thần qui mà tức là để tỏ ý kiến rằng từ chối. Ôi! Bây giờ nhân đời Chiến quốc, người ta đã có câu: “Chiến quốc chi sĩ tiện” nghĩa là kẻ sĩ đời Chiến quốc hèn hạ, và đáng khinh bỉ, cho nên Trang Tử không chịu ra cũng có lẽ vậy. Lúc đời đang sôi nổi, đắm đuối về danh lợi, xâu xé tranh cướp nhau, xác người tuy còn, lòng người đã chết, thì ra đua với đời chỉ ô uế đến thân. Có đâu cao thượng bằng cầm câu trên sông Bộc làm lão ngư ông sống gần tạo hóa, xa đời ô trọc lại chả nhẹ nhàng cái thân ư!



214. PHẢI BIẾT PHÒNG XA

Ông Biển Thước đến yết kiến Hoàn Hầu nước Tề, đứng ngắm một lát, tâu rằng:

Vua có bệnh ở trong bì phu, không chữa sợ sau nặng.

Hoàn Hầu bảo:

Ta vô bệnh.

Biển thước đi ra.

Hoàn Hầu nói:

Thầy thuốc này lý tài lắm! Muốn chữa người khỏe để lấy công.

Mười hôm sau, Biển Thước vào yết kiến Hoàn Hầu lại nói:

Vua có bệnh ở gan ruột, không chữa mau sau khó lòng.

Hoàn Hầu không trả lời, còn lấy làm không bằng lòng.

Biển Thước đi ra.

Cách mười hôm nữa, Biển Thước lại vào yết kiến Hoàn Hầu, vừa trông thấy, lùi chạy ra ngay.

Hoàn Hầu cho người gọi lại hỏi, vì cớ gì mà ra ngay như vậy.

Biển Thước tâu:

Bệnh ở bì phu còn châm trích được, bệnh ở gan ruột còn thuốc thang được, bệnh đã vào xương tủy, thì không tài nào chữa được nữa. Bây giờ bệnh nhà vua đã vào đến xương tủy cho nên tôi không dám nói mà phải ra ngay.

Năm hôm sau, Hoàn Hầu phát bệnh, cho tìm Biển Thước, thì Biển Thước đã sang nước Tần rồi. Quả nhiên bệnh Hoàn Hầu không thầy nào chữa được nữa Hoàn Hầu mất.

Thanh Lê Tử

GIẢI NGHĨA:

- Biển Thước: Thầy thuốc hay có tiếng đời Xuân Thu.

- Lý tài: lập cách kiếm tiền

- Châm trích: châm: kim lể, trích: lửa đốt

LỜI BÀN: Theo y học phương đông thì đối với bệnh nhân: vọng, văn, vấn, thiết là bốn việc cần. Biển Thước là bậc danh y vọng (trông) mà biết bệnh nhẹ rồi nặng có chi là lạ.

Phàm bệnh gì cũng vậy, lúc mới phát ra, biết mà chữa ngay còn dễ, chớ để lâu ngày, thì rất khó hơn hoặc có khi nguy, không sao chữa được nữa.

Suy rộng ý bài này ra, ta lại có thể lấy việc bệnh tật mà so với việc thân, việc nhà, việc nước, đại khái đều như thế cả. Nghĩa là bất kỳ việc gì, nếu đã gọi là hư hỏng, thì phải sớm biết lo xa ngay đi, hoặc còn chữa chạy được, chớ để lâu ngày quá, đợi khi nước đến chân thì dù có muốn cũng không sao kịp được nữa, vì trễ quá rồi.

215. MỘT CÂU ĐOÁN ĐÚNG

Ông Tư Sản nước Trịnh sang nước Trần, có việc minh ước.

Khi về, ông tâu mọi việc với vua xong, ông đem chuyện nước Trần nói với các quan rằng:

Nước Trần thế nào rồi cũng mất, chẳng nên giao hiếu với nước ấy làm gì. Nay họ chứa nhiều lương thực, họ sửa sang thành quách, họ chỉ cứ cậy hai điều ấy đủ làm yên nước mà chẳng thương gì đến nhân dân. Vua thì không có chí gì là độc lập, thái tử thì hèn yếu, các nhà đại gia thì xa xỉ dâm dật, các quan thì kiêu ngạo, tham tàn, chính quyền thì chia xé, không ai chịu trách nhiệm. Như thế mà ở chen vào giữa các nước lớn, thì tài nào mà còn được. Bất quá mười năm nữa, nước Trần thế nào cũng mất.

Sau quả nhiên nước Trần mất thật.

Tả Truyện

GIẢI NGHĨA:

- Trịnh: (xem bài số 89)

- Trần: tên một nước nhỏ thời Xuân Thu ở vào một phần đất phủ Khai Phong (Hà Nam) và Bạc Châu (An Huy) ngày nay.

LỜI BÀN: Một nước mà vua chẳng ra vua, ươn hèn ngu muội, quan chẳng ra quan, tham tàn kiêu xa, để đến nỗi dân khốn cùng, tài khánh kiệt, quân đội liệt nhược, chính sự mục nát, mà chỉ cậy vào cái kho lương đầy, cái thành đắp cao cùng những tờ minh ước của các lân lang thì tài nào nước không mất.

Một nước như Trần đây, thật là tự mình làm cho mình diệt vong trước, rồi nước ngoài mới đến xâm lăng mà diệt đi sau vậy.

216. CÙNG, ĐẠT BỞI SỐ

Bắc Cung Tử hỏi Tây Môn Tử rằng:

Tôi với bác cùng một thời mà người ta quý bác cùng một họ mà người ta kính bác, cùng làm quan mà bác sang hơn tôi, cùng làm ruộng mà bác giàu hơn tôi, cùng đi buôn mà bác lắm lời hơn tôi. Tôi mặc, phải mặc áo cộc, ăn phải ăn gạo hẩm, ở thì một túp nhà tranh, đi thì đi chân không. Bác thì mặc những gầm vóc, ăn những thịt, cá, ở thì gác tía lầu hồng, đi thì đi xe xe ngựa ngựa. Ở nhà, thì coi bác ra lạt lẽo có bụng khinh tôi, trong triều thì coi ra bộ hơn hớn có dáng vẻ khinh tôi. Bác với tôi chẳng hỏi han đến nhau, chẳng chơi bời với nhau đã mấy năm nay rồi, vậy thì bác tự cho là bác tài đức hơn tôi chăng?

Tây Môn Tử đáp:

Tôi cũng không rõ thật tôi hơn được bác không. Nhưng bác làm việc gì cũng vấp váp, tôi là việc gì cũng thanh thản. Đó có phải là cái trưng nghiệm tài đức hơn kém nhau chăng? Bác lại nói điều gì cũng bằng tôi, chẳng đáng thẹn lắm ư!

Bắc Cung Tử không biết nói sao nữa, ngậm ngùi ra về. Giữa đường gặp Đông Quách tiên sinh, tiên sinh hỏi:

Anh này đi đâu về? Coi mặt sao buồn thế?

Bắc Cung Tử thuật lại câu chuyện kia.

Tiên sinh bảo:

Được, để ta gỡ khỏi xấu hổ cho.

Rồi tiên sinh cùng đi với Bắc Môn Tử đến nhà Tây Môn Tử, hỏi rằng:

Sao anh nói nhục Bắc Cung Tử tệ thế? Anh nói gì, kể lại tôi nghe.

Tây Môn Tử đáp:

Hắn nói kể về họ hàng, đi làm quan, đi buôn làm ruộng thì hắn cũng bằng như tôi mà sao giàu, nghèo sang hèn thì lại khác hẳn tôi. Tôi bảo rằng : tôi cũng không chắc tôi tài đức hơn gì hắn, nhưng cứ so cái việc của hắn làm hay vấp váp, cái việc của tôi làm được thanh thản, thì tức là cái trưng nghiệm hơn kém nhau mà hắn lại cứ nói việc gì cũng như tôi chẳng là xấu hổ lắm ru?

Đông Quách tiên sinh nói:

Anh nói hơn với kém chẳng qua chỉ nói hơn kém bề ngoài, chớ ta mà nói hơn với kém thì lại khác. Bắc Cung Tử hơn anh về cái đức mà kém anh về cái số phận, còn anh thì số phận hơn Bắc Cung Tử nhưng đức lại kém. Anh gặp may mà đạt không phải anh có khôn gì. Bắc Cung Tử bị rủi mà cùng cũng không phải có dại gì. Sự may rủi đó đều bởi trời cả không phải bới người. Vậy mà anh dám hợm mình về số phận của anh, còn Bắc Cung Tử thì lại tủi về tài đức của mình, hai anh đều là không biết cái lẽ tự nhiên cả.

Tây Môn Tử nghe nói, chịu là phải bảo rằng:

Thôi, xin lỗi tiên sinh, từ rày tôi không dám nói vậy nữa.

Bắc Cung Tử cũng tỉnh ngộ ra. Khi về nhà, mặc cái áo vải cộc mà coi ấm áo như áo lông cừu, ăn cơm gạo hẩm mà coi ngon như gạo tám thơm, ở nhà tranh mà coi rộng như nhà ba tần, đi dép cỏ mà coi sung sướng như ngồi xe ngựa. Trọn đời lúc nào cũng vui sướng trong lòng, không biết cái vinh cái nhục là gì nữa.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA:

Thanh thản thông suốt bằng phẳng, không có gì trở ngại.

Trưng nghiệm: việc có chứng cứ rõ ràng thật.

Đạt: làm nên vẻ vang sung sướng.

Cùng: không làm nên gì, khốn khó nghèo khổ.

Tỉnh ngộ: đương mê muội mà hiểu rõ, rồi tự biết đã lầm.

LỜI BÀN: Bắc Cung Tử hỏi Tây Môn Tử là có ý không phục Tây Môn Tử. Nghĩ đáng giận thật: cái gì mình cũng bằng người ta mà sao lại kém người ta? Còn Tây Môn Tử đáp Bắc Cung Tử thế là lên mặt hơn người ta, tất là có cớ làm sao chứ? Thành ra một người cậy cậy tài đức hơn mà bực mình, một người cậy vận mệnh hơn người mà lên mặt. Ấy ở đời tài đức và mệnh vận thường vẫn không đi đôi với nhau: có tài đức mà phải kém người không tài đức mà được số hơn người. Ai giải cho ta cái lẽ ấy? Đông Quách Tiên sinh, mà tức là tác giả cho rằng: Chẳng qua là do ở số phận mà số phận là do ở trời định, người ta không thể sao cãi được. Thực hợp với câu cổ ngữ “May hơn khôn” của

ta đó. Vậy ở đời hơn kém nhau là tại số phận cả. Nếu ta đã biết thế, thì ta hơn người ta cũng chẳng nên khinh người vì ta hơn là hơn về cái may, chớ vị tất đã hơn về cái tài đức. Còn ta cảnh ngộ mà kém người, ta cũng chẳng nên phàn nàn, vì phàn nàn vô ích mà tâm ta lại phải cái cảnh ngoài là cho lụy mà thôi.

217. THƯ VIẾT RĂN CON

"... Việc làm của người quân tử: tĩnh để tu tỉnh lấy thân, kiệm để bồi dưỡng lấy đức. Nếu không đạm bạc thì không thể nào nào sáng được cái chí. Nếu không ninh tĩnh thì không thể nào đi đến được xa.

Lấy lý mà nói: muốn học cần phải tĩnh, có tài cần phải học. Không học, thì không rộng được tài, không tĩnh thì không thành được học. Lười biếng khinh mạn thì chẳng thể biết được tường. Hiểm hóc táo bạo thì chẳng thể sửa được tính.

Một năm một tuổi, mỗi tuổi mỗi kém, rồi thành ra con người khô héo, dài thở vắn than trong chỗ xó nhà, bấy giờ mới hối còn sao kịp nữa..."

Gia Cát Lượng

GIẢI NGHĨA:

Gia Cát Lượng: người đời Tam Quốc, tự là Khổng Minh, trước ẩn ở Nam Dương, sau giúp Lưu Huyền Đức làm tướng trị nước Thục. Ông là người trí mưu trung nghĩa có tiếng ở nước Tàu.

LỜI BÀN: Có những thói xấu như nông nổi, nóng nảy, thô thiển, khinh bạc, người thường còn hại vừa, người thông minh hại mới càng nặng. Hại nặng nghĩa là thiệt đời tài hoa như không. Cho nên Khổng Minh dạy con phải theo gương quân tử ngay từ thưở còn ít tuổi cho thành thói quen. Quân Tử dùng cách gì để tu thân, để dưỡng sức, để có tài năng, để thành học nghiệp, để rộng được trí thức, để gánh vác được công việc trọng đại ở đời. Ông nói tóm tắt mà rất phân minh. Câu "Một năm một tuổi..." lại càng thống thiết. Ý ông lại còn mong cho con làm thế nào để cho tư tưởng cùng ăn nhịp với thời đại mà một ngày một tiến bộ mãi lên, chớ đừng để tư tưởng cứ cùng theo tuổi lão đại mà cằn cỗi dần thì ươn hèn lắm. Nói tóm: ông chú ý mong con sao cho thành người đừng để sau hỗi mà lỡ hóa ra con người sống thừa ở đời vậy

218. VIẾT THƯ KHUYÊN BẠN

"…Hồn nhiên, không thiện, không ác là tính trời bẩm sinh.

Thích thiện ghét ác là tính người muốn thế.

Bỏ thiện, theo ác là tập nhiễm thói xấu một ngày một dở.

Đổi ác, làm thiện là công phu tu tỉnh một ngày một hay.

Hay, dở tự mình xét lấy mình, chớ tự mình dối mình.

Đó là con đường tắt thánh hiền dạy ta mà tức là cái sổ ghi công, chép tội trong chốn u minh vậy.

Ta nên cố sức. Ta nên hết sức…"

Trần Kế Nho

GIẢI NGHĨA

Trần Kế Nho: người đời nhà Minh tức là Trần Mị Công tài cao, học rộng trước thuật rất nhiều. Ông ẩn cư dạy học, mấy lần vua triệu ra làm quan cũng không chịu ra.

LỜI BÀN

Cứ theo như ý tác giả thì người ta sinh vốn không thiện, không ác ai cũng muốn thích thiện ghét ác. Tuy nhiên, cái trò tập giữ tính thành bỏ thiện theo ác hay đổi ác ra thiện, cái tính nó bắt vào rồi thành quen đi, không sửa đổi được. Cho nên tác giả khuyên ta phải gắng công tu tỉnh cho mỗi ngày một hay, mà muốn tu tỉnh, không gì bằng tự mình phải rất nghiêm với mình để hàng ngày tự trị cho trở nên con người ra người.

219. THƯ VIẾT CHO BẠN

Trong thiên hạ có hai cái khó: lên trời khó, mà cầu cậy nhờ vả người càng khó hơn.

Trong thiên hạ có hai cái đắng: hoàng liên đắng, mà nghèo kiết khốn cùng càng đắng hơn.

Nhân gian có hai cái mỏng: giá mùa xuân mỏng mà thói đời càng mỏng hơn.

Nhân gian có hai cái hiểm: núi sông hiểm mà lòng người càng hiểm hơn.

Biết được cái khó, chịu được cái đắng, quen được cái mỏng, dò được cái hiểm mới có thể ở đời được.

Tiền Hạc Than

LỜI BÀN

Biết được cái khó, là người có chí tự lập không làm phiền ai; chịu được cái đắng, là người có tâm kiên nhẫm, cố làm nên việc; quen được cái mỏng là người có bụng đại độ bao dung được đời; dò được cái hiểm là người có trí tinh khôn thấu được nhân tình thế thái. Ở đời mà có được bốn điều ấy, thì giao thiệp với ai mà chẳng được, làm công việc gì mà chẳng nên.

220. THAM THÌ CHẾT

Ngu Thúc có viên ngọc. Ngu Công nghe tiếng muốn lấy, sai người đến cầu.

Ngu Thúc trước không chịu cho. Sau hối lại nói rằng:

- Tục ngữ có câu: "Kẻ thường dân vốn không có tội chỉ vì có ngọc bích mà thành có tội". ta giữ làm gì hòn ngọc này? Thật là mua tai vạ vào mình.

Rồi liền đem ngọc dâng cho Ngu Công.

Ngu Công đã lấy được ngọc, nghe Ngu Thúc còn thanh gươm báu, muốn lấy nốt, lại cho người đến cầu thanh gươm ấy.

Ngu Thúc giận quá, nói:

- Ngu Công trưng cầu hết cái này, lại đến cái khác. Thật là người vô yêm! Đã là vô yêm, thì tất có ngày hạ cả đến thân ta nữa.

Nói rồi đem quân đi đánh Ngu Công.

Ngu Công thua chạy ra đất Cung Trì.

Tả truyện

GIẢI NGHĨA

Câu tục ngữ: "Kẻ thường dân…" chính chữ Hán là: "Thất phu vô tội, hoài bích kỳ tội".

Ngọc bích: thứ ngọc quý, hình tròn có lỗ

Vô yêm: muốn lấy cho nhiều, không biết thế nào là vừa là chán.

221. THAM VÌ BỊ HẠI

Vua nước Thục có tính tham lam.

Vua Huệ Vương nước Tần muốn đánh, nhưng ngặt vì khe núi hiểm trở, khó đem quân đi lắm.

Huệ Vương bèn sai lấy đá tạc hình con trâu đem để gần địa giới nước Thục, mỗi ngày bỏ vàng vào chỗ sau đuôi trâu và bảo người nói phao lên rằng: “Trâu vãi ra vàng”.

Tiếng đồn ấy đến tai vua Thục. Vua Thục liền sai xẻ núi, lấy khe và cho năm người lực sĩ vào rừng kéo con trâu về.

Huệ Vương sẵn lối đi, đem quân tiến đến cướp được nước Thục.

Vua Thục vừa mất nước, vừa hại cả mình để làm trò cười cho thiên hạ. Thế chẳng tại vì tham chút lợi nhỏ mà mất cái lợi to ư?

Lưu Tử

GIẢI NGHĨA

Thục: tên nước thời Chiến Quốc, sau nhà Tần diệt mất, tức là Tứ Xuyên ngày nay.

Tần: nước mạnh thời Chiến Quốc, ở vào Tân Châu (Cam Túc) và Thiểm Tây ngày nay.

LỜI BÀN

Tạc hình trâu đá, bỏ vàng vào chỗ sau đuôi trâu để bảo rằng trâu đá vãi ra vàng, cái mưu của Tần Vương rất là sâu. Tin rằng trâu đã vãi ra vàng, thật cái trí của Thục Vương rất là khờ, lại sai người đánh đường để lấy trộm trâu đá, cái bụng của Thục Vương quả là tham. Đã khờ, đã tham mà lại gặp nhiều sâu xa hiểm hóc bày mưu để đánh lừa, thì chẳng mất nước, chẳng hại mình sao được. Than ôi! “Điều tham thực nhi vong, nhân tham tài nhi tử” cái lẽ xưa nay bao giờ cũng thế.

222. PHÂN TÍCH KHÔNG RÕ

Nay có kẻ vào vường người ta hái trộm đào, mận thì ai nghe cũng chê cười, quan bắt được tất trừng phạt. Tại sao vậy? - Tại người ấy làm điều bất nghĩa, lấy của người để làm lợi cho mình.

Kẻ vào nhà người ta bắt trộm gà vịt, chó lợn so với kẻ vào vườn nhà người ta hái trộm đào mận thì lại là bất nghĩa hơn nữa. Tại sao vậy? - Tại lấy của người càng nhiều thì bất nhân càng to, tội càng nặng.

Kẻ vào chuồng người ta bắt trộm trâu, dê, ngựa so với kẻ vào nhà người ta bắt trộm gà vit, chó lợn thì lại là bất nghĩa hơn nữa. Tại sao vậy? - Tại lấy của người càng nhiều thì bất nhân càng to, tội càng nặng.

Kẻ giết người lương thiện, ăn cướp của cải đồ đạc của người ta, so với kẻ vào chuồng trộm trâu bò, dê ngựa thì lại là kẻ bất nghĩa hơn nữa. Tại sao vậy? - Tại giết người lấy của, bất nhân to lắm, tội càng nặng lắm.

Giết người là một điều bất nghĩa, tất phải chịu một tử tội. Cứ cái lẽ ấy mà nói rộng ra: giết mười người tất phải chịu mười tử tội, giết trăm người tất phải chịu trăm tử tội…

Nay, những kẻ làm điều bất nghĩa nhỏ mọn, tầm thường như nói trên thì biết chê cười. Đến như những việc bất nghĩa thậm tệ như cướp nước người, tàn sát sinh linh hàng ức vạn…thường khi thiên hạ không biết chê cười lại còn hùa theo và khen ngợi cho là "nghĩa" và ca tụng ghi chép công đức; như thế thì có gọi được là biết phân biệt "nghĩa" với "bất nghĩa" hay không?

Kẻ nào mà lúc thấy đen ít bảo là đen, lúc thấy đen nhiều lại bảo là trắng, thì ta cho kẻ ấy là người không biết đen với trắng.

Kẻ nào nếm đắng ít cho là đắng, lúc nếm đằng nhiều cho là ngọt, thì ta cho kẻ ấy là người không biết phân biệt đắng và ngọt.

Thiên hạ bây giờ phân biệt phải trái hay lầm lẫn lắm!

Mặc Tử

LỜI BÀN

Tác giả vốn là một nhà kiêm ái nên cốt ý muốn công kích sự tranh

đoạt mà khuyến khích người ta không nên hại lẫn nhau, vì đã có ý hại nhau tất chiếm đoạt của nhau, đều là có bụng tổn nhiều để cầu lợi cho mình cả. Cho nên, muốn viện lẽ gì để buộc tội ác cho người ta mà mua tiếng hay cho omình thì cũng là bất nghĩa đáng chê cả. Thế mà ngán thay thiên hạ đã không biết chê thì chớ, lại còn theo, còn khen, thực là có khác nào như nối giáo cho giặc để tâng bốc thúc đẩy những kẻ làm điều bất nghĩa lên không. Kẻ làm điều bất nghĩa thường vẫn sợ dư luận của thiên hạ lầm lẫn đến thế, thì điều bất nghĩa ở đời càng mạnh, thật là ác hại càng tăng, biết bao giờ nhân tâm biến đổi mà ai nấy cùng được hưởng cuộc Hòa bình? Kể từ đời Mặc Tử đến giờ xa cách bao nhiêu thế kỉ mà nhân loại đã nuốt lẫn nhau, kẻ khỏe hiếp kẻ yếu, kẻ khôn lừa kẻ ngu, kẻ lớn nạt kẻ nhỏ, số nhiều lấn số ít, xâu xé nhau, tranh cướp nhau, tàn hại nhau, thực là đắm đuối trong các điều bất nghĩa đáng thương, đáng than thở lắm thay!

223. KHÔNG YÊU NHAU MỚI LOẠN

Thánh nhân trị thiên hạ tất phải biết loạn từ đâu mà ra trị thiên hạ thì mới được, không biết loạn từ đâu thì không trị nổi được thiên hạ. Ví như thầy thuốc chữa bệnh cho người ta, tất phải biết bệnh căn tự khởi đâu khởi ra từ mới chữa được, chớ không biết thì chữa không nổi được bệnh. Người trị loạn có khác gì thế?

Loạn từ đâu mà sinh ra? Sinh ra bởi không yêu nhau.

- Con không hiếu với cha, tôi không trung với vua thế là loạn đấy. Con chỉ yêu thân con, không yêu đến cha, cho nên làm thiệt cha để lợi mình; em chỉ yêu thân em, không yêu đến anh, cho nên làm thiệt anh để lợi mình; bầy tôi chỉ biết yêu thân mình mà khồn biết yêu vua cho nên làm thiệt vua để lợi mình. Thế là loạn đấy.

Tuy đến cả cha mà cũng không thương con, anh mà cũng không thương em, vua mà cũng không thương bầy tôi, thế cũng là loạn. Cha chỉ yêu thân cha, không yêu đến con, cho nên làm thiệt con để mình được lợi; anh chỉ yêu thân anh không yêu đến em cho nên làm thiệt em để mình anh được lợi; vua chỉ yêu thân vua, không yêu bầy tôi, cho nên làm thiệt bầy tôi để mình được lợi.

Tại sao mà sinh ra những điều ấy? Có phải chỉ tại không yêu nhau cả thôi không? Đến cả quân trộm quân giặc cũng vậy. Thằng trộm chỉ biết yêu nhà mình, không biết yêu nhà khác, cho nên ăn trộm nhà khác để lợi nhà mình; thằng giặc chỉ biết yêu thân mình mà chẳng yêu thân người khác, cho nên sát hạn thân người khác để lợi thân mình. Tại sao mà sinh ra thế? Có phải chỉ tại không yêu nhau cả mà thôi không?

Cho đến các quan khuynh loát nhau, các nước chư hầu đánh lẫn nhau, cũng chỉ tại các quan chỉ biết yêu nhà mình, không yêu nhà khác cho nên hại nhà khác để lợi cho nhà mình, các nước chỉ biết yêu nước mình không yêu nước khác cho nên đánh nước khác để lợi cho nước mình.

Ấy thiên hạ sinh ra loạn là bởi như thế cả.

Nếu biết yêu nhau thì còn ai nỡ hại ai, mà thiên hạ làm gì chẳng bình trị.

Mặc Tử

LỜI BÀN

Đại ý của bài rút lại một câu là: loạn mà sinh ra là chỉ do cái lòng không yêu nhau hết cả. Cầu lợi cho mình tức là muốn hại người, mà hại người tất ghét người; ghét người tất người ghét lại mà thành ra không ai được bình yên, ai cũng chỉ lo toan tranh cướp lấy lẫn của nhau mà thôi. Vậy muốn cho khỏi loạn tất phải làm sao cho thiên hạ biết yêu nhau. Mà có yêu nhau thì mới thương nhau; đã yêu thương nhau thì mầm loạn tắt. Đó chính là cái cốt yêu của Mặc Tử, là cái ý kiêm ái, yêu cả loài người không phân biệt thân sơ.

Ý Mặc Tử đây cũng giống như ý của Mạnh Tử nói: “Ở đời, ai nấy đều con cái biết thân yêu cha mẹ kẻ dưới biết tôn trọng người trên, thì tự khắc thiên hạ bình trị”, nhưng có phần thống thiết hơn, vì nói đế cả vua trên, cả cha mẹ cũng không thương yêu tôi con cho nên sinh loạn. Cái thuyết ấy kể thật xác đáng; ở cái đời ai ai cũng chỉ tự tư, tự lợi, có nói thế mới mong người tỉnh lại được ít nhiều chăng.

224.CŨNG LÀ ĂN TRỘM

Họ Quốc ở nước Tề rất giàu. Họ hướng ở nước Tống rất nghèo. Hướng bèn sang nước Tề hỏi Quốc cách làm giàu.

Quốc bảo:

Ta chỉ khéo ăn trộm thôi. Thoạt đầu ta ăn trộm một năm thì đủ dùng, hai năm thì thừa ăn, ba năm thì giàu có, tự đó trở đi tài sản ta có đến cả làng, cả tỉnh.

Hướng nghe nói, mừng lắm, nhưng khốn chỉ hiểu câu chuyện ăn trộm, chớ không hiểu cái lối ăn trộm ra làm sao.

Lúc về, bèn trèo tường, khoét ngạch, phàm cái gì mắt trông thấy, tay cầm được là cũng lấy tất.

Hướng đi ăn trộm chưa được bao lâu, bị bắt quả tang, thành phải tội, cả bao nhiêu của cải lúc trước khó nhọc kiếm ra cũng đều bị tịch thu hết.

Bấy giờ Hướng cho Quốc là đánh lừa mình, đến tận nơi trách.

Quốc hỏi:

Anh ăn trộm thế nào chứ?

Hướng bèn thuật lại cung cách ăn trộm cho Quốc nghe.

Quốc nói:

Chết thật! Cái lối của anh ăn trộm sai lầm đến như thế kia ư! Này để tôi bảo rõ cho mà biết. Trời có thời tiết, đất có hoa lợi. Ta ăn trộm thời của trời, lợi của đất, sự thuận hòa của mưa gió, những sản vật của non sông, để ta cấy lúa trồng cây, xây tường, làm nhà, trên cạn thì ta ăn trộm giống chim muông, dưới nước thì ta ăn trộm loài tôm cá. Những cái ấy không có cái gì là không phải của ăn trộm cả. Này lùa mạ, đất cát, cây cối, chim muông, cá, ba ba đều là của trời sinh ra cả há có phải của ta đâu. Song ta ăn trộm của trời, nên không có tai vạ gì.

Còn như vàng ngọc, chau báu, thóc lúa, của cải đều là người ta làm kiếm ra mới có, há có phải là của trời đâu. Nên anh ăn trộm những của ấy mà phải tội là phải lắm, anh cón trách gì ai nữa.

Hướng nghe nói càng nghi hoặc cho là Quốc lại nói dối mình lần nữa, bèn qua nhà Đông Quách tiên sinh đem câu chuyện lại hỏi.

Đông Quách tiên sinh nói:

Chính cả cái thân anh cũng là của ăn trộm nữa, nghĩa là trộm cái khí âm, khí dương mà hòa hợp lại thành cái đời, mới có cái xác anh, huống chi ngoại vật, cái gì mà chẳng là của ăn trộm hay sao. Người ta mà cái gì cũng nhận là của mình có, đều là lầm cả.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA:

- Đông Quách tiên sinh: một nhà ẩn sĩ đời Xuân Thu.

- Ngoại vật: các vật ngoài cái thân ta.

LỜI BÀN: tác giả làm bài này cốt bày tỏ cái ý rằng: Cách làm giàu không phải ở sự bon chen cướp nhỏ nhen những cái của người ta làm ra, nhưng ở sự biết lợi dụng những vật của trời đất sinh ra. Chiếm của của riêng của người đã kiếm được, mà làm giàu cho mình, thế là không chính đáng, thế tức là ăn cắp, ăn trộm, ăn cướp có pháp luật trừng trị, có công lý bắt phải bồi thường lại. Chớ lấy của chung của trời đất, biết lợi dụng những sản vật, thiên nhiên, tuy không phải của mình mà lấy thì khác gì ăn trộm, nhưng trộm cái kho vô tận của tạo hóa, chẳng những không ai buộc được tội, mà người ta lại còn phải phục, phải chịu là tài giỏi khéo lấy nữa. Muôn vật ở đời không phải là của riêng của một ai, hay một loài nào, nhưng của công của cả mọi người, ai khôn thì biết lợi dụng, ai hèn thì chiu bó tay.

Còn cái ý tác giả cho chính thân mình cũng không phải là của mình lại cao hơn một bậc nữa. Quả vậy cái xác thịt của mình, đến cả cái tâm hồn của mình, nào có phải tự mình làm nên đâu hay chẳng qua cũng chỉ là tứ đại (địa, thủy, hỏa, phong) hợp lại rồi tan đi mà thế thường vẫn cho là "Ngã".

225. LƠ TRỜI ĐỔ

Nước Kỷ có kẻ lo trời đổ, đất long thì thân mình không biết nương tựa vào đâu. Anh ta lo quá đến nỗi bỏ cả ăn, cả ngủ.

Lại có người thấy anh ta lo thế, mà lo cho anh ta, mới giảng giải cho biết rằng:

Trời chỉ là không khí chứa đầy lại mà thôi. Không chỗ nào là không có khí, anh co, duỗi, hít, thở suốt ngày ở trong vòng trời, thì việc gì lo trời đổ.

Anh ta nói:

Trời mà quả là không khí, thì còn mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao chẳng có lúc sa xuông ư?

Người kia lại giảng:

Mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao cũng là thứ hoặc phát quang hoặc thụ quang ở tầng không khí, giá có xuống nữa, thì chẳng qua cũng là khí thôi có hại chi đến người.

Anh ta lại nói:

Thế còn đất long lở thì sao?

Người kia lại giảng:

Đất là một khối rất to, đâu đâu cũng có đất cả. Ta đi đứng suốt ngày ở trên mặt đất thì lo gì đất lở mà không có đất.

Anh lo nghe hiểu ra, mừng lắm. Anh đến giảng cũng lấy làm thích và mừng lắm.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA:

- Kỷ: nước nhỏ thời Xuân Thu, xưa phải nước Sở diệt mất, tức là huyện Kỷ, tỉnh Hà Nam ngày nay.

LỜI BÀN: Liệt Tử đặt ra chuyện này tuy về mặt thiên văn không hợp với khoa học bây giờ, nhưng cái gì muốn dạy người phải đạt lý đừng có nghĩ quẩn lo quanh rất là như vậy.

Này ngay chính cái thân mình cũng chẳng phải của mình có, mà lo cho cái thân ấy còn thường khi không được, thế mà đi lo trời đổ đất

long, thì anh người nước Kỷ cũng lo xa quá thật!

Hiền triết xưa đã ví trời đất như một cái nhà trọ lớn, người ta chỉ là khách qua chơi đến trọ một thời. Nếu người khách ấy không biết hưởng thụ cái thú tự nhiên cùng tiêu dùng cái thời giờ " sống", đinh đoạt cái tài sản "chết" mà cứ băn khoăn phiền bực, ăn chẳng ngon nằm chẳng yên, lo đứng, lo ngồi, lo đêm, lo ngày, lo rằng cái nhà trọ kia lỡ ra hư hỏng nát dột, thì chẳng đáng bật cười lắm sao!

Ở đời, cố nhiên có thân là có khổ, ai mà chẳng lo. Nhưng đem cái thân trăm năm lo những việc nghìn đời, chả biết chi là hỷ hoan, chỉ những là rầu rĩ thế chả là tự chuốc lấy khổ ư?

Tôi nói câu này anh nhớ lấy:

" Ở đời chuốc khổ biết bao người".

---

226. DÙNG RƯỢU SAY ĐỂ KHIẾN CHỒNG

Công tử nước Tần tên là Trùng Nhĩ gặp trong nước có nạn, phải chạy ra nước ngoài. Công tử đi hết nước này sang nước khác.

Khi sang đến Tề, vua Hoàn Công đem con gái là Khương Thi gả cho và tàm mươi con ngựa hay. Công tử được vậy, lấy làm yên thân muốn suốt đời ở nước Tề.

Các quan tòng vong, biết nước Tề không thế tin cậy được, toan đi sang nước khác, mới họp nhau âm mưu ở chỗ vườn dâu.

Có một người đàn bà hài dâu nghe lỏm, biết chuyện, đến mách với Khương Thị.

Khương Thị sợ việc tiết lộ, giết ngay người ấy rồi bảo công tử rằng:

Công tử có chí tứ phương, đứa nghe lỏm mưu ấy, thiếp đã giết đi rồi.

Công tử nói:

Ta thật không có chí đi đâu cả.

Khương Thị bảo:

Phải đi mới được! Say một người yêu mà cứ mê mệt, thích một cảnh vui mà cứ yên nhàn, thực là làm bại hoại hết cả công dánh sự nghiệp một đời.

Công tử vẫn không muốn đi.

Khương Thị bèn cùng với Tử Phạm lập kế một hôm cho công tử uống rượu thật say, rồi bỏ lên xe, bắt kéo đi. Công tử tỉnh rượu, biết là mình lìa xa nước Tề, giận quá, cầm giáo đuổi Tử Phạm muốn giết. Nhưng ít lâu công tử tỉnh ngộ, biết hối lại ngay.

Nhờ có thế mà sau công tử về làm vua ở nước Tần và bá cả chư hầu.

Tả Truyện

GIẢI NGHĨA:

- Công tử: tiếng gọi con vua chư hầu, hay con quan to.

- Tấn: tên nước lớn thời Xuân Thu, ở vào vùng tỉnh Sơn Tây, và một ít đất tỉnh Trục Lệ ngày nay.

- Tòng vong: người theo vua chạy trốn, lúc có quốc nạn.

LỜI BÀN: Trùng Nhĩ gặp nạn nước mà đem thân ra đi, thật là có chí đáng trọng. Song đi đến Tề, được vợ đẹp ngựa nhiều, mà để cho sự vui chơi nồng nàn nó làm nguội lạnh cả chí khí thật lại là đáng tiếc mà cũng đáng khinh. Quả thật " Phong lưu là cạm ở đời, hồng nhan đánh bỏ con người tài hoa" . Người khôn mà lỡ mê thì cái dại to lắm. Trùng nhĩ lúc này, tưởng đã gần như ông" lạc bất tư Thục" (- - - Đời Tam Quốc nước Thục mất, vua là Lưu Thiện bị bắt sang ở Lạc Dương, vua Tấn hậu đãi Lưu Thiện, mỗi khi có yến ẩm. Lưu Thiện vui cười như không. Vua Tấn hỏi: có nhớ nước Thục không? Lưu Thiện nói: " Thử gian lạc bất tư thục đã" nghĩa là ở đâu vui lắm, chẳng nhớ đến nước Thục nữa. - - -) May thay cho Trùng Nhĩ gặp được bọn tòng vong biết lo xa tính sâu mà nhất là được bà vợ là người có kiến thức cao xa, có gan dạ quả quyết, biết rõ cái thói thường, "Nhi nữ tình trường, anh hung khí đoản(- - - nghĩa là cái tình quyến luyến vợ con càng nồng nà đầm ấm bao nhiên thì cái khí phách anh hùng càng cùn mằn kém cỏi đi bất nhiêu- - -) mà bà cố đẩy mãi cái bánh xe đã chệt bệt xuống đống bùn phải lăm quay cho kỳ được mới nghe. Nên ta khen cái chí Trung Nhĩ phục quốc bao nhiêu thì lại phải quý cái công lao Tử Phạm, phải trọng cái kiến thức, cái mưu trí của Khương Thị bấy nhiêu. Sao mà đời cổ có những thần, thiếp giỏi giang như thế!

227. TƯỚI DƯA CHO NGƯỜI

Tống Tựu làm quan Roãn một huyện gần biên thùy nước Lương, chỗ giáp giới với nước Sở.

Người đình trưởng ở biên thùy nước Lương cùng người đình trưởng ở biên thùy nước Sở, hai người cùng trồng dưa. Người bên nước Lương chăm làm và tưới luôn nên dưa tốt. Người bên nước Sở biếng làm và tưới ít nên dưa xấu.

Quan Roãn ở huyện biên thùy nước Sở, thấy bên Lương tốt, bên mình xấu, lấy làm tức giận lắm.

Người đình trưởng nước Sở thấy dưa bên Lương tốt hơn dưa mình, cũng sinh ra ghen ghét, đêm đêm cứ lẻn sang cào vò dưa của bên Lương, đến nỗi dưa bên ấy phải héo chết mất một ít.

Sau người đình trưởng nước Lương biết mới nói với người trưởng trong huyện, ý cũng muốn lẻn sang cào vò dưa bên Sở.

Người trưởng lại đem việc ấy nói với Tống Tựu

Tống Tựu bảo:

Ôi! Sao lại thế! Thế chỉ là gây thù oán chuốc tai vạ thôi. Này ta bảo ngươi, chớ sang cào dưa của người ta, cứ đêm đêm lẻn sang tưới dưa cho người ta mà đừng để cho người ta biết.

Người đình trưởng cứ theo thế mà làm.

Sau dưa bên nước Sở mỗi ngày một tốt. Người đình trưởng nước Sở lấy làm lạ, xét mãi ra mới biết người đình trưởng nước Lương làm giúp.

Quan Roãn nước Sở biết rõ việc ấy, lấy làm vui lòng, tâu lên vua Sở.

Vua Sở biết chuyện, buồn và có ý thẹn, nghĩ rằng:

Ngoài cái tội đi cào dưa của người ta, chắc còn có nhiều việc khác đáng tội với người ta nữa.

Vua bèn lấy nhiều của đưa sang tạ tội với vua Lương và xin giao hiếu.

Vua Lương cũng tin lòng. Thành hai nước giao hoan với nhau được

lâu.

Cổ ngữ có câu: " Chuyển bại nhi vi công, nhân họa nhi vi phúc", nghĩa là xoay cái bại mà làm nên công, nhân cái họa mà gây phúc. Lão Tử có nói: " Báo oàn dĩ đức" nghĩa là đem đức để báo oán. Hai câu ấy tức như chuyện này.

Ôi! Người ta đã làm không phải, sao ta còn bắt chước người ta!

Giả Tử Tân Thư.

GIẢI NGHĨA:

- Quan Roãn: quan cai trị địa hạt tức như quan châu huyện gần đây.

- Lương: một nước mạnh đời chiến quốc tức là nước Ngụy ở vào phĩa bắc Hà Nam, phía tây nam Sơn Tây ngày nay.

- Biên thùy: chỗ đất chia giới hạn hai nước giáp nhau.

- Sở: một nước mạnh đời Chiến quốc ở vào Hồ Nam, Hồ Bắc, Giang Tô, Chiết Giang, và phía nam tỉnh Hà Nam ngày nay.

- Đình trưởng: người chủ coi cái quán hành khách quan lại ở trọ. Đời cổ đường dài mười dặm đặt một cái đình để cho hành khách ở đây, nên người coi cái đình ấy gọi là đình trưởng.

228. CÁCH BIẾT LÒNG NGƯỜI

Lòng người ta nham hiểm hơn núi sông, khó biết hơn là biết trời.

Trời thì hằng năm có xuân hạ thu đông, hàng này còn có buổi sáng, buổi tối, ta do đấy mà biết được.

Đến như người ta thì có kẻ ngoài rõ như cẩn hậu mà trong thật kiêu căng, có kẻ trông rõ thật tài giỏi mà ngoài coi ra ngu độn, có kẻ rõ như vững vàng thư thái mà trong cuống rỗi nóng nảy. Tâm tính bên trong, diện mạo bên ngoài trái nhau khó lường như thế.

Cho nên quân tử dùng người cho ở xa để xem lòng trung, cho ở gần để xem lòng kính, sai làm nhiều việc để xem cái tài, hỏi lúc vội vàng để xem cái trí, hẹn cho ngặt ngày để xem có tín, ủy cho tiền của để xem có nhân, giao cho việc nguy biến để xem có tiết, cho đánh chén say sưa để xem cử chỉ, cho ở chỗ phiền tạp để xem thần sắc. Xem người đại khái như vậy, thì họa mới có thể biết được người.

Trang Tử

LỜI BÀN: Khéo thật! Người ta chỉ cách nhau một làn da, mà ai đã chắc biết được ai! Sông còn đò, núi còn đo được, vì nó biểu hiện ra bên ngoài,chớ lòng người ẩn phục bên trong, lấy gì mà cân nhắc, lấy gì mà lường xét. Cho nên ta chỉ trông thấy bề ngoài, thì ta chớ vội đã tin bên trong. Trong, ngoài thường khi trái hẳn nhau. Ta phải để tâm nhận cho kỹ, ta phải biết cách xem cho tường. Đoạn dưới bàn này, tác giả chính bảo cho ta cái cách ấy, là cái cách biết được người thế nào là trung, tín, là tài, trí, nhân tiết.v.v.. Cái cách ấy kể cũng không khó, chỉ cốt phải đưa người ta hẳn vào việc làm hay khiến người ta làm trái lại sự thực để dò biết sự thực.

229. CÁCH LÀM CHO KHỎI TỨC GIẬN

Người ta ở đời, đối với loài người mà gặp phải kẻ xử với mình một cách ngang ngược, thì nên coi như đi trong bụi rậm, áo vướng phải gai, chỉ nên thong thả đứng lại, gỡ dần ra mà thôi. Cái gai góc kia có biết gì mà đáng giận?

Xử được như thế, thì tâm mình không phiền não mà bao nhiêu nỗi oán hận cũng tiêu tan được ngay. Cổ nhân có câu nói:

Ta nên coi những sự ngang ngược phạm đến ta như chiếc thuyền không lỡ đâm phải ta, như cơn gió dữ tạt phải ta, ta nghĩ cho cùng, có gì mà đáng giận.

Ba câu tự phản của ông Mạnh Tử thật là cái phép để giữ thân, cái phương để nuôi tính vậy.

Vì nếu ta chỉ một mực thấy cái trái của người, thì ngay như anh em, vợ con, bè bạn, tôi tớ cho đến con gà, con chó trong nhà, thật cũng có nhiều lúc đáng làm cho ta bực.

Nếu ta việc gì cũng biết tự phản thì sực tức giận mười phần giảm ngay năm phần. Thật chẳng khác nào như người đang phải bệnh nóng sốt mà uống thuốc thanh lương vậy.

Bảo Huấn

GIẢI NGHĨA:

- Ba câu tự phản: ba câu tự hỏi mình, xét lại mình đã thật là nhân hậu chưa, đã thật là lễ độ chưa, đã thật là khôn ngoan chưa.

- Thanh lương: mát lạnh, tức là giải nhiệt.

230. TIỄN MỘT LỜI NÓI

Đức Khổng Tử ở nước Lỗ vào kinh đô nhà Chu, hỏi lễ ông Lão Đam, hỏi nhạc ông Trành Hoằng, xem xét cả giao xã, minh đường cùng triều đình, tôn miếu.

Khi trở về, ông Lão Đam đưa chân có nói rằng:

- Ta nghe người giàu sang tiễn người thì dùng của cải, người nhân hậu tiễn người thì dùng lời nói. Ta tuy không được giàu sang nhưng mang tiếng là người nhân hậu, vậy xin tiễn người một lời nói vậy.

Này, phàm kẻ sĩ đời này, những người thông minh, sâu sắc, xét nét mà có khi thiệt mạng đều là kẻ hay chê bai, nghị luận tâm sự người ta cả; những người biện bác rộng rãi xa xôi mà có khi khổ thân đều là kẻ hay bới móc phơi bày tội lỗi người ta cả.

Đức Khổng Tử nói: - Vâng, xin kính theo lời người dạy.

Khi Đức Khổng Tử về đến nước Lỗ, đạo của ngài mỗi ngày một tôn, học trò của ngài mỗi ngày một đông.

Gia Ngữ

GIẢI NGHĨA

Lỗ: tên một nước nhỏ, có tự đời nhà Chu sau phải nước Sở diệt mất, ở vào phủ Duyên Châu và Bĩ tức tỉnh Sơn Đông ngày nay.

Chu: tên chỗ kinh đô thiên tử nhà Chu đóng

Lão Đam: tức là Lão Tử, họ Lý tên Nhi tự là Bá Dương, tổ Đạo gia.

Tranh Hoằng: người đời nhà Chu, làm chức đại phu, sau có tội bị giết.

Giao: nơi vua tế trời về ngày đông chí, cho nên tế giao tức là tế trời.

Xã: nơi vua tế đất về ngày hạ chí, cho nên tế xã gọi là tế đất

Minh đường: nhà của vua, đời cổ làm ra nhà ấy để bày tỏ công việc chính giáo, cùng làm những điền lễ lớn.

LỜI BÀN

Bài này làm ra có ý phơi bày cái học thuyết Khổng, Lão không giống nhau có nhiều điểm lại như phản đối hẳn. Đây là lời Lão Đam như có ý khuyên bảo Khổng Tử là người lúc bấy giờ hay đi chu du các

nước định bày cái lẽ trái phải của vua các nước chư hầu, nếu cứ rằng nay đây mai đó như thế mãi thì có khi nguy đến tính mệnh. Câu cuối bài nói vì Lão Đam khuyên bảo như thế mà đạo Khổng Tử được đông hơn là vì Khổng Thị biết nghe lời Lão Thị, tự đó về chỉ chuyên có một mặt dạy học trò mà thôi.

231. QUÝ LỜI NÓI PHẢI

Vua nước Tấn đi chơi thuyền. Các quan đi hầu đông đủ cả.

Vua hỏi: Loan Doanh ta đã cấm cố một nơi, con là Loan Phường trốn chạy ra ngoại quốc. Có ai biết Loan Phường bây giờ ở đâu không?

Các quan yên lặng, không ai nói gì cả.

Người lái thuyền tên là Thanh Quyên buông tay chèo đứng dậy thưa rằng:

- Nhà vua hỏi Loan Phường làm gì?

Vua nói: - Từ khi ta đánh được họ Loan đến nay, nghe họ Loan người già chưa chết hết, người trẻ đã lớn lên. Ta lo họ phục thù, cho nên ta mới hỏi.

Thanh Quyên: - Nếu nhà vua khéo sửa sang chính sách nước Tấn, trong được lòng quan, ngoài được lòng dân, thì dù cho còn con họ nhà Loan mà làm gì được nhà vua. Nhưng nếu nhà vua không sửa sang chính sách nước Tấn, trong mất lòng quan, ngoài mất lòng dân thì ngay cả những người ngồi trong thuyền này ai cũng là con nhà họ Loan cả.

Vua khen: - Ngươi nói phải lắm.

Rồi sáng hôm sau cho đòi Thanh Quyên đến, ban cho một vạn mẫu ruộng.

Thanh Quyên từ không nhận.

Vua nói: - Lấy một vạn mẫu ruộng ấy đổi lấy một lời nói kia, kể ra nhà người còn thiệt mà quả nhân còn lợi nhiều, nhà ngươi cứ lấy.

Ấy người đời cổ quý lời nói phải như thế đấy.

Thi Tử

GIẢI NGHĨA

Tấn: tên một nước thời Xuân Thu, ở vào vùng Sơn Tây ngày nay.

Loan Doanh: người nước Tấn, thời Xuân Thu, làm quan hạ khanh sau phải tội giết cả họ.

Cầm cố: giam cầm riêng một nơi rất là nghiêm ngặt.

Thi Tử: người nước Lỗ đời nhà Chu, thầy học Thương Ưởng, có làm sách hai mươi thiên.

LỜI BÀN

Sợ người phục thù mà muốn giết chết hết cả họ người ta, thế là tàn nhẫn mà đã chắc trừ hẳn được hết mối oán thù chưa, hay lại chỉ gây cho mối oán thù ngày càng to lên. Kẻ có quyền thế chỉ có thể giết chết người, chớ có bao giờ giết chết được lòng người. Cho nên lo sợ như vua Tấn đây chỉ là biết lo sợ người ngoài muốn làm hại mình mà thôi. Sao cho bằng phòng bị như Thanh Quyên, mới là biết tự làm cho mình khỏe hơn. Sợ người nhưng người chẳng nể mình thì sợ sao cho được, chớ làm cho mình khỏe, dù cho người ngoài đáng sợ cũng không cần sợ. Khi mình là người có đức và có sức thì ai cũng là bạn mình cả, dù có cừu địch, cừu địch cũng không làm gì nổi. Chớ nếu mình tàn ác thì đến cả những người ở ngay bên mình cũng thành ra cừu địch mà hại mình được cả. Thanh Quyên bày tỏ cái ý ấy rất phải mà vua Tấn biết nghe cũng là đáng khen lắm vậy.

232. TƯ TƯỞNG LÃO TỬ

1. Cái đẹp mà đến thiên hạ đua nhau cho là đẹp là cái đẹp rất xấu. Cái hay mà đến thiên hạ mượn tiếng để làm hay là cái hay rất dở.

2. Để thân lại sau mà thân được ở trước, gác thân ra ngoài mà thân vẫn còn mãi. Thế chẳng phải là bởi mình không có lòng riêng cho nên mới được

thỏa lòng riêng ư?

3. Tuy là cương cường nhưng giữ tính mềm dẻo. Tuy là sáng sủa, nhưng giữ cách ngu tối. Tuy là vinh hiển nhưng giữ lối tầm thường.

4. Học cho rộng trí không thì ngày một hay. Tìm lẽ huyền bí, lâu hóa vẩn vơ, thì một ngày một dở.

5. Trộn lẫn cái hay của mình với đời để làm thân thiết; cùng chịu cái dở của đời với mình mà vẫn trong sạch.

6. Có ba điều quý báu: một là từ, hai là kiệm, ba là chẳng dám phạm vào việc bất tường của thiên hạ.

7. Ta mà lo phiền, sợ hãi vì ta có thân ta, đến khi ta đã không có thân ta, thì ta còn có lo phiền, sợ hãi gì nữa.

Lão Tử

LỜI BÀN

Ba câu trên là nói ngược lại cái thói đời. Câu 1 cái ngược ấy là dở, câu 2 và 3 cái ngược ấy lợi cho mình, câu 4 nói cách học hành, câu 5 nói cách xử thế, câu 6 nói các đức tính nên có, câu 7 nói sự lụy thân. Những câu vặt này tuy mỗi câu nói môt việc nhưng tựu trung câu nào cũng hàm xúc một cái tư tưởng vô danh, vô vi là cái tôn chỉ của Đạo Lão.

Đạo của Lão Tử cốt ở vô vi. Muốn cho thành được vô vi, thì người ta trước hết phải vô dục, vô cầu, vô tranh, vô danh như những câu nói trong bài này. Khi đã được như thế, thì mỗi cảnh có một cái thú cho mình, cái sướng cho người, loài người ở với nhau được hòa bình mà không mấy khi xảy ra sự tàn hại lẫn nhau nữa, Quý thật! Đến đem cái đức mà báo oán, thì còn oán nào mà chẳng tan!

233. LÀM NHÀ CỎ CŨNG ĐỦ

Vua nước Trịnh sang nước Sở. Tử Sản theo đi tướng lễ, chỉ cho làm nhà cỏ để ở, không lập đàn gì cả. Các quan theo hầu thấy vậy nói:

- Các quan đời trước theo tiên quan đi sang các nước lân bang đều lập đàn hết cả, nay ông chỉ cho làm nhà cỏ thì chẳng là không hợp lễ ư?

Tử Sản bảo: - Vua nước lớn đến nước nhỏ thì lập đàn, vua nước nhỏ đế nước lớn thì làm nhà cỏ cũng đủ, lập đàn mà làm gì!

Ta nghe vua nước lớn đến nước nhỏ có năm điều hay cho nước nhỏ: 1) có tội thì khoan cho; 2) có lỗi thì thứ cho; 3) có tai nạn thì cứu cho; 4) chính sách hay thì thưởng cho; 5) có điều dở thì dạy cho. Nước nhỏ không phải cái gì là khổ sở mà yêu nước lớn như một nhà cho nên mới lập đàn để biểu dương công của nước lớn và bảo con cháu sau chăm việc tu đức không được hững hờ.

Còn như nước nhỏ đến nước lớn có năm điều xấu là nước nhỏ: 1) có tội phải đi giải quyết; 2) có điều kém phải xin nài; 3) có mệnh lệnh của nước lớn phải tuân theo; 4) có việc chức công phải cung phụng; 5) có việc triều hội phải theo đòi. Nếu chẳng phải năm việc ấy, thì lại là việc đem tiền của để mừng hay viếng nước lớn. Phàm những việc ấy đều là tai vạ cho người nhỏ cả. Lập đàn làm gì, chỉ tổ bêu những tai vạ mà làm nhục cho con cháu.

Tả Truyện

GIẢI NGHĨA

Trịnh: tên một nước nhỏ thời Xuân Thu ở vào huyện Tân Trịnh tỉnh Hà Nam ngày nay.

LỜI BÀN

Câu Tử Sản nói rất phải. Khi người lớn đã hạ cố sang đến nước nhỏ, thường thường là lợi cho nước nhỏ, nước nhỏ trọng vọng lập đàn lên để tiếp là có nghĩa. Còn khi nước nhỏ đã bất đắc dĩ phải sang nước lớn thì thường thường lại là tai hại cho nước nhỏ, nước nhỏ nên khiêm nhường chỉ làm cái nhà cỏ cho xong việc là đủ. Khi đã gọi là khuất thân lụy người thì còn vinh hiển nỗi gì mà dềnh dang ra những sự trang hoàng, để ngại tai chướng mắt cho người đời mà để lại tiếng xấu

cho con cháu sau này nữa.

---

234. THẾ NÀO LÀ ĐẠI TRƯỢNG PHU

Cảnh Xuân hỏi thầy Mạnh Tử:

- Công Tôn Diễn và Chương Nghi nổi một cơn giận đi du thuyết, thì các nước chư hầu sợ, ngồi yên một chỗ thì thiên hạ không có chiến tranh. Hai người như thế chẳng là bậc trượng phu ư?

Thầy Mạnh Tử nói:

- Hai người ấy gọi là đại trượng phu thế nào được! A dua, xiểm nịnh, lựa ý chiều lòng các vuc chư hầu để được quyền, được thé, cách cục hai người ấy y như đàn bà lẻ mọn, thừa thuận phục tùng. Đại trượng phu đâu có thế?

Bực đại trượng phu tâm địa chí công như ở cá nhà rất rộng cho thiên hạ, cử động mực thước thận trọng như đúng cái ngôi chính vị trong thiên hạ, công việc làm quang minh chính đại nhu đi trên con đường cái trong thiên hạ. Đắc chí thì đem cái khôn ngoan học thức, thi thố cho thiên hạ được nhờ; bất đắc chí thì một mình vui vẻ giữ vững cái hay của mình. Sự giàu có quan sang chẳng làn siêu đảng được cái tâm, sự nghèo khó vi tiện chẳng làm biến đổi được cái tiết, sự uy hiếp hay vũ lực chẳng làm tỏa nhục được cái chí…thế mới gọi là đại trượng phu.

Mạnh Tử

GIẢI NGHĨA

Công Tôn Diễn, Chương Nghi: hai nhà du thuyết giỏi có tiếng thời Chiến Quốc

Du thuyết: ngôn luận biện bác một cách khôn khéo, hung hồn làm cho người ta phai nghe.

Đại trượng phu: tài trai, anh hùng hào kiệt.

235. THIÊN HẠ SĨ

Lỗ Trọng Liên có khí tiết lạ lùng, có lòng trung nghĩa phẫn kích, không phải hạng sánh sĩ sánh kịp được.

Kìa như con diều, con két bay cao lên tầng mây; con hổ, con báo gầm thét trong rừng núi, mạnh mẽ, dữ tợn có ai dám lại gần. Song một mai bị người ta trói buộc, nuôi vào trong chuồng thì có khác gì giống gà, giống chó. Mà diều, két, hổ, báo sở dĩ để cho người ta đánh bẫy được, có phải chỉ do cái lòng thèm muốn mà thôi không?

Như Lỗ Trọng Liêm thì thực không có ham muốn gì, cho nên bay cao, gầm dữ mà vẫn ngang tăng một đời. Người ta khen Lỗ Trọng Liêm là thiên hạ sĩ rất là phải.

Tiềm Thất Tử

GIẢI NGHĨA

Lỗ Trọng Liêm: người nước Tề về thời Chiến Quốc là một bực nghĩa sĩ xưa nay ai cũng biết tiếng.

Khí tiết: chí khí và tiết tháo

Trung nghĩa: trung là hết lòng, nghĩa là ở phải.

Phẫn kích: phẫn là căm giận, kích là hăng hái.

Sách sĩ: người có mưu kế.

236. DỰ NHƯỢNG BÁO THÙ

Dự Nhượng trước thờ Phạm Trung Hàng, Trung Hàng đãi không tử tế.

Dự Nhượng bỏ đi theo Trí Bá, được Trí Bá tin dùng lắm. Nhưng sau Trí Bá bị bọn Tam Tấn đánh thua, giết chết và chiếm mất đất. Trong bọn Tam Tấm có Triệu Tương Tử oán Trí Bá nhiều nhất, bắt lấy đầu Trí Bá sơn đi làm đồ đi tiểu.

Dự Nhượng lúc đó đã trốn trong rừng nghe chuyện làm vậy, than rằng:

Tài trai nên vị người tri kỷ mà bỏ thân, con gái nên vị người yêu thương mà làm dáng. Ta đây quyết phải báo thù cho Trí Bá mới nghe.

Bèn đổi tên họ, ăn mặc giả làm bọn tù, vào cung trát chuồng tiêu, muốn thừa cơ để đâm chết Triệu Tương Tử.

Tương Tử một hôm ra nhà tiêu, bỗng dưng động tâm bắt người trát nhà tiêu ra hỏi, thì biết ngay là Dự Nhượng.

Dự Nhượng rút dao găm trong mình ra nói rằng:

Ừ, ta là Dự Nhượng, ta muốn báo thù cho Trí Bá đây.

Đầy tớ Triệu Tương Tử hăm hăm chực giết Dự Nhượng. Tương Tử ngăn lại, nói rằng:

Hắn là nghĩa sĩ đó. Thôi ta tránh đi thôi, Trí Bá chết không có con cháu, hắn là bầy tôi báo thù cho chủ, thực là hiền nhân của thiên hạ. Thôi ta tha cho hắn.

Dự Nhượng được tha, lại cạo râu và lông mày cho đổi nét mặt, sơn mình giả làm thằng hủi đi ăn xin. Vợ trông thấy cũng không nhận ra, nói rằng:

Người này, tiếng nói thì giống chồng ta, nhưng mặt mày thật không phải chồng ta.

Dự Nhượng lại nuốt than hồng cho đổi cả tiếng nói đi.

Được ít lâu, Triệu Tương Tử đi chơi, Dự Nhượng núp chực đợi dưới cầu. Nhưng lúc Tương Tử đi gần đến đầu cầu, con ngựa thốt nhiên kinh hãi lồng lên. Tương Tử nói rằng:

Chắc lại có Dự Nhượng ở đây.

Rồi sai người tìm dưới gầm cầu, quả bắt được Dự Nhượng thật.

Tương Tử gọi Dự Nhượng đến trước mặt trách rằng:

Ngươi trước thờ Phạm Trung Hàng. Phạm Trung Hàng bị Trí Bá giết, sao ngươi không báo thù lại thờ Trí Bá. Nay Trí Bá bị ta giết, sao mà ngươi chăm báo thù thế?

Dự Nhượng nói:

Trước tôi có thờ Phạm Trung Hàng thật, nhưng Phạm Trung Hàng đãi tôi như bọn tầm thường, nên tôi lại lấy cách tầm thường mà ở lại. Sau tôi thờ Trí Bá, Trí Bá đãi tôi vào bậc quốc sĩ, nên tôi lại lấy cách quốc sĩ mà ở lại.

Triệu Tương Tử chép miệng than rằng:

Ngươi thờ Trí Bá cũng đã nên danh tiếng rồi đó, mà ta tha cho ngươi bận trước cũng đã đủ rồi. Nhưng bận này ngươi phải liệu cái thân ngươi, không tha nữa đâu.

Dự Nhượng nói:

Tôi nghe: Minh chúa không che lấp sự có nghĩa của người ta, trung thần không tiếc cái chết để cho nên danh tiếng. Trước ông đã khoan tha cho tôi một lần, thiên hạ ai cũng biết ông là người đại lượng rồi. Còn như việc hôm nay, tôi đành xin chịu chết, nhưng tôi xin mạn phép ông, ông cho tôi được đâm vào cái áo ông mặc, thì tôi dù chết cũng không oán giận gì nữa.

Triệu Tương Tử cho là người có nghĩa, cởi áo sai đầy tớ đưa cho Dự Nhượng.

Dự Nhượng rút gươm, nhảy lên ba lần hò hét đâm vào áo và nói rằng:

Thế này là ta báo được ơn Trí Bá rồi đây.

Nói đoạn đâm cổ chết.

Chiến Quốc Sách

GIẢI NGHĨA:

- Dự Nhượng: người nước Tấn đời Chiến Quốc có tiếng là một người nghĩa sĩ.

LỜI BÀN: Ta đọc bài này, thực như đi xem một tấn bi kịch có thể khiến cho ta nhỏ nước mắt cảm cái khí khái của một người nghĩa sĩ. Dự Nhượng muốn báo thù cho Trí Bá, tuy khốn khổ thân hai lần mà không thành công, song cũng đủ tỏ được cái nghĩa vua tôi, đã đem lòng thờ ai, chịu ơn người ta, thì không sao rời bỏ được người ta, dù đến phải thì thân cũng không quản ngại. Than ôi! Nếu Triệu Tương Tử lần trước tâm không động, lần sau ngựa không lồng, thì biết đâu tấn kịch lại không xoay đi thế khác. Nhưng ta đáng khen Dự Nhượng bao nhiêu, ta lại phải phục Triệu Tương Tử bấy nhiêu. Dự Nhượng chỉ mưu sự để giết mình, thế mà lần trước bắt được khoan tha cho, lần sau bắt được cho là tự xử lấy, lại còn chiều lòng cởi áo cho người ta đâm vào, sau cái lòng đại độ được đến thế. Một đằng thực là chân nghĩa sĩ, một đằng thật là biết trọng nghĩa sĩ. Dự Nhượng và Triệu Tương Tử thực là một đôi đối đầu được với nhau không xâu danh trong lịch sử.

237. QUAN TÀI CON

Tại chùa Tô Châu có một nhà sư tên gọi Viên Thủ Trung tu hành đắc đạo.

Nhà sư thường bày trên án thư, trước chỗ ngồi một cái quan tài con bằng gỗ bách đàn, dài độ ba tấc, có một cái nắp đậy, mở được. Khách đến chơi trông thấy, cười nói rằng:

Người chế ra cái này dùng để làm gì?

Nhà sư nói:

Người ta sống tất có chết, mà chết thì vào ngay cái này. Ta thực lấy làm lạ, người đời ai ai cũng chỉ biết có phú quý, công danh, tài sắc, thị hiếu, lo buồn, vất vả suốt đời, chẳng biết đến cái chết là gì. Như ta đây mỗi khi có việc không được như ý, ta cầm lấy cái này mà ngắm xem, là tức khắc, trong tâm ta được yên ổn mà muôn nghìn sự tư lự đều lâng lâng sạch như không. Cái quan tài con này đủ thay lời huấn, lời giới của bậc nghiêm sự, bài trâm bài mình treo bên chỗ ngồi vậy.

Mai Hiên Bút Ký.

GIẢI NGHĨA:

- Tô Châu: huyện Ngô thuộc về tỉnh Giang Tô bây giờ.

- Bạch đàn: thứ gỗ rắn và thơm, dùng làm đồ đạc dùng làm hương thắp.

238. LỆCH THỪA KHÔNG BẰNG NGAY THIẾU

Kiềm Lâu là một bậc cao sĩ nước Tề về thời Xuân Thu. Tính ông thẳng, bao giờ cũng giữ đạo phải, không chịu khuất thân để theo đời.

Các nước chư hầu nhiều nước mời ra làm khanh tướng nhưng ông không thuận. Vua Uy Vương nhà Chu kính thời ông như thầy.

Ông nghèo lắm. Lúc mất chỉ có cái chăn, không liệm đủ thân thể.

Thầy Tăng Tử đến viếng, thấy vậy nói:

- Để lệch cái chăn đi, thì liệm đủ thân thể.

Bà vợ ông bảo:

Lệch mà có thừa không bằng ngay mà không đủ. Lúc sinh thời, tiên sinh chỉ vì tính thẳng mới được như thế. Bây giờ tiên sinh mất mà liệm lệch cho tiên sinh, thì chắc không được hợp ý tiên sinh.

Tăng Tử nghe, không nói gì được nữa. Sau chỉ hỏi dùng chữ gì đặt tên hèm cho tiên sinh.

Bà vợ nói:

Tiên sinh không lấy sự nghèo hèn làm buồn rầu, không lấy sự giàu sang làm hâm mộ, đặt tên hèm cho tiên sinh là "Khang" có nên chăng?

Tăng Tử nghe, than rằng:

Chỉ có người chồng như thế mới có được người vợ như thế.

Thông Chí

GIẢI NGHĨA:

- Kiềm Lâu: người nước Tề một bậc ẩn sĩ có tiếng giỏi đời cổ.

239. BẮT THAY CHIẾU

Tăng Tử bệnh nặng. Những người chầu chực hầu hạ, học trò thì có Nhạc Chính, Tử Xuân, ngồi ở cạnh giường, con thì có Tăng Nguyên, Tăng Nhân ngồi ở dưới chân, lại có một tên đồng tử đứng một góc cầm nến.

Tên đồng tử hỏi:

Cái chiếu đẹp đẽ và bóng bẩy này là thứ chiếu quan đại phu dùng chăng?

Tử Xuân bảo:

Im chớ nói.

Tăng Tử nghe tiếng giật mình, thở dài.

Đứa đồng tử lại hỏi:

Cái chiếu đẹp đẽ và bóng bẩy này là thứ chiếu quan đại phu dùng chăng?

Tăng Tử đáp:

Phải. Cái chiếu ta nằm là chiếu của Quý Tôn làm quan đại phu nước Lỗ cho ta. Ta chưa kịp thay đấy.

Rồi gọi con sẽ bảo:

Nguyên kia, đứng dậy thay chiếu cho ta.

Tăng Nguyên nói:

Bệnh cha nguy, không dám khinh động, xin để đến sáng sẽ thay.

Tăng Tử nói:

Con yêu cha không bằng tên đồng tử. Người quân tử yêu ai, yêu một cách phải đường, người thường yêu ai, yêu một cách nộm tạm cẩu thả. Như ta bây giờ còn mong gì nữa. Nếu ta được chết một cách chính đính, khỏi mang tiếng phi nghĩa, là đủ cho ta rồi.

Con cái và học trò nghe nói, xúm lại vực Tăng Tử lên để thay chiếu.

Tăng Tử vừa nằm yên vào chiếc chiếu mới thì mất.

Lễ Ký.

LỜI BÀN: Người ta đến chết là hết. Cho nên trước cái chết, tưởng

ai cũng bằng đẳng như ai không còn phân biệt tôn ti, thượng hạ gì nữa. Tuy vậy, thầy Tăng Tủ dù biết chết đến nơi, cũng còn thao thủ, không muốn việt phận, không chịu đeo tiếng phi nghĩa, thế mới hay cổ nhân lập chí, thường vạch một con đường quang minh chính đại để suốt đời noi theo dù đến hơi thở cuối cùng, mà vô ý lỡ đi sai, cũng nhất quyết không chịu. Cách thay chiếu đây lại còn đáng làm gương cho lắm kẻ đời nay, quên cả phong hóa, bỏ cả lễ nghĩa, lúc ma chay tiếm lạm nhiều cách, chỉ chuộng cái thói cái danh phận của người chết đáng vào bậc nào nữa. Những con cháu tống táng ông cha theo sự phù hoa mà phạm vào điều phi nghĩa, thì còn gọi được là con cháu có hiếu không?

" Quân tử chi ái nhân đã dĩ đức, tế nhân chi ái nhân đã dĩ cô tức", câu di ngôn của thầy Tăng Tử thực là câu danh ngôn có chi lý vậy.

240. ĐÁM MA TO

Trang Tử sắp chết. Học trò bàn nhau định muốn làm ma nhỏ to.

Trang Tử thấy vậy bảo:

Ta lấy trời đất làm quan quách, mặt trời, mặt trăng làm hai viên ngọc bích, các ngôi sao làm các hạt châu báu, muôn vật làm đồ tống táng, đám ma ta như vậy, há chẳng đủ rồi, cần gì mà phải làm cho to nữa.

Học trò nói:

Nhà thầy làm như vậy, chúng con sợ diều hâu, quạ nói rỉa thịt nhà thầy mất!

Trang Tử bảo:

Xác người chết mà để trên đất thì diều quạ ăn, để dưới đất thí sâu bọ ăn. Bây giờ cướp của loài kia cho loài này, tâm sao mà thiên như thế? Tâm người đã thiên, thì bất bình đem cái bất bình mà cho là bình thì cái bình không phải là bình nữa. Tâm người không sáng thì chẳng thật, đem cái chẳng thật mà cho là thật thì cái thật không còn là thật nữa.

Ôi! Người ta cứ khăng khăng giữ một ý kiến, chẳng cũng đáng thương lắm ru!

Trang Tử

GIẢI NGHĨA:

- Tống táng: tống : đưa, táng: chôn.

- Thiên: chênh lệch về một bên nào.

- Bất bình: lệch về một bên không được bằng phẳng.

LỜI BÀN: Thầy sắp chết mà học trò định làm ma to cho thầy, thế là trung hậu mà là thường tình. Thầy gạt đi chỉ muốn như bỏ xác ra ngoài núi, thế là có ý tự nhiên cao thượng hơn đời. Học trò bảo không nỡ để cho quạ mổ, diều tha thịt thầy thế là chỉ biết những điều trước mắt có thể trông thấy mà thôi. Có biết đâu cái xác kia, khi vùi xuống đất, dù cho đào sâu, chôn chặt thế nào trong quan quách dù cho chắc chắn đến đâu cũng không khỏi được cái giống sâu bọ, vi trùng **c rữa làm cho tan nát quá ư là mỏ quạ, mỏ diều vậy. Ôi! Trang Tử lúc gần chết còn dạy học trò như thế, thật là bình tâm sáng suốt hiểu thấu cái lẽ sinh, tử,

tồn, vong tức như bây giờ ta nói hiểu rõ chân lý, hiểu như khoa học rất hợp với cái học thuyết cao viễn của Trang Tử vậy.

---

241. MUÔN VẬT MỘT THỂ

Trời là cha, đất là mẹ chúng ta được cái khí trời đất mới thành ra người. Ta nghĩ thân ta thật là nhỏ mọn mà được ở trong vòng trời đất, to lớn bao la. Cái khí của trời đất tức là hình ảnh của ta, cái lý của trời đất tức là tính của ta.

Người ta với muôn vật cùng sinh ra ở trong trời đất, thế thì cái gì có hình đều là khí của trời đất, cái gì có tính để là lý của trời đất. Vậy người với người là đồng loại, thời ta coi nhau như anh em ruột cả. Trong vạn vật, giống hữu tri, giống vô tri so với người tuy khác, song cũng tự trời đất sinh ra, thì ta cũng coi như một bọn với ta cả.

Phàm người trong trời đất đã là con trời đất hết, thì vua, ta coi như người anh cả, đại thần, ta coi như người giúp anh cả, cụ già ta kính, là cốt quý bậc tôn trưởng ta, trẻ bé ta thương, là cốt yêu đàn con trẻ ta, bậc thánh là anh em ta mà giống cha mẹ ta, bực hiền là anh em ta mà giỏi hơn ta, còn những người ốm đau, tàn tật, cô độc, góa bụa đều là anh em ta mà vất vả khổ sở, không biết nương tựa vào đâu vậy.

Trương Hoành Cừ.

GIẢI NGHĨA:

- Khí: vật hơi vô hình, đời cổ cho muôn loài bởi đấy mà sinh hóa ra.

- Lý: cái lẽ cường kiện(mạnh mẽ) của trời nhu thuận(mềm mỏng êm ái) của đất.

- Đồng loại: cùng một loài.

- Giống hữu tri: giống có biết, có càm giác như chim muông...

- Giống vô tri: giống không biết, không có cảm giác như cây cỏ, đất, đá.

- Đại thần: quan to, đây nói ông tướng giúp vua trị dân.

- Cô độc: cô: mồ côi, không cha không mẹ một mình không con cái.

- Trương Hoành Cừ: tức là Trương Tái, người đời nhà Tống, trước có làm quan, sau về dạy học, ông là một nhà học giả giỏi có tiếng đời bấy giờ, có làm sách Chính Mông và Đông Minh, Tây Minh. Bài này trích ở trang Tây Minh

LỜI BÀN: Ta xem bài này, hãy gác cái thuyết trời đất và khí lý ra

ngoài, vì chưa thể nói rõ cái thuyết ấy cho đúng với khoa học tiến bộ này. Ta chỉ nên nhận tác giả nhân cái khởi điểm khí, hình, lý, tính ấy mà cho muôn vật ở đời cùng chung một gốc tích, cùng bẩm thụ của một cha mẹ là trời đất. Câu nói ấy thực là rõ cái nghĩa "vạn vật nhất thể" có cái lòng bác ái vậy. Riêng trong nhân loại, tuy có chia ra tôn ti, lão ấu chí thành, chí ngu, nhưng cũng là một loài người cả, thì nên coi cả trong nước như một người, cả thiên hạ như một nhà, kính nhường, yêu, thương nhau, giúp đỡ, đùm bọc nhau. Còn các giống động vật khác cùng thực vật, khoáng vật, hết thảy giống hữu tri vô tri đều là cùng ta ở trong trời đất cả. Ước ao cái học thuyết này một ngày một lan rộng ra, thì phúc cho loài người và thỏa cho cái hi vọng cổ nhân lắm.

---

242. TỰ TỈNH

Người ta, tối đến, trước khi đi ngủ thử kiểm xét xem trong một ngày:

Ăn ở với cha mẹ đã hết lòng chưa?

Đối đãi với kẻ dưới đã hay thể tất chưa?

Xử với anh em đã hay hòa thuận chưa?

Đối với vợ con đã hay yêu quý chưa?

Chơi với bạn bè đã hay tránh kẻ dở, gần người hiền chưa?

Nói ra câu gì, đã hay không thẹn với lương tâm chưa?

Làm công việc gì, đã hay không trái với lương tâm chưa?

Đãi người ngoài đã hay không thất lễ chưa?

Hết thảy việc gì, việc gì cũng nghĩ để xử cho chu đáo, ngõ hầu mới xứng đáng làm người mà không xấu hổ.

Từ Mi Vân

LỜI BÀN

Bài Tự Tỉnh của Mi Vân đây cũng tương tự như bài Kiểm soát lương tâm của Franklin. Trong bài nói thiệp liệp đủ cả trong nhà thì cha *** vợ con, anh em, tôi tớ, ngoài thì bạn bè, thiên hạ kịp đến cả câu nói việc làm. Nghĩa là đủ cả mọi hạng người mình giao tiếp hàng ngày, mình có bổn phận phải giữ cho trọn vẹn cùng những việc suy nghĩ, nói năng, hành động nữa. Nếu trước khi đi ngủ, ai ai cũng chịu kiểm soát lại lương tâm mình như thế cả, để sửa đổi lại tính mình cho hay hơn lên, thì lo chi đời hiếm người tốt mà xã hội ngày không một bước gần đến nhân đạo, nhân loại mỗi ngày không tiến mãi đến hạnh phúc được.

243. NGU CÔNG DỌN NÚI

Phía nam Châu Ký, có hai quả núi Thái Hàng và Vương Ốc to bảy trăm dặm, cao muôn thước, cây cối rậm, ác thú nhiều, đi lại khó.

Ở chân núi có một cái nhà của ông lão tên là Ngu Công, tuổi đã chín mươi.

Ngu Công thấy vì núi mà nhà ở chướng ngại, đường đi bất tiện, lấy làm bực tức. Một hôm cụ họp cả vợ con, người nhà lại bàn rằng:

- Ta muốn cùng lũ ngươi hết sức bạt phẳng hai quả núi này thì có nên không?

Ai nấy đều thuận. Chỉ có người vợ ngần ngại, hỏi vặn rằng:

- Sức ông không bạt nổi một cái gò, thì làm thế nào bạt được những hai quả núi? Mà dù cho có sức bạt được nữa, thì đất đã định đem đổ đi đâu?

Ngu Công nói: Khuân đem đổ ra bể Đông.

Đoạn Ngu Công đem con cháu cùng cả họ ra phá núi, kẻ **c đá, người đào đất, kẻ đầu đội, người vai mang, hết ngày này sang ngày khác. Láng giềng có đứa bé mới tám tuổi, con người đàn bà hóa cũng xin đi làm giúp, hàng năm mới về một lần.

Gần miền có một ông lão khác tên là Trí Tẩu thấy vậy, cười Ngu Công và can rằng:

- Sao khờ dại vậy! Mình thì tuổi tác, núi thì cao lớn, phá thế nào nổi!

Ngu Công thở dài nói:

- Ngươi không bền lòng. Bền lòng thì việc gì cũng phải được. Ngươi không bằng người đàn bà hóa, đứa trẻ con thơ. Ta già ta chết đã có con ta. Hết đời con ta, đã có cháu ta, hết đời cháu ta đã có chắt ta, con con cháu cháu sinh hạ vô cùng mà núi thì bao giờ cũng vậy, lo gì không bạt nổi.

Trí Tẩu nghe nói, nín lặng, không trả lời.

Sau này vùng nam Châu Ký không có núi non chướng ngại, đi lại thuận tiện là nhờ có Ngu Công.

Liệt Tử

GIẢI NGHĨA

Ký: một châu của chín châu đời cổ, tức là vùng Trực Lệ, Sơn Tây cùng phía Bắc sông Hoàng Hà, tỉnh Hà Nam, phía tây sông Liêu Hà, tỉnh Phụng Thiên.

LỜI BÀN

Ta không tưởng tượng rõ núi Thái Hàng và núi Vương Ốc to lớn thế nào. Ta chỉ biết ở cái đời Ngu Công bấy giờ chưa có máy móc tinh xảo như bây giờ mà đã bạt được núi thì giỏi thật. Lại không phải thuê từng hàng nghìn vạn người để làm, chỉ người trong một nhà, một họ và ít người lân cận giúp tay vào mà cũng làm nổi. Ôi! Nếu quả như vậy, thì cái gương kiên nhẫn của Ngu Công thực đáng để truyền lại mãi cho muôn đời về sau này. Vả chăng chỉ một câu Ngu Công nói với Trí Tẩu cũng nên ghi nhớ lắm. Sự kiên tâm không phải chỉ hạn chế trong một đời, nhưng cứ tiếp luôn đời ấy, đời khác theo đuổi mãi thì ở đời còn có cái gì gọi là khó được nữa. Ngu Công đây thật là người đại trí nhược nhu (người cực khôn, bề ngoài coi như ngu). Ngôn hành ông y như những câu sau đây cũng đều có ý khuyên chúng ta lập chí và kiên tâm để làm việc:

1) Trên đời chả có việc gì khó, chỉ tại tâm người ta không kiên nhẫn mà thôi.

2) Bí quyết thành công cốt ở nhất định không thay đổi mục đích.

3) Đã có cái kiến thức can đảm phi thường, nhất quyết làm được sự nghiệp phi thường.

4) Đem sự hiểu biết tinh tường, dùng hết tâm trí bền bỉ, vận toàn lực tinh tiến vô cùng, thì có việc gì mà không làm được. Người ta sống một cách nay lần mai nữa, suốt đời không được việc gì, chỉ tại không có chí.

5) Ý chí kiên nhẫn có thể chinh phục được hết thảy các thứ tự nhiên trong vòng trời.

DANH NGÔN DANH LÝ

Chớ chính mình tự dối mình.

Đại Học

Ở đời có ba điều đáng tiếc.

Một là hôm nay bỏ qua, hai là đời này chẳng học, ba là thân này nỡ hư.

Chu Hi

Người ta biết có mưu sinh, biết tự lập thời mới không ỷ lại ai, cầu cạnh ai, mà giữ được liêm sỉ và thực hành được lễ nghĩa.

Khuyết Danh

Người ta sống trong một ngày, có nghe một câu phải, trong một điều phải, làm một việc phải, ngày ấy mới không hư sinh.

Trần My Công

Sĩ phu mà ba ngày không xem sách, thì soi gương mặt mũi đáng ghét, nói chuyện lạt lẽo khó nghe.

Hoàng Đình Kiền

Có học vấn mà không có đạo đức, thì là người ác; có đạo đức mà không có học vấn, thì là người quê.

La Tư Phúc

Người ta nếu không biết lo xa, nhất định có sự ưu hoạn đến ngay.

Luận Ngữ

Thân dê mà lốt cọp, thấy cỏ thì thích, thấy chó sói thì run, quên mất cả bộ da khoác là lốt cọp.

Dương Tử

Không gì giỏi bằng hay bàn, không gì yên bằng hay nhẫn (thản nhiên), không gì hơn người bằng có đức, không gì sướng thân bằng làm lành.

Hoàng Thạch Công

Độ lượng to lớn bao nhiêu thì phúc trạch cũng to lớn bấy nhiêu. Có mưu sâu độc bao nhiêu thì tai vạ cũng sâu độc bấy nhiêu.

Minh Tâm Bảo Giám

Làm việc nghĩa thì chớ tính lợi hại; luận anh hùng thì chớ kể nên thua.

Lư Khôn

Người biết “đạo” tất không khoe, người biết “nghĩa” tất không tham, người biết “đức” tất không thích tiếng tăm lừng lẫy.

Trương Cửu Thành

Chim mà mỏ quắp thì loài chim sợ cá, mà mồm ngoáp thì loài cá sợ. Người mà ngọn lưỡi sắc sảo thì loài người sợ.

Hàn Thi Ngoại Truyện.

Yêu thì muốn cho sống, ghét thì muốn cho chết, mình không có quyền làm được sống chết, mà lúc lại muốn cho sống, lúc lại muốn cho chết, như thế chả phải là mê hoặc lắm ru!

Luận Ngữ

Yêu người ta mà yêu vô lý, thành ra làm hại người ta. Ghét người ta mà ghét vô lý, thành ra làm hại cho thân mình.

Ngụy Thế Thụy

Người quân tử ta nên thân song không nên quá chiều mà phụ họa. Kẻ tiểu nhân ta nên tránh, song không nên ruồng rẫy như hằn thù.

Thâm Hàn Quang

Lễ nghĩa liêm sỉ là bốn cái giường để duy trì giữ vững quốc gia. Bốn giường vó ấy nếu không căng được lên, nghĩa là người trong nước mà vô lễ, vô nghĩa, vô liêm sỉ thì quốc gia phải sụp đổ mà diệt vong mất.

Quán Tử

Chính mình chẳng kiềm chế nổi mình mà cứ muối cài đạp người thì thật là nhu.

Khuyết Danh

Đem cái thói kiêu căng khinh bạc đối đãi với người quân tử thì tự mình làm cho mình thất đức; đem cái thói kiêu căng khinh bạc đối với kẻ tiểu nhân thì tự mình làm cho mình hại thân.

Tuân Sinh Tiên

Người hay là thầy người dở, người dở là kẻ giúp chí cho người hay.

Lão Tử

Người ta ai mà không có lỗi. Có lỗi mà sửa đổi được thì còn gì hay hơn.

Tả Truyện

Câu nói như tên, không nên bắn bậy, đã lọt vào tai ai, không tài nào rút ra được nữa.

Lục Tài Tử

Ba ba, thuồng luồng cho vực còn nông, làm tổ dưới đáy, chim cắt diều hâu cho núi còn thấp làm tổ trên đỉnh; thế mà đến khi chết cũng chỉ là một cái mồi.

Tuân Tử

Vật trong thiên hạ chẳng gì mềm nhũn bằng nước, thế mà to vô hạn, sâu vô cùng.

Hoài Nam Tử

Cắn chặt răng để chịu thiệt, đứng vững gót để làm người.

Cổ ngữ

Thế giới là một trường học lớn. Sự khốn quẫn đau khổ là ông thầy giỏi, là người bạn tốt để rèn luyện cho ta vậy.

Khuyết Danh

Lanh trai công việc để cố gằng làm cho đầy đủ, và cẩn thận câu nói, không cẩu thả khinh thường.

Luận Ngữ

Người đi đêm tuy không là gian nhưng không thể cấm chó không cắn được.

Chiến Quốc Sách

Cái bể tình dục, lấp mãi không đầy; cái thành sầu khổ, phá mãi mà không tan.

Khuyết Giới Toàn Thư

Lâu nay đời vẫn làm đắm đuối loài người; cái "chí" của ta là cái để độ thân ta, làm song gió không thể xiêu bạt vùi dập ta được.

Chúc Vô Công

Đại cục tuy một ngày một bại hoại, chúng ta vẫn phải nên hết sức duy trì, được phần nào hay phần ấy, còn ngày nào hay ngày ấy

Tăng Quốc Phiên

Chim hồng, chim hộc, cất cánh bay xa là nhờ lông cánh; lông nhỏ trên lưng, lông to dưới bụng, mọc thêm một nắm, bay chẳng cao hơn, rụng mất một nắm, bay chẳng thấp hơn.

Hàn Thi Ngoại Truyện

Chẳng trách người mà trách mình là phương pháp cần nhất để tu tỉnh thân ta. Hay thể tất cho người là phương pháp cần nhất để gây nuôi độ lượng.

Lã Khôn

Một bên là quần chúng, một bên là bản thân, hai bên đều trọng cả. Nhưng gặp trường hợp cần thì phải hi sinh bản thân để cứu giúp quần chúng.

Khuyết Danh

Thiên hạ có người sợ bóng mình, ghét vết mình, cắm cổ mà chạy, vết lại càng nhiều, bóng lại càng nhanh. Chẳng bằng đến chỗ rợp mà nghỉ, thì tự nhiên bóng mất hẳng và vết tuyệt ngay.

Mai Thăng

Muốn giữ được lương tâm, nuôi được linh tính, cần phải chịu cực khổ, chịu phiền, thì ngày mới thuần thục.

Lưu Trực Trai

Điền dưỡng "cái khí" lúc đang giận; đề phòng "câu nói" lúc sướng mồm; lưu tâm "sự lầm" lúc bối rối; biết dùng "đồng tiền lúc sẵn sàng".

Uông Thụ Chi

Nói đương sướng hả mà nín ngay được; ý đương hớn hở mà thu hẳn được; tức giận, ham mê đương sôi nổi, nồng nàn mà tiêu trừ biến mất được; không phải là người rất kiên nhẫn thì không tài nào được như thế.

Vương Dương Minh

An ác, dương thiện là bực thánh; thích thiện ghét ác là bực hiền; tách bạc thiện, ác quá đáng là hạng người thường; điên đảo thiện ác để sướng miệng gièm pha là hạng tiểu nhân hiểm ác.

Chu Trang Trang Công

Người ta ai cũng cần phải tự lập lấy thân, cần phải tự mình hết sức cố gắng cho ra người, cần phải trông cậy ở mình mà chớ có trông cậy vào người.

Khuyết Danh

Lòng thành, nét mặt đầm ấm, khí hòa, lời nói êm dịu thì thế nào cũng có thể cảm động được người ta.

Khuết Danh

Lập thân không có gì khó bằng làm thế nào cho khỏi tủi thẹn; thủ thân không có gì khó bằng làm thế nào cho khỏi điếm nhục; phòng thân không có gì khó bằng làm thế nào cho ít bệnh tật.

Tuân Tiên Sinh

Chưa có người nào hành vi phẩm hạnh không đoan chính mà họ có thể yêu nước được.

Cổ Ngữ

Người không có chí như thuyền không có lái, như ngựa không cương trôi dạt lông bông không ra thế nào cả.

Vương Dương Minh

Tài trai nên ngang dọc trời đất, không nên quanh quẩn xó nhà.

Triệu Ôn

LỜI BẠT

Mấy trang viết sau cuốn sách này, lúc đầu định nói một đôi điều về triết học Trung Hoa xưa. Thế nhưng, nghĩ lại, thì thấy thực không phải chỗ. Vả lại đối với triết học Trung Hoa xua, mà nói mất trang, thì thà không nói là hơn. Cho nên chí xin nói tản mạn đôi điều nhân cuốn sách được in lại, dù sao trong đó buộc lòng cũng phải có đôi câu về triết học.

Cuốn Cổ học tinh hoa này làm năm 1925. Năm đó, ở ta đã bỏ thi chữ Hán cả chục năm rồi. Hán học bắt đầu tàn. Các cụ Nguyễn Văn Ngọc, Trần Lê Nhân, soạn giả cuốn sách này, thuộc thế thệ những "ông đồ" lỡ vận đó. Cụ Nguyễn Văn Ngọc mất đã lâu (1942), còn cụ Trần Lê Nhân tôi vẫn còn được gặp những năm sáu mươi ở Hà Nội. Yêu mến tinh hoa của nền văn minh Hán học, từ trong cái biển bao la của bách gia chư tử Trung Hoa xưa, hai cụ đã tìm lấy những hạt ngọc của văn chương, triết học và xâu thành một chuỗi ngọc đem hiến cho đời. Hơn nửa thế kỉ đã trôi qua, cuốn sách hầu như vẫn giữ nguyên giá trị. Đọc lại cuốn sách, ta sẽ có cảm giác gặp lại một người bạn cũ. Mỗi cuốn sách có số phận riêng của mình, đó là một câu châm ngôn la tinh. Cuốn Cổ học tinh hoa cũng có số phận của nó. Đó cũng chính là số phận của triết học và văn chương phương Đông cổ mà ít lâu nay, do sự cất mình của các "con rồng" châu Á, dường như mọi người đang để tâm tìm hiểu.

Các nhà nghiên cứu phương Đông của thế giới, trong đó có các học giả Pháp, Mĩ và cả Liên Xô nữa, nay đều thấy tác dụng của Không giáo đối với sự phát triển kinh tế của nước Nhật. Đối với người Nhật hay đối với một số nước mà họ gọi là "Hán hóa" khác (trừ Việt Nam) thì truyền thống đã không cản trở sự phát triển, trái lại các nước ấy đã biết biến truyền thống thành một thứ "mùn" để ươm trồng lên đó những cây cố tươi tốt. Cái ông Khổng Tử mà bào lâu nay người ta nguyền rủa, người ta đấu tố (chúng ta vẫn nhớ những đợt "phê Lâm đấu Khổng" trong cách mạng văn hóa ở Trung Quốc vừa đây), hóa ra không đến nỗi tệ như thế! Hồi năm 1965, vào ngày 19- 5 ngày sinh của mình cụ Hồ có đi thăm quê hương Khổng Tử. Và có bài thơ chữ Hán ghi lại cảm xúc, xin tạm dịch:

Mười chín tháng năm thăm Khúc phụ

Thông già miếu cũ dấu xưa nhòa.

Thế thần họ Khổng giờ đâu nhỉ?

Leo lét bia xưa chút ánh tà.

Nguyên văn:

Ngũ nguyệt thập cửu phỏng Khúc phụ

Cô tùng cổ miếu lưỡng y hi.

Khổng gia thế lực kim hà tại?

Chỉ thặng tà dương chiếu cổ bi.

Dương như có chút cảm thương, hoài cổ bằng bạc trong bài thơ. Mà thực ra. Khổng Tử nào có tội tình gì? Ông ta là một gương mặt tiêu biểu của triết học Trung Hoa xưa, một nhà nhân văn một nhà triết học lớn. Các triều đại phong kiến lợi dụng học thuyết của ông, xuyên tạc cái “bản lai diện mục” của ông... thế thôi.

Nhưng ngoài Khổng Tử, còn có bao nhà triết học khác. Một điều mà các học giả thế giới lưu ý, là chữ Hán, thứ chữ lâu nay ta bỏ xó, lại là một công cụ rất tốt của tư duy, một thứ chữ làm thông minh người học nó (và điều này họ đã có thì nghiệm), một thứ chữ của tương lai, của thời đại điện toán! Chỉ tội nghiệp các cụ đồ trong thơ Vũ Đình Liên, trong đó có cụ Trần Lê Nhân và bao nhiêu cụ khác, những bậc túc nho đáng kính nhưng sinh bất phùng thời!

Đến hết thế kỉ này thì tổng sản phẩm kinh tế của các nước gọi là Hán hóa sẽ vượt Tây Âu, vượt Mĩ! Mà sở dĩ có thế một phần là nhờ như ở Nhật - theo lời một nhà bác học Liên Xô - họ giữ lại thành phần chữ vuông (chữ Hán) trong văn tự của mình! Thật là một “chuyện” như đùa! Nhưng không, các học giả này nghiêm túc đấy! Liệu sau này chúng ta có sửa đổi gì được cái định kiến ngốc nghếch của chúng ta về Hán học, và nói chung về nền văn minh phương Đông mà chúng ta “bụt chùa nhà không thiêng”, chúng ta quá coi thường. Cuốn sách này được in lại, biết đâu là để sửa lại đôi chút sai lầm tai hại ấy.

Trước khi là một tuyển tập những đoản văn triết học. CỔ HỌC TINH HOA là một cuốn sách của những câu chuyện thường ngày mà chúng ta hằng quan tâm đồng thời cũng là cuốn sách của những vấn để

đạo đức muôn thuở. Thời đại chúng ta dầu khác biệt bao nhiêu đi nữa nhưng phải đâu những câu chuyện của cái thời thơ ấu ấy của nhân loại không còn làm chúng ta thú vị.

Mà trong cuốn sách này có biết bao nhiêu thú vị như thế! Chuyện ống Tử Lộ ăn ở có hiếu với cha mẹ "ngày trước lúc song thân còn, cơm thường dưa muối, đường xa trăm dặm, phải đội gạo về nuôi song thân"... - cái ông Tử Do mà Khổng Tử cho là "hiếu dũng" ấy, sao "người" đến thế! Chuyện tình bạn giữa Quản Trọng- Bảo Thúc: "sinh ta ra là cha mẹ, biết ta là Bảo Thúc" là chúng ta suy ngẫm về trạng thái nhân thế của xã hội đời nay! Chuyện người vợ chê anh chồng đánh xe ngựa cho tể tướng mà vênh váo, bị chị vợ giảng cho một bài học thấm thía, chuyện "chính sách tàn bạo khốc hại hơn cả hổ", chuyện Dương Chấn làm quan không chịu nhận hối lộ : "Xin ngài cứ nhận cho. Bây giờ đêm khuya không ai biết". - "Trời biết đất biết, ông biết, tôi biết, sao lại bảo không ai biết?.."

Hối lộ, sao giống thói nay thế! Nhưng những người như Dương Chấn đời nay vẫn còn đấy chứ?

Còn cái chuyện "Đông Quách tiên sinh" thổi sáo nữa mới thật vui: ông ta không biết thổi sáo, nhưng cũng đứng lẫn vào giữa đám người thổi sáo để kiếm ăn... Về sau, vua mới lên không muốn nghe hòa tấu sáo như cũ, chỉ muốn nghe độc tấu, nên ông ta phải rút lui êm. Có khác gì khối cán bộ ta trong biên chế quan liêu bao cấp ngày nay đâu! Những chuyện như thế tuy là cổ xưa của nhân loại, lại giúp ta suy ngẫm chuyện đời nay.

Cổ học tinh hoa phong phú về đạo lý, trước khi phong phú về triết lý.

Hàng chục thế kỉ trước công nguyên, những đốm lửa của một trong những nền văn minh cổ đại của nhân loại đã cháy lên và bừng sáng suốt hàng chục thế kỉ.

Cho đến nay đã có nhiều cách giải thích khác nhau về nguồn gốc của nền văn minh đó. Một cách đơn giản nhất thì chúng ta có thể nói như thế này: trên cái đại lục mà người Trung Hoa xưa quan niệm là tất cả "thiên hạ" ấy, do sự phồn vinh của kinh tế, đã đẻ ra được một tầng lớp tri thức, những người chuyên hoạt động tinh thần.

Tầng lớp ấy hẳn là đông đảo lắm. Truyền thuyết nói Khổng Tử từng dạy trước sau đến ba nghìn học trò (chắc không nhiều đến như vậy!), số môn khách ở nhà Bình Nguyên Quân là mấy ngàn và ở Tắc Hạ một trung tâm nghiên cứu, có hàng trăm học giả nổi tiếng. "Trăm nhà" đã "đua tiếng" chung quanh bao nhiêu vấn đề của thời đại. Họ truyền bá học thuyết thông qua đào tạo học trò, họ tranh luận, họ đi lại sớm. Sở tới Tần để tìm người sử dụng mình. Trung Hoa cổ đại đã đánh thức và náo động bởi các nhà triết học, các nhà văn.

Nói là "trăm nhà" thực ra theo sự phân loại của Tư Mã Đàm, cha Tư Mã Thiên, thì có sáu nhà lớn; còn theo sự phân loại của Lưu Hâm, một đại học giả đời Hán, thì có mười nhà đại để thì có thể kể như chúng ta thường quen thuộc: Nho gia(phái của những học giả kể thừa văn hóa cổ). Đạo gia(các ẩn sĩ), Mặc gia (các hiệp sĩ) , Danh gia (các biện sĩ), Âm Dương gia (các nhà vũ trụ luận), Pháp gia (các nhà làm luật)....Còn Tiểu Thuyết gia những người chuyên "lượm lặt lời lẽ trong làng xóm, nơi đầu đường xó chợ" (Tiền Hán thư: Nghệ văn chí), xếp cuối cùng (chữ tiểu thuyết mà ta dùng để dịch chữ roman trong tiếng châu Âu là xuất xứ từ chữ này).

Các nhà ấy đều có mặt gần đủ trong cuốn sách nhỏ này.

Nhưng các soạn giả không chỉ tập họp các mẩu văn chung quanh các chư tử. Ngoài tản văn chư tử thì còn có tản văn lịch sử mà tiêu biểu là Tả truyện, Chiến quốc sách, Án Tử Xuân Thu, Lã Thị Xuân Thu... sau đó là Sử ký, sau đó nữa là một ít văn chương của Đường, Tống... Cái gốc là Tả truyện, Chiến quốc sách: "Văn chương đời sau, bao nhiêu thể loại đều có sẵn ở thời Chiến quốc cả rồi" (lời Chương Học Thành, đời Minh).

Thực ra thì sự tập họp ở đây không có hệ thống và cũng không có đầy đủ các diện mạo.

Trong các phần tử tạp của các nhà trong sách này, làm sao ta có thể nhận diện, phân biệt họ với các người đương thời, chủ yếu trên phương diện tư tưởng triết học?

Đọc câu chuyện về Đặng Tích (Truyện 11) theo ngôn ngữ thông thường ngày nay, ta sẽ gọi là "thầy dùi" ,là anh "đón xóc nhọn hai đầu". Quả có thế. Ông ta làm thầy kiện: "việc lớn thì đòi một cái áo, việc nhỏ thì đòi một cái quần. Dân đưa áo, đưa quần để học kiện,

không kể xiết. Lấy trái làm phải, lấy phải làm trái, phải trái không chừng, đến nỗi việc được hay không mỗi ngày mỗi đổi” (Lã thị xuân thu). Đó là những “biện giả” tiến thân của học phái triết học gọi là Danh gia: “Danh gia bới móc, ràng buộc khiến người ta không cãi ý họ được” (Sử Ký) “họ làm khốn cái biết của trăm nhà, làm cùng cái biện của mọi miệng” (xem Trang Tử)- Danh và Thực, từ tương quan này đặt ra những vấn đề nghịch thường, nhưng những vấn để nghịch thường ấy, trong triết học là khởi điểm của thuyết tương đối rất sâu sắc biện chứng mà Huệ Thi, một nhà triết học, bạn thân của Trang Tử, chủ trương.

Thế là mỗi một câu chuyện trong sách này ẩn chứa một kho tàng triết học. Đọc câu chuyện con vua trốn vào hang, người nước Việt đem là ngải hun hang, bắt về làm vua, mà dùng dằng không chịu về; đọc câu chuyện Tái ông thất mã, chuyện Hứa Do rửa tai khi nghe Nghiêu nhường thiên hạ... ta biết đó là tinh thần của Đạo gia, của Lão Tử, Trang Tử... Những nhà triết học này, chủ trương “vô vi”, thuận theo tự nhiên, tôn trọng quy luật thiên nhiên, và có một tinh thần biện chứng pháp đặc sắc Đạo gia sẽ đẻ ra Huyền học, Huyền học ảnh hưởng đến việc xác lập Thiền Tông; mà Thiền tông, Phật giáo thì có ảnh hưởng đến Hégelx, mà không có biện chứng pháp của Hégelx thì làm gì có Marx? Chuyện đời vòng là như vậy.

Còn những chuyện về “chính danh” về “nhân nghĩa” về “dân quý nhất” của Khổng Minh... thì dễ nhận ra. Đó là những chuyện trong Gia Ngữ, Tả Truyện, Thuyết Uyển... Trường phái triết học này quá quen thuộc với ta hàng ngàn năm nay, nhưng nay cũng phải “nhận diện” lại.

Trong sách cũng có vài truyênl về các nhà du thuyết, gọi là Trung hoàng gia, những người “nổi cơn giận thì chư hầu sợ, ngồi yên một chỗ thì thiên hạ thái bình” (Mạnh Tử). Một trường phái khác hay được nhắc là Mặc Tử, đối thủ của Khổng Tử, chủ trương “Kiêm, ái”, mọi người trong thiên hạ, ai cũng yêu mến kẻ khác bằng nhau, không phân khác biệt. Đó là một tư tưởng có tính chất lý tưởng.

Tựu trung, về mặt triết học, sách Cổ học tinh hoa đem đến cho người đọc một vài khái niệm ban đâu. Sau buổi sơ giao này, ta sẽ có dịp đi sâu vào các trường phái triết học Trung Hoa cổ đại, những trường phái triết học ảnh hưởng hàng ngàn năm ở phương Đông. Đó là

thời thơ ấu của nhân loại về mặt thời gian lịch sử nhưng lại là thời kỳ tráng niên lão thực về mặt triết học, văn chương. Đó là những người thầy đầu tiên, những nhà hiền triết đầu tiên, những nhà văn đầy thi hứng đầu tiên... mà nguồn suối của họ mấy nghìn năm vẫn dạt dào chảy vào biển lớn của nền văn minh nhân loại.

10.9.1988

Mai Quốc Liên